

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2020

MỤC LỤC

Triết học Mác - Lênin.....	1
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	12
Chủ nghĩa xã hội khoa học	18
Tư tưởng Hồ Chí Minh.....	27
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	39
Pháp luật đại cương	45
Kỹ năng mềm	52
Tiếng anh 1	57
Tiếng anh 2	65
Tiếng Anh 3.....	71
Toán cao cấp 1.....	77
Toán cao cấp 2.....	81
Xác suất thống kê	84
Tin học đại cương.....	87
Sinh thái học	94
Hóa học đại cương.....	98
Hóa học môi trường.....	104
Kỹ năng trong Quản lý Tài nguyên và Môi trường.....	109
Cơ sở khoa học môi trường	113
Cơ sở quản lý tài nguyên	118
Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường.....	122
Độc học môi trường.....	126
Biến đổi khí hậu.....	131
Kinh tế tài nguyên và môi trường.....	136
Đa dạng sinh học	141
Quan trắc và phân tích môi trường	145
Thực tập quan trắc và phân tích môi trường.....	150
Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học.....	154
Cơ sở Địa lý Tài nguyên và Môi trường.....	159
Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	163
Tiếng Anh chuyên ngành.....	167
Công nghệ môi trường.....	175
Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	179
Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề.....	183
Quản lý các vùng sinh thái đặc thù.....	188
Mô hình hóa môi trường.....	192
Tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường.....	197

Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường.....	201
Thực tập mô hình hóa môi trường	204
Đánh giá tác động môi trường	207
Đồ án đánh giá tác động môi trường	211
Truyền thông về tài nguyên và môi trường	214
Thông tin môi trường.....	219
Quy hoạch môi trường.....	224
Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	228
Bảo tồn đa dạng sinh học.....	233
Dịch vụ hệ sinh thái	238
Đánh giá rủi ro sinh thái	244
Đồ án quản lý các vùng sinh thái đặc thù	249
Đồ án đánh giá tác động đa dạng sinh học	252
Đồ án truyền thông về tài nguyên và môi trường.....	256
Phát triển tài nguyên sinh vật	260
Quản lý an toàn sinh học	265
Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	269
Tài nguyên khoáng sản Việt Nam	273
Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	279
Đồ án quy hoạch môi trường	283
Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	286
Kiểm toán môi trường	291
Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	295
Tăng trưởng xanh	299
Quản lý Tài nguyên khoáng sản	304
Cấp phép trong hoạt động khoáng sản	310
Quản lý và Phát triển Di sản Địa chất	317
Địa chất - Tài nguyên khoáng sản biển	323
Quản lý tổng hợp vùng bờ biển	335
Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông.....	341
Khóa luận tốt nghiệp	351
Đánh giá vòng đời sản phẩm	355
Phân tích, đánh giá thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học	359
Lập các báo cáo trong hoạt động khoáng sản.....	365

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - * Tiếng Việt: **Triết học Mác - Lênin**
 - * Tiếng Anh: **Philosophy of Marxism Leninism**
- Mã học phần: LCML2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng: Sinh viên trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 14 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Trình bày và phân tích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin
 - + Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin
- *Về kỹ năng:* Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực nhận thức vấn đề theo thể giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng và nhân sinh quan cách mạng, góp phần hình thành nhân cách người học theo chuyên ngành được đào tạo.

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác -Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình triết học Mác-Lênin* trình độ đại học khối các ngành ngoài lý luận chính trị (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng Triết học Mác- Lênin (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.N
2. Nguyễn Văn Sanh, *Hỏi đáp về thể giới quan, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác- Lênin: Dành cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, học viện.*Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016.
3. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 1*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
4. Vũ Trọng Dung, *Giáo trình triết học Mác-Lênin – Tập 2*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế độ hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi: Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

Tự luận ☒

Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	07		03	10	20	Đọc TLC chương 1, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	4		2	6	12	
1. Khái lược về triết học <i>a. Nguồn gốc triết học</i> <i>b. Khái niệm triết học</i> <i>c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử</i> <i>d. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan</i>	1			1	2	
2. Vấn đề cơ bản của triết học	2		2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm c. Thuyết có thể biết (Thuyết Khả tri) và thuyết không thể biết (Thuyết Bất khả tri)						
3. Biện chứng và siêu hình a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử	1			1	2	
II. Triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội	3		1	4	8	
1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác	1		1	2	4	
2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác-Lênin	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
a. Khái niệm triết học Mác - Lênin b. Đối tượng của triết học Mác – Lênin c. Chức năng của triết học Mác - Lênin						
3. Vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay a. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn b. Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ. c. Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	1			1	2	
Chương 2. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	12		6	18	36	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. Vật chất và ý thức	3		1	4	8	Đọc TLC chương 2, Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất	1			1	2	
a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất						
b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất						
c. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất						
d. Các hình thức tồn tại của vật chất						
e. Tính thống nhất vật chất của thế giới						
2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức	1			1	2	
a. Nguồn gốc của ý thức						
b. Bản chất của ý thức						
c. Kết cấu của ý thức						
3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	1		1	2	4	
a. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình						
b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng						
II. Phép biện chứng duy vật	6		3	9	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật <i>a. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan</i> <i>b. Khái niệm phép biện chứng duy vật</i>	1			1	2	
2. Nội dung của phép biện chứng duy vật <i>a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật</i> <i>b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</i> <i>c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</i>	5		3	8	16	
III. Lý luận nhận thức	3		2	5	10	
1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng	0.5			0.5	1	
2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức	0.5		1	3.5	3	
3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức	1		1	2	4	
4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức	0.5			0.5	1	
5. Tính chất của chân lý	0.5			0.5	1	
Chương 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	11		5	16	32	
I. Học thuyết hình thái kinh tế-xã hội	3		2	5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội	0.5			0.5	1	và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất <i>a. Phương thức sản xuất</i> <i>b. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</i>	1		1	2	4	
3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội <i>a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</i> <i>b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</i>	1			1	2	
4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên <i>a. a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội</i> <i>b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người</i> <i>c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng</i>	0.5		1	1.5	3	
II. Giai cấp và dân tộc	2			3	6	
1.Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
a. Giai cấp b. Đấu tranh giai cấp c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản						
2. Dân tộc a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc b. Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay	0.5			0.5	1	
3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại a. Quan hệ giai cấp- dân tộc b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại	0.5			0.5	1	
III. Nhà nước và cách mạng xã hội	2			2	4	
1. Nhà nước a. Nguồn gốc của nhà nước b. Bản chất của nhà nước c. Đặc trưng cơ bản của nhà nước d. Chức năng cơ bản của nhà nước e. Các kiểu và hình thức nhà nước	1			1	2	
2. Cách mạng xã hội a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội b. Bản chất của cách mạng xã hội	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
c. Phương pháp cách mạng d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay						
IV. Ý thức xã hội	2		1	3	6	
1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội a. Khái niệm tồn tại xã hội b. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội	1			1	2	
2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội a. Khái niệm ý thức xã hội b. Kết cấu của ý thức xã hội c. Tính giai cấp của ý thức xã hội d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội e. Các hình thái ý thức xã hội	1		1	2	4	
V. Triết học về con người	2		2	4	8	
1. Khái niệm con người và bản chất con người a. Con người là thực thể sinh học - xã hội b. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người c. Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>d. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội</i>						
2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người <i>a. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa</i> <i>b. Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức</i> <i>c. Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người</i>	0.5		1	1.5	3.0	
3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử. <i>a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội</i> <i>b. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử</i>	0.5			0.5	1.0	
4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	0.5		1	1.5	3	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	30		15	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
* Tiếng Việt: **Kinh tế chính trị Mác - Lênin**
* Tiếng Anh: **Political Economy Marxist Leninism**
- Mã học phần: LCML2102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên các ngành trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác - Lênin
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - * Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - * Bài tập: 0 tiết
 - * Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
 - * Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của Kinh tế chính trị Mác – Lê nin.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tiễn học tập và công tác.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế góp phần hình thành niềm tin và lý tưởng cách mạng trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.
 - + NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kỹ năng, lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương:

- Chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lê nin
- Chương 2,3,4 trình bày các nội dung về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh, độc quyền và sự vận động của các vấn đề đó trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay.
- Chương 5, 6 trình bày những nội dung về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin*, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị. (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng Kinh tế chính trị (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin: Dành cho các khối ngành không chuyên Kinh tế- Quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

4. Chu Văn Cấp, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

5. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên - Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊ NIN	2				2	- Đọc TLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 1
1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác Lênin.	0.5			0,5	1	
1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lên nin Hàng hoá <i>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lên nin</i> <i>1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác Lên nin</i>	1			1	2	
1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác Lê nin Tiền tệ <i>1.3.1. Chức năng nhận thức</i> <i>1.3.2. Chức năng tư tưởng</i> <i>1.3.3. Chức năng thực tiễn</i> <i>1.3.4. Chức năng phương pháp luận</i>	0,5			0,5	1	
Chương 2. HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG	4		2	6	30	- Đọc TLC chương 2 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2.1. Lý luận của Các Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa <i>2.1.1. Sản xuất hàng hóa</i> <i>2.1.2. Hàng hóa</i> <i>3.1.3. Tiền</i> <i>3.1.4. Dịch vụ và một số loại hàng hóa đặc biệt</i>	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.2.1. Thị trường 2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường	2		1.0	3	6	Đọc TLĐT số 2
Chương 3. GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	5		2	7	14	- Đọc TLC chương 3 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 2, số 3
3.1. Lý luận của Mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa	2,0		1.0	3.0	6	
3.2. Tích lũy tư bản 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy tư bản	1,5		0,5	2	4	
3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.3.1. Lợi nhuận 3.3.2. Lợi tức 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa	1,5		0,5	2	4	
Chương 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	3		1	4	8	- Đọc TLC chương 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 3
4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	1			1	2	
4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường 4.2.1. Lý luận của Lê Nin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2.2. Lý luận của Lê Nin về độc quyền nhà nước trong CNTB	2		1	3	6	
Chương 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	3		2	5	10	- Đọc TLC chương 5 - Chuẩn bị bài, tự học và

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam <i>5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i> <i>5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i> <i>5.1.3. Đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i>	1		0.5	1.5	3	thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 3
5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam <i>5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i> <i>5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</i>	1		0.5	1.5	3	
5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam <i>5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế</i> <i>5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích</i>	1		1.0	2	4	
Chương 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM	3		2	5	10	- Đọc TLC chương 6 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên Đọc TLĐT số 3
6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam <i>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa</i> <i>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</i> <i>6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4</i>	1,5		1	2,5	5	
6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam <i>6.2.1. Khái niệm và các nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</i> <i>6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam</i>	1.5		1	2.5	5	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam						
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- *Tiếng Việt:* **Chủ nghĩa xã hội khoa học**
- *Tiếng Anh:* **Science socialism**
- Mã môn học: LCML2103
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên các ngành trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác – Lênin và Kinh tế chính trị học Mác – Lênin.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 20tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 09 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Về kỹ năng:* Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường

NL2: Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương, ngoài khái quát sự ra đời và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, dành cho bậc đại học – không chuyên lý luận chính trị. (theo Quyết định số 4980 – QĐ/BGDĐT ngày 23/12/2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bài giảng Chủ nghĩa xã hội khoa học (năm 2020) - Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. Trịnh Quốc Tuấn, *Giáo trình Chủ nghĩa Xã Hội Khoa học*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tiếp tại Trường hoặc tại các cơ sở khác.

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương mở đầu:NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	2			2	4	- Đọc TLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Sự ra đời của Chủ nghĩa Xã hội khoa học <i>1.1 Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>1.2 Vai trò của Các Mác và Phridrich Ănghen</i>	1			1	2	
2. Các giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>2.1 Các Mác và Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>2.2. V.I. Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới</i> <i>2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của Chủ nghĩa xã hội khoa học khi Lênin qua đời đến nay</i>	0.5			0.5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3. Đối tượng, phương pháp ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>3.1 Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>3.2 Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> <i>3.3. Ý nghĩa việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>	0.5			0.5	1	
Chương 2: SỬ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	3		1	4	8	
1.Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân <i>1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân</i> <i>1.2 Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i> <i>1.3 Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</i>	1			1	2	- Đọc TLC chương 2 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay <i>2.1 Giai cấp công nhân hiện nay</i> <i>2.2 Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.3 Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay						
3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 3.1 Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 3.2 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng 3.3 Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	1			1	2	
Chương 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		1	4	8	
1. Chủ nghĩa xã hội 1.1 Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa 1.2 Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội 1.3 Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội	1			1	2	- Đọc TLC chương 3 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
2. Thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội 2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.1. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3. Quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa</i> <i>3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay</i>	1		1	2	4	
Chương 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	3		1	4	8	- Đọc TLC chương 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa <i>1.1 Dân chủ và sự ra đời phát triển của dân chủ</i> <i>1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa</i>	1			1	2	
2. Nhà Nước Xã hội chủ nghĩa <i>2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa</i> <i>2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</i>	1			1	2	
3. Xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam <i>3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</i> <i>3.2. Nhà nước pháp quyền chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>	1		1	2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 5: CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	2		2	4	8	- Đọc TLC chương 5 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội giai cấp trong cơ cấu xã hội</i> <i>1.2.Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i>	1		1	2	4	
2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	0.5			0.5	1	
3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>3.1. Cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> <i>3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>	0.5		1	1.5	3	
Chương 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	3		2	5	10	- Đọc TLC chương 6 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>1.1 Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc</i> <i>1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam</i>	1			1	2	hướng dẫn của giảng viên
2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo</i> <i>2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay</i>	1		1	2	4	
3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam <i>3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</i> <i>3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay</i>	1		1	2	4	
Chương 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	4		2	6	12	- Đọc TLC chương 1 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên
1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình <i>1.1. Khái niệm gia đình</i> <i>1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội</i> <i>1.3. Chức năng cơ bản của gia đình</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>2.1. Cơ sở kinh tế xã hội</i> <i>2.2. Cơ sở chính trị - xã hội</i> <i>2.3. Cơ sở văn hóa</i> <i>2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ</i>	1		1	2	4	
3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội <i>3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Na, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> <i>3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội</i> <i>3.3. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i>	2		1	3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- Tiếng Việt: **Tư tưởng Hồ Chí Minh**
- Tiếng Anh: **Ho Chi Minh's Ideology**
- Mã học phần: **LCTT2104**
- Số tín chỉ: 02
- Hình thức học: Học trực tiếp
- Đối tượng học: Sinh viên trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết / học trước: Triết học Mác – Lê nin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 50 phút/ tiết
- Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
- Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại.
- *Về kỹ năng*: Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

NL1: Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

NL2: Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

NL3: Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2019), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị ((Theo Quyết định số 4980/ QĐ - BGDĐT, ngày 23/12/ 2019)

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

- 1.GS.Song Thành (2016), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Thế giới.
- 2.GS. Song Thành (2012), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.
- 3.Ban Tuyên giáo trung ương - Thông tấn xã Việt Nam (2007), *Những mẩu chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Thông tin, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☐
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương I: KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	1			1	2	
I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học b. Thống nhất lý luận và thực tiễn c. Quan điểm lịch sử- cụ thể d. Quan điểm toàn diện và hệ thống e. Quan điểm kế thừa và phát triển 2. Một số phương pháp cụ thể IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.	1			1	2	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận. 2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước. 3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác						
Chương II. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	3		1	4	8	
I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Cơ sở thực tiễn <i>a.Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i> <i>b.Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX</i> 2.Cơ sở lý luận <i>a.Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam</i> <i>b. Tinh hoa văn hóa nhân loại</i> <i>c. Chủ nghĩa Mác-Lênin</i> 3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh <i>a. Phẩm chất Hồ Chí Minh</i> <i>b.Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận.</i> II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Thời kỳ từ ngày 5-6-1911 trở về trước: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm con đường cứu nước mới. 2. Thời kỳ từ từ ngày 6-6-1911 đến ngày 30-12-1920: Hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc	1	1		2	4	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản. 3. Thời kỳ từ ngày 31-12-1920 đến ngày 3-2-1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 4. Thời kỳ từ ngày 4-2-1930 đến ngày 28-1-1941: Vượt qua thử thách, giữa vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo. 5. Thời kỳ từ ngày 29-1-1941 đến ngày 2- 9-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Đối với cách mạng Việt Nam <i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam đến thắng lợi và bắt đầu xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta.</i> <i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam trong thời đại hiện nay.</i> 2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại. <i>a. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn với sự tiến bộ xã hội.</i> <i>b. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới.</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.	5		2	7	14	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC 1. Vấn đề độc lập dân tộc <i>a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc.</i> <i>b. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân</i> <i>c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để.</i> <i>d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.</i> 2. Về cách mạng giải phóng dân tộc. <i>a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.</i> <i>b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện của Việt Nam, muốn thắng lợi phải do đảng cộng sản lãnh đạo.</i> <i>c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng.</i> <i>d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.</i> <i>e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng.</i>	2		1	3	6	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội <i>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</i> <i>b. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan.</i> <i>c. Một số đặc trưng cơ bản của xã hội chủ nghĩa.</i> 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>a. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> <i>b. Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</i> 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam <i>a. Tính chất, đặc điểm và nhiệm vụ của thời kỳ quá độ.</i> <i>b. Một số nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ.</i>	0.5			0.5	1	
III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội. 2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc. 3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.	0.5			0.5	1	
IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY. 1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị; suy thoái về đạo đức, lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.						
Chương IV. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN	5		2	7	14	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh. <i>a. Đảng là đạo đức, là văn minh</i> <i>b. Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng</i> <i>c. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên.</i> II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM 1. Nhà nước dân chủ <i>a. Bản chất giai cấp của nhà nước</i> <i>b. Nhà nước của dân, do dân, vì dân</i> 2. Nhà nước pháp quyền <i>a. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp</i> <i>b. Nhà nước thượng tôn pháp luật</i> <i>c. Pháp quyền nhân nghĩa</i> 3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh <i>a. Kiểm soát quyền lực nhà nước</i> <i>b. Phòng, chống tiêu cực trong Nhà nước.</i> III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY	2		1	3	6	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
	2		1	3	6	
	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC 1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 2. Xây dựng Nhà nước						
<i>Kiểm tra 1 tiết</i>			1	1	2	Ôn tập kiến thức từ chương 1 đến hết chương 4
Chương V. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	3		1	4	8	
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC 1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc <i>a. Đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng.</i> <i>b. Đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam</i> 2. Lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc <i>a. Chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i> <i>b. Nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc</i> 3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất <i>a. Mặt trận dân tộc thống nhất</i> <i>b. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất</i> <i>c. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.</i>	1		1	2	4	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ 1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế <i>a. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo sức mạnh tổng hợp cho cách mạng</i> <i>b. Thực hiện đoàn kết quốc tế nhằm góp phần cùng nhân dân thế giới thực hiện thắng lợi các mục tiêu cách mạng của thời đại.</i> 2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức <i>a. Các lực lượng cần đoàn kết</i> <i>b. Hình thức tổ chức</i> 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế <i>a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình</i> <i>b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ.</i> III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY. 1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng. 2. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 3. Đại đoàn kết toàn dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế	1			1	2	
Chương VI. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI	4		2	6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA 1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác <i>a. Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa</i> <i>b. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</i> 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò văn hóa <i>a. Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng</i> <i>b. Văn hóa là một mặt trận</i> <i>c. Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân</i> 3. Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới	1		1	2	4	Đọc TLC Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC 1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của người cách mạng 2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng <i>a. Trung với nước, hiếu với dân</i> <i>b. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư</i> <i>c. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa</i> <i>d. Tinh thần quốc tế trong sáng</i> 3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng <i>a. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức</i> <i>b. Xây đi đôi với chống</i> <i>c. Tu dưỡng đạo đức suốt đời</i>	1		1	2	4	
III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
	(tiết)	(tiết)	(tiết)	(tiết)		
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 3.Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 2. Xây dựng đạo đức cách mạng	1			1	2	
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**
 - Tiếng Anh: **History of the Communist Party of Vietnam**
- Mã học phần: LCLS2105
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên trình độ đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học, **Tư tưởng Hồ Chí Minh**.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 08 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Khoa Lý luận chính trị.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay).
- Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng,

kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng và việc vận dụng vào thực tiễn hiện nay.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- Đề cương chi tiết học phần *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, dành cho bậc đại học, không chuyên lý luận chính trị (Theo Quyết định số 4980/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019).

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội (Website: www.tapchicongsan.org.vn; www.dangcongsan@cpv.org.vn).

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☒	Làm việc nhóm	☐	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL ,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương nhập môn. ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	1			1	2	- Đọc TLC, Chương nhập môn - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phạm vi nghiên cứu						
II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2. Nhiệm vụ của môn học						
III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể						
Chương 1. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)	4		2	6	12	- Đọc TLC, Chương 1; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1. Bối cảnh lịch sử	2		1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL ,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam						
II. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945) 1. Phong trào cách mạng 1930 - 1935 và khôi phục phong trào 1932 - 1935 2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939 3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945	2		1	3	6	
Chương 2. ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)	7		2	9	18	- Đọc TLC, Chương 2; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) 1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946 2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951 - 1954 4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ	3		1	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL ,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975) 1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954 - 1965 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965 - 1975 3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 – 1975	4		1	5	10	
Kiểm tra			1	1	2	Ôn tập kiến thức đã học ở chương 1 và 2
Chương 3. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)	9		4	13	26	- Đọc TLC, Chương 3; - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1981 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 – 1986	3		1	4	8	
II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 - 2018) 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 - 1996	6		3	9	18	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL ,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996 - 2018 3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới						
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**
 - Tiếng Anh: **Basic Law**
- Mã học phần: LTPL2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Sinh viên đại học hệ vừa làm vừa học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và đồ án tốt nghệ ☐
Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Pháp luật, Khoa Lý luận chính trị

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

- + Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung;
- + Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

- *Về kỹ năng:*

- + So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;
- + So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau;
- + Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống.

NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 03 chương trình bày về các vấn đề sau:

- Chương 1: Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;
- Chương 2: Quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và Trách nhiệm pháp lý;
- Chương 3: Một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), *Pháp luật đại cương*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Minh Đoan (2016), *Lý luận về Nhà nước và Pháp luật*; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội
3. Vũ Quang (2015), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB. Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Lê Thu (2012), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;

2. **Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật** (*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*)
3. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*;
4. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012*;
5. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*;
6. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*;
7. Quốc hội (2012), *Bộ luật lao động năm 2012*;
8. Quốc hội (2014), *Luật hôn nhân và gia đình năm 2014*;
9. Quốc hội (2014), *Luật doanh nghiệp năm 2014*;
10. Quốc hội (2018), *Luật phòng chống tham nhũng năm 2018*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	☒	Phát vấn	☒	Đàm thoại	☐
Bản đồ tư duy	☐	Làm việc nhóm	☒	Tình huống	☒
Dạy học theo dự án	☐	Dạy học thực hành	☐	Thu thập số liệu	☐
Phân tích, xử lý số liệu	☐	Trình bày báo cáo khoa học	☐	Tự học	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT	04		02	06	12	
1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 1.1.1. Nguồn gốc 1.1.2. Bản chất 1.1.3. Hình thức 1.1.4. Chức năng	02		01	03	06	- Đọc TLC 1, Chương I - Đọc TLC 2, Chương II, VI - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
1.2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 1.2.1. Nguồn gốc và bản chất 1.2.2. Thuộc tính 1.2.3. Hình thức	02		01	03	06	
Chương 2. QUY PHẠM PHÁP LUẬT, QUAN HỆ PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ	05	03		08	16	
2.1. Quy phạm pháp luật 2. 1.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành	01	01		1.5	03	- Đọc TLC 1, Chương II - Đọc TLC 2, Chương VII - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.2. Quan hệ pháp luật	01			1.5	03	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.1. Khái niệm, đặc điểm 2.1.2. Các thành phần cấu thành						- Đọc TLC 2, Chương VIII - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.3. Vi phạm pháp luật 2.3.1. Khái niệm, dấu hiệu 2.3.2. Các yếu tố cấu thành	02	02		04	08	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
2.4. Trách nhiệm pháp lý 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Phân loại	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương III - Đọc TLC 2, Chương XI - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
Chương 3. MỘT SỐ NGÀNH LUẬT CHỦ YẾU TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	11	02	03	16	32	
3.1. Luật Hiến pháp 3.1.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh 3.1.2. Một số nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp năm 2013	01		01	02	04	- Đọc TLC 1, Chương IV - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 3 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.2. Luật Hành chính 3.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.2.2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương V - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 4 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
phạm pháp luật hành chính						theo hướng dẫn của giảng viên.
3.3. Luật Dân sự 3.3.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.3.2. Quyền sở hữu 3.3.3. Quyền thừa kế	01	02		03	06	- Đọc TLC 1, Chương VII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 5 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.4. Luật Hình sự 3.4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.4.2. Tội phạm 3.4.3. Hình phạt	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương VI - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 6 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.5. Luật lao động 3.5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.5.2. Hợp đồng lao động 3.5.3. Bảo hiểm xã hội	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương VIII - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 7 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.6. Luật hôn nhân và gia đình 3.6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.6.2. Chế định kết hôn	01			01	02	- Đọc TLĐT 1, Chương 6 - Đọc TLĐT 8 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
3.7. Luật kinh tế 3.7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.7.2. Các loại hình doanh nghiệp	01			01	02	- Đọc TLC 1, Chương IX - Đọc TLC 3, Chương 6 - Đọc TLĐT 9 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						theo hướng dẫn của giảng viên.
3.8. Pháp luật phòng chống tham nhũng 3.8.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 3.8.2. Nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng 3.8.3. Giải pháp phòng chống tham nhũng	04		01	05	10	- Đọc TLĐT 2 - Đọc TLĐT 10 - Chuẩn bị bài, tự học và thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.
Kiểm tra			01	01	02	
Tổng	20	05	05	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra..

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Kỹ năng mềm
 - Tiếng Anh: **Soft Skills**
- Mã học phần: KTQU2151
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 08 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần

Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

- *Về kỹ năng*: Biết vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công việc và trong cuộc sống như: quá trình giao tiếp, quá trình giải quyết vấn đề, giải quyết xung đột tại nơi làm việc, kỹ năng lãnh đạo, thực tiễn đi xin việc và hòa nhập với công việc mới.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng mềm bao gồm các vấn đề thiết thực và gần gũi, cung cấp cho người học những Kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. ThS. Hoàng Thị Thu Hiền - ThS. Bùi Thị Bích - ThS. Nguyễn Như Khương - ThS. Nguyễn Thanh Thủy (2014) *,Giáo trình kỹ năng mềm- tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác*, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.
2. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tìm việc làm*, NXB Thời đại.
3. Dương Thị Liễu (2013), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Kinh tế quốc dân.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
2. Dale Carnegie (2008), *Đắc nhân tâm*, Nhà xuất bản Trẻ.
3. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2011), *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, Nhà xuất bản Trẻ.
4. Huỳnh Phú Thịnh (2009), *Giáo trình Kỹ năng tìm việc làm*, Trường Đại học An Giang.
5. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục Kỹ năng sống*, Trường Đại học Sư Phạm.
6. M.S. Rao (2012), *Soft Skills for Students – Classroom to Corporate*, Bhawani Gali.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, làm việc nhóm, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng và hướng dẫn học tập
- Bài tập: Làm bài tập và thảo luận nhóm
- Dụng cụ học tập: Máy tính và máy chiếu

- Tự học: Nghiên cứu, đọc tài liệu để nắm vững bài học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KỸ NĂNG MỀM	3			3	6	
1.1. Khái niệm Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Phân biệt Kỹ năng mềm với Kỹ năng sống, Kỹ năng cứng	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
1.3. Tầm quan trọng của các Kỹ năng mềm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, chương 1
1.4. Giới thiệu một số Kỹ năng mềm cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
CHƯƠNG 2. KỸ NĂNG GIAO TIẾP	6	3		10	20	
2.1. Giao tiếp 2.1.1. Khái niệm và vai trò của giao tiếp 2.1.2. Cấu trúc của giao tiếp 2.1.3. Chức năng của giao tiếp 2.1.4. Phân loại giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.2. Các phương tiện giao tiếp 2.2.1. Ngôn ngữ 2.2.2. Phi ngôn ngữ	2	1		4	8	Đọc TLC 3, chương 1
2.3. Các phong cách giao tiếp 2.3.1. Khái niệm phong cách giao tiếp 2.3.2. Các loại phong cách giao tiếp	1			1	2	Đọc TLC 3, chương 1
2.4. Các Kỹ năng giao tiếp cơ bản	2	1		3	6	Đọc TLC 3, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.4.1. Kỹ năng lắng nghe 2.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 2.4.3. Kỹ năng thuyết phục 2.4.4. Kỹ năng thuyết trình 2.4.5. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản 2.4.6. Kỹ năng viết						
2.5. Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp cơ bản vào một số hình thức giao tiếp phổ biến		1		1	2	Đọc TLC 3, chương 2
Kiểm tra			1	1	2	
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM	4	2		6	12	
3.1. Khái quát về làm việc nhóm	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.2. Xây dựng nhóm làm việc	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 1
3.3. Kỹ năng làm việc nhóm 3.3.1. Kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề theo nhóm 3.3.2. Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm 3.3.3. Kỹ năng giao tiếp nhóm 3.3.4. Kỹ năng lãnh đạo nhóm	2	1		3	6	Đọc TLC 1, chương 2
3.4. Vận dụng các Kỹ năng làm việc nhóm vào các hoạt động của tổ chức		1		1	2	Đọc TLC 1, chương 2
CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM	7	3		10	20	Đọc TLC 1, chương 2
4.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp 4.1.1. Kỹ năng đánh giá năng lực bản thân 4.1.2. Kỹ năng xác định mục tiêu nghề nghiệp	1			1	2	
4.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm 4.2.1. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm mới 4.2.2. Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm trong quá trình làm việc	1			1	2	Đọc TLC 2, chương 3
4.3. Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc 4.3.1. Tiêu chuẩn bộ hồ sơ xin việc	1,5	1,5		3	6	Đọc TLC 2, chương 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.3.2. Các bước chuẩn bị và gửi bộ hồ sơ xin việc 4.3.3. Nghệ thuật viết đơn xin việc 4.3.4. Nghệ thuật viết lý lịch cá nhân						
4.4. Kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng 4.4.1. Chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn 4.4.2. Các vòng phỏng vấn 4.4.3. Các hình thức phỏng vấn 4.4.4. Nghệ thuật trả lời phỏng vấn	2	1		3	6	Đọc TLC 2, chương 3
4.5. Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ 4.5.1. Thương lượng về tiền lương 4.5.2. Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.6. Kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2, chương 3
4.7. Vận dụng các Kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tế	0,5	0,5		2		Đọc TLC 2, chương 3
Kiểm tra			1	1	2	Đọc TLC 2, chương 3
Cộng	20	8	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về môn học

- Tên học phần
Tiếng Việt: Tiếng anh 1
Tiếng Anh: **English 1**
- Mã học phần: NNTA2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐			
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 8 tiết
 - Bài tập : 14 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm : 21 tiết
 - Kiểm tra : 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong môn học sinh viên cần phải có kỹ năng sau:

- Về kiến thức:

+ Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

+ Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức.

+ Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

- Về kĩ năng:

*** Kỹ năng đọc:**

- Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.
- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

*** Kỹ năng nghe:**

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.
- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

*** Kỹ năng nói:**

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.
- Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.
- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

*** Kỹ năng viết:**

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối
- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.
- Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.
- Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên.

- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Unit 1: People and Places
- Unit 2: Everyday life
- Unit 3: Loves and Hates
- Unit 4: Eating and Drinking
- Unit 5: Extraordinary Lives
- Unit 6: Buying and Selling
- Unit 7: The world around us
- Unit 8: Going places

4. Tài liệu học tập

- Tài liệu chính

1. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). *New Cutting Edge, Elementary*. Harlow: Pearson Longman.

- Tài liệu tham khảo

1. Hughes, J., Stephenson, H., & Dummett, P. (2015). *Life (Vietnam Edition)*. National Geographic Learning. Cengage Learning. A1/A1-A2

2. Thomson, A.J., & Martinet, A.V. (1992). *A practical English Grammar*. Oxford University Press.

3. Memarzadeh, A. (2007). *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.

4. Esol examinations. (2013). *Preliminary English Test*. Cambridge University Press.

5. Department of Foreign Language. (2014). *Practice Exercise 1*. Internal circulation. Hanoi University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- + Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- + Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- + Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- + Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- + Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Vấn đáp ☒ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết và phân phối thời gian:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Unit 1: People and places	1	1	2	4	8	
- Nghe 1: Thông tin cá nhân (p.11) - Nói 1: Hỏi và trả lời về thông tin cá nhân của 4 nhân vật trong bài nghe (p.11) - Viết: Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân (p. 12, 13) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2- 1e. Viết về thông tin cá nhân (p.17) - Nói 2: Giới thiệu ngắn gọn về bản thân mình theo nhóm hoặc cá nhân trước lớp (p. 12,13) - Đọc: Đọc các loại giấy tờ tùy thân để tìm thông tin cá nhân điền vào bảng. (p.14, 15) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 1 - Life A1-A2- 1c. Đọc thông tin về con người trên thế giới (p.14,15) - Nghe 2: Nghe và điền thông tin còn thiếu vào bảng tóm tắt thông tin (p.16)						- Cách sử dụng của động từ To Be - Từ vựng về các thông tin cá nhân (nghề nghiệp, quốc tịch...) - Số đếm trong TA Tự học: Module 2: You and Yours (p20-25)
Unit 2: Everyday Life	1	1	2	4	8	
- Đọc: Đọc và làm bài tập theo hướng dẫn (p.28) - Nghe: Nghe và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.29) - Tham khảo: Unit 8 - Life A1-8a. Đọc và nghe thông tin về cuộc sống hàng ngày của 1 nhà văn ở Trung Quốc (p.94,95)						- Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Hiện tại đơn - Cách nói thời gian trong TA (p.30) - Nói về các hoạt động thường làm vào

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
- Nói 1: Thảo luận về cuộc sống hàng ngày của người Úc và so sánh với người Việt Nam (p.29) - Nói 2: Hỏi và trả lời theo cặp về hoạt động hàng ngày (p.31) - Viết: Viết về một ngày điển hình của bản thân (p.31)						ngày nghỉ cuối tuần của bản thân
Unit 3: Loves and Hates	1	1	2	4	8	
- Nghe: nghe về sở thích của các nhân vật nổi tiếng và làm các hoạt động nghe theo hướng dẫn (p.34) - Đọc: Đọc về cuộc sống của hai ngôi sao và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.36) - Tham khảo: Unit 6 - Life A1-6b. Từ vựng và bài đọc về sở thích (p.72,73) - Viết: Viết về sở thích của bản thân: thức ăn/đồ uống; môn thể thao/hoạt động, con vật, đồ vật, hoạt động ưa thích... (p. 35) - Nói 1: Hỏi và trả lời theo cặp về sở thích cá nhân sử dụng trạng từ chỉ tần suất (p.38) - Nói 2: Cách đưa ra lời yêu cầu và đề nghị lịch sự cũng như các cách đáp lại (p.40)						- Từ vựng về các hoạt động/môn thể thao ưa thích - Vị trí, ý nghĩa và cách dùng của trạng từ chỉ tần suất trong thì hiện tại đơn - Nói về sở thích cá nhân
Unit 4: Eating and Drinking	1	1	2	4	8	
- Nghe 1: Nghe một số nhân vật đến từ các quốc gia khác nhau nói về bữa sáng của họ (thói quen, thời điểm, thức ăn...) và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.53) - Đọc: Đọc 6 đoạn văn ngắn về các quan niệm và các lời khuyên về ăn uống; làm các nhiệm vụ theo yêu cầu (p.54) - Tham khảo cho sinh viên trình độ A1-A2: Unit 5 - Life A1-A2- 5b. Đọc về top 5 chợ ẩm thực trên thế giới (p.60)						- Từ vựng về chủ đề ăn uống; tên các loại thực phẩm, đồ ăn - Cách sử dụng các từ chỉ định lượng; phân biệt some và any - Cấu trúc How much / How many - Nói về thói quen ăn uống của bản thân. Tự học: Module 5: Getting from A to B (p.42-49)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
- Nói: Làm việc theo cặp, sử dụng các câu hỏi trang 56 để hỏi và trả lời về các chủ đề được nêu (p. 56) - Nghe 2: Nghe 3 bài hội thoại về cách gọi món ăn trong nhà hàng và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.58)						
Unit 5: Extraordinary Lives	1	1	2	4	8	
- Nói 1: Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời về bản thân hoặc người thân trong gia đình, sử dụng các câu hỏi cho trước (p.61) - Độc: Đọc về Tim Berners Lee – nhà sáng lập ra trang web và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.62) - Nghe : Nghe Mariene kể về cuộc đời của mình và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.66) - Tham khảo: Unit 11 - Life A1-11b. Đọc và nghe một đoạn phỏng vấn người phiêu lưu mạo hiểm (p.132,133) - Nói 2: Làm việc theo nhóm. Nói về lần cuối làm một việc gì đó là khi nào (p.65) - Viết: Kể vắn tắt về cuộc đời của bản thân tính tới thời điểm hiện tại (p.66)						- Cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì Quá khứ đơn - Động từ có quy tắc và bất quy tắc sử dụng trong thì Quá khứ đơn - Từ vựng về các mốc thời gian (năm, thập niên, thế kỷ) - Chia động từ trong ngoặc để hoàn thành đoạn văn và nghe lại để kiểm tra đáp án (p.63) - Nói về một sự kiện đáng nhớ nào đó đã xảy ra với bản thân
Consolidation Modules 1-6 Revision 1			2	2	8	
Progress Test 1		1	1	2		
Unit 6: Buying and Selling	1	1	2	4	8	
- Nói 1: So sánh các cặp đồ vật trong tranh sử dụng tính từ cho trước (p.79) - Độc: Đọc về các khu chợ nổi tiếng nhất thế giới và làm các						- Từ vựng về chủ đề mua sắm - Cấu trúc câu so sánh; các tính từ và trạng từ so sánh bất quy tắc

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.80-81) • Nghe : Nghe 4 tình huống về mua sắm và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.83) • Nói 2: Trình bày ý kiến cá nhân hoặc thảo luận theo cặp/nhóm về các món quà lưu niệm du khách nên mua khi đến Việt Nam. Chú ý các mẫu câu được sử dụng khi đưa ra ý kiến cá nhân về một vấn đề nào đó và các cách đáp lại khi người nghe đồng tình hoặc phản đối. (p. 84) • Tham khảo: Unit 5- Life A1- 5b. Từ vựng và nghe nói về giá cả (p.64)						• Cách hỏi và nói giá tiền trong mua sắm • Nghe 6 đoạn hội thoại và hoàn thành nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.84) • Nói về thói quen mua sắm của bản thân hoặc một khu chợ nổi tiếng ở Việt Nam Tự học: Module 10: Street life (p.86-93)
Unit 7: The world around us	1	1	2	4	8	
• Đọc: Đọc các thông tin về thế giới tự nhiên và làm các nhiệm vụ đọc theo hướng dẫn (p.96-97) • Tham khảo: Unit 8- Life A1- 8c. Đọc bài về loài hổ (p.98,99) • Nói: Hoạt động theo cặp, hỏi và trả lời các thông tin về thế giới tự nhiên, sử dụng dạng câu hỏi WH (p.98-99 +102) • Nghe: Nghe về 2 loài vật thân thiết với con người và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p. 100) • Viết: Tìm hiểu các thông tin khoa học về một loài vật yêu thích và viết một đoạn văn ngắn (100–120 từ) để miêu tả loài vật đó						• Từ vựng về động vật và thế giới tự nhiên • Động từ khuyết thiếu CAN để nói về khả năng • Các dạng câu hỏi thu thập thông tin (Wh-questions) • Cách sử dụng các mạo từ A/AN/THE • Nói về một loài vật yêu thích Tự học: Module 13: Learning for the future (p.86-93)
Unit 8: Going Places	1	1	2	4	8	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (Tiết)				Tự học	
	LT	BT	TL, KT	Tổng		
Nghe : Nghe bài giới thiệu về thành phố Edinburgh và làm các nhiệm vụ nghe theo hướng dẫn (p.129) - Nói : Làm việc theo cặp / nhóm, lập các bài hội thoại về hỏi và chỉ đường (p.132-133) - Đọc: Đọc các biển báo giao thông và hoàn thành các nhiệm vụ theo yêu cầu (p. 132 - Viết: miêu tả một địa danh nổi tiếng Tham khảo: Unit 3- Life A1-A2- 3e. Viết về 1 địa danh (p.41)						- Từ vựng về các địa danh và các địa điểm trong thành phố - Cấu trúc và cách dùng của các động từ khuyết thiếu <i>Have to/don't have to và Can/can't</i> - Các giới từ chỉ phương hướng, sự chuyển động (p.130-131) - Các cách hỏi và chỉ đường - Nói về một thành phố/quốc gia yêu thích <u>Tự học:</u> <i>Module 12: A weekend away</i> (p.104-110)
Consolidation Modules 7 -15 Revision 2			2	2	8	
Progress Test 2		1	1	2		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercise 1		4	1	5	10	
Tổng	8	14	23	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần
Tiếng Việt: Tiếng anh 2
 - Tiếng Anh: **English 2**
- Mã học phần: NNTA2102
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐					
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐	
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết/ học trước: Tiếng Anh 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - Nghe giảng lý thuyết : 5 tiết
 - Làm bài tập trên lớp : 20 tiết
 - Thảo luận : 20 tiết
 - Tự học : 90 giờ
- Phụ trách môn học: Bộ môn Ngoại ngữ.

2. Mục tiêu của môn học

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sau khi học xong môn học sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích.

Về kỹ năng:

* Kỹ năng đọc:

• Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.

- Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao.

* Kỹ năng nghe:

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi.

- Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản.

* Kỹ năng nói:

- Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.

- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày.

- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi.

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản.

- Miêu tả người sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân.

- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

* Kỹ năng viết:

- Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn....

- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối

- Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng. Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Leisure and Lifestyle

Module 2: Important Firsts

Module 3: At rest, at work

Module 4: Special Occasions

Module 5: Appearances

Module 6: Ambitions and Dreams

Module 7: Countries and cultures

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu bắt buộc: New cutting Edge (Pre- Intermediate)

4.2. Tài liệu bổ trợ:

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet. 1992. *A practical English grammar*. Oxford University Press.
2. Alireza Memarzadeh. 2007. *IELTS maximiser speaking*. Oxford University Press.
3. Esol examinations. 2013. *Preliminary English test*. Cambridge University Press.
4. Department of Foreign Language. 2015. *Practice exercise 1*. Internal circulation. University of Natural Resources and Environment.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Yêu cầu sinh viên thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được ghi trong đề cương môn học:

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng hạn.
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kỳ.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☒	☐	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	☐	Trắc nghiệm	☒	Vấn đáp	☒	Kỹ năng nói	☒
---------	--------------------------	-------------	-------------------------------------	---------	-------------------------------------	-------------	-------------------------------------

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)						
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Module 1: Leisure and Lifestyle	1	1	2		4	8	
- Nói: Nói về cách luyện tập để giữ gìn sức khỏe (p.7,8,9)							- Củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại đơn giản, các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu.

- Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.10) - Từ vựng: Liên quan đến các hoạt động giải trí. - Nghe: Nghe thông tin và trả lời câu hỏi (p.11) - Viết: Viết về thông tin cá nhân dựa theo mẫu (p.13)							- Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 2: Important Firsts	1	1	2		4	8	
- Nói 1: Trao đổi ngắn về một số hoạt động đã làm trong quá khứ (p.18) - Nghe 1: Nghe thông tin chi tiết về một sự kiện ấn tượng đã xảy ra trong quá khứ, trả lời câu hỏi liên quan (p.10,21)							- Thì quá khứ đơn - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ đơn - Từ vựng diễn tả cảm xúc - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ đơn - Các liên từ sử dụng trong văn trần thuật
- Nói 2: Kể về những dấu ấn trong quá khứ. - Viết: Viết một đoạn văn kể về những kỷ niệm thời thơ ấu (Có thể chuẩn bị bài viết ở nhà) - Nghe 2 (+ Nói 3): Diễn tả cảm xúc Từ vựng: Các tính từ miêu tả.							
Module 3: At rest, at work	1	2	1		4	8	
- Đọc: Đọc đoạn văn để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.24,25) - Nói 1: Thảo luận để đưa ra lời khuyên (p.26) - Nói 2: Nói về nhiệm vụ phải làm và khả năng (p.27)							- Cấu trúc và cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu: SHOULD; CAN; HAVE TO - Từ vựng về chủ đề công việc hàng ngày và nghề nghiệp

- Nghe: Nghe lấy thông tin để điền vào bảng (p.29) - Nói 3: Thảo luận để đưa ra lời khuyên về lựa chọn công việc phù hợp (p.28,29) - Từ vựng: Hoạt động thường nhật							
Module 4: Special Occasions		2	2		4	8	
- Đọc: Đọc lướt để lấy thông tin về cách thức, truyền thống tổ chức sinh nhật ở một số nước trên thế giới (p.32,33) - Nghe: Nghe về cách đón năm mới và điền thông tin vào bảng (p.36, 37) - Nói (+ nghe 2): Về sắp xếp lịch cá nhân (p.38,39) - Viết: Viết một bức thư mời (Có thể chuẩn bị ở nhà) - Từ vựng: Mốc các sự kiện và các lễ hội đặc biệt.							- Phân biệt cấu trúc và cách sử dụng thì Hiện tại đơn với thì Hiện tại tiếp diễn - Cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn cho một dự định đã được sắp xếp trong tương lai - Từ vựng về Ngày, tháng, năm - Từ vựng về các ngày lễ tết và các hoạt động thường trong các lễ hội đặc biệt.
Consolidation Modules 1-4 Progress Test 1 - Written test		3	1		4		
Module 5: Appearances	1	1	2		4	8	
- Đọc: Đọc để tìm thông tin chính về sự thay đổi về quan điểm về cái đẹp xưa và nay (p.42,43) - Nghe 1: Nghe mô tả và so sánh về ngoại hình (p.44,45) - Nghe 2: Nghe thông tin chi tiết về mô tả người (p.46,47) - Nói: Mô tả một người nào đó (ngoại hình + tính cách)							- Cấu trúc và cách sử dụng của các loại câu so sánh - Từ vựng về mô tả ngoại hình và tính cách
Module 6: Ambitions and Dreams	1	2	1		4	8	

- Nghe : Nghe thông tin về 8 nhân vật nổi tiếng - Vocabulary: Cung cấp một số từ vựng về tham vọng, ước mơ và thành quả - Nói: nói về những ước mơ những dự định của mình trong cuộc sống. - Viết : viết về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai							Ôn lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn. Phân biệt các trạng từ chỉ thời gian khi sử dụng với hai thì này. - Đặc biệt chú ý về động từ bất quy tắc và quá khứ phân từ.
Module 7: Countries and cultures		2	2		4	8	
- Đọc hiểu về các thông tin địa lý. - Đọc đoạn văn để trả lời câu hỏi. - Nghe: Sắp xếp lại câu theo đúng thứ tự. Nghe đoạn hội thoại về cuộc sống của Stuart ở thành thị. - Từ vựng: Liên quan đến đặc điểm địa lý. - Nói: Nói về cách chỉ đường. - Viết: Thiệp mời							- Ôn lại cách sử dụng mạo từ. Từ chỉ số lượng với danh từ đếm được và không đếm được. - Tự học: Module 10+ 11: (p.90-98)
Consolidation Modules 5-8		3	1		4	8	
Progress test 2 – Oral Test			4		4	8	
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		3	2				Preparation for the final exam
Cộng	5	20	20		45	90	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Tiếng Anh 3**
 - Tiếng Anh: **English 3**
- Mã học phần: NNTA2103
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 05 tiết
 - Làm bài tập trên lớp: 11 tiết
 - Thực hành, thực tập, thảo luận: 14 tiết
 - Tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của học phần

Về kiến thức

* *Ngữ âm*: Sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp.

* *Ngữ pháp*: Có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả người quen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu.

* *Từ vựng*: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc.

Về các kỹ năng

* *Kỹ năng đọc*:

- Đọc hiểu các đoạn văn có độ dài trung bình.
- Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu.
- Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc.
- Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn.

* *Kỹ năng nói*:

- Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản và hiểu được những hội thoại với những chủ đề trong giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề trong tình huống giao tiếp cơ bản và nâng cao.
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để trao đổi, chia sẻ và thảo luận về những trải nghiệm trong cuộc sống.
- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như thảo luận về một chủ đề quen thuộc, hay trao đổi và chia sẻ thông tin với những cách diễn đạt và ngôn ngữ cơ bản.
- Miêu tả tính cách sự vật sự việc, những thay đổi giữa cuộc sống hiện đại và truyền thống, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.
- Trình bày một chủ đề cơ bản về những vấn đề liên quan đến cuộc sống và các tình huống gặp phải, đưa ra lý do và có thể cố thuyết phục người nghe đồng tình theo quan điểm cá nhân.

* *Kỹ năng viết*

- Viết về một chủ đề với những gợi ý
- Viết các cụm từ, các câu cơ bản sử dụng câu điều kiện, câu trực tiếp gián tiếp, động danh từ
- Cách viết lại câu giữa các thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản.

* *Kỹ năng nghe*

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến những hoạt động đã xảy ra khi chúng được nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách trôi chảy.
- Hiểu được nội dung chính trong các hội thoại hoặc các cuộc thảo luận.

* *Các nhóm kỹ năng khác*

- Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng).

- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình.

- Khích lệ sinh viên hỏi đáp và nhận xét đánh giá.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học.

- Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet ...

- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.

- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.

- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.

- Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp.

- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.

- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Module 1: Old and New

Module 2: Take care

Module 3: Got to have it

Module 4: Choosing the right person

Module 5: Money, money, money

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1, Sarah Cunningham & Peter Moor with Jane Comyns Carr (2010), *New cutting Edge (Pre- Intermediate)*, Pearson Longman

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. A.J.Thomson & A.V. Martinet (1992), *A practical English grammar*, Oxford University Press.

2. Alireza Memarzadeh (2007), *IELTS maximiser speaking*, Oxford University Press.

3. Esol examinations (2013), *Preliminary English test*, Cambridge University Press.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: Thuyết trình, phát vấn, làm việc nhóm, dạy học thực hành, đàm thoại, tình huống, tự học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;

- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng;

- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)			Tổng cộng		
	LT	BT	TL, KT			
Module 1: Old and New	1	2	2	5	10	
- Đọc: <i>The 1900 house</i> (p.80-81) - Nói: Facelift (p.84-85) - Viết: <i>Imagine your life without Internet and mobile phone</i>						- Ngữ pháp: May, might, will, definitely, etc...; - Thời hiện tại sử dụng với if, when, before, etc... -Từ vựng: Hiện đại và truyền thống -Chủ điểm từ vựng: IF
Module 2: Take care	1	2	2	5	10	
- Nghe: <i>Health helpline</i> (p.89) - Nói 1: Các cuộc hội thoại tư vấn về bệnh tật (p.89) + Đọc: <i>Hazardous History</i> (p.90-91) + Nói 2: <i>Choose the Hero of the Year</i> (p.94) + Viết: Sử dụng các liên từ trong lối văn tường thuật. Kể về một kỷ niệm đáng nhớ.						-Ngữ pháp: used to; thời quá khứ tiếp diễn -Từ vựng: Sức khỏe và tai nạn
Module 3: Got to have it	1	2	2	5	10	
-Đọc: <i>The World's Most Popular</i> (p.106-107) -Nói 1: Một thương hiệu mà bạn ưa thích hoặc một sản phẩm mà bạn muốn sở hữu						-Từ vựng: - danh từ chỉ các đồ vật hàng ngày, các cấu trúc câu dung để đưa ra lời gợi ý

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
-Nói 2: Lập các bài hội thoại về đưa ra các gợi ý (trong những tình huống nhất định) (p.112)						-Ngữ pháp: Câu bị động (thì Hiện tại đơn; Quá khứ đơn) -Ngữ âm: Các phát âm ED sau động từ
PROGRESS TEST 1		2	1	3	6	
Module 4: Choosing the right person	1	1	3	5	10	
- Nói: Mô tả về các hoạt động thể thao (p.114) - Đọc: Đọc để lấy thông tin trả lời câu hỏi (p.117) - Từ vựng: Mô tả tính cách cá nhân. - Nghe: Nghe thông tin và điền từ vào chỗ trống (p.115) - Viết: Viết đơn xin việc theo mẫu (p.121)						- Củng cố lại cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản. Các câu hỏi có từ để hỏi, cách phát âm và trọng âm trong câu. - Từ vựng về các môn thể thao; các hoạt động hàng ngày - Từ vựng về thông tin cá nhân
Module 5: Money, money, money	1	1	2	4	8	
- Nói 1: Chia sẻ về những trải nghiệm đã qua thông qua hội thoại và kể chuyện (p.124, 129) - Nghe 1: Nghe ý chính và điền thông tin vào chỗ trống và trả lời câu hỏi (p.126, 130) - Đọc: các số liệu và ghép thông tin chính với từng đoạn văn (P. 125,127). - Viết: Viết câu sử dụng từ gợi ý.						- Thì quá khứ hoàn thành - Trạng từ chỉ thời gian sử dụng với thì quá khứ hoàn thành - Từ vựng về kinh tế và tiền tệ - Cách chia và phát âm các động từ sử dụng với thì quá khứ hoàn thành (PII)
Consolidation Modules 1-5			1	1	2	– Đọc và dịch lại bài. Hoàn thành các bài tập đi kèm
PROGRESS TEST 2			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
Guidelines and Suggestions for doing the Practice exercises		1		1	2	– Ôn tập theo nội dung cho trước.
Cộng	5	11	14	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- **Tiếng Việt: Toán cao cấp 1**
- Tiếng Anh: **Advanced Mathematics 1**
- Mã học phần: KĐTO2101
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - Bài tập: 16 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 80 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học Đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn.

Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy

kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Phần đại số tuyến tính và hình học giải tích gồm các kiến thức cơ bản về Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai.

- Phần giải tích toán học gồm các kiến thức cơ bản về hàm số một biến số.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Toán học cao cấp (Tập 1,2)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, 2018, *Bài tập Toán cao cấp*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Bài tập Toán cao cấp (Tập 1,2)*, Nhà xuất bản Giáo Dục

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải có mặt trên lớp từ 70% tiết trở lên.
- Trong mỗi buổi học sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ sách, vở.
- Sinh viên phải làm đầy đủ bài tập về nhà và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên trong mỗi buổi học.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 02 bài kiểm tra viết hệ số 1
Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☐	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Vấn đáp	☐	Thực hành	☐
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	---------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu đối với sinh viên
----------	---------------------------	---------------------------

	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
Chương 1: Ma trận và định thức	5	3		8	15	
1.1. Ma trận	2	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về ma trận, định thức.
1.2. Định thức của ma trận vuông	2	1				
1.3. Ma trận nghịch đảo	1	1				
Chương 2: Hệ phương trình tuyến tính	5	3	1	9	15	
2.1. Định nghĩa	1					Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về hệ phương trình.
2.2. Hệ Cramer	1	1				
2.3. Giải hệ phương trình tuyến tính trường hợp tổng quát	3	2				
- Kiểm tra			1			
Chương 3: Không gian véc tơ và dạng toàn phương	5	4		9	20	
3.1. Định nghĩa không gian véc tơ	1	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về không gian véc tơ và dạng toàn phương.
3.2. Sự phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính của một hệ véc tơ	1	1				
3.3. Hạng của một hệ véc tơ	2	1				
3.4. Dạng toàn phương						
Chương 4: Các mặt bậc hai	4	1		5	10	
4.1 Mặt cầu, mặt Elipxoid	1					Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về các mặt bậc hai.
4.2 Mặt hypecboloit một tầng và hai tầng	1					
4.3 Mặt parabolit elliptic. Mặt Prabolit hypecbolic	1	1				
4.4 Mặt trụ bậc hai và mặt nón bậc hai	1					
Chương 5: Hàm số một biến số	8	5	1	14	20	

5.1. Các hàm lượng giác ngược	1					Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về Hàm số một biến số
5.2. Hàm số cho ở dạng tham số.Tọa độ cực	1	1				
5.3. Các định lý L'Hospital về giới hạn	1 3	1 2				
5.4. Tích phân suy rộng						
5.5.Chuỗi số Kiểm tra	2	1				
5.6. Chuỗi hàm			1			
Cộng	27	16	2	45	80	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- **Tiếng Việt: Toán cao cấp 2**
- Tiếng Anh: Advanced Mathematics 2
- Mã học phần: KĐTO2102
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương☒		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: *Toán cao cấp 1*
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học Đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học như: Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến. Tích phân của hàm nhiều biến, Phương trình vi phân làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn.

Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp và tiếp cận học các môn chuyên ngành;

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến.
- Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2.
- Phương trình vi phân: Phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân tuyến tính cấp một và phương trình vi phân cấp 2.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Toán học cao cấp (Tập 2,3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.
2. Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn, 2018, *Bài tập Toán cao cấp*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 2004, *Bài tập Toán cao cấp (Tập 2,3)*, Nhà xuất bản Giáo Dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải có mặt trên lớp từ 70% tổng số tiết trở lên.
- Trong mỗi buổi học sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ sách, vở.
- Sinh viên phải làm đầy đủ bài tập về nhà và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên trong mỗi buổi học.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm 02 bài đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☐	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%.

- Hình thức thi:

Tự luận	☒	Trắc nghiệm	☐	Vấn đáp	☐	Thực hành	☐
---------	-------------------------------------	-------------	--------------------------	---------	--------------------------	-----------	--------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
Chương 1: Hàm số nhiều biến số	4	4		8	20	
1.1 Khái niệm hàm số nhiều biến số	1					Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về đạo hàm riêng, cực trị hàm nhiều biến
1.2 Giới hạn và tính liên tục của hàm nhiều biến.	1	2				
1.3 Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần của hàm nhiều biến.	1	1				
1.4 Cực trị của hàm nhiều biến	1	1				
1.4.1 Cực trị không có điều kiện ràng buộc						
1.4.2 Cực trị có điều kiện ràng buộc						
Chương 2: Tích phân của hàm nhiều biến	6	5	1	12	20	
2.1 Tích phân hai lớp (Tích phân kép)	2	3				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về tích phân 2 lớp.
2.1.1 Định nghĩa						
2.1.2 Các tính chất của tích phân 2 lớp						
2.1.3 Cách tính tích phân 2 lớp						
Kiểm tra			1			
2.2 Tích phân ba lớp (Tích phân bội ba)	2	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về tích phân 3 lớp.
2.2.1 Định nghĩa						
2.2.2 Các tính chất của tích phân 3 lớp						
2.2.3 Cách tính tích phân 3 lớp						
2.3 Tích phân đường	2	1				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về tích phân đường.
2.3.1 Tích phân đường loại một						
2.3.2 Tích phân đường loại hai						
Chương 3: Phương trình vi phân	5	4	1	10	20	
3.1 Phương trình vi phân cấp một	3	2				Đọc trước tài liệu, nghe giảng và làm bài tập về phương trình vi phân..
3.2 Phương trình vi phân cấp hai	2	2				
Kiểm tra			1			
Tổng	15	13	2	30	60	

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
- **Tiếng Việt: Xác suất thống kê**
- Tiếng Anh: **Probability theory and mathematical statistics**
- Mã học phần: KĐTO2106
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường.
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ✓		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và đồ án tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc ✓	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp, Giải tích 1
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 2 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Toán, Khoa Khoa học đại cương

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu.
- *Về kỹ năng:* Sinh viên vận dụng được những kỹ năng cơ bản để giải quyết các bài tập tính toán, thực hành các bài toán trong chương trình xác suất thống kê và tiếp cận học các môn chuyên ngành;
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Sinh viên xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác, chủ động, thực hiện các phương pháp học hiệu quả; tự học tập, tích lũy kiến thức, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Chương 1: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất (Chương này trình bày các khái niệm cơ bản về xác suất, tính chất, công thức tính xác suất)
- Chương 2: Đại lượng ngẫu nhiên (Chương này trình bày khái niệm đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối thông dụng)
- Chương 3: Lý thuyết mẫu (Chương này trình bày khái niệm mẫu, các số đặc trưng mẫu và bài toán ước lượng tham số)

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Ngọc Linh, Mai Ngọc Diệu, Nguyễn Tài Hoa (2015), *Xác suất thống kê*, NXB ĐHQG HN [1]
2. Phạm Văn Kiều, 2000, *Giáo trình xác suất và thống kê*, NXB Giáo dục [2]

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Đặng Hùng Thắng, 2000, *Mở đầu về xác suất và các ứng dụng*, NXB Giáo dục
2. Đặng Hùng Thắng, 2000, *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, thảo luận, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

Chuẩn bị bài trước khi đến lớp, có mặt trên lớp tối thiểu: 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Hai đầu điểm hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☐	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
CHƯƠNG 1. BIẾN CỐ NGẪU NHIÊN VÀ XÁC SUẤT	6	5	1	12	24	

1.1. Biến cố và phép thử ngẫu nhiên	1 1	1	1		4 4	Đọc [1] [2] phần đại lượng ngẫu nhiên và phân phối
1.2. Khái niệm và các định nghĩa về xác suất	2	2			8	Đọc [2] phần các tham số đặc trưng
1.3. Các quy tắc tính xác suất	1	1			4	Đọc [1] phần đại lượng ngẫu nhiên hai chiều
1.4. Công thức xác suất toàn phần. Công thức Bayes	1	1			4	Đọc [1] phần một số quy luật phân phối thường gặp
1.5. Công thức xác suất nhị thức						
CHƯƠNG 2. ĐẠI LƯỢNG NGẪU NHIÊN	5	4	2	11	22	
a. Đại lượng ngẫu nhiên và phân phối xác suất	1	1			4	Đọc [2] phần đại lượng ngẫu nhiên và phân phối
b. Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên	1	2			6	Đọc [2] phần các tham số đặc trưng
c. Đại lượng ngẫu nhiên hai chiều	1 2	1			2 6	Đọc [1] phần đại lượng ngẫu nhiên hai chiều
d. Một số quy luật phân phối xác suất thông dụng <i>Kiểm tra</i>			2		4	Đọc [1] phần một số quy luật phân phối thường gặp
CHƯƠNG 3. LÝ THUYẾT MẪU	4	2	1	7	14	
3.1. Một số khái niệm	1				2	Đọc [2] phần mẫu ngẫu nhiên
3.2. Ước lượng một số tham số lý thuyết	1 2		1		4 8	Đọc [1] [2] phần ước lượng 1 số tham số lý thuyết
3.3. Ước lượng tham số lý thuyết bằng khoảng tin cậy		2				Đọc [1] [2] phần ước lượng khoảng tin cậy
Cộng	15	11	4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH**

1. Thông tin chung về học phần

– Tên học phần:

Tiếng Việt: **Tin học đại cương**

• Tiếng Anh: **General Informatics**

– Mã học phần: CTKH2151

– Số tín chỉ: 02

– Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường

– Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

– Các học phần tiên quyết: Toán cao cấp

– Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết

▪ Thực hành trên lớp: 9 tiết

▪ Kiểm tra : 2 tiết

▪ Tự học: 60 giờ

– Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khoa học máy tính và ứng dụng, Khoa Công nghệ Thông tin

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

– *Về kiến thức:* Trình bày các kiến thức cơ bản về thông tin, công cụ xử lý thông tin, áp dụng được các phần mềm thông dụng ứng dụng hỗ trợ trong công tác văn phòng, và khai thác Internet.

– *Về kỹ năng:* Vận dụng được các kỹ năng có thể sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: Soạn thảo tài liệu; Quản lý dữ liệu

qua các bảng tính; Trình chiếu; Khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; Tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng.

– *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng. Nội dung chính gồm:

- Khái niệm tin học, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet và tìm kiếm tài liệu học thuật trên Internet.
- Một số hệ điều hành thông dụng và sử dụng hệ điều hành.
- Các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

4. Tài liệu học tập

4.1. Sách, giáo trình chính

1. Đỗ Thị Mơ – Dương Xuân Thành, *Giáo trình nhập môn tin học*, NXB Nông nghiệp.
2. *Tự học Microsoft Excel 2010, Tự học PowerPoint 2010* (2012), NXB Văn hóa Thông tin.
3. *Tự học Word 2010* (2011), NXB Hồng Bàng.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Lê Lan Anh, *Giáo trình Tin học đại cương*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Công Tuấn - Công Bình, *20 Bài thực hành MicroSoft Word 2010*, NXB Văn hóa Thông tin.
3. Công Tuấn - Công Bình, *20 Bài thực hành MicroSoft Excel 2010*, NXB Văn hóa Thông tin.
4. Bùi Thế Tâm, 2010, *Giáo trình Tin học đại cương*, NXB Giao thông Vận tải.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: thuyết trình, phân tích, xử lý số liệu, đàm thoại, thu thập số liệu, tự học.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên phải tham gia giờ trên lớp, tham gia thực hành theo số tiết qui định. Đảm bảo đầy đủ, đạt yêu cầu các bài kiểm tra giữa học kỳ.
- Bài tập: Hoàn thành tất cả các bài tập thực hành trên lớp, bài tập về nhà.

- ## 7. Thang điểm đánh giá

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

- Hình thức đánh giá:

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

[illegible]

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.2. Hệ điều hành Windows	1			1	2	4	
2.2.1. Giao diện của hệ điều hành Windows							
2.2.2. Quản lý tệp tin, thư mục							
2.2.3. Quản lý đĩa từ							
2.5.4. Thay đổi cấu hình (Control Panel)							
CHƯƠNG 3. PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN.	6		1	3	10	20	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.1. Giới thiệu màn hình làm việc	0,5				0,5	1	
3.2. Các thao tác cơ bản							
3.3. Thực hiện định dạng văn bản	2			1	3	6	
3.3.1. Định dạng ký tự (Font)							
3.3.2. Định dạng đoạn văn bản (Paragraph)							
3.3.3. Bao khung và tô nền cho đoạn văn							
3.3.4. Đánh chỉ mục tự động đầu đoạn văn bản (Bullets and Numbering)							
3.3.5. Chia cột văn bản (Columns)							
3.3.6. Định dạng chữ lớn đầu đoạn văn (Drop Cap)							
3.3.7. Định dạng Tab							- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3,4. Chèn các đối tượng vào văn bản	1,5			1	2,5	5	
3.4.1. Chèn các kí tự đặc biệt (Symbol)							
3.4.2. Chèn chữ nghệ thuật (Word Art)							
3.4.3. Chèn ClipArt và hình ảnh							
3.4.4. Chèn hộp văn bản (Text box)							
3.4.5. Chèn và hiệu chỉnh hình vẽ (Shapes)							
3.4.6. Chèn và hiệu chỉnh biểu đồ (Chart)							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.4.7. Chèn và hiệu chỉnh biểu thức toán học (Equation)							
3.5. Bảng biểu	1			0,5	1,5	3	- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.5.1. Tạo bảng							
3.5.2. Các thao tác trên bảng							
3.5.3. Định dạng trên bảng							
3.5.3. Tính toán trên bảng							
3.6. Một số chức năng khác	0,5			0,5	1	2	
3.6.1. Tìm kiếm và thay thế							- Đọc TLC [2], TLĐT [2] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
3.6.2. Đặt chế độ tự động							
3.6.3. Kiểm tra chính tả và văn phạm							
3.6.4. Tạo bookmark							
3.6.5. Tạo mục lục tự động							
3.6.6.Trộn thư							
3.7. In ấn	0,5				0,5	1	
3.7.1. Định dạng trang in							
3.7.2. Tạo Header and Footer							
3.7.3. Ngắt trang							
3.7.4. Chèn số trang							
3.7.5. Xem trước khi in							
3.7.6. Thực hiện lệnh in							
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 4. XỬ LÝ BẢNG TÍNH VỚI MS EXCEL	6		1	3	10	20	
4.1. Giới thiệu chung về MS Excel	0,5				0,5	1	
4.1.1. Giới thiệu							
4.1.2. Màn hình làm việc							
4.1.3. Cấu trúc một Workbook							
4.1.4. Cấu trúc một Worksheet							

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.1.5. Các kiểu dữ liệu và các toán tử							- Đọc TLC [3], TLĐT [3] - SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
4.2. Các thao tác cơ bản	0,5			0,5	1	2	
4.2.1. Xử lý trên vùng							
4.2.2. Thao tác trên cột và dòng							
4.2.3. Các lệnh xử lý tập tin							
4.2.4. Các loại địa chỉ sử dụng trong excel							
4.3. Các hàm cơ bản trong Excel	3			1,5	4,5	9	
4.3.1.Cách sao chép công thức							
4.3.2. Cú pháp chung của hàm							
4.3.3. Cách sử dụng các hàm							
4.3.4. Các hàm thông dụng							
4.4. Cơ sở dữ liệu	1			0,5	1,5	3	
4.4.1.Khái niệm							
4.4.2. Các thao tác trên cơ sở dữ liệu							
4.4.3. Các hàm thao tác trên cơ sở dữ liệu							
4.5. Biểu đồ trong Excel	0,5			0,5	1	2	
4.5.1. Các thành phần của biểu đồ							
4.5.2. Các bước dựng biểu đồ							
4.5.3. Điều chỉnh và định dạng biểu đồ							
4.6. In ấn	0,5				0,5	1	
4.6.1. Định dạng trang in							
4.6.2. Xem văn bản trước khi in							
4.6.3. In tài liệu							
Kiểm tra			1		1	2	
CHƯƠNG 5. TRÌNH DIỄN VỚI MS POWERPOINT	3			1	4	8	- Đọc TLC [4]
5.1. Giới thiệu về phần mềm trình diễn	0,5				0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5.2. Các thành phần cơ bản của MS PowerPoint							- SV thao tác trên máy theo hướng dẫn của GV
5.3. Tạo một bản trình bày cơ bản trong MS PowerPoint	0,5			0,5	1	2	
5.4. Cập nhật và định dạng	1,5			0,5	2	4	
5.4.1. Cửa sổ trong các Slide							
5.4.2. Thao tác trên Slide							
5.4.3. Tạo hiệu ứng động và hoạt hình							
5.5. Thực hiện một buổi trình diễn	0,5				0,5	1	
Cộng	19		2	9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Sinh thái học**
 - Tiếng Anh: **Ecology**
- Mã học phần: MTQT2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
 - Bài tập: 06 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 01 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* nêu được các khái niệm, quy luật sinh thái cơ bản, mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau và với điều kiện môi trường. Hiểu và phân tích được chu trình sinh địa hóa của các nguyên tố quan trọng và dòng năng lượng trong hệ sinh thái, đồng thời

liên hệ các kiến thức đã học với các vấn đề môi trường có liên quan tới các nguyên tố này. Nhận biết một số sinh vật chỉ thị môi trường.

- *Về kỹ năng*: biết vận dụng các kiến thức sinh thái học trong việc đánh giá chất lượng môi trường, đánh giá hệ sinh thái và đa dạng sinh học, áp dụng cơ sở khoa học cho việc quản lý môi trường, quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên,...

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: nhận thức đúng đắn về vai trò của con người như là một nhân tố sinh thái, như là một mắt xích trong hệ sinh thái và tầm quan trọng của công tác bảo tồn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần sinh thái học gồm những nội dung cơ bản về các khái niệm, quy luật Sinh thái học, vai trò của các nhân tố sinh thái và sự thích nghi của sinh vật với các nhân tố này, thể hiện qua mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường. Sự chuyển hóa vật chất và năng lượng trong hệ sinh thái, các chu trình tuần hoàn vật chất trong tự nhiên. Ngoài ra, học phần sinh thái học còn cung cấp cho sinh viên một số nhận biết về chỉ thị sinh học môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Vũ Trung Tạng (2011), *Cơ sở sinh thái học*, NXB Giáo dục.
2. Trần Văn Nhân (2006), *Sinh thái học môi trường*, NXB Đại học Bách Khoa Hà Nội.
3. Lê Văn Khoa (2006), *Chỉ thị sinh học môi trường*, NXB Giáo dục.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Vũ Trung Tạng (2011), *Cơ sở sinh học*, NXB GD.
2. Odum Eugene P. (1971), *Fundamentals of Ecology*, Philadelphia - London - Toronto.
3. Nguyễn Khắc Thành (2006), *Giáo trình Sinh thái học*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☒	Từng cặp / Chia sẻ ☒	Học dựa trên vấn đề ☒	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☐	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

+ Học tập trên lớp: thảo luận và nghe giảng

- + Học tập ở nhà: Tự học, tự đọc, tra cứu tài liệu theo nội dung học tập giáo viên yêu cầu.
- + Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác
☒ ☐ ☒ ☐ ☐ ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành
☒ ☐ ☐ ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. SINH THÁI HỌC CÁ THỂ, QUẦN THỂ, QUẦN XÃ VÀ HỆ SINH THÁI	6	1	3	9	18	Đọc tài liệu 1 (tài liệu chính và tài liệu đọc thêm)
1.1. Sinh thái học cá thể <i>1.1.1. Các quy luật sinh thái cơ bản</i> <i>1.1.2. Ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên sinh vật</i>	1	1	1	3	6	
1.2. Quần thể và các đặc trưng của quần thể	2		1	3	6	
1.3. Quần xã, các đặc trưng cơ bản của quần xã, diễn thế sinh thái	1		1	2	4	
1.4.Hệ sinh thái, cấu trúc và chức năng của hệ sinh thái	1			1	2	
Chương 2. CHU TRÌNH VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG TRONG HỆ SINH THÁI	6,5	1,5	3	11	22	Đọc tài liệu 1 (tài liệu chính và tài liệu đọc thêm)
2.1. Chuỗi thức ăn và mạng lưới thức ăn <i>2.1.1. Chuỗi thức ăn</i>	0,5	0,5		1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.2. Mạng lưới thức ăn						
2.2. Vòng tuần hoàn vật chất trong hệ sinh thái 2.2.1. Đại cương về vòng tuần hoàn vật chất 2.2.2. Chu trình sinh - địa – hoá một số các nguyên tố cơ bản 2.2.3. Chu trình của các nguyên tố thứ yếu	4	1	3	8	17	
2.3. Năng lượng và sự chuyển hoá năng lượng trong hệ sinh thái 2.3.1. Dòng năng lượng của hệ sinh thái 2.3.2. Năng suất sinh học sơ cấp và thứ cấp	1,5			1,5	4	
2.4. Môi quan hệ giữa chuỗi thức ăn và năng lượng	0,5			0,5	1	
Chương 3. CHỈ THỊ SINH HỌC MÔI TRƯỜNG	5	4	1	10	20	Đọc tài liệu số 3 (tài liệu chính)
3.1. Các khái niệm về sinh vật chỉ thị hay chỉ thị sinh học	1			1	2	
3.2. Giới thiệu một số chỉ thị sinh học môi trường nước	2	2		4	8	
3.3. Giới thiệu một số chỉ thị sinh học môi trường đất	2	2		4	8	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	17,5	3,5	9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Hóa học đại cương**
 - Tiếng Anh: **General chemistry**
- Mã học phần: KĐHO2101
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☑		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☑	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 16 tiết
 - Bài tập: 11 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học đại cương.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Sinh viên phát biểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương.
 - + Sinh viên vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo.
- Về kỹ năng:

+ Vận dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong nội dung học phần.

+ Áp dụng kiến thức đã học để giải thích các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.

+ Hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tính toán và sáng tạo cho sinh viên.

+ Trau dồi năng lực vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Nhiệt động học của một số quá trình hóa học.
- Động hóa học và xúc tác.
- Hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học.
- Dung dịch và các kiến thức liên quan.
- Một số quá trình điện hóa học.
- Hiện tượng bề mặt – dung dịch keo.

Các kiến thức đại cương này giúp cho sinh viên học tiếp các kiến thức cơ sở của hóa học như hóa học vô cơ, hóa học hữu cơ, hóa học phân tích v.v, cũng như vận dụng sự hiểu biết này đối với việc nghiên cứu các chuyên ngành có liên quan đến hóa học như môi trường, quản lý đất đai, khí tượng thủy văn, khoa học biển, biến đổi khí hậu, địa chất và nhiều chuyên ngành khác.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Lê Ngọc Anh (chủ biên) (2014), Hóa học đại cương, NXB ĐHQG HN.
2. Nguyễn Hạnh (2012), Cơ sở lý thuyết Hóa học, Phần II, NXB GD VN.
3. Lê Mậu Quyền (1995), Cơ sở lý thuyết Hóa học, Phần bài tập, NXB KH&KT.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Lâm Ngọc Thiềm (2002), *Bài tập Hóa học đại cương*, NXB ĐHQG Hà Nội.
2. Đào Đình Thức (2011), *Hóa học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☒	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.

- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Đại cương về nhiệt động học	4	2	1	7	14	
1.1. Nguyên lý I của nhiệt động học và áp dụng vào Hóa học <i>1.1.1. Các khái niệm: Hệ nhiệt động học, trạng thái, quá trình, hàm trạng thái, nhiệt , công, qui ước dấu nhiệt động học</i> <i>1.1.2. Nội năng. Nguyên lý I của nhiệt động học</i> <i>1.1.3. Áp dụng nguyên lý I của nhiệt động học vào Hóa học</i>	2			2	4	- Đọc sách Hóa học đại cương (Lê Ngọc Anh chủ biên) từ trang 13-43 - Làm bài tập trang 44-48 sách Hóa học đại cương (Lê Ngọc Anh chủ biên)
1.2. Nguyên lý II của nhiệt động học và áp dụng vào Hóa học. <i>1.2.1. Khái niệm entropi. Nguyên lý II của nhiệt động học</i> <i>1.2.2. Thế nhiệt động đẳng nhiệt, đẳng áp. Các yếu tố ảnh hưởng đến thế nhiệt động đẳng nhiệt, đẳng áp</i> <i>1.2.3. Cách tính ΔG của phản ứng và xác định chiều diễn biến của quá trình hoá học</i>	2			2	4	
1.3. Bài tập chương 1		2		2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.4. Thảo luận			1	1	2	Thảo luận các bài tập khó
Chương 2. Đại cương về động hóa học	1,5	2		3,5	7	
2.1. Một số khái niệm (Tốc độ phản ứng, phân tử số, bậc riêng phần, bậc toàn phần của phản ứng)	0,5			0,5	2	- Đọc và làm bài tập trong sách Hóa học đại cương (Lê Ngọc Anh chủ biên) từ trang 49-62
2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng.	0,5			0,5		
2.3. Phương trình động học của các phản ứng có bậc đơn giản 2.3.1. Phương trình động học của phản ứng bậc 1 2.3.2. Phương trình động học của phản ứng bậc 2	0,5			0,5	1	
2.4. Bài tập chương 2		2		2	4	
Chương 3. Cân bằng hóa học	1,5	2	2	5,5	11	
3.1. Các khái niệm 3.1.1. Phản ứng thuận nghịch 3.1.2. Cân bằng hóa học 3.1.3. Phương trình đẳng nhiệt Van't Hoff và hằng số cân bằng	1			1	2	Đọc và làm bài tập trong sách Hóa học đại cương (Lê Ngọc Anh chủ biên) từ trang 63-78
3.2. Sự chuyển dịch cân bằng 3.2.1. Nguyên lý chuyển dịch cân bằng Le Châtelier 3.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hóa học	0,5			0,5	1	
3.3. Bài tập chương 3		2		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Thảo luận			1	1	2	Chữa bài kiểm tra
Chương 4: Dung dịch	4	3		7	14	
4.1. Một số khái niệm 4.1.1. Một số định nghĩa: Dung dịch, dung dịch bão hòa, dung dịch lý tưởng, nhiệt hòa tan 4.1.2. Nồng độ của dung dịch 4.1.3. Quá trình hòa tan, độ hòa tan	0,5			0,5	1	Đọc và làm bài tập trong sách Hóa học đại cương (Lê Ngọc Anh chủ biên) từ trang 79-112
4.2. Tính chất của dung dịch 4.2.1. Áp suất hơi bão hòa của dung dịch 4.2.2. Nhiệt độ sôi và nhiệt độ đông đặc của dung dịch						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.2.3. <i>Áp suất thẩm thấu</i>						
4.3. Dung dịch chất điện li 4.3.1. <i>Khái niệm về chất điện li, Độ điện li. Hằng số điện li</i> 4.3.2. <i>Cân bằng trong dung dịch</i>	3,5			3,5	7	
4.4. Bài tập chương 4		3		3	6	
Chương 5. Các quá trình điện hóa học	3	2		5	10	
5.1. Pin điện hóa 5.1.1. <i>Khái niệm về pin điện hóa và điện cực</i> 5.1.2. <i>Sức điện động của pin.</i> 5.1.3. <i>Thế điện cực và cách xác định thế điện cực. Phương trình Nernst</i> 5.1.4. <i>Xác định hằng số cân bằng và chiều của phản ứng oxi – hóa khử dựa vào thế điện cực</i>	2,5			2,5	5	Đọc và làm bài tập trong sách Hóa học đại cương (Lê Ngọc Anh chủ biên) từ trang 113-137
5.2. Sự điện phân 5.2.1. <i>Khái niệm về sự điện phân</i> 5.2.2. <i>Sự phân cực</i> 5.2.3. <i>Thế phân hủy và quá thế</i> 5.2.4. <i>Điện phân chất điện li</i> 5.2.5. <i>Định luật Faraday</i>	0,5			0,5	1	Đọc thêm trong sách <i>Cơ sở lý thuyết Hóa học, Phần II</i> (Nguyễn Hạnh) NXB Giáo dục Việt Nam, trang 207-231
5.3. Bài tập chương 5		2		2	4	
Chương 6. Hiện tượng bề mặt và dung dịch keo	2			2	4	
6.1. Hiện tượng bề mặt và năng lượng bề mặt 6.1.1. <i>Hiện tượng bề mặt</i> 6.1.2. <i>Năng lượng bề mặt</i> 6.1.3. <i>Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lượng bề mặt</i>	0,5			0,5	1	- Đọc sách Hóa học đại cương (Lê Ngọc Anh chủ biên) từ trang 138-144. - Đọc thêm trong sách <i>Cơ sở lý thuyết Hóa học, Phần II</i> (Nguyễn Hạnh) NXB Giáo dục Việt Nam, trang 163-182.
6.2. Sự hấp phụ và hấp thụ 6.2.1. <i>Định nghĩa</i> 6.2.2. <i>Hấp phụ vật lý và hóa học</i> 6.2.3. <i>Chất hoạt động bề mặt</i> 6.2.4. <i>Sự hấp phụ trên ranh giới rắn – khí và rắn – dung dịch</i> 6.2.5. <i>Sự thấm ướt</i>	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
6.3. Dung dịch keo 6.3.1. Điều chế và tính chất của dung dịch keo. 6.3.2. Cấu tạo của hạt keo và sự đông tụ keo.	0,5			0,5	1	
Cộng	16	11	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Hóa học môi trường
 - Tiếng Anh: **Environmental Chemistry**
- Mã học phần: MTĐQ2318
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở khoa học môi trường, Hóa học đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19,5 tiết
 - Bài tập: 01 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 8,5 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Độc học và quan trắc môi trường, Khoa môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- **Về kiến thức:**
 - + Trình bày được các tác nhân, nguyên nhân gây nên các hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất;
 - + Phân tích được hậu quả, biện pháp khắc phục các hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất.

- **Về kỹ năng:**

- + Tính toán được khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;
- + Giải thích được quá trình chuyển hóa cơ bản của các nguyên tố trong môi trường;
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Thành phần của các đối tượng môi trường không khí, đất, nước; nguyên nhân, tác nhân, hậu quả của các hiện tượng ô nhiễm môi trường; bản chất hóa học của các quá trình xảy ra trong từng thành phần môi trường không khí, đất, nước; biện pháp khắc phục các hiện tượng môi trường tiêu cực; đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước mặt (sông, suối).

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đặng Đình Bạch (2005), *Giáo trình Hóa học môi trường*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Nguyễn Hữu Thành (2007), *Giáo trình Hóa học đất*, NXB Nông nghiệp.
3. Phạm Ngọc Hồ (2010), *Cơ sở môi trường không khí*, NXB Giáo dục Việt Nam.
4. Phạm Ngọc Hồ (2010), *Cơ sở môi trường nước*, NXB Giáo dục Việt Nam.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đặng Kim Chi (2006), *Hóa học môi trường*, NXB Khoa học và kỹ thuật.
2. Jorge G. Ibanez, Margarita Hernandez-Esparza (2007), *Environmental Chemistry: Fundamentals* 2007th Edition, Springer.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☒	☒	☐	☐
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Trong trường hợp không tham dự được, sinh viên phải có giấy phép xin nghỉ học được GVCN xác nhận.
- Sinh viên sẽ làm một bài tiểu luận (làm theo nhóm 5-6 người) trong quá trình học, có báo cáo bằng hình thức seminar và 1 bài kiểm tra điều kiện.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác
☒ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành
☒ ☐ ☐ ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. HOÁ HỌC KHÍ QUYỂN	4,5	0,5	4,0	9,0	18	
1.1. Giới thiệu chung về khí quyển và hóa học khí quyển	0,5		0,5	1	2	Đọc TLC 3
1.2. Các phản ứng hóa học và quang hóa trong khí quyển <i>1.2.1. Phản ứng hóa học</i> <i>1.2.2. Phản ứng quang hóa</i> <i>1.2.3. Phản ứng của các hợp chất chính trong khí quyển</i>	1		1	2	4	Đọc TLC 1 , TLĐT 1, TLĐT 2
1.3. Ô nhiễm môi trường không khí <i>1.3.1. Khái niệm</i> <i>1.3.2. Đặc trưng của các nguồn phát sinh gây ô nhiễm khí quyển</i> <i>1.3.3. Một số ảnh hưởng toàn cầu của ô nhiễm khí quyển</i> <i>- Hiện tượng mưa axit</i> <i>- Hiện tượng sương khói quang hóa</i> <i>- Hiện tượng suy giảm tầng ozon</i> <i>- Hiện tượng gia tăng hiệu ứng nhà kính</i>	2,5		2,5	5,0	10	Đọc TLC 1 , TLĐT 1
1.4. Quy định về chất lượng môi trường không khí	0,5	0,5		1	2	Đọc QCVN05:2013/BTN MT và QCVN 06:2009/BTNMT
Chương 2. HÓA HỌC THỦY QUYỂN	6,0	0,5	1,5	8,0	16	
2.1. Khái quát về thủy quyển và hóa học thủy quyển <i>2.1.1. Tính chất của nước và tài nguyên nước trên Trái Đất</i>	1,5		0,5	2	4	Đọc TLC 1 , TLC 4

2.1.2. Thành phần của nước trong tự nhiên						
2.1.3. Các phản ứng hóa học trong thủy quyển						
2.2. Ô nhiễm môi trường nước 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Nguồn phát sinh và các tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước	1,5		0,5	2	4	Đọc TLC 1
2.3. Khả năng tự làm sạch của nguồn nước	1		0,5	1,5	3	Đọc TLC 4, TLĐT 1
2.4. Quy định về chất lượng nước	1			1	2	Đọc QCVN 08-MT:2015/BTNMT, QCVN 09-MT:2015/BTNMT, QCVN 10-MT:2015/BTNMT
2.5. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước	1	0,5		1,5	3	Đọc TT 76/2017/TT – BTNMT
Chương 3. HÓA HỌC ĐỊA QUYỀN	5,5		2,5	8,0	16	
3.1. Khái quát về địa quyền và hóa học địa quyền	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1 Đọc TLC 2
3.2. Các tính chất của đất 3.2.1. Tính chua của đất 3.2.2. Keo đất và khả năng hấp phụ của đất 3.2.3. Khả năng trao đổi cation (Cation Exchange Capacity – CEC) 3.2.4. Dung dịch đất và các tính chất của dung dịch đất: Tính đệm, tính oxi hóa – khử, khả năng dẫn điện của dung dịch đất.	2		1	3	6	Đọc TLC 1 Đọc TLC 2
3.3. Các quá trình thoái hóa đất 3.3.1. Quá trình xói mòn và rửa trôi 3.3.2. Quá trình mặn hóa đất 3.3.3. Quá trình phèn hóa đất	1		1	2	4	Đọc TLC 1 Đọc TLC 2 Đọc Thông tư số 14/2012/BTNMT về Quy trình điều tra thoái hóa đất
3.4. Ô nhiễm môi trường đất 3.4.1. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất 3.4.2. Tác nhân ô nhiễm chính trong đất	1			1	2	Đọc TLC 1 Đọc TLC 2
3.5. Quy định về chất lượng đất	0,5			0,5	1	Đọc QCVN 03-MT:2015/BTNMT và QCVN 15:2008/BTNMT
3.6. Các phương pháp cải tạo đất	0,5		0,5	1,0	2	Đọc TLC2

Chương 4. CHU TRÌNH CHUYỂN HÓA CỦA CÁC NGUYÊN TỐ TRONG TỰ NHIÊN	3,5		1,5	5,0	10,0	Đọc TLĐT 1
4.1. Chu trình chuyển hóa của nguyên tố Nito trong tự nhiên	1,0		0,5	1,5	3,0	
4.2. Chu trình chuyển hóa của nguyên tố cacbon trong tự nhiên	1,0			1,0	2,0	
4.3. Chu trình chuyển hóa của nguyên tố lưu huỳnh trong tự nhiên	1,0			1,0	2,0	
4.4. Chu trình chuyển hóa của nguyên tố photpho trong tự nhiên	0,5			0,5	1,0	
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	
Cộng	19,5	1	9,5	30	60	

- Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kỹ năng trong Quản lý Tài nguyên và Môi trường**
 - Tiếng Anh: **Soft skills in environmental and resources management**
- Mã học phần: MTQT2116
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 16 tiết

Bài tập: 0 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết

Kiểm tra: 2,0 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Môi trường, Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: Hiểu và trình bày được chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của ngành QLTN&MT; Tổ chức quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường ở Việt Nam; Phân tích được vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực cần có của cán bộ QLTN&MT, một số kỹ năng phát triển bản thân trong lĩnh vực QLTNMT

- *Về kỹ năng*: Vận dụng được các kiến thức, sự hiểu biết về ngành QLTN&MT trong việc xử lý, giải quyết các tình huống trong công tác quản lý Tài nguyên và Môi trường.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sau khi hoàn thành học phần, người học nhận thức rõ ràng về vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực...từ đó tự rèn luyện để hình thành nhân cách, phẩm chất của người làm công tác quản lý tài nguyên và môi trường. Ngoài ra, có trách nhiệm cao trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường trong học tập và mọi hoạt động của mình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Giới thiệu về chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường; Tổ chức quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Kỹ năng chuyên sâu của cán bộ quản lý tài nguyên và môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (2018), *Chương trình đào tạo ngành quản lý Tài nguyên và Môi trường*
2. Chính Phủ, (2017), *Nghị định 36/2017ND-CP*, quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ Tài nguyên và môi trường
3. Bộ Tài nguyên và môi trường (2018), Công văn 4971/BTNMT- TCCB, tổ chức ngành Tài nguyên và Môi trường tại địa phương.
4. Nguyễn Văn Dũng, (2018), Truyền thông: Lý thuyết và kỹ năng cơ bản. Thông tin và truyền thông.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Jeff Butterfieldn (2012), *Problem-Solving and Decision Making*,Uncategorized.
2. Hồ Ngọc (2013) *Thấu hiểu và phát triển bản thân*, NXB Văn hóa thông tin

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☒	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.
- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội

dung chính của môn học.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác
☒ ☐ ☒ ☐ ☐ ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành
☒ ☐ ☐ ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	5	3		8	16	
1.1. Khái niệm về QLTN&MT	1			1	2,0	Đọc TLC 1
1.2. Các vị trí việc làm trong QLTN&MT	1	1		2	4,0	Đọc TLC 1
1.3. Yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của cán bộ QLTN&MT	1	1		2		Đọc TLC 1
1.3. Chương trình đào tạo ngành QLTN&MT	2	1		3	2,0	Đọc TLC 1
Chương 2. TỔ CHỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM	4	4		8	16	
2.1. Mô hình quản lý tài nguyên và môi trường	1			1	2	Đọc TLC 2,3
2.2. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường	1	1		2	4	Đọc TLC 2,3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường	1	1		2	4	Đọc TLC 2,3
2.4. Hiện trạng quản lý tài nguyên và môi trường ở Việt Nam	1	2		3	6	
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	
Chương 3: KỸ NĂNG CHUYÊN SÂU CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	8	4		12	24	
3.1. Kỹ năng phát triển bản thân	2			2	4	Đọc TLĐT 1, 2
3.2. Kỹ năng truyền thông	3	2		5	10	Đọc TLC 4
3.3. Kỹ năng thuyết phục	3	1		3	6	Đọc TLĐT 1
3.4. Kỹ năng điều phối	1	1		2	4	Đọc TLĐT 1
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	
Cộng	16	12	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Cơ sở khoa học môi trường
Tiếng Anh: Fundamentals of Environmental Science
- Mã học phần: MTQM2301
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và đồ án tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường: Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực.
- Về kỹ năng: vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Biết tích hợp kiến thức cơ sở khoa học môi trường vào thực tiễn và các học phần khối kiến thức chuyên ngành. Có thái độ, hành vi

đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: những kiến thức chung liên quan đến môi trường và khoa học môi trường, các thành phần cơ bản của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường; các vấn đề về dân số, lương thực thực phẩm, năng lượng và phát triển bền vững.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Lưu Đức Hải (2008), *Cơ sở khoa học môi trường*, NXB ĐHQG Hà Nội.
2. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2008), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục.
3. Nguyễn Chu Hồi (2005), *Cơ sở tài nguyên và môi trường biển*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020.
2. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.
3. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
4. Luật bảo vệ môi trường 2014.
5. Nghị quyết số 63/NQ-CP, ngày 23/12/2009 của chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần (theo mẫu)

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Trường hợp nghỉ phải được sự đồng ý theo quy định.
- Sinh viên sẽ làm việc nhóm, thảo luận và hoàn thành 01 bài báo cáo theo yêu cầu, hình thức trình bày dạng Powerpoint, báo cáo trước lớp
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG	5		1	6	12	Đọc Chương 1, giáo trình1; Điều 3, Luật BVMT
1.1. Một số khái niệm liên quan tới môi trường	1			1	2	
1.2. Phân loại môi trường	0,5			0,5	1	
1.2. Các chức năng của môi trường	1			1	2	
1.3. Quan hệ giữa môi trường và phát triển	1		1	2	2	
1.4.Ô nhiễm, suy thoái và khủng hoảng môi trường	0,5			0,5	1	
1.5. Quan hệ giữa khoa học môi trường, công nghệ môi trường và quản lý môi trường	1			1	2	
Chương 2. CÁC THÀNH PHẦN CƠ BẢN CỦA MÔI TRƯỜNG	5		1	6	12	Đọc chương 2, giáo trình 1 và Chương 2, giáo trình 2
2.1. Thạch quyển 2.1.1. Sự hình thành và cấu trúc của Trái đất 2.1.2. Sự hình thành đá 2.1.3. Sự hình thành đất	1,5			1,5	3	
2.2. Thủy quyển 2.2.1. Cấu tạo hình thái của thủy quyển 2.2.2. Vòng tuần hoàn nước 2.2.3. Đặc điểm các nguồn nước	1,5		1	2,5	5	
2.3. Khí quyển 2.3.1. Thành phần của không khí 2.3.2. Cấu trúc khí quyển 2.3.3 Chế độ nhiệt, bức xạ và hoàn lưu khí quyển	1,5			1,5	3	
2.4. Sinh quyển	0,5			0,5	1	
Chương 3. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG	2		5	7	14	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
3.1. Ô nhiễm nước 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm nước 3.1.3. Giải pháp bảo vệ nguồn nước	0,5		1	1,5	3	Đọc giáo trình 1, chương 5; giáo trình 2, chương 8 Tham khảo các tài liệu trên Internet
3.2. Ô nhiễm khí quyển 3.2.1. Khái niệm 3.2.2. Nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm khí quyển 3.1.3. Giải pháp hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm khí quyển 3.1.4. Các tác động toàn cầu của ô nhiễm khí quyển (nguyên nhân, hậu quả, giải pháp hạn chế)	1		3	4	8	
3.4. Ô nhiễm và suy thoái đất 3.4.1. Khái niệm 3.4.2. Nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm và suy thoái đất 3.4.3. Giải pháp hạn chế ô nhiễm và suy thoái đất	0,5		1	1,5	3	
Chương 4. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	4		1	5	10	Đọc giáo trình 1, chương 4
4.1.Đặc điểm chung và phân loại tài nguyên	0,5			0,5	1	Các nội dung tìm hiểu đối với mỗi loại tài nguyên: - Vai trò; - Hiện trạng tài nguyên; - Các tác động của con người đối với tài nguyên - Giải pháp khai thác, sử dụng hiệu quả và bảo vệ tài nguyên;
4.2.Tài nguyên nước	0,5			0,5	1	
4.3.Tài nguyên đất	0,5			0,5	1	
4.4.Tài nguyên khoáng sản	0,5			0,5	1	
4.5. Tài nguyên Biển	0,5			0,5	1	
4.5. Tài nguyên rừng và sinh vật	0,5			0,5	1	
4.6.Tài nguyên khí hậu và cảnh quan	1			1	2	
Kiểm tra 1 tiết (chương 1,2,3)			1		1	
Chương 5. CÁC VẤN ĐỀ NỀN TẢNG VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	4			4	8	Đọc giáo trình 1, chương 7; giáo trình 2, chương 10 Tham khảo tài liệu trên Internet
5.1.Vấn đề về dân số 5.1.1. Khái niệm Bùng nổ dân số?	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu cơ bản nêu trong “Chiến lược Dân số và Sức khỏe

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
5.1.2.Mối quan hệ giữa vấn đề và môi trường						sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020”.
5.2.Vấn đề về lương thực thực phẩm của loài người 5.2.1. Khái niệm an ninh lương thực? 5.2.2. Sản xuất và tiêu dùng lương thực với vấn đề môi trường	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu cụ thể và nhiệm vụ, giải pháp được đưa ra trong Nghị quyết số 63/NQ-CP, ngày 23/12/2009 của chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.
5.3.Vấn đề năng lượng 5.3.1. Các dạng năng lượng cơ bản 5.3.2. Tác động của việc sản xuất và sử dụng năng lượng đối với môi trường;	1			1	2	Đọc mở rộng mục tiêu và định hướng phát triển về năng lượng được nêu trong “Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050”.
5.4. Phát triển bền vững (PTBV) 5.4.1. Khái niệm PTBV 5.4.2. Nguyên tắc PTBV 5.4.3. Mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam	1			1	2	Đọc mở rộng các mục tiêu phát triển bền vững được nêu trong “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”.
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Cơ sở quản lý tài nguyên
 - Tiếng Anh: **Fundamentals of Resource Management**
- Mã học phần: MTQT2317
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý môi trường, Cơ sở khoa học môi trường.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày và phân tích được các kiến thức về các dạng tài nguyên cơ bản và sự phân bố của chúng trên lãnh thổ Việt Nam.
 - + Đánh giá được tổng quát về hiện trạng khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam.
- Về kỹ năng:

- + Biết cách đánh giá các dạng tài nguyên của một khu vực cụ thể.
- + Biết cách đề xuất sử dụng hợp lý các dạng tài nguyên ở một khu vực cụ thể
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về phân bố, trữ lượng của các dạng tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam nói chung, trên 7 vùng kinh tế sinh thái của Việt Nam nói riêng bao gồm: vùng núi và trung du Bắc Bộ, đồng bằng Sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ. Học phần này còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về hiện trạng quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Tài nguyên thiên nhiên và Bảo vệ môi trường, Vũ Văn Doanh, Nguyễn Thị Hồng Hạnh
2. Nguyễn Ngọc Dung (2008), *Quản lý tài nguyên và môi trường*, NXB Xây dựng.
3. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2010), *Khoa học môi trường*, NXB Giáo dục Việt Nam

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Kông Tấu, 2009. Tài nguyên đất. NXB Đại học Quốc gia
2. Nguyễn Thanh Sơn, 2005. Đánh giá tài nguyên nước Việt Nam. NXB Giáo dục.
3. Lưu Đức Hải, Chu Văn Ngợi, 2004. Tài nguyên khoáng sản. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 145p
4. Thái Văn Trùng. Thảm thực vật rừng Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật
5. Lê Đức Tố. Hải dương học biển Đông. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Bùi Thị Hải Yến, 2009. Tài nguyên du lịch. NXB Giáo dục

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghe giảng, làm bài tập trên lớp, thảo luận nhóm,
- Tự học, tự đọc, tra cứu tài liệu và làm bài tập theo nội dung học tập giảng viên yêu cầu.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN				4		Đọc TLC 1, chương 1.
1.1. Khái niệm về tài nguyên thiên nhiên	0.5		0.5	1	2	
1.2. Phân loại tài nguyên thiên nhiên	0.5		0.5	1	2	
1.3. Con người với tài nguyên và môi trường	1			1	2	
1.4. Sự cần thiết bảo vệ tài nguyên thiên nhiên	1			1	2	
Chương 2. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VIỆT NAM				14		Đọc TLC 1
2.1. Tài nguyên khoáng sản và năng lượng 2.1.1. Tài nguyên khoáng sản 2.1.2. Tài nguyên năng lượng	1		1	2	4	
2.2. Tài nguyên khí hậu, cảnh quan 2.2.1. Tài nguyên khí hậu 2.2.2. Tài nguyên cảnh quan	2			2	4	
2.3. Tài nguyên đất 2.3.1. Định nghĩa 2.3.2. Phân loại đất 2.3.3. Hiện trạng tài nguyên đất	2	1		3	6	
2.4. Tài nguyên nước 2.4.1. Đặc điểm các nguồn nước 2.4.2. Tài nguyên nước mặt 2.4.3. Tài nguyên nước ngầm	2	1		3	6	
2.5. Tài nguyên sinh vật	2			2	4	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5.1. Tài nguyên thực vật 2.5.2. Tài nguyên động vật						
2.6. Tài nguyên biển 2.6.1. Vùng biển nước ta 2.6.2. Sinh vật và các hệ sinh thái biển Việt Nam 2.6.3. Tài nguyên du lịch biển	1		1	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VIỆT NAM				10		Đọc TLC 2.
3.1. Các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý tài nguyên	2			2	4	
3.2. Các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên	2	1		3	6	
3.3 Các công cụ kỹ thuật trong quản lý tài nguyên	2	1		3	6	
3.4. Các công cụ phụ trợ trong quản lý tài nguyên	1		1	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng				30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường
Tiếng Anh: Legal system on natural resources and environment
- Mã học phần: MTQM2309
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở khoa học môi trường, Quản lý môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 10 tiết
 - Thảo luận, kiểm tra: 11 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên trình bày được hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường. Phân tích được một số nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường và một số luật liên quan tới tài nguyên.
- *Về kỹ năng:* Phân biệt được thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường, vận dụng được các văn bản dưới luật hiện hành có liên quan tới tài nguyên và môi trường ở Việt Nam vào thực tế.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Biết tích hợp kiến thức cơ sở pháp lý tài

nguyên và môi trường vào thực tiễn và các học phần khối kiến thức chuyên ngành. có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan chung cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường;
- Luật bảo vệ môi trường Việt Nam;
- Một số nội dung cơ bản của luật liên quan đến tài nguyên ở Việt Nam;
- Các quy định dưới luật liên quan đến bảo vệ môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Trường đại học Luật Hà Nội, giáo trình Luật môi trường, NXB Công an nhân dân.
2. Bộ tài nguyên và môi trường (2015), *Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành luật*.
3. Bộ tài nguyên và môi trường (2018), *Nghị định 136/2018/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh lĩnh vực tài nguyên và môi trường*.
4. Luật liên quan đến tài nguyên (luật Đất đai, luật Tài nguyên nước, luật Khoáng sản, luật Lâm nghiệp, luật Đa dạng sinh học).

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT),

1. Cục Môi trường (biên dịch) (1995), *Các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường*, NXB Chính trị Quốc gia
2. Lê Minh Tâm (Chủ biên) (2009), *Lý luận nhà nước và pháp luật*, NXB Công an nhân dân.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các tiết học trên lớp
- Chuẩn bị tài liệu, bài tập ở nhà, tự học
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm
- Tham gia kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	5			5	10	
1.1. Cơ sở ra đời và phát triển của pháp luật tài nguyên và môi trường	1			1	2	-Đọc TLC 1, phần 1
1.2. Vai trò của công cụ pháp lý trong quản lý tài nguyên và môi trường	2			2	4	
1.3. Nguyên tắc chung của quản lý tài nguyên và môi trường bằng công cụ pháp luật	2			2	4	
Chương 2. LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM	7	5		12	24	
2.1. Quá trình xây dựng và sửa đổi luật bảo vệ môi trường	1			1	2	- Đọc TLC 1, chương 1. - Đọc TLC 2
2.2. Phạm vi điều chỉnh và sửa đổi luật bảo vệ môi trường 2014 <i>2.2.1. Phạm vi điều chỉnh của luật BVMT</i> <i>2.1.2. Cấu trúc và nội dung chính của luật BVMT</i>	5	1		6	12	
2.3. Một số ví dụ điển hình trong việc thực hiện luật bảo vệ môi trường	1	4		5	10	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TÀI NGUYÊN VIỆT NAM	7		5	12		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
3.1. Một số nội dung cơ bản của luật đất đai	1		1	2	2	-Đọc TLC3
3.2. Một số nội dung cơ bản của luật tài nguyên nước	2		1	3	6	
3.3. Một số nội dung cơ bản của luật khoáng sản	1		1	2	4	
3.4. Một số nội dung cơ bản của luật lâm nghiệp	1		1	2	4	
3.5. Một số nội dung cơ bản của luật đa dạng sinh học	2		1	3	6	
Chương 4. CÁC QUY ĐỊNH DƯỚI LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	5	5	4	14	28	
4.1. Các nghị định quy định chi tiết của luật bảo vệ môi trường và liên quan đến BVMT	2		1	3	6	- Đọc TLC 1, chương 2,3,4,5,6,7
4.2. Các thông tư hướng dẫn liên quan đến bảo vệ môi trường	2		1	3	6	
4.2. Các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường	1	5	2	8	16	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	24	10	11	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Độc học môi trường**
 - Tiếng Anh: **Environmental Toxicology**
- Mã học phần: MTĐQ2305
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành			
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn		
☐	☐	☒	☐	☐	☐	☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hóa học môi trường, Cơ sở khoa học môi trường.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Bài tập: 2,0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 2,0 tiết
 - Kiểm tra: 2,0 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Độc học và quan trắc môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được một số khái niệm cơ bản về độc học môi trường; nguồn gốc, tính độc của một số chất ô nhiễm môi trường cơ bản đã được giới thiệu trong học phần.

+ Áp dụng các kiến thức đã học để áp dụng để giải thích được một số biện pháp phòng ngừa và hạn chế tác động của các chất này đến sức khỏe con người..

- *Về kỹ năng:*

+ Dự đoán được các chất gây tác động chủ yếu trong các nguồn thải và tác động của chúng đến hệ sinh thái và con người;

+ Tính toán được một số thông số độc học cơ bản khi có số liệu đầu vào;

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về độc học và sức khỏe con người.
- Nguyên lý của độc học và phương pháp tính toán chỉ số độc học.
- Độc học trong các môi trường và một số tác nhân gây ô nhiễm môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Bùi Thị Thu, Lưu Văn Huyền (2018), *Giáo trình Độc học môi trường*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật
2. Lê Huy Bá (chủ biên) (2006), *Độc học môi trường - Tập 2*, Phần chuyên đề, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
3. Lê Thị Hồng Trân (2008), *Đánh giá rủi ro sức khỏe và đánh giá rủi ro sinh thái*, NXB Khoa học và kỹ thuật.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Lê Huy Bá (2017), *Độc học môi trường*, NXB Đại học QG TP Hồ Chí Minh
2. Trịnh Thị Thanh (2001), *Độc học, môi trường và sức khỏe con người*, NXB Đại học QG Hà Nội.
3. Ming - Ho Yu (2005), *Environmental Toxicology: Biological and health effects of pollutants*, CRC Press LLC.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☒	☐	☒	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Nghe giảng bài và hướng dẫn học tập
- Làm bài tập

- Tự học: Nghiên cứu tài liệu để nắm vững lý thuyết, sau đó làm bài tập ở nhà và sửa chữa trên lớp
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐỘC HỌC VÀ SỨC KHỎE CON NGƯỜI	8			8,0	16	
1.1. Một số khái niệm cơ bản	2			2	4	Độc TLC 1 Độc TLĐT 3
1.2. Đặc trưng của tính độc và một số yếu tố ảnh hưởng đến tính độc của chất độc (độc chất, độc tố)	2,0			2,0	4	Độc TLC 1 Độc TLĐT 3
1.3. Phân loại độc chất, độc tố	2			2	4	Độc TLC 1 Độc TLĐT 3
1.4. Một số văn bản quy định của nhà nước về điều kiện môi trường và sức khỏe con người	1			1	2	Độc TT 19/2016/TT-BYT Quyết định số 3733/2002.QĐ-BYT
1.5. Đối tượng nghiên cứu và ý nghĩa của độc học môi trường	1			1	2	Độc TLC 1
Chương 2. NGUYÊN LÝ CỦA ĐỘC HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN MỘT SỐ CHỈ SỐ ĐỘC HỌC	8	2	1	11	22	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Nguyên tắc chung trong nghiên cứu độc học	1			1	2	Độc TLC 1
2.2 Đường đi của độc chất trong môi trường và cơ thể động thực vật 2.2.1. Nguồn phát sinh tác nhân gây độc trong môi trường 2.2.2. Trình tự các bước trên đường đi của độc chất khi tác dụng lên động vật 2.2.3. Các quá trình a) Xâm nhập và hấp thụ b) Phân bố và tích tụ c) Chuyển hóa d) Đào thải và bài tiết	3			3	6	Độc TLC 1 Độc TLĐT 3
2.3. Tác động của chất độc với cơ thể sống	1			1	2	Độc TLC 1 Độc TLĐT 1
2.4 Các thông số và một số phương pháp đánh giá độ độc 2.4.1 Quan hệ giữa liều lượng và đáp ứng. 2.4.2 Đánh giá độc tính cấp tính 2.4.3 Đánh giá độc tính mãn tính 2.4.4 Một số tham số khác	2	1		3	6	Độc TLC 1,3 Độc TLĐT 1
2.5 Đánh giá phơi nhiễm	1	1		2	4	Độc TLC 1, 3
Kiểm tra chương 1 +2			1	1	2	
Chương 3. ĐỘC HỌC CỦA MỘT SỐ TÁC NHÂN GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG	8		3	11	22	
3.1. Độc chất trong các môi trường 3.1.1. Độc chất và tác động gây hại của độc chất trong môi trường nước. 3.1.2. Độc chất và tác động gây hại của độc chất trong môi trường đất. 3.1.3. Độc chất và tác động gây hại của độc chất	1		0,5	1,5	3	Độc TLC 1 Độc TLĐT 2, 3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
trong môi trường không khí.						
3.2. Độc học của một số tác nhân hóa học 3.2.1. Độc học của một số kim loại nặng 3.2.2. Độc học của một số dung môi hữu cơ 3.2.3. Độc học của một số chất hữu cơ khó phân hủy 3.2.4. Độc học của bụi và một số chất khí	3		0,5	3,5	7	Độc TLC 1,2 Độc TLĐT 1, 2, 3
3.3. Độc học một số tác nhân sinh học	1		1	2	4	Độc TLC 1 Độc TLĐT 1, 2, 3
3.4. Độc học một số tác nhân vật lý	1			1	2	Độc TLC 1 Độc TLĐT 1, 2, 3
3.5. Giới thiệu về đánh giá rủi ro môi trường và đánh giá rủi ro sức khỏe do ô nhiễm môi trường	2			2	2	Độc TLC 1, 3
Kiểm tra chương 3			1	1	2	
TỔNG SỐ	24	2,0	4,0	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Biến đổi khí hậu
Tiếng Anh: Climate Change
- Mã học phần: BDKH2352
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 25 tiết
 - Bài tập: 01 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được khái niệm BDKH và các kiến thức cơ bản liên quan đến BDKH (nguyên nhân và biểu hiện, bản chất và cơ chế BDKH);
 - + Trình bày được các giải pháp ứng phó (thích ứng và giảm thiểu) với BDKH;
 - + Phân tích được tác động của BDKH đến đời sống tự nhiên, kinh tế-xã hội trên thế giới và Việt Nam;

+ Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu BĐKH, phương pháp đánh giá tác động BĐKH và phương pháp xây dựng các giải pháp ứng phó BĐKH.

- *Về kỹ năng:*

+ Phát triển kỹ năng phát hiện phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến BĐKH;

+ Rèn luyện kỹ năng tự học, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng nghiên cứu khoa học.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Biết tích hợp kiến thức biến đổi khí hậu vào thực tiễn. Có khả năng tự định hướng trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng đối với các vấn đề liên quan BĐKH, góp phần ứng phó BĐKH tại địa phương.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Giới thiệu cho sinh viên kiến thức cơ bản về BĐKH, cơ chế, nguyên nhân và biểu hiện của BĐKH;

- Cung cấp các nội dung về tác động của BĐKH đến đời sống tự nhiên, kinh tế- xã hội trên thế giới và Việt Nam, và các giải pháp ứng phó BĐKH;

- Cung cấp các phương pháp nghiên cứu BĐKH, phương pháp đánh giá tác động BĐKH và phương pháp xây dựng các giải pháp ứng phó BĐKH.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Giáo dục ứng phó BĐKH*, NXB Giáo dục.
2. Viện Khoa học Khí tượng, Thủy văn và Biến đổi khí hậu (2010), *BĐKH và tác động*.
3. Yves Sciama (Thúy Quỳnh dịch, 2010), *Biến đổi khí hậu một thời đại mới trên Trái đất*, NXB trẻ.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Viện Khoa học Khí tượng, Thủy văn và Biến đổi khí hậu (2011), *Đánh giá tác động của BĐKH và các giải pháp thích ứng*.
2. Nguyễn Thọ Nhân (2009), *Biến đổi khí hậu và năng lượng*, NXB tri thức.
3. George Philander (2012), *Encyclopedia of Global Warming and Climate Change (Second Edition)*, SAGE Publications.
4. G. Thomas Farmer (2015), *Modern Climate Change Science: An Overview of Today's Climate Change Science (First edition)*, SpringerBriefs in Environmental Science, Springer International Publishing.
5. Philipp Schmidt-Thome (2015) et. al., *Climate Change Adaptation Measures in Vietnam: Development and Implementation*, SpringerBriefs in Earth Sciences, Springer International Publishing.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp /Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☐	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Trường hợp nghỉ phải được sự đồng ý theo quy định.
- Sinh viên sẽ làm việc nhóm, thảo luận và hoàn thành 01 bài báo cáo theo yêu cầu, hình thức trình bày dạng Powerpoint, báo cáo trước lớp
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Thảo luận nhóm ☒	Bài tập lớn ☐	Thực hành ☐	Khác ☐
--	---	---	---	---------------------------------------	----------------------------------

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Vấn đáp ☐	Thực hành ☐
--	---	-------------------------------------	---------------------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ BDKH	8			8	15	
1.1. Các khái niệm, thuật ngữ kiến thức cơ bản về BDKH <i>1.1. Các khái niệm chung (khí hậu, thời tiết, hệ thống khí hậu)</i> 2.2. Khái niệm về BDKH <i>1.3. Hiệu ứng nhà kính</i>	3			3	6	TLC1 (tr 14-47) TLC2 (tr 73-81)
1.2. Giả thuyết, lịch sử và bằng chứng của BDKH <i>2.1. Giả thuyết về BDKH</i> <i>2.2. Bằng chứng về BDKH</i>	5			5	10	TLC 1 (tr 51-5) TLC 2 (tr 107-113)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
2.3. Lịch sử BĐKH và các sự kiện quan trọng						
2.4.Các hiện tượng thời tiết cực đoan						
Chương 2. NGUYÊN NHÂN, BIỂU HIỆN VÀ KỊCH BẢN CỦA BĐKH	7		2	9	18	
2.1. Nguyên nhân của BĐKH 2.1.1. Nguyên nhân tự nhiên 2.1.2. Nguyên nhân nhân tạo	2		1	3	6	
2.2. Biểu hiện của BĐKH 2.2.1. BĐKH toàn cầu 2.2.2. BĐKH ở Việt Nam	3			3	6	TLC 2 (tr 81-85, 112-168)
2.3. Kịch bản BĐKH 2.3.1. Cơ sở xây dựng kịch bản BĐKH 2.3.2. Kịch bản BĐKH ở Việt Nam (2009 và 2012)	3			3	6	TLC 2 (tr 169 – 177)
Kiểm tra			1	1	2	
Chương3. TÍNH DỄ BỊ TỔN THƯƠNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA BĐKH	5	1		6	12	
3.1. Tính dễ bị tổn thương, mức độ tổn thương và các chỉ số đo mức độ tổn thương	1,5			1,5	3	TLC 2 (tr 195-196)
3.2. Tác động của BĐKH trên thế giới 3.2.1. Tác động của BĐKH đến hệ thống tự nhiên và sinh thái 3.2.2. Tác động của BĐKH đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội 3.2.3.Tác động của BĐKH đối với các khu vực	1,5			1,5	3	TLC 2 (tr 86-93)
3.3. Tác động của BĐKH ở Việt Nam 3.3.1. Tác động của BĐKH đến hệ thống tự nhiên 3.3.2. Tác động của BĐKH đến các vùng khí hậu 3.3.3. Tác động của BĐKH đến sự phát triển các ngành kinh tế - xã hội 3.3.4.Thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan ở Việt Nam	2	1		3	4	TLC 2 (tr 196 – 218)
Chương 4. ỨNG PHÓ VỚI BĐKH	5	1	1	7	15	
4.1. Ứng phó với BĐKH trên thế giới	2			2	4	TLC 1 (tr 199-218) TLC 2 (tr 94-106)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
4.1.1. Các hiệp định quốc tế về BĐKH (Công ước khung UNFCCC và Nghị định thư Kyoto) 4.1.2. Các hội nghị quốc tế về BĐKH (COP 1 đến COP 21) 4.1.3.Hợp tác quốc tế về BĐKH						
4.2. Ứng phó với BĐKH ở Việt Nam 4.2.1. Chính sách, chiến lược thích ứng và giảm thiểu BĐKH ở Việt Nam 4.2.2. Các biện pháp thích ứng và giảm thiểu BĐKH ở Việt Nam 4.2.3. Quản lý và giảm thiểu rủi ro thiên tai ở Việt Nam	3			3	6	TLC 3 (tr 222-236) TLC 3 (tr 219 – 231)
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	25	2	3	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Kinh tế tài nguyên và môi trường
Tiếng Anh: Natural Resources and Environmental Economics
- Mã học phần: KTTN2301
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 05 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường. Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên, xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu.

- *Về kỹ năng:*

+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế.

+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.

+ Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đưa ra được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Biết tích hợp kiến thức kinh tế tài nguyên và môi trường vào thực tiễn và các học phần khối kiến thức chuyên ngành. Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: các khái niệm cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường; các vấn đề tài nguyên, môi trường dưới góc độ phân tích của kinh tế học: phân tích hiện trạng, đưa ra các giải pháp lồng ghép kết quả phân tích kinh tế trong khai thác tài nguyên và phát triển kinh tế xã hội.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thế Chinh (2009), *Kinh tế và Quản lý môi trường*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Mậu Dũng (2009), *Kinh tế môi trường*, Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

2. Hoàng Xuân Cơ (2005), *Kinh tế môi trường*, NXB Giáo dục.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập
☐	☐	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp. Mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp: đánh giá thông qua số lần phát biểu trên lớp trong các buổi lý thuyết và thảo luận.

- Trong quá trình học giảng viên có thể đột xuất tiến hành kiểm tra việc chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, hay các bài tập được giao. Sinh viên cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu này của giảng viên.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHẬP MÔN	3			3	6	
1.1. Sự ra đời của Kinh tế tài nguyên và môi trường	1			1	2	Đọc TLC (1) trang 21-85
1.2. Khái niệm, đối tượng và nội dung môn học						
1.2.1. Khái niệm kinh tế tài nguyên và môi trường 1.2.2. Đối tượng và nội dung môn học						
1.3. Phương pháp nghiên cứu môn học	2			2	4	
1.4. Mối liên hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế						
1.4.1. Một số khái niệm 1.4.2. Vai trò của hệ thống môi trường 1.4.3. Cân bằng vật chất và chất lượng môi trường						
Chương 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT CỦA KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	5	1		6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
2.1. Các công cụ phân tích kinh tế 2.1.1. Cầu 2.1.2. Cung 2.1.3. Cân bằng thị trường 2.1.4. Lợi ích xã hội và hiệu quả Pareto	2,5			2,5	5	Đọc TL (1) trang 89-120
2.2. Thất bại thị trường 2.2.1. Khái quát về thất bại thị trường 2.2.2. Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường						
2.3. Ngoại ứng 2.3.1. Khái niệm và phân loại ngoại ứng 2.3.2. Tác động của ngoại ứng tiêu cực 2.3.3. Tác động của ngoại ứng tích cực	2,5	1		3,5	7	
Chương 3. KINH TẾ Ô NHIỄM	9	3		12	14	
3.1. Ô nhiễm tối ưu và định lý Ronald Coase 3.1.1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường 3.1.2. Xác định mức ô nhiễm tối ưu 3.1.3. Biện pháp kinh tế giảm nhẹ ô nhiễm môi trường 3.1.4. Lý thuyết Ronald Coase về quyền sở hữu và thị trường	3,5			3,5	7	Đọc TLC (1) trang 120-170
3.2. Các công cụ kiểm soát ô nhiễm 3.2.1. Thuế Pigou 3.2.2. Trợ cấp giảm thải 3.2.3. Phí xả thải và chuẩn thải 3.2.4. Giấy phép xả thải có thể chuyển nhượng (Quota ô nhiễm)	5,5	3		8,5	17	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. KINH TẾ TÀI NGUYÊN	2		2	4	8	
4.1. Tài nguyên tái sinh (RR) 4.1.1. Khái niệm tài nguyên tái sinh 4.1.2. Đặc điểm khai thác tài nguyên tái sinh	1			1	2	Đọc TLC (1) trang 171-226; trang 293-336
4.2. Tài nguyên không tái sinh (NRR)	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
4.2.1. Định nghĩa tài nguyên không tái sinh 4.2.2. Đặc điểm tài nguyên không tái sinh 4.3. Một số vấn đề về sử dụng và khai thác tài nguyên ở Việt Nam 4.3.1. Một số vấn đề về sử dụng tài nguệntái sinh ở Việt Nam 4.3.2. Một số vấn đề về khai thác tài nguyên không tái sinh ở Việt Nam						
Thảo luận			2	2	4	
Chương 5. PHÂN TÍCH LỢI ÍCH-CHI PHÍ	2	1		3	6	
5.1. Định giá tài nguyên và môi trường 5.1.1. Tầm quan trọng của việc định giá tài nguyên và môi trường 5.1.2. Các phương pháp định giá tài nguyên và môi trường	1			1	2	Đọc TL (1) trang 255-283
5.2. Khái quát chung về phân tích lợi ích - chi phí 5.2.1. Khái niệm và ý nghĩa 5.2.2. Khung phân tích 5.2.3. Chiết khấu 5.2.4. Các chỉ tiêu sử dụng khi đánh giá một dự án	1	2		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	21	5	4	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Đa dạng sinh học**
 - Tiếng Anh: **Biodiversity**
- Mã học phần: MTQT2302
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh thái học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 8 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các khái niệm về đa dạng sinh học; phân tích được các mức độ biểu hiện của đa dạng sinh học; phân tích được vai trò của đa dạng sinh học, sự suy thoái đa dạng sinh học, nguyên nhân và sự tuyệt chủng các loài; hiểu được thực trạng đa dạng sinh học ở Việt Nam;
- *Về kỹ năng:* Vận dụng kiến thức cơ bản về đa dạng sinh học để tiếp thu các học phần liên quan tiếp sau như: Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học; Bảo tồn đa dạng sinh học,....

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về đa dạng sinh học: Khái niệm đa dạng sinh học; các mức độ biểu hiện của đa dạng sinh học; định lượng đa dạng sinh học; vai trò của đa dạng sinh học; suy thoái đa dạng sinh học các nguyên nhân gây suy thoái đa dạng sinh học; thang bậc phân loại mức đe dọa của các loài theo IUCN);
- Đa dạng sinh học ở Việt Nam: Cơ sở tạo nên đa dạng sinh học ở Việt Nam; mức độ đa dạng sinh học ở Việt Nam; phân loại và đặc điểm các vùng địa lý sinh vật ở Việt Nam; thực trạng và nguyên nhân suy thoái đa dạng sinh học ở Việt Nam; sinh vật biến đổi gen; sinh vật ngoại lai; giới thiệu về công tác quản lý ĐDSH ở Việt Nam.
- Sinh vật biến đổi gen; sinh vật ngoại lai.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Mạnh Dũng (2010), *Giáo trình Đa dạng sinh học*, NXB Nông nghiệp.
2. Nguyễn Lâm Hùng Sơn (Chủ biên), Trần Văn Ba, Nguyễn Hữu Đức, Đỗ Văn Nhượng, Bùi Minh Hồng, Nguyễn Vĩnh Thanh, Hoàng Ngọc Khắc, Bùi Thu Hà và Nguyễn Đức Hùng, 2011. *Đa dạng sinh học đất ngập nước: Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long*. Nxb ĐHSP HN.
3. Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Luật đa dạng sinh học*, NXB Hồng Đức.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Tài nguyên và môi trường (2011), *Báo cáo quốc gia về đa dạng sinh học*.
2. Phạm Bình Quyền (2003), *Đa dạng sinh học*, ĐH Quốc gia Hà Nội.
3. Hoàng Thị Thanh Nhàn, 2012. Kiến thức cơ bản về sinh vật ngoại lai xâm hại. Cục Bảo tồn đa dạng sinh học.
5. Christian L  veque, Jean-Claude Mounolou, (2003), *Biodiversity*. John Wiley & Sons, Ltd.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☒	☒	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học tập trên lớp: thảo luận và nghe giảng

- Học nhóm; Tự học, tự đọc, tra cứu tài liệu theo nội dung mà giáo viên yêu cầu,
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC	10		5	15	30	
1.1.Đa dạng sinh học là gì? 1.1.1. Khái niệm ĐDSH 1.1.2. Các mức độ biểu hiện của ĐDSH 1.1.3. Định lượng ĐDSH	4		1	5	10	Đọc TLC 1,
1.2.Vai trò của ĐDSH 1.2.1. Những giá trị kinh tế trực tiếp 1.2.2. Những giá trị kinh tế gián tiếp	2		2	4	8	Đọc TLC 1,
1.3.Suy thoái ĐDSH 1.3.1. Khái niệm suy thoái ĐDSH 1.3.2. Nguyên nhân gây suy thoái ĐDSH 1.3.3. Thang bậc phân hạng mức đe dọa của IUCN	4		1	5	10	Đọc TLC 1,
Kiểm tra chương 1			1	1	2	
Chương 2. ĐA DẠNG SINH HỌC Ở VIỆT NAM	10		5	15	30	
2.1.Giới thiệu ĐDSH ở Việt Nam 2.1.1. Cơ sở tạo nên ĐDSH ở Việt Nam 2.1.2. Mức độ ĐDSH ở Việt Nam	4		2	6	12	Đọc TLC 1; 2, TLĐT 1; 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1.3. <i>Tính đa dạng trong các vùng địa lý sinh vật Việt Nam</i>						
2.2. Suy thoái ĐDSH ở Việt Nam 2.2.1. <i>Thực trạng suy thoái ĐDSH ở Việt Nam</i> 2.2.2. <i>Nguyên nhân gây suy thoái ĐDSH ở Việt Nam</i>	2		2	4	8	Đọc TLC 1, TLĐT 1; 2
2.3. <i>Sinh vật ngoại lai</i>	1				2	TLĐT 3
2.4. <i>Sinh vật biến đổi gen</i>	1				2	TLĐT 4
2.5. Giới thiệu về công tác quản lý ĐDSH ở Việt Nam 2.5.1. <i>Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về ĐDSH</i> 2.5.2. <i>Các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý ĐDSH</i> 2.5.3. <i>Các tổ chức trong nước và quốc tế liên quan đến quản lý ĐDSH ở Việt Nam</i>	2			2	4	Đọc TLC 3, TLĐT 1;
Kiểm tra chương 2			1	1	2	
Cộng	20		10	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Quan trắc và phân tích môi trường
Tiếng Anh: Environmental Monitoring
- Mã học phần: MTĐQ2319
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hóa học đại cương
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Làm bài tập trên lớp: 6 tiết
 - Thực hành: 15 tiết
 - Thảo luận, kiểm tra: 4 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Độc học và quan trắc môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến quan trắc môi trường.
 - + Trình bày được các bước thiết kế một chương trình quan trắc môi trường; quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường, nguyên tắc xác định, quy trình tiến hành, phương pháp tính kết quả của quy trình phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường.
 - + Thiết kế, xây dựng được chương trình quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất, nước cho một số đối tượng cụ thể;

- Về kỹ năng:

- + Sử dụng thành thạo một số thiết bị quan trắc hiện trường;
- + Phân tích được một số các thông số cơ bản tại phòng thí nghiệm.
- + Tính toán kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao
- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm
- + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật quan trắc và phân tích môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Một số khái niệm cơ bản về quan trắc và phân tích môi trường
- Thiết kế chương trình quan trắc môi trường
- Phương pháp đo nhanh hiện trường và lấy mẫu các thành phần môi trường
- Phương pháp phân tích một số chỉ tiêu điển hình trong các đối tượng môi trường

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Quốc Hùng (2006), Các phương pháp và thiết bị quan trắc môi trường nước, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
2. Lê Đức (2004), Một số phương pháp phân tích môi trường, NXB ĐHQG.
3. Đồng Kim Loan (2007), Giáo trình quan trắc và phân tích môi trường khí, NXB Bản đồ.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Luận (2012), *Phân tích môi trường*, ĐH KHTN-ĐH QG Hà Nội
2. Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater (2012)
3. Các thông tư quy định về quy trình quan trắc của Bộ Tài Nguyên (Thông tư số 24/2017/TT- BTNMT), các tiêu chuẩn hướng dẫn phân tích các thông số trong môi trường.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp /Chia sẻ ☒	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☐
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Trong trường hợp không tham dự được, sinh viên phải có giấy phép xin nghỉ học được cố vấn học tập xác nhận.

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi thực hành trên phòng thí nghiệm.
- Theo QĐ 2211/QĐ-TĐHHN về việc đào tạo tín chỉ, sinh viên nghỉ quá 30% số tiết học lý thuyết sẽ không được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☐	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☐	☐	☐	☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU VỀ PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG	5	3	0,5	2,5	11	22	TLC 1 TLC 2
1.1. Một số khái niệm cơ bản	0,5				0,5	1	
1.2. Quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm	0,5				0,5	1	
1.3. Chuẩn bị hóa chất 1.3.1. Các loại nồng độ dung dịch 1.3.2. Hướng dẫn cách pha dung dịch có nồng độ xác định 1.3.3. Một số dụng cụ cơ bản trong phòng thí nghiệm phân tích định lượng	1,5	1		1	3,5	7	
1.4. Phương pháp phân tích định lượng cổ điển 1.4.1. Phương pháp phân tích thể tích 1.4.2. Phương pháp phân tích khối lượng	1,5	1		1	3,5	7	
1.5. Phương pháp phân tích hiện đại	1	1	0,5	0,5	3	6	

CHƯƠNG 2. ĐẠI CƯƠNG VỀ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG	3,5		1,5		5	10	TLĐT 3
2.1. Các khái niệm cơ bản	1				1	2	
2.2. Hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện quan trắc môi trường	1		0,5		1,5	3	
2.3. Quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường	1		0,5		1,5	3	
2.4 QA/QC trong quan trắc môi trường	0,5		0,5		1	2	
Kiểm tra chương 1 + 2			1		1	2	
CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC TẠI HIỆN TRƯỜNG VÀ PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN	11,5	3	2	12,5	29	59	
3.1. Quan trắc và phân tích môi trường nước 3.1.1. Quan trắc hiện trường 3.1.2. Các phương pháp bảo quản mẫu nước 3.1.3 Phương pháp phân tích các chỉ tiêu cơ bản a. Nhóm các thông số sử dụng phương pháp phân tích khối lượng (cặn) b. Nhóm các thông số sử dụng phương pháp phân tích thể tích (độ kiềm, độ cứng, clorua, COD) c. Nhóm các thông số sử dụng phương pháp trắc quang (NO_2^- , tổng Fe)	5,5	1	1	7,5	15	30	TLC 1 TLĐT 2
3.2. Quan trắc và phân tích môi trường khí 3.2.1. Quan trắc hiện trường 3.2.2 Phương pháp phân tích các chỉ tiêu cơ bản a. Xác định bụi lơ lửng b. Xác định NO_2 trong không khí	3	1		2,5	6,5	13	TLC 3

3.3. Quan trắc và phân tích môi trường đất 3.3.1. Quan trắc hiện trường 3.3.2. Xử lý sơ bộ mẫu đất 3.3.3 Phương pháp phân tích các chỉ tiêu cơ bản a. Xác định hệ số khô kiệt b. Xác định các thông số dinh dưỡng (tổng C, photpho dễ tiêu) c. Xác định kim loại nặng	3	1		2,5	6,5	13	TLC 2 TLĐT 2
Kiểm tra chương 3			1		1	2	
Cộng	20	6	4	15	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH, THỰC TẬP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Thực tập quan trắc và phân tích môi trường
Tiếng Anh: Practice on Environmental Monitoring
- Mã học phần: MTĐQ2320
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quan trắc và phân tích môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 3 tuần (15 ngày)
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Độc học và quan trắc môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Thiết kế, thực hiện và lập báo cáo quan trắc môi cho các đối tượng cụ thể;
 - + Đọc, hiểu và vận dụng được quy trình để tiến hành thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu cơ bản trong môi trường.
- *Về kỹ năng:*
 - + Sử dụng được một số thiết bị quan trắc và phân tích môi trường;
 - + Tính toán kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*
 - + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;
 - + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm;

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật quan trắc và phân tích các thành phần môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Thiết kế, xây dựng chương trình quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí, cho một đối tượng cụ thể;
- Quy trình, phương pháp quan trắc và phân tích một số thông số cụ thể;
- Tính toán kết quả phân tích và lập báo cáo kết quả quan trắc và phân tích chất lượng môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Quốc Hùng (2006), Các phương pháp và thiết bị quan trắc môi trường nước, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
2. Lê Đức (2004), Một số phương pháp phân tích môi trường, NXB ĐHQG.
3. Đồng Kim Loan (2007), Giáo trình quan trắc và phân tích môi trường khí, NXB Bản đồ.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Luận (2012), *Phân tích môi trường*, ĐH KHTN-ĐH QG Hà Nội
2. Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater (2012)
3. Các thông tư quy định về quy trình quan trắc của Bộ Tài Nguyên (Thông tư số 24/2017/TT- BTNMT), các tiêu chuẩn hướng dẫn phân tích các thông số trong môi trường.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☐	☐	☐	☐	☐
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ tất các buổi thực tập, thảo luận và báo cáo.
- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.
- Viết báo cáo thực tập.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: tham dự đầy đủ các bài thực tập.

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.
- Tiêu chí đánh giá các bài thực tập: Mức độ tích cực tham gia hoạt động học tập trên lớp; đánh giá qua bài thực tập và báo cáo thực tập.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Điểm thực tập các nội dung 1 và 2: 50%
- Điểm báo cáo thực tập: 50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung		Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài	Nội dung 1: Thiết kế chương trình quan trắc cho một đối tượng cụ thể và thực hiện quan trắc tại hiện trường	6,0	24	
1	Ôn tập: Sử dụng các dụng cụ cơ bản trong PTN	0,5	2	Biết cách sử dụng và sử dụng đúng một số trang thiết bị cơ bản
2	Ôn tập: Sử dụng một số thiết bị xử lý mẫu	0,5	2	
3	Thiết kế chương trình Quan trắc nước	0,5	2	Thiết kế chương trình quan trắc theo thông tư hướng dẫn hiện hành
4	Thiết kế chương trình quan trắc nước	0,5	2	
5	Thiết kế chương trình quan trắc đất	0,5	2	Lập kế hoạch quan trắc cho một đối tượng cụ thể
6	Thiết kế chương trình quan trắc không khí	0,5	2	
7	Pha hóa chất cho các bài chuẩn độ	0,5	2	Chuẩn bị hóa chất và dụng cụ, quy tắc an toàn PTN, cách tính toán để pha các dạng hóa chất
8	Pha hóa chất cho các bài trắc quang và AAS	0,5	2	
9	Lấy mẫu nước mặt và nước ngầm	0,5	2	Chuẩn bị tài liệu, các dụng cụ cần thiết phục vụ cho đợt lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường
10	Đo nhanh các thông số trong mẫu nước	0,5	2	
11	Lấy mẫu đất và xác định K của đất tươi	0,5	2	
12	Sử dụng thiết bị lấy mẫu khí và đo vi khí hậu	0,5	2	
Nội dung 2: Phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường		6,5	26	
13	Phân tích Clorua trong nước	0,5	2	Chuẩn bị lý thuyết trước khi đến phòng thí nghiệm, lập kế hoạch thực hiện
14	Phân tích Độ kiềm trong nước	0,5	2	
15	Phân tích độ cứng trong nước	0,5	2	

Nội dung		Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
				phân tích cho từng thông số cụ thể.
16	Xử lý sơ bộ mẫu đất và xác định K của đất khô không khí	0,5	2	
17	Phân tích COD trong nước	0,5	2	Chuẩn bị lý thuyết trước khi đến phòng thí nghiệm, lập kế hoạch thực hiện phân tích cho từng thông số cụ thể.
18	Phân tích hàm lượng Nitrit trong nước	0,5	2	
19	Phân tích hàm lượng tổng Fe trong nước	0,5	2	
20	Lấy mẫu và xác định hàm lượng bụi lơ lửng	0,5	2	
21	Lấy mẫu và xác định hàm lượng hàm lượng NO ₂ trong không khí	0,5	2	Lấy được và đo được thông số do giáo viên yêu cầu
22	Lấy mẫu và xác định hàm lượng bụi lắng tổng, sử dụng máy đo bụi	0,5	2	
23	Xác định hàm lượng chất hữu cơ trong đất	0,5	2	Chuẩn bị lý thuyết trước khi đến phòng thí nghiệm, lập kế hoạch thực hiện phân tích cho từng thông số cụ thể.
24	Xác định độ chua của đất	0,5	2	
25	Xác định photpho dễ tiêu trong đất	0,5	2	
	Nội dung 3: Xử lý số liệu và lập báo cáo	2,5	10	
26	Viết báo cáo về QTPTMT nước	0,5	2	Tính toán kết quả và viết báo cáo quan trắc theo thông tư 24/2017/TT-BTNMT, nộp báo cáo theo kế hoạch
27	Viết báo cáo về QTPTMT đất	0,5	2	
28	Viết báo cáo về QTPTMT khí	0,5	2	
29	Kiểm tra thực tập phần QTPTMT nước	0,5	2	
30	Kiểm tra thực tập phần QTPTMT đất+ khí	0,5	2	
Tổng số		15	60	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học
▪ Tiếng Anh: **Biodiversity Survey and Assessment**
- Mã học phần: MTQT2303
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành ☐		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh thái học, Đa dạng sinh học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 35 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 8 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các khái niệm về Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học; Hiểu được mục tiêu, ý nghĩa của việc điều tra đánh giá đa dạng sinh học; Trình bày được các bước thực hiện điều tra, đánh giá đa dạng sinh học.
- *Về kỹ năng:* Xây dựng được kế hoạch điều tra, đánh giá đa dạng sinh học. Vận dụng được các phương pháp để triển khai việc điều tra, đánh giá đa dạng sinh học.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Chủ động được trong việc xây dựng kế hoạch, tìm hiểu và chuẩn bị tài liệu, phương tiện kỹ thuật và triển khai hoạt động điều tra đa

dạng sinh học. Có thái độ và hành vi đúng đắn đối với việc bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học trong mọi hoạt động. Có trách nhiệm cao và trung thực về kết quả trong hoạt động điều tra đa dạng sinh học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về điều tra đa dạng sinh học: Khái niệm; Quy trình điều tra, đánh giá đa dạng sinh học như Lấy mẫu, xử lý mẫu; phân tích mẫu; xử lý số liệu; viết báo cáo;
- Phương pháp điều tra đa dạng sinh học: Điều tra thành phần loài (điều tra khu hệ thực vật, động vật hoặc một nhóm cụ thể); Điều tra trữ lượng (Xác định mật độ, sinh khối của các loài); Điều tra về đặc điểm về phân bố của các quần thể loài.
- Hướng dẫn lập báo cáo đa dạng sinh học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Tổng cục Môi trường (2016). Hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo đa dạng sinh học và điều tra đa dạng sinh học.
2. Trần Đình Nghĩa (2005), Sổ tay thực tập thiên nhiên. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội
3. Đặng Ngọc Thanh, Thái Trần Bái, Phạm Văn Miên, 1980. Định loại động vật không xương sống nước ngọt Bắc Việt Nam. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
4. Mai Đình Yên, 1978. Định loại cá nước ngọt các tỉnh phía bắc Việt Nam. NXB Khoa học và kỹ thuật.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Alena Lindsay, Richard Robinson, Tom May, and Sapphire JM McMullan-Fisher (2013), Guide to Surveying Fungi in Australia. Published by Fungimap Inc with funding from Cradle Coast Authority.
2. .David Hill, Matthew Fasham, Graham Tucker, Michael Shewry, Philip Shaw (2005), Handbook of Biodiversity Methods, Survey, Evaluation and Monitoring. Cambridge University Press. 589 pages.
3. Phan Nguyên Hồng và CS (2003), Sổ tay hướng dẫn giám sát về điều tra đa dạng sinh học. WWF Chương trình Đông Dương. NXB Giao thông Vận tải, Hà Nội.
4. Tam, N.F.Y., Wong, Yuk Shan (2000), Field Guide to Hong Kong Mangroves. City University of Hong Kong Press, Hong Kong, 88 pages.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☒	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học tập trên lớp: thảo luận và nghe giảng
- Học nhóm; Tự học, tự đọc, tra cứu tài liệu ở nhà theo nội dung học tập mà giáo viên yêu cầu,
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận Trắc nghiệm Thảo luận nhóm Bài tập lớn Thực hành Khác
☒ ☐ ☒ ☐ ☐ ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận Trắc nghiệm Vấn đáp Thực hành
☒ ☐ ☐ ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC	5			5	10	
1.1.Khái niệm	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1,2
1.2.Mục đích của điều tra, đánh giá đa dạng sinh học	0,5			0,5	1	
1.3.Các chỉ số dùng trong điều tra, đánh giá ĐDSH	1			1	2	
1.4.Đối tượng điều tra, đánh giá đa dạng sinh học	0,5			0,5	1	
1.5.Thời gian và chu kỳ lặp lại cho chương trình điều tra, đánh giá ĐDSH	0,5			0,5	1	
1.6.Các bước trong điều tra, đánh giá ĐDSH	1			1	2	TLĐT 2, mục 3
1.7. Các phương pháp đánh giá đa dạng sinh học	1			1	2	
Chương 2. ĐIỀU TRA,	5			5	10	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC MỘT SỐ SINH CẢNH						
2.1.Giới thiệu về đánh giá đa dạng sinh học một số sinh cảnh	1			1	2	Đọc TLĐT 2, mục 4;
2.2. Đặc điểm của một số sinh cảnh 2.2.1. <i>Sinh cảnh rừng cây gỗ và cây bụi</i> 2.2.2. <i>Sinh cảnh đồng cỏ</i> 2.2.3. <i>Sinh cảnh đồng ruộng</i> 2.2.4. <i>Sinh cảnh núi đá vôi</i> 2.2.5. <i>Sinh cảnh đất ngập nước</i> 2.2.6. <i>Sinh cảnh sông, suối</i> 2.2.7. <i>Sinh cảnh đầm phá ven biển</i> 2.2.8. <i>Sinh cảnh vùng triều</i> 2.2.9. <i>Sinh cảnh cửa sông</i>	2			2	4	Đọc TLĐT 2, mục 5;
2.3. Các phương pháp điều tra, đánh giá đa dạng sinh học một số sinh cảnh 2.3.1. <i>Các phương pháp điều tra, đánh giá chung</i> 2.3.2. <i>Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học một số sinh cảnh cơ bản</i>	2			2	4	Đọc TLĐT 2, mục 6;
Chương 3. ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC ĐỘNG VẬT	12			12	24	
3.1.Điều tra, đánh giá ĐDSH động vật nổi	2			2	4	Đọc TLC 1,
3.2.Điều tra, đánh giá ĐDSH động vật đáy	2			2	4	Đọc TLC 1,
3.3.Điều tra, đánh giá ĐDSH nhóm Côn trùng	2			2	4	Đọc TLC 2, mục 16,17,18;
3.4.Điều tra, đánh giá ĐDSH nhóm Cá	2			2	4	Đọc TLC 1; TLĐT 2 mục 21
3.5.Điều tra, đánh giá ĐDSH Lưỡng cư, Bò sát	2			2	4	Đọc TLC 1, Đọc TLĐT2 mục 22,23;
3.6.Điều tra, đánh giá ĐDSH nhóm Chim, Thú	2			2	4	Đọc TLC 1, Đọc TLĐT 2 mục 24;
Kiểm tra			1	1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 4. ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC THỰC VẬT VÀ NẤM LỚN	11			11	22	
4.1. Các nguyên tắc và phương pháp cơ bản	1			1	2	Đọc TLC 1,2;
4.2.Điều tra, đánh giá ĐDSH nhóm nấm lớn	2			2	4	Đọc TLC 1,2;
4.3.Điều tra, đánh giá ĐDSH nhóm thực vật bậc thấp	2			2	4	Đọc TLCĐT 2 mục 12;
4.4.Điều tra, đánh giá ĐDSH nhóm thực vật bậc cao	6			6	12	Đọc TLC 1, TLĐT 2 mục 14; Đọc TLC 3,
Chương 5. LẬP BÁO CÁO ĐA DẠNG SINH HỌC	2		8	10	20	
5.1. Hướng dẫn lập báo cáo đa dạng sinh học	2			2	4	Đọc TLC 1,
5.2. Thực tế điều tra đa dạng sinh học			6	6	12	Hoạt động tại các cơ sở ở ngoài trường
5.3. Giới thiệu 1 báo cáo đa dạng sinh học điển hình			2	2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	35		10	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH, THỰC TẬP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Cơ sở Địa lý Tài nguyên và Môi trường**

Tiếng Anh: **Geographical basis of Natural Resources and Environment**

- Mã học phần: **MTQM2328**
- Số tín chỉ: 2
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở khoa học môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 16 tiết
 - Bài tập: 12 tiết
 - Thảo luận, kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

- + Sinh viên trình bày được những vấn đề chung về địa lý, tài nguyên và môi trường;
- + Nêu và phân tích được khái niệm, nguyên tắc và phương pháp phân vùng địa lý tự nhiên, trình bày được đặc điểm tài nguyên và môi trường các vùng địa lý tự nhiên của Việt Nam;
- + Trình bày được khái niệm, mục tiêu, nội dung và các công cụ quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường; phân tích được các vấn đề trong quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường cho các khu vực cụ thể.

- *Về kĩ năng*: Sinh viên vận dụng các kiến thức về địa lý tài nguyên và môi trường để giải thích các vấn đề liên quan tới ngành học.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Biết tích hợp kiến thức địa lý tài nguyên và môi trường vào thực tiễn và các học phần khối kiến thức chuyên ngành. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Các nội dung được đề cập đến trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về địa lý tài nguyên và môi trường;
- Phân vùng địa lý tự nhiên;
- Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- 1) Lê Huy Bá (2017), *Địa - Môi trường Việt Nam*, NXB ĐHQG-HCM.
- 2) Nguyễn Vi Dân (2010), *Cơ sở địa lý tự nhiên*, NXB ĐHQGHN.
- 3) Lê Bá Thảo (1998), *Việt Nam - lãnh thổ và các vùng địa lý*. NXB Thế giới.
- 4) Lưu Đức Hải (2008), *Cơ sở Khoa học môi trường*, NXB ĐHQG Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

- 1) Phạm Hoàng Hải (1997), *Cơ sở cảnh quan học của việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường lãnh thổ Việt Nam*. NXB Giáo dục.
- 2) Vũ Tự Lập (2004), *Địa lý tự nhiên Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- 3) Đoàn Văn Điểm (2016). *Tài nguyên thiên nhiên, Quyển 1 (Khí hậu - Đất - Nước - Rừng)*. NXB Đại học Nông nghiệp.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp /Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☐	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.
- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập**8.1. Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%

- Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	5	1		6	12	
2.1. Những khái niệm địa lý cơ bản						<i>Đọc tài liệu (1) và (2)</i>
2.1.1. Khái niệm địa lý học và địa lý tự nhiên	1			1	2	
2.1.2. Đối tượng nghiên cứu của địa lý tự nhiên	1			1	2	
2.2. Khái niệm và phân loại tài nguyên						<i>Đọc tài liệu (2), (4) và (7)</i>
2.2.1. Tài nguyên thiên nhiên	1	1		2	4	
2.2.2. Tài nguyên nhân văn	0.5			0.5	1	
2.2.3. Tài nguyên vị thế	0.5			0.5	1	
2.3. Khái niệm môi trường và bảo vệ môi trường	1			1	2	<i>Đọc tài liệu (4)</i>
CHƯƠNG 3. PHÂN VÙNG ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	5	7	1	13	26	
3.1. Phân vùng địa lý tự nhiên						<i>Đọc tài liệu (1), (3), (5)</i>
3.1.1. Khái niệm phân vùng	0.5			0.5	1	
3.1.2. Nguyên tắc và phương pháp phân vùng địa lý tự nhiên	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2. Đặc điểm tài nguyên và môi trường các vùng địa lý tự nhiên Việt Nam						Đọc tài liệu (3), (6)
3.2.1. Vùng Tây Bắc	0.5	1		1.5	3	
3.2.2. Vùng Đông Bắc và đồng bằng sông Hồng	0.5	1		1.5	3	
3.2.3. Vùng Bắc Trung Bộ	0.5	1		1.5	3	
3.2.4. Vùng Nam Trung Bộ	0.5	1		1.5	3	
3.2.5. Vùng Tây Nguyên	0.5	1		1.5	3	
3.2.6. Vùng Đông Nam Bộ	0.5	1		1.5	3	
3.2.7. Vùng đồng bằng sông Cửu Long	0.5	1		1.5	3	
Kiểm tra chương 1 và 2			1	1	2	
CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	6	4	1	11	22	
4.1. Khái niệm quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường	1			1	2	Đọc tài liệu (1), (2), (3), (5)
4.2. Mục tiêu quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường	1			1	2	
4.3. Nội dung quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường	1			1	2	
4.4. Các công cụ quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường	1			1	2	
4.5. Định hướng và giải pháp quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường khu vực						
4.5.1. Vùng núi và cao nguyên	0.5	1		1.5	3	
4.5.2. Vùng trung du và đồng bằng	0.5	1		1.5	3	
4.5.3. Vùng ven biển	0.5	1		1.5	3	
4.5.4. Lưu vực sông	0.5	1		1.5	3	
Kiểm tra chương 3			1	1	2	
Tổng	16	12	2	30	60	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt: **Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường**
 - Tiếng Anh: **Research skills on Natural Resources and Environment**
- Mã học phần: MTQT2325
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành ☒		Kiến thức ngành □		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở khoa học môi trường, Quản lý môi trường, Đa dạng sinh học, Xác suất thống kê, Sinh thái học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Bài tập: 7 tiết
 - Thảo luận, Kiểm tra: 8 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong quản lý môi trường và quản lý tài nguyên; phân tích được dữ liệu thu thập, trình bày được kết quả nghiên cứu; vận dụng được kiến thức để thực hiện tốt đề tài nghiên cứu, khóa luận tốt nghiệp, bao gồm chuẩn bị đề cương nghiên cứu; Thiết kế và thực hiện nghiên cứu; Phương pháp thu thập số liệu; Nhập và xử lý số liệu nghiên cứu; Phân tích và đánh giá được những kết luận rút ra từ quá trình nghiên cứu.

- *Về kỹ năng*: Có khả năng xây dựng kế hoạch nghiên cứu, đề cương nghiên cứu, thực hiện một nghiên cứu theo từng chủ đề liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên môi trường; có khả năng thống kê, xử lý số liệu môi trường; có khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có khả năng chủ động trong NCKH, trung thực đối với kết quả nghiên cứu. Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên môi trường bao gồm: tổng quan chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; phương pháp nghiên cứu tài nguyên môi trường; tổ chức đề tài khoa học về tài nguyên và môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Cao Đàm (2008), *Giáo trình Phương luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo Dục.
2. Hoàng Anh Huy (2014). *Giáo trình Quản lý môi trường*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
3. Nguyễn Viết Vượng (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Lê Huy Bá (2006), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, tập 2. Dành cho sinh viên ngành Môi trường. NXB Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Bảo Vệ (2012), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Đại học Cần Thơ.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học tập trên lớp: thảo luận và nghe giảng
- Học nhóm; tự học, tự đọc, tra cứu tài liệu ở nhà theo nội dung học tập mà giáo viên yêu cầu
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	2	1	0	3	6	TLC1 chương 1,
1.1.Khái niệm về khoa học và nghiên cứu khoa học	0.5					
1.1.1. Khái niệm khoa học .						
1.1.2. Khái niệm nghiên cứu khoa học						
1.2.Phân loại nghiên cứu khoa học	0.5					
1.3.Các khái niệm trong đề tài nghiên cứu khoa học.	0,5					
1.4.Trình tự logic của nghiên cứu khoa học	0,5	1				
Chương 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	11	6	1	18	36	TLC1,3, chương 3,4,5
2.1. Phương pháp tiếp cận và lựa chọn vấn đề nghiên cứu	3					
2.1.1. Vấn đề khoa học • Khái niệm "Vấn đề khoa học" • Phương pháp phát hiện vấn đề khoa học	1					
2.1.2. Giả thuyết khoa học • Khái niệm “Giả thuyết khoa học”. • Liên hệ giữa “giả thuyết khoa học” với “vấn đề khoa học” • Bản chất logic của giả thuyết khoa học	1					
2.1.3. Các vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường • Các vấn đề khoa học về tài nguyên • Các vấn đề khoa học về môi trường	1					TLĐT 1
Kiểm tra bài 1			1			
2.2.Các phương pháp nghiên cứu khoa học.	8	6				TLC 1; TLC 3 TLĐT 1
2.1.1.Khái niệm và ý nghĩa của phương pháp trong nghiên cứu khoa học.	0.5					
2.2.2.Phương pháp nghiên cứu lý thuyết	1.5					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2.3.Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm • Các khái niệm • Xác định các biến trong thí nghiệm • Bố trí thí nghiệm để thu thập số liệu nghiên cứu • Cách chọn mẫu và tối ưu hóa việc chọn mẫu • Cách lấy mẫu và bảo quản mẫu • Phân tích mẫu	2	2				
2.2.4. Phương pháp nghiên cứu phi thực nghiệm • Khái niệm • Phương pháp thu thập số liệu	2	3				
2.2.5. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu	2	1				
Chương 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	2		7	9	18	
3.1. Xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu khoa học cho một nghiên cứu cụ thể	0,5		2			Đọc TLC2,
3.2. Triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cho một nghiên cứu cụ thể			1			
3.3. Tổng hợp kết quả và viết báo cáo khoa học cho một nghiên cứu cụ thể	1		2			TLC 1
3.4.Thiết kế và trình bày một báo cáo khoa học (Báo cáo bằng slide) cho một nghiên cứu cụ thể	0,5		2			TLC 1
Cộng	15	7	8	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Tiếng Anh chuyên ngành
Tiếng Anh: **English for Environmental management**
- Mã học phần: NNTA2558
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐		

- Các học phần tiên quyết: Đã hoàn thành học phần tiếng Anh cơ bản 1,2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 12 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 17 tiết
 - Kiểm tra: 03 tiết
 - Bài tập: 13 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Hiểu được kiến thức đặc trưng của một số chuyên ngành Môi trường được cung cấp trong giáo trình. Hiểu biết và giải thích được vấn đề liên quan đến một số chuyên ngành Môi trường được học.
 - + Có vốn từ vựng chuyên ngành cơ bản để đọc hiểu tài liệu chuyên ngành cũng như đủ khả năng để diễn đạt và trao đổi ý kiến thảo luận trong các cuộc hội thảo chuyên ngành.
- *Về các kỹ năng:*

** Kỹ năng nghe:*

+ Luyện kỹ năng nghe hiểu ý chính của bài giảng và nghe thông tin chi tiết; cách phát âm một số thuật ngữ chuyên ngành.

** Kỹ năng nói*

- + Hỏi và trả lời cũng như thảo luận về những kiến thức chuyên ngành.
- + Tóm tắt được những bài khóa.
- + Trình bày ý kiến cá nhân về những chủ đề của bài học.
- + Thảo luận hoặc thuyết trình theo nhóm về đề tài được giao.

** Kỹ năng đọc*

+ Phát triển được một số kỹ năng đọc hiểu cơ bản như đọc để lấy ý chính, đọc để tìm thông tin cụ thể, đoán nghĩa từ mới thông qua ngữ cảnh, xác định chủ đề của các đoạn văn, nhận biết mối quan hệ giữa các đoạn văn và bước đầu thực hành dịch cơ bản, ứng dụng kiến thức đã học vào công việc về sau.

** Kỹ năng viết*

- + Rèn kỹ năng viết thông qua các bài tập trong phần luyện viết.
- + Viết đoạn văn ngắn hoặc tóm tắt chủ đề vừa học.
- + Truyền đạt thông tin và ý tưởng về các đề tài cụ thể hay trừu tượng, kiểm tra thông tin, yêu cầu lấy thông tin hay giải thích vấn đề với độ chính xác phù hợp.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*
- + Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức tập trung cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học.
- + Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet; Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.
- + Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.
- + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử; hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp; chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Các nội dung trong học phần bao gồm một số từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành và nội dung liên quan đến các chủ đề: Khoa học môi trường, sinh quyển, ô nhiễm môi trường tài nguyên năng lượng, tái chế và phát triển bền vững.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Richard Lee (2009), *English for Environmental science*, Garnet Publishing Ltd.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Daniel D. Chiras, *Environmental Sciences*, University of Denver.
2. Lê Thanh Huyền & Nguyễn Thị Thanh Xuân. Hunre (2010), *English for Environmental Sciences*. Lưu hành nội bộ. Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

3. ĐH Kỹ thuật Công nghệ HCM (2006), *English for Environmental Studies*.
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), *Tài liệu Bồi dưỡng kiến thức tiếng Anh chuyên ngành Môi trường*. Lưu hành nội bộ. Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
5. NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội (2001), *Từ điển Môi trường và Phát triển Bền vững Anh Việt và Việt Anh*.
6. David D.Kemp (1998), *The Environment Dictionary*, Library of Congress Cataloguing in Publication Data.
7. Peter Collin (2004), *Dictionary of Environment and Ecology*, Bloomsbury Publishing Plc.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, thuyết trình, hoạt động theo cặp/nhóm và tự học, tự nghiên cứu...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- Tham dự đầy đủ các buổi học, tích cực tham gia vào bài giảng;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì;
- Các bài thực hành viết phải được nộp cho GV một tuần sau khi sinh viên được giao bài;
- Các bài tập phải nộp đúng hạn;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học;
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần.

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1
Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
MODULE 1. ENVIRONMENTAL SCIENCE	2	2	2	1	7	14	

1.1. Vocabulary: <i>Environmental science and environmental scientists</i>							* Trên lớp: – Brainstorm: • <i>How many aspects/ branches does environmental science consist of?</i> • <i>Name some major roles of environmental scientists? What fields do they often work in?</i> – Nói các thuật ngữ với nghĩa tương ứng của chúng. * Ở nhà: – Giải thích một số từ chuyên ngành liên quan bằng tiếng Anh. – Đặt câu với các từ đã học.
1.2. Reading comprehension: <i>Environmental science</i>							* Trên lớp: – Thảo luận câu hỏi theo cặp/nhóm: <i>What's environmental science?</i> – Đọc bài khóa và trả lời một số câu hỏi cho trước. – Tóm tắt và dịch bài đọc: <i>What do environmental scientists do?</i> * Ở nhà: Tìm tài liệu tiếng Anh về chủ đề: <i>Aspects of environmental management</i>
1.3. Further practice							* Trên lớp: – Thảo luận theo nhóm về các nhiệm vụ chính của nhà khoa học môi trường và các lĩnh vực chính của ngành Quản lí môi trường. * Ở nhà: Xem video “ <i>The evolution of the environmental management profession</i> ” trên youtube và làm theo yêu cầu của GV.
MODULE 2. BIOSPHERE	2	2	2	1	7	14	
2.1. Vocabulary: <i>Biosphere and ecosystem</i>							* Trên lớp: – Sắp xếp các chữ cái để tạo thành từ theo chủ đề của bài học. – Tra cứu và giải thích nghĩa của một số từ chuyên ngành bằng tiếng Anh: <i>biosphere, ecosystem, ciosphere, population, community, organism, flora, fauna, detritivore, herbivore, carnivore, producer, detritus, consumer, food chain, extinction</i> * Ở nhà: – Đặt câu với các từ đã học.
2.2. Reading comprehension: <i>• The biosphere and ecosystems: our planet's life support system</i>							* Trên lớp: – Dựa vào kiến thức nền, hãy xem những câu sau Đúng hay Sai: • <i>The biosphere, the biggest biological system can be described as the intersection of air, water and land.</i>

• <i>The major biomes</i>							• <i>Ecosystem is the interaction of the same populations of organisms living together and the way they interact with the physical environment.</i> – Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi cho sẵn. – Đọc bài tóm tắt và chọn từ thích hợp để điền vào các chỗ trống. * Ở nhà: – Đọc thêm bài: <i>The major biomes</i> (tài liệu tham khảo số 4 trang 11) và hoàn thành các nhiệm vụ theo yêu cầu.
2.3. Further practice							* Trên lớp: – Trình bày những hiểu biết của bản thân về chủ đề: <i>Biosphere (definition and fundamental characteristics) and Biodiversity</i> * Ở nhà: Viết lại các ý đã trình bày ở trên bằng tiếng Anh (khoảng 100 từ)
MODULE 3. ENVIRONMENTAL POLLUTION	2	2	2	2	8	16	
3.1. Vocabulary							* Trên lớp: – Giải thích một số từ mới xuất hiện trong bài: <i>contaminant, contaminate, pollutant, fossil fuel, electricity supply, dissolve, disastrous effect, tropospheric ozone, skin irritation, reduce pollution, legislation, lean burning engine, emission standard.</i> – Nói các thuật ngữ với nghĩa tương ứng của chúng. – Chọn từ cho sẵn để hoàn thành câu dựa vào ngữ cảnh của từng câu. * Ở nhà: – Học thuộc và đặt câu với các từ đã học.
3.2. Reading comprehension: • Dealing with pollution • Types of pollution							* Trên lớp: – Thảo luận các câu hỏi sau: • <i>What is environmental pollution?</i> • <i>How many types of pollution are there?</i> • <i>What are the main causes of pollution?</i> • <i>What do you yourselves often do to reduce pollution?</i> – Đọc bài khóa và trả lời các câu hỏi cho sẵn. – Sử dụng các từ đã học để hoàn thành bảng (giáo trình chính, trang 78). – Tóm tắt và dịch bài đọc. * Ở nhà:

							–Đọc thêm: Types of pollution (tài liệu tham khảo số 3) và hoàn thành các yêu cầu được giao. – Chuẩn bị bài thuyết trình về một trong các loại hình ô nhiễm sau: đất/nước/không khí/ánh sáng/tiếng ồn/nhiệt; trình bày cụ thể về định nghĩa, nguyên nhân và giải pháp.
3.3. Consolidation and test 1							– Ôn tập lại các kiến thức đã học. – Chuẩn bị cho bài kiểm tra số 1.
MODULE 4. ENERGY RESOURCES	2	2	2	1	7	14	
4.1. Vocabulary: <i>Energy resources</i>							* Trên lớp: – Tìm các từ cặp từ đồng nghĩa. – Giải thích các từ liên quan đến chủ đề: <i>renewable, nonrenewable, finite, nonfinite, internal heat, water cycle, convert, biomass, photosynthesis, generate, gravitational effect, atom, energy consumption, by product, replenish, sedimentary rock, coalification</i> * Ở nhà: – Luyện đọc và đặt câu với các từ đã học.
4.2. Reading comprehension: • <i>Energy resources</i> • <i>Soil resources</i>							* Trên lớp: – Thảo luận các câu hỏi sau: • <i>What are renewable resources?</i> • <i>Are renewable resources finite or nonfinite?</i> • <i>Give some examples of renewables and nonrenewables.</i> • <i>What can we do to prepare for the time when nonrenewable resources run out?</i> –Quan sát tranh trang 38(giáo trình Environmental science by Richard Lee) và chuẩn bị câu hỏi 1-3 trang 38. –Đọc bài khóa về Energy resources và xem các câu cho trước đúng hay sai; chữa lại những câu sai. * Ở nhà: – Đọc thêm bài: Soil resources (tài liệu tham khảo số 1 trình trang 228–229) và trả lời các câu hỏi sau: • <i>What is soil?</i> • <i>Is soil renewable or nonrenewable? Why?</i> • <i>How long can it take to build good soil under poor condition?</i>

						• <i>What does soil composition comprise?</i> • <i>What affects the characteristics of soil?</i> • <i>What would happen without soil?</i>
4.3. Further practice						* Trên lớp: – Nghe và đánh số các từ được nghe từ 1 đến 12. – Nghe một đoạn trích trong bài giảng của giáo trình chính và chọn từ cho sẵn để điền vào chỗ trống thích hợp. * Ở nhà: – Chuẩn bị bài thuyết trình về chủ đề: Energy resources
MODULE 5. RECYCLING	2	2	2	1	7	14
5.1. Vocabulary						* Trên lớp: – Giải thích một số từ vựng liên quan đến bài học: <i>hazardous wastes, recycle, landfill site, bury, pre-consumer, municipal waste, refuse collection, garbage, plastic carrier bag, incinerate, recycling policy</i>. – Tìm từ trong bài tương ứng với nghĩa cho sẵn. – Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành câu cho sẵn. * Ở nhà: – Học thuộc và đặt câu với các từ vừa học.
5.2. Reading comprehension: Recycling waste						* Trên lớp: – Chọn đáp án để giải các câu đố cho trước. – Đọc bài: Recycling waste và tìm các ý chính của từng đoạn trong bài. – Đọc lại bài và trả lời các câu hỏi cho sẵn. * Ở nhà: – Tóm tắt và dịch bài đọc Recycling waste
5.3. Further practice						* Trên lớp: – Xem video về chủ đề Recycling (https://www.youtube.com/watch?v=LHqwd-LBp5c.) và trả lời một số câu hỏi cho trước: – Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 100 từ) về chủ đề tái chế chất thải. * Ở nhà: – Chuẩn bị bài thuyết trình về tái chế: định nghĩa tái chế, các phương pháp tái chế chất thải đô thị phổ biến ở Việt

							Nam và tầm quan trọng của các hoạt động tái chế.
MODULE 6. SUSTAINABLE DEVELOPMENT	2	2	2	3	9	18	
6.1. Vocabulary: Sustainable development							* Trên lớp: – Giải thích một số từ vựng liên quan đến chủ đề của bài: <i>environmental degradation, sustainable, global cooperation, decline, future generation, compromise, preserve, conserve resources, social cohesion, human settlement, community, fertilizer, pesticide, non-toxic practice, crop cultivation.</i> – Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong các câu cho sẵn. * Ở nhà: – Đặt câu với các từ đã học.
6.2. Reading comprehension: Sustainability							* Trên lớp: – Thảo luận theo cặp/nhóm để giải các câu đố cho trước. – Đọc bài và nối 5 đoạn văn trong bài với các chủ đề tương ứng. – Dựa vào bài đọc, trả lời các câu hỏi cho trước. * Ở nhà: – Chuẩn bị bài thuyết trình về phát triển bền vững và quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực phát triển bền vững.
6.3. Consolidation and test 2							– Ôn tập theo nội dung cho trước. – Chuẩn bị cho bài kiểm tra số 2
Tổng cộng	12	12	13	8	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Công nghệ môi trường
Tiếng Anh: Enviromental information
- Mã học phần: MTCN2526
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở khoa học môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 60 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 42 tiết
 - Bài tập: 04 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 13 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 120 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Công nghệ Môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*
 - + Trình bày được các khái niệm, cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các phương pháp xử lý nước cấp, nước thải và khí thải.
 - + So sánh được phạm vi ứng dụng của các phương pháp xử lý nước cấp, nước thải và khí thải.
- *Về kỹ năng:* Đề xuất được dây chuyền xử lý nước cấp, nước thải và khí thải trong trường hợp cụ thể.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các phương pháp xử lý nước cấp, Các phương pháp xử lý nước thải và Xử lý khí thải.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Thị Thu Thủy, 2003, *Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp*, NXB Khoa học kỹ thuật

2. Trần Văn Nhân, Ngô Thị Nga, 2002, *Giáo trình công nghệ xử lý nước thải*, NXB Khoa học kỹ thuật.

3. TS. Nguyễn Thu Huyền, ThS.Mai Quang Tuấn, 2013, *Giáo trình Kỹ thuật xử lý khí thải*, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Các QCVN có liên quan

2. Trần Ngọc Chân, 2001, *Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải (tập 1, 2, 3)*, NXB Khoa học kỹ thuật.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp /Chia sẻ ☒	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☒	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☐	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên lên lớp đầy đủ theo đúng quy chế, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp
- Trao đổi kỹ năng trình bày báo cáo nhóm, làm bài tập, chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 và 01 điểm thi giữa kỳ, hệ số 2.

Hình thức đánh giá, thi giữa kỳ:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Thảo luận nhóm ☐	Bài tập lớn ☐	Thực hành ☐	Khác ☐
--	---	--	---	---------------------------------------	----------------------------------

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒Trắc nghiệm ☐Vấn đáp ☐Thực hành ☐**9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Các phương pháp xử lý nước cấp	15	2	5	22	44	
1.1. Đặc điểm của nguồn nước	1			1	2	Tài liệu TLC 1, Chương 1
1.2. Các QCVN về chất lượng nguồn nước	1			1	2	QCVN 01, 02, 08, 09
1.3. Các sơ đồ công nghệ xử lý nước cấp	2		1	3	6	Tài liệu TLC 1, Chương 2
1.4. Làm thoáng	2			2	4	Tài liệu TLC 1, Chương 8
1.5. Đông keo tụ	2	1	1	4	8	Tài liệu TLC 1, Chương 5
1.6. Lắng và tuyển nổi 1.6.1. Lắng 1.6.2. Tuyển nổi	3	1	1	5	10	Tài liệu TLC 1, Chương 1
1.7. Khử trùng	1			1	2	Tài liệu TLC 1, Chương 6
1.8. Lọc	3			3	6	Tài liệu TLC 1, Chương 4
Ôn tập chương 1			2	2	4	
Chương 2. Xử lý nước thải	17	1	4			
2.1. Đặc điểm nguồn thải	1			1	2	Tài liệu TLC 2, Trang 31-35
2.2. Các phương pháp xử lý nước thải	2			1	3	Tài liệu TLC 2, Trang 67-73
2.3. Phương pháp cơ học 2.3.1. SCR/lưới chắn rác 2.3.2. Bể lắng cát 2.3.3. Bể điều hòa 2.3.4. Bể lắng sơ cấp, thứ cấp	4	1	1	6	12	Tài liệu TLC 2, Trang 74-117
2.5. Phương pháp hóa học	2			2	4	Tài liệu TLC 2, Trang 169-175
2.6. Phương pháp sinh học 2.6.1. Kỵ khí 2.6.2. Hiếu khí	2			2	4	Tài liệu TLC 2, Trang 181-220
2.7. Các QCVN về chất lượng nước thải đầu ra	1		1	2	4	
2.8. Các sơ đồ công nghệ xử lý của các ngành công nghiệp đặc thù	5		1	6	12	

2.8.1. Dây chuyền xử lý nước thải ngành dệt nhuộm						
2.8.2. Dây chuyền xử lý nước thải sản xuất tinh bột sắn						
2.8.3. Dây chuyền xử lý nước thải sản xuất bia, nước giải khát						
2.8.4. Dây chuyền xử lý nước thải các ngành sản xuất khác						
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. Xử lý khí thải	10	1	4	15	30	
3.1. Ô nhiễm không khí	2			2		Tài liệu TLC 3, Trang 14-21
3.2. Cách xác định tải lượng chất ô nhiễm	2	1	1	4		Tài liệu TLC 3, Trang 30-39
3.3. Xử lý bụi 3.3.1. Xử lý bụi theo nguyên lý trọng lực, quán tính, ly tâm 3.3.2. Lưới lọc bụi 3.3.3. Lọc bụi tĩnh điện 3.3.4. Lọc bụi theo phương pháp ướt	6		1	7		Tài liệu TLC 3, Chương 3
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	42	4	14	60	120	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại
Tiếng Anh: Management of Solid Waste and Hazardous Waste
- Mã học phần: MTCN2510
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức Giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: -
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập, thảo luận, hoạt động nhóm: 23 tiết
 - Kiểm tra: 1 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Công nghệ môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được tên và nội dung chính các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Trình bày được nguyên lý hoạt động, cấu tạo, khả năng áp dụng của các phương pháp xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại
- *Về kỹ năng:* Dự báo được khối lượng và thành phần chất thải của một khu dân cư hay công nghiệp; Tính toán thành thạo các bài tập về thu gom vận chuyển chất thải rắn, tính lượng oxy cần cho quá trình ủ sinh học, lượng oxy cho quá trình cháy, sản phẩm của quá trình ủ...; Tính toán được lượng khí ga phát sinh tại một bãi chôn lấp; Thiết kế được một bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; có năng lực đưa ra các sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý chất thải rắn cho các đô thị, nhiệm vụ quản lý chất thải (thông thường và nguy hại) tại các đơn vị sản xuất; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật trong công tác quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: các kiến thức cơ bản về phân loại chất thải rắn, chất thải nguy hại, Phương thức thu gom sơ cấp, thứ cấp, vận chuyển chất thải rắn, các phương pháp xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, các phương pháp quản lý chất thải nguy hại

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Văn Phước, 2014. *Quản lý và xử lý chất thải rắn*. NXB Xây dựng.
2. Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Thị Thanh Phượng, 2010. *Kỹ thuật xử lý chất thải công nghiệp*. NXB Xây dựng.
3. Lâm Minh Triết, Lê Thanh Hải, 2010. *Quản lý chất thải nguy hại*. NXB Xây dựng.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Tchobanoglous, H.Theisen, and S.Vigil (1993), *Integrated Solid Waste Management*- New York: McGraw-Hill, Inc.
2. Nguyễn Thu Huyền, Nguyễn thị Hồng Hương (2018), *Kỹ thuật xử lý bùn tại các đô thị Việt Nam*, NXB Khoa học kỹ thuật

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần:

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☒	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☒	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên chuẩn bị đọc trước nội dung bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên, làm các bài tập được giao về nhà trước khi đến lớp theo yêu cầu
- Học nghiêm túc trên lớp
- Làm bài tập ở nhà
- Tham gia đầy đủ các bài thực hành kiểm tra, đánh giá
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CHẤT THẢI RẮN (CTR) VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI (CTNH)	3	3		6	12	Đọc tài liệu chính [1,2,3]
1.1. Nguồn gốc phát sinh và phân loại CTR, CTR Nguy hại <i>1.1.1. Khái niệm CTR và CTNH</i> <i>1.1.2. Nguồn gốc, tính toán khối lượng CTR phát sinh</i> <i>1.1.3. Phân loại CTNH</i>	1	1				
1.2. Thành phần và tính chất của CTR, CTNH <i>1.2.1. Thành phần và tính chất của CTR</i> <i>1.2.2. Thành phần và tính chất của CTNH</i>	2	2				
CHƯƠNG 2. THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ TRUNG CHUYỂN CTR	3	6	3	12	24	
2.1.Thu gom CTR	1	2				
2.2. Lưu trữ và xử lý sơ bộ CTR tại nguồn	1	2				
2.3.Trung chuyển và vận chuyển CTR	1	2				
2.4 Bài tập lớn về tính toán vạch tuyến thu gom.			3			
CHƯƠNG 3: TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTR	8	6	3	17	34	Đọc tài liệu chính [1,2,3]
3.1. Tái chế <i>3.1.1. Khái quát về tái chế chất thải rắn</i> <i>3.1.2. Lợi ích của hoạt động tái chế chất thải rắn</i> <i>3.1.3 Tái chế chất dẻo</i> <i>3.1.4.Tái chế các sản phẩm cao su</i> <i>3.1.5. Tái chế các sản phẩm công nghiệp khác</i> <i>3.1.6. Hoạt động thu gom và tái chế CTR trên thế giới và trong nước</i>	1					
3.2. Xử lý CTR bằng phương pháp cơ học	1					

3.3. Xử lý CTR bằng phương pháp vi sinh	2	2				
3.4. Xử lý CTR bằng phương pháp nhiệt	2	2				
3.5. Bãi chôn lấp CTR	2	2				
3.6. Hướng dẫn tính toán thiết kế hệ thống xử lý chất thải rắn			3			
CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI	7	2		9	18	Đọc tài liệu chính [1,2,3]
4.1 Vấn đề an toàn trong lưu trữ, vận chuyển và quản lý chất thải nguy hại	1					
4.2 Các phương pháp tái chế chất thải nguy hại	1					
4.3 Các phương pháp xử lý chất thải nguy hại 4.3.1 Công nghệ xử lý hóa – lý 4.3.2 Công nghệ thiêu đốt 4.3.3 Công nghệ chôn lấp	3	2				
4.4 Sự cố và đánh giá, phòng tránh sự cố với chất thải nguy hại	1					
4.5 Công cụ pháp lý và chính sách quản lý CTR và chất thải nguy hại	1					
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	21	17	7	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề**
Tiếng Anh: **Environmental management for urban, industrial zones and craft villages**
- Mã học phần: MTQM2526
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở khoa học Môi trường, Hệ thống cơ sở pháp lý về môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 24 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các kiến thức cơ bản về: Hiện trạng và vấn đề môi trường liên quan ở các vùng và khu vực đặc trưng đang bị ô nhiễm và suy thoái môi trường nghiêm trọng ở Việt Nam như đô thị, khu công nghiệp, và một số vùng sản xuất làng nghề. Phân tích và đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả và phù hợp cho các vùng sinh thái nói trên.
- *Về kỹ năng:* ứng dụng được vấn đề ưu tiên cần giải quyết cho 3 khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề và đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp bằng việc áp dụng

các công cụ quản lý môi trường như: công cụ luật pháp chính sách, công cụ kinh tế, công cụ kỹ thuật, công cụ phụ trợ vào thực tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực đưa ra được kết luận về sự cần thiết phải quản lý và bảo vệ môi trường ở các khu vực và vùng đặc thù như: đô thị, công nghiệp, làng nghề trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa ở nước ta trong thời gian gần đây. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: giới thiệu các kiến thức cơ bản về quản lý môi trường; Các nhóm công cụ quản lý môi trường: Công cụ pháp lý, công cụ kinh tế, công cụ kỹ thuật và công cụ phụ trợ; Nội dung quản lý môi trường đô thị; Nội dung quản lý môi trường khu công nghiệp; Nội dung quản lý môi trường làng nghề.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Hoàng Anh Huy (2014). Giáo trình Quản lý môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
2. Lưu Đức Hải, Phạm Thị Hoàng Liên, Vũ Quyết Thắng (2010). Cẩm nang quản lý môi trường. Nhà Xuất bản Giáo dục.
3. Báo cáo môi trường Quốc gia (2008), Làng nghề Việt Nam, (2009), Môi trường khu công nghiệp Việt Nam, (2011) Chất thải rắn, (2007, 2013), Không khí đô thị Việt Nam Môi trường không khí (2012) Môi trường nước, (2014), Môi trường nông thôn (2016), Môi trường Đô thị Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Hệ thống văn bản pháp luật liên quan, tài liệu từ mạng thông tin điện tử Internet. Như nghị định 42/2009/NĐ-CP, TT 31/2016- BTNMT, TT 35/2015 Thông tư của Bộ TNMT.
2. Vũ Văn Doanh, Lê Đức Trường (2011), Giáo trình Quản lý môi trường vùng, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☒	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp.

- Làm việc nhóm, thảo luận và hoàn thành 01 bài báo cáo theo yêu cầu, hình thức trình bày dạng Powerpoint, báo cáo trước lớp
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	4			4	8	
1.1. Khái niệm và nguyên tắc quản lý môi trường	1			1	2	- Đọc tài liệu (1) - Nghe giảng và trả lời câu hỏi
1.2. Khái niệm và phân loại công cụ quản lý môi trường	1			1	2	- Đọc tài liệu (1), (2)
1.3. Hệ thống cơ quan quản lý BVMT ở Việt Nam	2			2	4	- Đọc tài liệu (1), (2)
1.3.1. Tổ chức hệ thống cơ quan quản lý BVMT ở Việt Nam	1					- Nghe giảng và trả lời câu hỏi
1.3.2. Nội dung quản lý nhà nước về môi trường	1					- Thảo luận nhóm
CHƯƠNG 2. CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG	10		8	18	36	
2.1. Công cụ pháp lý trong quản lý môi trường	3		2	5	10	- Đọc tài liệu (1), (3)
2.1.1. Khái quát chung về công cụ pháp lý	3					- Nghe giảng và trả lời câu hỏi
2.1.2. Phân tích một số trường hợp điển hình			2			

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
						- Thảo luận nhóm
2.2. Các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường	3		2	6	12	- Đọc tài liệu (1), (3)
2.2.1. Khái quát chung về công cụ kinh tế	3					- Nghe giảng và trả lời câu hỏi
2.2.2. Phân tích một số trường hợp điển hình			2			- Thảo luận nhóm về thuế, phí
2.3. Công cụ kỹ thuật trong quản lý môi trường	2		2	4	8	- Đọc tài liệu (1)
2.3.1. Khái quát chung về công cụ kỹ thuật	2					- Nghe giảng và trả lời câu hỏi
2.3.2. Phân tích một số trường hợp điển hình			2			
2.4. Công cụ phụ trợ trong quản lý môi trường	2		2	4	8	
CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ, CÔNG NGHIỆP, LÀNG NGHỀ	6		17	23	46	
3.1. Quản lý môi trường đô thị	2		5	7	14	- Đọc tài liệu (1), (2) - Nghe giảng và trả lời câu hỏi - Thảo luận nhóm
3.1.1. Khái niệm và phân loại đô thị	1					
3.1.2. Đô thị và vấn đề môi trường			2			
3.1.3. Các công cụ QLMT đô thị	1		3			
3.2. Quản lý môi trường Khu công nghiệp	2		6	8	16	- Đọc tài liệu (1), (2), (3) - Nghe giảng và trả lời câu hỏi - Thảo luận nhóm
3.2.1.Khái niệm và phân loại KCN	1					
3.2.2. Công nghiệp và vấn đề môi trường			2			

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
3.2.3.Các công cụ quản lý môi trường KCN	1		4			
3.3. Quản lý môi trường làng nghề	2		5	7	14	- Đọc tài liệu (1), (2), (3) - Nghe giảng và trả lời câu hỏi - Thảo luận nhóm
3.3.1. Khái niệm và phân loại làng nghề	1					
3.3.2. Ô nhiễm môi trường làng nghề			2			
3.3.3. Quản lý môi trường làng nghề	1		3			
Kiểm tra			1	1	2	
Tổng	20		25	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Quản lý các vùng sinh thái đặc thù
 - Tiếng Anh: **Management of specific ecoregions**
- Mã học phần: MTQT2506
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh thái học, Đa dạng sinh học, Cơ sở khoa học môi trường, Quản lý môi trường..
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 7 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2 Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Phân tích được các nội dung, công việc thực hiện trong quản lý các vùng sinh thái đặc thù.
- *Về kỹ năng:* Lập đề cương báo cáo đánh giá hoạt động quản lý các vùng sinh thái; vận dụng hiệu quả các phương pháp tiếp cận quản lý bền vững các vùng sinh thái đặc thù; lập báo cáo đánh giá hiện trạng và đề xuất được mô hình quản lý cho một vùng sinh thái cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Có năng lực đưa ra được kết luận có cần thiết phải thực hiện quản lý, đảm bảo duy trì ổn định và phát triển các giá trị dịch vụ sinh thái của các vùng sinh thái. Có năng lực phân biệt về những tác động tích cực và tiêu cực tới các vùng sinh thái.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Sinh viên dựa trên các tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hiện trạng sử dụng, quản lý một vùng sinh thái và các văn bản pháp luật liên quan để thực hiện:

- Xây dựng đề cương và dự toán kinh phí để thực hiện một bản Báo cáo đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả, bền vững một vùng sinh thái.
- Đánh giá những mặt tích cực, tồn tại, nguyên nhân tồn tại trong công tác quản lý vùng sinh thái.
- Đề xuất mô hình quản lý hoặc các giải pháp quản lý hiệu quả, bền vững vùng sinh thái.
- Tổng hợp báo cáo đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả, bền vững một vùng sinh thái.

4. Tài liệu học tập

- 1) Hệ thống văn bản pháp lý nhà nước về quản lý môi trường và đa dạng sinh học đang có hiệu lực (Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư, hướng dẫn)
- 2) Các báo cáo về các mô hình quản lý các vùng sinh thái (đất ngập nước, lưu vực sông, đới bờ...) tại một khu vực cụ thể.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp / Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☐	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên, đảm bảo tiến độ và nội dung

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Thảo luận nhóm ☒	Bài tập lớn ☐	Thực hành ☐	Khác ☐
--	---	---	---	---------------------------------------	----------------------------------

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận



Trắc nghiệm



Vấn đáp



Thực hành

**9. Nội dung chi tiết học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ CÁC VÙNG SINH THÁI	3		1	4	9	Đọc TLC1-3, TLĐT10
1.1. Khái niệm vùng sinh thái, phân vùng sinh thái	0,5			0,5	2	
1.2. Các vùng sinh thái trên thế giới và tại Việt Nam	0,5		0,5	1	2	
1.3. Cách tiếp cận trong quản lý các vùng sinh thái	2		0,5	2,5	5	
Chương 2: QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KHÔN KHÉO ĐẤT NGẬP NƯỚC	6		2	8	17	Đọc TLC1, TLĐT1-4
2.1. Các khái niệm	0,5			0,5	1	
2.2. Các đặc trưng của đất ngập nước	0,5			0,5	1	
2.3. Hiện trạng đất ngập nước	0,5			0,5	1	
2.4. Quản lý, sử dụng khôn khéo đất ngập nước	1,5			1,5	4	
2.5. Các nghiên cứu điển hình về quản lý, sử dụng khôn khéo đất ngập nước	3		2	5	10	
Kiểm tra			1	1		
Chương 3. QUẢN LÝ TỔNG HỢP ĐỐI BỜ	6		2	8	17	Đọc TLC2, TLĐT5-8
3.1. Các khái niệm	0,5			0,5	1	
3.2. Các đặc trưng của đới bờ	0,5			0,5	1	
3.3. Hiện trạng đới bờ	0,5			0,5	1	
3.4. Quản lý tổng hợp đới bờ	1,5			1,5	4	
3.5. Các nghiên cứu điển hình về quản lý tổng hợp đới bờ	3		2	5	10	
Chương 4. QUẢN LÝ TỔNG HỢP LƯU VỰC SÔNG	6		2	8	17	Đọc TLC3, TLĐT9

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1. Khái niệm	0,5			0,5	1	
4.2. Các đặc trưng của lưu vực sông	0,5			0,5	1	
4.3. Hiện trạng lưu vực sông	0,5			0,5	1	
4.4. Quản lý tổng hợp lưu vực sông	1,5			1,5	4	
4.5. Các nghiên cứu điển hình về quản lý tổng hợp lưu vực sông	3		2	5	10	
Kiểm tra			1	1		
Cộng	21		9	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Mô hình hóa môi trường
Tiếng Anh: Environmental Modelling
- Mã học phần: MTQM2510
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☑		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Toán cao cấp 1, 2, Xác suất thống kê
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 23 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên trình bày được khái niệm mô hình hóa môi trường, các khái niệm cơ bản về mô hình hóa môi trường và các bước cần thiết để xây dựng một mô hình môi trường; sinh viên phân tích được lý thuyết và có khả năng sử dụng một số mô hình môi trường để phân tích và tính toán, dự báo sự thay đổi nồng độ các chất ô nhiễm trong môi trường nước và không khí theo thời gian và không gian.
- *Về kỹ năng:* Sinh viên hiểu và sử dụng được một số mô hình môi trường để tính toán sự lan truyền và biến đổi theo thời gian của chất ô nhiễm trong thực tiễn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực phân tích đánh giá kết quả chạy mô hình lan truyền chất ô nhiễm trong môi trường. Có trách nhiệm, nghiêm túc, tích cực, chủ động trong học tập, thảo luận và thực hành phần mềm một số mô hình môi trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: 4 nội dung chính:

- Tổng quan về mô hình hóa môi trường
- Mô hình phân bố oxy hòa tan trong nước mặt
- Mô hình lan truyền các chất ô nhiễm trong môi trường không khí
- Một số phần mềm mô hình hóa môi trường

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu học tập chính (TLC)

1. Bùi Tá Long (2008), *Mô hình hóa môi trường*, NXB Đại học quốc gia TP HCM (BTL).
2. Trần Ngọc Chấn (2002), *Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải: Ô nhiễm không khí và tính toán khuếch tán chất ô nhiễm*, NXB Khoa học Kỹ thuật (TNC).

4.2 Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Thanh Ca (2018), *Bài giảng Mô hình hóa môi trường (VTC)*.
2. Chapra S., G. Pelletier and H. Tao (2012) QUAL2K: A Modeling Framework for Simulating River and Stream Water Quality, Version 2.12: Documentation and Users Manual. Civil and Environmental Engineering Dept., Tufts University, Medford, MA, Steven.Chapra@tufts.edu. (Bản tóm tắt Tiếng Việt do PGS.TS. Vũ Thanh Ca chuẩn bị)
3. EPA (2004) AERMOD: DESCRIPTION OF MODEL FORMULATION. (Bản tóm tắt Tiếng Việt do PGS.TS. Vũ Thanh Ca chuẩn bị)
4. EPA (2018) User's Guide for the AMS/EPA Regulatory Model (AERMOD). (Bản tóm tắt Tiếng Việt do PGS.TS. Vũ Thanh Ca chuẩn bị).
5. Trần Ngọc Chấn (2002), *Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải: Ô nhiễm không khí và tính toán khuếch tán chất ô nhiễm*, NXB Khoa học Kỹ thuật (TNC).
6. Daly, A. and P. Zannetti (2007) Air Pollution Modeling – An Overview. Chapter 2 of AMBIENT AIR POLLUTION (P. Zannetti, D. Al-Ajmi, and S. Al-Rashied, Editors). Published by The Arab School for Science and Technology (ASST) (<http://www.arabschool.org.sy>) and The EnviroComp Institute (<http://www.envirocomp.org/>). (DZ)

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp / Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☒	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học trên lớp đầy đủ
- Tham gia làm bài tập và thảo luận
- Tìm hiểu các thông tin liên quan đến bài học trong thư viện, trên mạng internet
- Kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70% và làm đủ bài tập.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ MÔ HÌNH HÓA MÔI TRƯỜNG	5	6		11	10	
1.1. Lịch sử ra đời và phát triển của mô hình hóa môi trường	0,5	1		1,5		Ôn tập kiến thức đã học về toán cao cấp, đặc biệt là phương trình vi phân và phương trình vi phân đạo hàm riêng; kiến thức về ô nhiễm môi trường nước, không khí, Độc VTC, Chương 1, BTL, Chương 1, Chương 2
1.2. Các khái niệm cơ bản về mô hình hóa môi trường	1	1		2		
1.3. Vai trò và ý nghĩa của mô hình hóa môi trường	0,5	1		1,5		
1.4. Các bước xây dựng một mô hình môi trường	2	2		4		
1.5. Cơ chế vận chuyển chất ô nhiễm trong môi trường	1	1		2		
CHƯƠNG 2. MÔ HÌNH PHÂN BỐ OXY HÒA TAN TRONG NƯỚC	7	8		15	20	
2.1. Mục đích và ý nghĩa	1			1		Độc VTC, Chương 2 và QCVN 08-MT:2015/BTNMT để

2.2. Chất lượng môi trường nước mặt và tiêu chuẩn đối với oxy hòa tan						hiểu về vai trò và chỉ tiêu chất lượng nước theo lượng ô xy hòa tan
2.3. Sự suy giảm oxy hòa tan trong nước mặt 2.3.1. Sự tiêu hao oxy hòa tan do chất thải xả vào nguồn nước 2.3.2. Quá trình quang hợp và hô hấp 2.3.3. Sự tiêu hao oxy hòa tan do bùn lắng 2.3.4. Sự khuếch tán oxy vào nguồn nước	3	4		7		Độc VTC, Chương 2 và BTL, Chương 2, Chương 6, Chương 7 để hiểu nội dung bài giảng
2.4. Mô hình phân bố oxy hòa tan cho các nguồn điểm – Phương trình Streeter-Phelps. 2.5. Sự phân tán oxy hòa tan dọc theo dòng sông 2.6. Sự phân bố oxy hòa tan trong hồ chứa	3	4		7		Độc VTC, Chương 2 và BTL, Chương 2, Chương 6, Chương 7 để hiểu nội dung bài giảng
Kiểm tra chương 1,2			1	1		
CHƯƠNG 3. MÔ HÌNH HÓA LAN TRUYỀN CHẤT Ô NHIỄM TRONG MT KHÔNG KHÍ	5	6		11	20	
3.1. Vai trò và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường tự nhiên tới sự lan truyền chất ô nhiễm trong không khí 3.1.1. Gió 3.1.2. Nhiệt độ 3.1.3. Các yếu tố khác	1			1		- Độc VTC, Chương 1, Chương 3; BTL, Chương 3; TNC và DZ
3.2. Giới thiệu chung về mô hình khuếch tán chất ô nhiễm trong không khí	2	3		5		Độc VTC, Chương 3 và DZ
3.3. Mô hình phân tán đám khói Gauss cho các nguồn ô nhiễm điểm	2	3		5		Độc VTC, Chương 3 và BTL, Chương 3,
CHƯƠNG 4. MỘT SỐ PHẦN MỀM MÔ HÌNH MÔI TRƯỜNG	3	3		6	38	
4.1. Phần mềm QUA2K mô hình chất lượng nước sông	1,5	1,5		3		- Nắm được lý thuyết - Cài đặt phần mềm vào máy tính - Chuẩn bị cơ sở dữ liệu cho chạy mô hình

						- Chạy mô hình, truy xuất kết quả và xử lý thành thạo kết quả - Đọc VTC, Chương 4
4.2. Phần mềm Gauss - phân tán chất ô nhiễm trong môi trường không khí	1,5	1,5		3		- Nắm được lý thuyết - Cài đặt phần mềm vào máy tính - Chuẩn bị cơ sở dữ liệu cho chạy mô hình - Chạy mô hình, truy xuất kết quả và xử lý thành thạo kết quả - Đọc VTC, Chương 4
Kiểm tra chương 3 + 4			1	1		
Tổng cộng	20	23	2	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT KẾT HỢP THỰC HÀNH

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường

**Tiếng Anh: Informatics applications in natural resource and
environmental management**

- Mã học phần: MTQM2511
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 03 tiết
 - Thảo luận, kiểm tra: 08 tiết
 - Thực hành: 15 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Vận dụng được các kiến thức về tin học ứng dụng trong công tác quản lý môi trường với tư cách là một công cụ nghiên cứu, đánh giá, dự báo và xem xét các vấn đề liên quan đến tài nguyên và môi trường.
- *Về kỹ năng:* Sử dụng được phần mềm GIS và viễn thám và vận dụng được công cụ này trong quản lý tài nguyên và môi trường: lập bản đồ chuyên đề, phân tích không gian, xử lý ảnh vệ tinh, quản lý cơ sở dữ liệu.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực sử dụng phần mềm về GIS để thành lập bản đồ chuyên đề theo yêu cầu, có khả năng tự vận dụng các kiến thức trong việc phân tích bản đồ, tự học học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn và trách nhiệm trong công việc được giao.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan chung về tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường
- Công nghệ GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường
- Viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường
- Thực hành phần mềm GIS và viễn thám

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Ngọc Thạch (2005), *Cơ sở Viễn Thám*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
2. Vũ Quyết Thắng (2008), *Hệ thống thông tin địa lý và ứng dụng trong nghiên cứu sinh thái môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đặng Văn Đức (2009) *Hệ thống thông tin địa lý*, NXB Khoa học kỹ thuật.
2. Lê Đắc Trường (2014), *Bài giảng tin học ứng dụng*.
3. Der Mers, M.N.(1997) *Fundamentals of Geographic Information Systems*, New York
4. Floyd F. SabinS Jr (1986) *Remote sensing principles and interpretation*, New York

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☒	☒	☐	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các tiết học trên lớp
- Chuẩn bị tài liệu, bài tập ở nhà, tự học
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm
- Tham gia kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☒

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)						Tự học (Giờ)
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ TIN HỌC ỨNG DỤNG TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	5				5	10	
1.1. Các khái niệm liên quan	1				1	2	-Đọc TLC 2, chương 1; - Đọc TLC 3, chương 1;
1.2. Vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý tài nguyên và môi trường	2				2	4	
1.3. Phạm vi ứng dụng	2				2	4	
Chương 2. CÔNG NGHỆ GIS TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	7	2	4		13	26	
2.1. Khái quát chung về GIS	1				1	2	- Đọc TLC 2, chương 1,2 - Đọc TLC 3, chương2, chương 3
2.2. Các thành phần của GIS	1				1	2	
2.3. Cấu trúc cơ sở dữ liệu trong GIS 2.3.1. Dữ liệu không gian 2.3.2. Dữ liệu thuộc tính	1	1			2	4	
2.4. Hệ tọa độ dùng trong GIS	1				1	2	
2.5. Chức năng phân tích không gian trong GIS	1	1			2	4	
2.6. Ứng dụng của GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường 2.6.1. Quy hoạch sử dụng đất 2.6.2. Quản lý tài nguyên rừng 2.6.3. Thành lập bản đồ chuyên đề môi trường 2.6.4. Nghiên cứu tai biến môi trường 2.6.5 Quản lý tài nguyên nước	2		4		6	12	
Kiểm tra			1		1	2	
Chương 3. VIỆN THẨM TRONG QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	7	1	2		10	20	

3.1. Khái quát chung về viễn thám	1				1	2	- Đọc TLC 1, chương 1
3.2. Các loại ảnh viễn thám 3.2.1. Viễn thám ảnh hàng không 3.2.2. Viễn thám ảnh vệ tinh 3.2.3. Viễn thám ảnh hồng ngoại 3.2.4. Viễn thám radar	2				2	4	- Đọc TLC 1, chương 2
3.3. Phương pháp xử lý thông tin viễn thám 3.3.1. Giải đoán ảnh bằng mắt 3.3.2. Xử lý ảnh bằng máy tính	2	1			3	6	
3.4. Một số ứng dụng của viễn thám 3.4.1. Nghiên cứu địa chất 3.4.2. Quản lý tài nguyên nước 3.4.3. Quản lý tài nguyên rừng 3.4.4. Nghiên cứu sự cố môi trường	2		2		4	8	
Chương 4. THỰC HÀNH PHÂN MỀM GIS VÀ VIỄN THÁM				15	15	30	
4.1. Thực hành phân mềm MapInfo				10	10	20	Thực hành trên máy tính
4.2. Thực hành phân mềm Envi				5	5	10	
Kiểm tra			1		1	2	
Cộng	19	3	8	15	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH, THỰC TẬP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: **Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường**
Tiếng Anh: **Practice on Informatics applications in natural resource and environmental management**
- Mã học phần: MTQM2512
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 3 tuần (15 ngày)
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Ứng dụng các phần mềm GIS, viễn thám để giải quyết các bài toán thực tế về quản lý tài nguyên và môi trường
- *Về kỹ năng:* Cài đặt và sử dụng được các phần mềm phần mềm GIS, viễn thám.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng thực hành sử dụng phần mềm GIS, tự học và lập bản đồ chuyên đề.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Sử dụng các phần mềm GIS, viễn thám, để thành lập bản đồ chuyên đề trong quản lý, giám sát tài nguyên và môi trường

như: bản đồ phân vùng sử dụng chức năng các thành phần môi trường, bản đồ hiện trạng về đa dạng sinh học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Kim Lợi, Vũ Minh Tuấn (2011) *Thực hành hệ thống thông tin địa lý*, NXB Nông nghiệp
2. Nguyễn Ngọc Thạch (2005) *Cơ sở viễn thám*, NXB ĐHQG Hà Nội
3. Trần Hùng, Phạm Quang Lợi (2008) *Xử lý và phân tích dữ liệu viễn thám với phần mềm Envi*, Tài liệu thực hành
4. Vũ Quyết Thắng (2008) *Hệ thống thông tin địa lý và ứng dụng trong nghiên cứu sinh thái môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đặng Văn Đức (2009) *Hệ thống thông tin địa lý*, NXB Khoa học kỹ thuật.
2. Der Mers, M.N.(1997) *Fundamentals of Geographic Information Systems*, New York
3. Floyd F. SabinS Jr (1986), *Remote sensing Principles and interpretation*, New York

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☐	Động não ☐	Từng cặp /Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☐
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☐	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ tất cả các bài thực tập thực hành trên lớp
- Làm bài tập ở nhà
- Viết báo cáo thực tập theo nhóm
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: tham gia đầy đủ các bài thực hành.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Điểm kiểm tra bài thực hành trên lớp: 50%
- Điểm báo cáo và trình bày báo cáo theo nhóm: 50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Phần 1. Thực tập GIS			

Bài 1: Thu thập dữ liệu đầu vào (dữ liệu địa lý, môi trường, ảnh viễn thám) cho việc thành lập bản đồ chuyên đề về môi trường	2	4	Thu thập dữ liệu đầu vào theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn
Bài 2: Giới thiệu về phần mềm và số hóa bản đồ	1	2	Tham gia thực hành trên lớp
Bài 3: Ứng dụng các chức năng phân tích của GIS: xử lý và phân tích số liệu trong nghiên cứu môi trường.	5	10	Tham quan và thực hành tại các cơ quan liên quan đến bản đồ, đo đạc bản đồ, địa lý, TT viễn thám hay các TT thông tin về MT
Bài 4. Thành lập bản đồ chuyên đề theo yêu cầu bài toán của giảng viên hướng dẫn	1	2	Tham gia thực hành trên lớp
Bài 5: Biên tập và trình bày trang in bản đồ	1	2	Tham gia thực hành trên lớp
Phần 2. Thực tập viễn thám			
Bài 6: Giới thiệu về phần mềm ENVI	1	2	Tham gia thực hành trên lớp
Bài 7. Nắn và xử lý ảnh viễn thám	2	4	Tham gia thực hành trên lớp
Bài 8. Viết và trình bày báo cáo cho cả hai phần	2	4	Viết và trình bày báo cáo
Cộng	15	30	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH, THỰC TẬP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Thực tập mô hình hóa môi trường
Tiếng Anh: Practice on Environmental Modelling
- Mã học phần: MTQM2527
- Số tín chỉ: 01
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Mô hình hóa môi trường.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 2 tuần (10 ngày)
- Thời gian tự học: 40 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Các sinh viên sau khi kết thúc học phần hiểu được lý thuyết và các bước để chuẩn bị số liệu đầu vào (giá trị các thông số và các biến theo điều kiện biên, điều kiện ban đầu), chạy và hiệu chỉnh mô hình, xử lý kết quả đầu ra cho 01 mô hình tính toán chất lượng môi trường nước, 01 mô hình tính toán nồng độ chất ô nhiễm trong không khí.

- *Về kỹ năng:* Các sinh viên sau khi kết thúc học phần được rèn luyện các kỹ năng để tự mình chuẩn bị được số liệu cho mô hình, chạy và hiệu chỉnh mô hình cũng như cách xử lý, phân tích và biện luận kết quả từ mô hình. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập và hiểu về những ứng dụng của mô hình để dự đoán, đánh giá tác động môi trường và phục vụ quản lý môi trường.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực làm việc độc lập, tự mình thực hiện được các bước chuẩn bị số liệu cho mô hình, chạy và hiệu chỉnh mô hình cũng như cách

xử lý, phân tích và biện luận kết quả từ mô hình. Có khả năng tự mình nghiên cứu, viết báo cáo.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sử dụng phần mềm của 01 mô hình chất lượng nước sông và 01 mô hình về phân tán chất ô nhiễm trong khí quyển để tính toán, dự báo chất lượng nước sông và nồng độ chất ô nhiễm trong khí quyển. Xử lý, phân tích, đánh giá kết quả tính toán bằng mô hình và viết báo cáo.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bùi Tá Long (2008), Các phần mềm môi trường envim, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM
2. Bùi Tá Long (2008), Mô hình hóa môi trường, NXB Đại học quốc gia TPHCM.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Trần Ngọc Chấn (2002), Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải: Ô nhiễm không khí và tính toán khuếch tán chất ô nhiễm, NXB Khoa học Kỹ thuật.
- 2 Chapra S., G. Pelletier and H. Tao (2012) QUAL2K: A Modeling Framework for Simulating River and Stream Water Quality, Version 2.12: Documentation and Users Manual. Civil and Environmental Engineering Dept., Tufts University, Medford, MA, Steven.Chapra@tufts.edu. (Bản tóm tắt Tiếng Việt do PGS.TS. Vũ Thanh Ca chuẩn bị)
3. EPA (2004) AERMOD: DESCRIPTION OF MODEL FORMULATION. (Bản tóm tắt Tiếng Việt do PGS.TS. Vũ Thanh Ca chuẩn bị)
4. EPA (2018) User's Guide for the AMS/EPA Regulatory Model (AERMOD). (Bản tóm tắt Tiếng Việt do PGS.TS. Vũ Thanh Ca chuẩn bị).

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☐	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☒	☐	☐	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học trên lớp đầy đủ
- Tham gia làm thực hành
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp đạt trên 80%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Điểm đánh giá báo cáo tiến độ chuẩn bị dữ liệu cho mô hình cho mỗi sinh viên: 50%
- Điểm báo cáo theo nhóm: 50%

9. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Ôn lại lý thuyết 02 mô hình Phổ biến nội dung công việc và giao nhiệm vụ cho từng cá nhân và từng nhóm.	Ngày 1	4	Sinh viên lên lớp, phân nhóm sinh viên, nhận nhiệm vụ của đề án
Chuẩn bị số liệu đầu vào để chạy mô hình	Ngày 2, 3, 4	12	Nhóm sinh viên và mỗi sinh viên tự mình chuẩn bị số liệu đầu vào để chạy và hiệu chỉnh mô hình
Hướng dẫn sinh viên tự kiểm tra số liệu đầu vào và giải đáp thắc mắc, hướng dẫn giải quyết các vướng mắc và hướng dẫn làm báo cáo tiến độ giữa kỳ	Ngày 5	4	Sinh viên lên lớp, trình bày các số liệu đã chuẩn bị, các vướng mắc và yêu cầu tự mình giải quyết các vướng mắc cũng như bổ sung số liệu còn thiếu, chỉnh sửa các số liệu không đúng và viết báo cáo tiến độ giữa kỳ
Kiểm tra tiến độ, chấm điểm giữa kỳ	Ngày 6	4	Mỗi sinh viên nộp báo cáo tiến độ chuẩn bị số liệu để chạy mô hình
Chạy mô hình	Ngày 7,8	8	Mỗi sinh viên trong các nhóm tự chạy mô hình và hiệu chỉnh mô hình theo yêu cầu của nhóm được phân công
Viết báo cáo	Ngày 9	4	Mỗi sinh viên viết báo cáo theo yêu cầu của giảng viên
Nộp báo cáo và thực hành chạy mô hình	Ngày 10	4	Mỗi sinh viên thực hành chạy mô hình với số liệu đầu vào do mình chuẩn bị và nộp báo cáo để chấm điểm.
Cộng	10	40	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Đánh giá tác động môi trường
Tiếng Anh: Environmental Impact Assessment
- Mã học phần: MTQM2504
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Để học học phần này, sinh viên phải học qua các học phần trong Khối kiến thức chung bắt buộc, Khối kiến thức cơ sở ngành CNKTM: Cơ sở khoa học môi trường, Sinh thái học, Hoá học môi trường, Quản lý môi trường, Tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường, Công nghệ môi trường.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
 - Bài tập: 03 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường; Phân tích được nội dung đánh giá tác động môi trường; ứng dụng được các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội.

- *Về kỹ năng*: áp dụng các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực đưa ra được kết luận có cần thiết phải thực hiện dự án hay không. Có năng lực phân biệt về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về đánh giá tác động môi trường
- Các phương pháp dùng trong đánh giá tác động môi trường
- Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường
- Phân tích một số trường hợp điển hình

4. Tài liệu học tập (Sửa lại số thứ tự)

4.1. Tài liệu chính

1. Hoàng Ngọc Khắc, Nguyễn Khắc Thành, Vũ Văn Doanh (2014), *Giáo trình Đánh giá tác động môi trường* (hệ đại học), Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Trần Văn Ý (Chủ biên) (2006), *Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm

2. Phạm Ngọc Hồ & Hoàng Xuân Cơ (2006), *Đánh giá tác động môi trường*, NXB ĐHQG HN.
3. Lê Xuân Hồng (2006), *Cơ sở đánh giá tác động môi trường*, NXB Thống kê.
4. SEACAM (2000), *Environmental assessment for Coastal Aquaculture Development*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☒	Từng cặp /Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☒	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra giữa kì. Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	3,0		1,0	4,0	8,0	
1.1. Định nghĩa, mục đích, ý nghĩa, đối tượng của đánh giá tác động môi trường	0.5			0.5	1,0	Đọc TL (1) trang 07-27; Đọc TL (2) trang 01-17; Đọc TL (2) trang 48-69; Đọc TL (1) trang 4-6
1.2. Nội dung cơ bản của đánh giá tác động môi trường	0.5			0.5	1,0	
1.3. Phân biệt các hình thức đánh giá môi trường	0.5			0.5	1,0	
1.4. Hệ thống cơ sở pháp lý liên quan đến đánh giá tác động môi trường	0.5		1,0	0.5	3	
1.5. Tổ chức và quản lý công tác đánh giá tác động môi trường	0.5			0.5	1,0	
1.6. Sử dụng kết quả đánh giá tác động môi trường	0.5			0.5	1,0	
CHƯƠNG 2. TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	7,0	1,0	4,0	12,0	24,0	
* Quy trình chung	1,0				2,0	
2.1. Lược duyệt	0.5			0.5	1,0	
2.2. ĐTM sơ bộ (Xác định mức độ, phạm vi đánh giá)	0.5			0.5	1,0	Đọc TL (1) trang 33-71; Đọc TL (2) trang 27-75;
2.3. ĐTM chi tiết, đầy đủ 2.3.1. Chuẩn bị tài liệu và lập đề cương	3,0	1,0	3,0	7,0	14,0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3.2. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường						
2.4. Tham vấn cộng đồng	1,0			1,0	2,0	
2.5. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	0.5			0,5	1,0	
2.6. Quản lí và giám sát môi trường (hậu thẩm định) 2.6.1. Nghiệm thu công trình môi trường trước giai đoạn vận hành dự án 2.6.2. Quản lí và giám sát môi trường khi thực hiện dự án	0.5			0.5	1,0	
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	Ôn tập chương 1 & 2
CHƯƠNG 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	10	2	2	14	28	
3.1. Phương pháp phân tích logic (LFA)	1,0			1,0	2,0	Đọc TL (1) trang 73-94 Đọc TL (3) trang 165-231; Đọc TL (4) trang 103-151;
3.2. Phương pháp liệt kê số liệu	1,0			1,0	2,0	
3.3. Phương pháp danh mục	1,0		1,0	2,0	4,0	
3.4. Phương pháp ma trận môi trường	1,0	1,0		2,0	4,0	
3.5. Phương pháp chấp bản đồ môi trường	1,0			1,0	2,0	
3.6. Phương pháp sơ đồ mạng lưới	1,5		1,0	2,5	5,0	
3.7. Phương pháp đánh giá nhanh bằng ước tính tải lượng ô nhiễm	1,5	1,0		2,5	5,0	
3.8. Phương pháp mô hình hóa môi trường	1,0				2,0	
3.9. Phương pháp phân tích chi phí – lợi ích mở rộng	1,0				2,0	
Cộng	20,0	3,0	7,0	30,0	60,0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỒ ÁN MÔN HỌC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Đồ án đánh giá tác động môi trường
Tiếng Anh: Practice on Environmental Impact Assessment
- Mã học phần: MTQM2514
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đánh giá tác động môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động trên lớp: 20 ngày
- Thời gian tự học: 40 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Thực hiện các bước trong quy trình Đánh giá tác động môi trường trong một trường hợp dự án nghiên cứu cụ thể.
- *Về kỹ năng:* Lập đề cương Báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết, áp dụng các phương pháp đánh giá những tác động của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường, lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết và đầy đủ. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Có năng lực đưa ra được kết luận có cần thiết phải thực hiện dự án hay không. Có năng lực phân biệt về những tác động tích cực và tiêu cực của

các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường. Có năng lực đánh giá và cải tiến quy trình đánh giá tác động môi trường, áp dụng các phương pháp sử dụng trong ĐTM

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên dựa trên báo cáo kinh tế kỹ thuật của các dự án phát triển kinh tế xã hội, các bản báo cáo ĐTM, các văn bản pháp luật liên quan để thực hiện 2 bài tập lớn:

- Xây dựng đề cương và dự toán kinh phí để thực hiện một bản Báo cáo đánh giá tác động môi trường cụ thể (cơ sở pháp lý, kế hoạch điều tra khảo sát môi trường cơ sở, khung phân tích logic, kế hoạch thực hiện và dự toán kinh phí)
- Sử dụng các phương pháp có độ tin cậy đánh giá tác động của dự án lên một thành phần môi trường cụ thể.

4. Tài liệu tham khảo

4.1. Tài liệu chính

1. Giáo trình Đánh giá tác động môi trường (hệ đại học), 2014, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Trần Văn Ý (2006), *Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển*, NXB Thống kê.
3. Hệ thống văn bản pháp lý nhà nước về môi trường đang có hiệu lực (Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư, hướng dẫn)

4.2. Tài liệu đọc thêm

2 Environmental Assessment for Coastal Aquaculture Development, 2000, SEACAM.

5. Cách thức triển khai thực hiện đồ án phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp /Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☒	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên, đảm bảo tiến độ và nội dung

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Nội dung đồ án (cấu trúc, phương pháp thực hiện, kết quả đạt được): 50%
- Báo cáo đồ án (trình bày đồ án, trả lời câu hỏi): 50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Khái quát hóa kiến thức lý thuyết, phân chia nhóm sinh viên Phổ biến yêu cầu về việc thực hiện đồ án Hướng dẫn cách thực hiện	1	2	Tham dự đầy đủ, đúng giờ, nhóm sinh viên vắng mặt không được giao đồ án
Hướng dẫn cách thức thực hiện và lựa chọn loại hình dự án	1	2	Tìm tài liệu, chọn loại hình dự án (tránh trùng lặp các nhóm)
Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện	1	2	Xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ các thành viên
Duyệt kế hoạch và giải đáp thắc mắc các nhóm	1	2	Chuẩn bị các câu hỏi liên quan trong quá trình thực hiện
Thực hiện đồ án với 2 nội dung: - Xây dựng đề cương và dự toán kinh phí để thực hiện một bản báo cáo đánh giá tác động môi trường cụ thể (cơ sở pháp lý, kế hoạch điều tra khảo sát môi trường cơ sở, khung phân tích logic, kế hoạch thực hiện và dự toán kinh phí) - Sử dụng các phương pháp có độ tin cậy đánh giá tác động của dự án lên một thành phần môi trường cụ thể.	1	2	Hoàn thành đồ án theo kế hoạch xây dựng
Hướng dẫn thực hiện và giải đáp thắc mắc sau khi hướng dẫn nội dung	1	2	Tìm hiểu nội dung thực hiện và đặt các câu hỏi, tình huống liên quan
Thực hiện đồ án theo kế hoạch Tham quan cơ quan tư vấn hoặc cơ quan quản lý nhà nước về môi trường để hiểu quy trình ĐTM	12	24	Hoàn thành đồ án theo kế hoạch xây dựng Chuẩn bị câu hỏi cho phần tham quan thực tế tại cơ quan tư vấn hoặc cơ quan quản lý nhà nước
Báo cáo kết quả	1	2	Trình bày kết quả thực hiện và trả lời câu hỏi
Cộng	20	40	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Truyền thông về tài nguyên và môi trường

- Tiếng Anh: **Resources and Environmental Communication**

- Mã học phần: MTQT2507

- Số tín chỉ: 03

- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☐				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường; Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề; Đa dạng sinh học; Kinh tế tài nguyên và môi trường; Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

- Nghe giảng lý thuyết: 22 tiết
- Bài tập: 18 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 03 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được kiến thức cơ bản nhất về truyền thông tài nguyên và môi trường, Trình bày được các hình thức truyền thông, Vận dụng được phương pháp xây dựng và thực hiện một chương trình truyền thông về tài nguyên và môi trường.

+ Vận dụng được các kinh nghiệm truyền thông về tài nguyên và môi trường ở một số vùng miền địa lý khác nhau.

- Về kỹ năng:

- + Có khả năng xây dựng và tổ chức một chương trình truyền thông môi trường cụ thể;
- + Có khả năng tổ chức một lễ ra quân bảo vệ môi trường, tổ chức họp cộng đồng, tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường;
- + Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả.
- *Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:* Có năng lực vận dụng chuyên môn nghiệp vụ trong việc thực hiện truyền thông về tài nguyên và môi trường; có sang kiến trong thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Giới thiệu các kiến thức chung về truyền thông tài nguyên và môi trường;
- Các hình thức truyền thông tài nguyên và môi trường,
- Hướng dẫn cụ thể 1 hình thức truyền thông,
- Hướng dẫn xây dựng kế hoạch và thực hiện một chương trình truyền thông tài nguyên và môi trường;
- Hướng dẫn truyền thông tài nguyên và môi trường ở một số vùng miền, địa lý khác nhau.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Văn Khoa (2011), *Con người và môi trường*, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Nguyễn Ngọc Dung (2008), *Quản lý tài nguyên và môi trường*, NXB Xây dựng.
3. Trung tâm Đào tạo và truyền thông môi trường (2012), *Sổ tay hướng dẫn truyền thông môi trường*, Tổng Cục Môi trường.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Đình Hoà (2000), *Truyền thông môi trường trong “Quản lý nhà nước về Khoa học công nghệ và môi trường”*, Trường Nghiệp vụ Quản lý Bộ KHCN, NXB Khoa học kỹ thuật.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp / Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghe giảng, làm bài tập trên lớp, thảo luận nhóm,
- Tự học, tự đọc, tra cứu tài liệu và làm bài tập theo nội dung học tập giảng viên yêu cầu.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TRUYỀN THÔNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	4	1		5	10	Đọc TLC 1, chương 1.
1.1.Khái niệm, mục tiêu, yêu cầu của truyền thông về tài nguyên và môi trường	1			1	2	
1.2.Vai trò của truyền thông về tài nguyên và môi trường trong Quản lý tài nguyên và môi trường	1			1	2	
1.3. Các cách tiếp cận để xây dựng chương trình truyền thông về tài nguyên và môi trường 1.3.1. Tiếp cận theo nội dung truyền thông 1.3.2. Tiếp cận theo tổ chức truyền thông	0,5			0,5	1	
1.4. Các loại hình truyền thông về tài nguyên và môi trường	0,5			0,5	1	
1.5. Các yếu tố cơ bản của một hệ thống truyền thông	0,5			0,5	1	
1.6. Thông điệp truyền thông về tài nguyên và môi trường	0,5	1		1,5	3	
Chương 2. CÁC HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	5	5		10	20	Đọc TLC 1, chương 2.
2.7. Chiến dịch truyền thông	1	5		6	12	
2.8. Triển lãm và trưng bày	0,5			0,5	1	
2.9. Giao tiếp với cá nhân và các nhóm nhỏ	0,5			0,5	1	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.10. Hợp cộng đồng, tập huấn, hội thảo	1			1	2	
2.11. Câu lạc bộ môi trường	0,5			0,5	1	
2.12. Truyền thông môi trường nhân các sự kiện	0,5			0,5	1	
2.13. Thi sáng tác, tác phẩm báo chí, vẽ tranh về bảo vệ tài nguyên và môi trường	0,5			0,5	1	
2.14. Thi tuyên truyền viên môi trường	0,5			0,5	1	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương3. HƯỚNG DẪN HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG - TẬP HUẤN	4	6	3	13	26	Đọc TLC 2.
3.1. Một số kiến thức và kỹ năng cơ bản trong tập huấn	1	1		2	4	
3.2. Một số kỹ thuật sử dụng trong tập huấn tích cực	1	1		2	4	
3.3. Một số phương pháp tập huấn tích cực	1	1	1	3	6	
3.4. Kỹ thuật thiết kế bài giảng cho tập huấn	1	3	2	6	12	
Chương 4. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ THỰC HIỆN MỘT Chương TRÌNH TRUYỀN THÔNG VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	4	6		10	20	Đọc TLC 1, chương 3.
4.1. Xác định vấn đề truyền thông	1			1	2	
4.2. Lập kế hoạch truyền thông	1			1	2	
4.3. Tổ chức thực hiện chương trình truyền thông	1			1	2	
4.4. Đánh giá kết quả truyền thông	1			1	2	
4.5. Bài tập. Xây dựng kế hoạch và thực hiện một chương trình truyền thông cho một nhóm đối tượng cụ thể		6		6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 5. TRUYỀN THÔNG VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Ở CÁC VÙNG ĐỊA LÝ KHÁC NHAU	5			5	10	Đọc TLC 1, chương 4.
5.1. Truyền thông về tài nguyên và môi trường ở vùng nông thôn miền núi	1			1	2	
5.2. Truyền thông về tài nguyên và môi trường ở vùng nông thôn, đồng bằng	1			1	2	
5.3. Truyền thông về tài nguyên và môi trường vùng ven biển	1			1	2	
5.4. Truyền thông về tài nguyên và môi trường ở khu vực đô thị	1			1	2	
5.5. Truyền thông về tài nguyên và môi trường ở các khu vực có vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng	1			1	2	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	22	18	5	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Thông tin môi trường

Tiếng Anh: Environmental Information

- Mã học phần: MTĐQ2521
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và đồ án tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quan trắc và phân tích môi trường; Độc học môi trường.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết
 - Bài tập: 4 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 6 tiết
 - Kiểm tra: 1 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Độc học và Quan trắc Môi trường, Khoa Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản về thông tin môi trường, dữ liệu môi trường;

+ Phân tích các được cấu trúc các báo cáo hiện trạng môi trường, báo cáo công tác bảo vệ môi trường, báo cáo kết quả quan trắc định kỳ, các bước điều tra, thống kê nguồn gây ô nhiễm môi trường.

- *Về kỹ năng:*

+ Tính toán được các chỉ số chất lượng môi trường AQI và WQI trong từng trường hợp cụ thể;

+ Xác định được phương pháp điều tra, thống kê, xây dựng được một số câu hỏi điều tra cơ bản các lĩnh vực môi trường theo yêu cầu của các văn bản quy định.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau

+ Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến thông tin môi trường.

+ Có khả năng đánh giá và cải tiến việc lập các loại báo cáo.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

+ Tổng quan chung về thông tin và thông tin môi trường, các quy định về thu thập, khai thác, quản lý thông tin môi trường, công bố và cung cấp thông tin môi trường;

+ Hướng dẫn xây dựng các báo cáo môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường theo quy định;

+ Các văn bản hướng dẫn, nội dung, phương pháp về điều tra, thống kê môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Quốc Khánh (2014), Giáo trình Hệ thống thông tin tài nguyên môi trường, Nhà xuất bản Hồng Đức,
2. Trần Thị Kim Thu (2016), Giáo trình lý thuyết thống kê, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.
3. Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT Quy định về báo cáo về hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Nghị định 73/2017/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về thu thập, khai thác, quản lý và sử dụng dữ liệu tài nguyên môi trường.
2. Thông tư 20/2018.TT-BTNMT Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường.
3. Các thông tư: 34/2013/TT-BTNMT; 19/2016/BTNMT; 26/2014/TT-BTNMT;
4. Quyết định 878, 879/2011/ QĐ - TCMT, Quyết định 711/2015/QĐ-TCMT , sỏ tay hướng dẫn tính chỉ số chất lượng môi trường.
5. Luật bảo vệ Môi trường 2014, số 55/2014/QH13.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☒	☐	☒	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên lên lớp đầy đủ theo đúng quy chế, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp
- Trao đổi kỹ năng trình bày báo cáo nhóm, làm bài tập, chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☐	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG	3,0			3,0	6,0	
1.1. Các khái niệm cơ bản 1.1.1.Thông tin và thông tin môi trường 1.1.2. Dữ liệu môi trường 1.1.3. Cơ sở dữ liệu môi trường	1,0			1,0	2,0	- TLC1 - TLĐT1 (Nghị định 73/2017/NĐ- CP) - TLĐT4 (Luật BVMT 2014)
1.2 Vai trò của thông tin môi trường trong công tác quản lý môi trường	0,5			0,5	1,0	Đọc thêm: TT34/2013/BTNMT

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.3 Các quy định về thu thập, khai thác, quản lý thông tin môi trường	0,5			0,5	1,0	
1.4 Quy định công bố và cung cấp thông tin môi trường 1.4.1. Trách nhiệm công bố thông tin 1.4.2. Nội dung công bố thông tin 1.4.3. Hình thức và thời gian công bố thông tin	1,0			1,0	2,0	
CHƯƠNG 2. Báo cáo môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường	11,0	3,0	5,0	19,0	38,0	
2.1 Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm 2.1.1. Trách nhiệm báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm 2.1.2. Cấu trúc, nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm	2,0		2,0	4,0	8,0	
2.2 Báo cáo hiện trạng môi trường 2.2.1. Phương pháp xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường 2.2.2. Nguồn thông tin phục vụ lập báo cáo hiện trạng môi trường 2.2.3. Các đánh giá trong báo cáo hiện trạng môi trường 2.2.4. Cấu trúc, nội dung báo cáo hiện trạng môi trường	3,0		2,0	5,0	10,0	- TLC3 (Thông tư 43/2015/TT-BTNMT) Nghị định 18/2015/ND-CP
2.3 Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ 2.3.1. Quy định lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ 2.3.2. Nguồn thông tin phục vụ lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ 2.3.3. Cấu trúc, nội dung báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ	2,0		1,0	3,0	6,0	- TLC3 (Thông tư 43/2015/TT-BTNMT)
2.4 Quản lý số liệu quan trắc môi trường 2.4.1. Số liệu quan trắc môi trường 2.4.2. Chế độ báo cáo số liệu quan trắc môi trường 2.4.3. Hình thức và tần suất báo cáo số liệu quan trắc môi trường	2,0	1,0		3,0	6,0	TLC3 (Thông tư 43/2015/TT-BTNMT)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.5 Chỉ số chất lượng môi trường và phương pháp tính toán chỉ số chất lượng môi trường 2.5.1. Chỉ số chất lượng môi trường không khí 2.5.2. Chỉ số chất lượng môi trường không khí	2,0	2,0		4,0	8,0	- TLĐT3 (Quyết định 878, 879/2011/ QĐ – TCMT) - TLĐT4 (Quyết định số 711/QĐ-TCMT)
CHƯƠNG 3. Điều tra, thống kê môi trường	5,0	1,0	1,0	7,0	14,0	
3.1. Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn về điều tra, thống kê	1,0			1,0	2,0	- TLC2 - TLĐT2 (Thông tư 29/2013/TT- BTNMT) - TLĐT5 (TT 20/2018/TT- BTNMT); - Đọc thêm: Quyết định 43/2010/QĐ – TTg,
3.2. Những dữ liệu cần điều tra, thống kê và phương pháp thực hiện 3.2.1. Một số phương pháp điều tra, thống kê môi trường 3.2.2. Điều tra, thống kê nguồn gây ô nhiễm môi trường 3.2.3. Điều tra, thống kê tình hình ô nhiễm môi trường 3.2.4. Điều tra, thống kê ảnh hưởng do ô nhiễm môi trường	2,0		1,0	3,0	6,0	
3.3. Xử lý số liệu điều tra, thống kê	1,0	1,0		2,0	4,0	
3.4. Một số ví dụ về kết quả điều tra, thống kê môi trường	1,0			1,0	2,0	
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	
Cộng	19,0	4,0	7,0	30,0	60,0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Quy hoạch môi trường
Tiếng Anh: Environmental planning
- Mã học phần: MTQM2515
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở khoa học môi trường, Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề, Quản lý các vùng sinh thái đặc thù, Tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - Bài tập: 6 tiết
 - Thảo luận, kiểm tra: 11 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản về quy hoạch môi trường; Phân tích được nội dung của một bản quy hoạch môi trường; Ứng dụng được một số công cụ, phương pháp sử dụng trong quy hoạch môi trường.

- *Về kỹ năng*: Sinh viên phân tích, vận dụng được các công cụ, phương pháp quy hoạch để xây dựng quy hoạch môi trường cho một vùng hoặc một thành phần môi trường cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực điều tra khảo sát, thu thập số liệu liên quan đến điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, có khả năng xử lý số liệu viết báo cáo tổng hợp. Có tư duy tích cực trong xây dựng quy hoạch môi trường, lấy quan điểm đặt lợi ích tập thể, lợi ích chung trong các bản quy hoạch môi trường

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Những vấn đề chung về quy hoạch môi trường
- Nội dung của quy hoạch môi trường
- Một số công cụ và phương pháp thực hiện trong quy hoạch môi trường
- Quy hoạch các thành phần môi trường và khu vực

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phùng Chí Sỹ, Nguyễn Thế Tiến (2014), *Quy hoạch môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
2. Đặng Trung Thuận (2007), *Quy hoạch môi trường*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Vũ Quyết Thắng (2008), *Quy hoạch môi trường*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
2. Nghị định Số: 18/2015/NĐ-CP (2015), *Về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường*.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp /Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☒	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các tiết học trên lớp
- Chuẩn bị tài liệu, bài tập ở nhà, tự học
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm
- Tham gia kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG	8			8	16	
1.1. Khái niệm quy hoạch, vị trí của quy hoạch trong khuôn khổ quản lý	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 1
1.2. Khái niệm quy hoạch môi trường	1			1	2	
1.3. Mục tiêu của quy hoạch môi trường	1			1	2	
1.3. Các nguyên tắc trong quy hoạch môi trường	1			1	2	Đọc TLC 1, chương 2
1.4. Quy trình quy hoạch môi trường	3			3	6	Đọc TLC 2, chương 2
Chương 2. NỘI DUNG QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG	9		5	14	28	
2.1. Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội vùng quy hoạch	2			2	4	Đọc TLC 1, chương 2; Đọc TLC 2, chương 3
2.2. Thực trạng, diễn biến chất lượng vùng quy hoạch	2		1	3	6	
2.3. Phân vùng môi trường	2		1	3	6	
2.4. Chương trình, dự án và chỉ tiêu môi trường	1		1	2	4	
2.5. Lập bản đồ, sơ đồ vùng quy hoạch	1		1	2	4	
2.6. Nguồn lực, trách nhiệm, giám sát thực hiện quy hoạch môi trường	1		1	2	4	

Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. CÔNG CỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP THƯỜNG THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG	7		4	11	22	
3.1. Vai trò của công cụ và phương pháp trong quy hoạch môi trường	1			1	2	Độc TLC 1, chương 3
3.2. Các công cụ trong quy hoạch môi trường 3.2.1. Công cụ pháp lý 3.2.2. Công cụ kỹ thuật 3.2.3. Công cụ kinh tế	2		1	3	6	Độc TLC 2, chương 3
3.3. Phương pháp chính trong quy hoạch môi trường 3.3.1. Phương pháp điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý số liệu 3.3.3. Phương pháp ma trận môi trường 3.3.2. Phương pháp dự báo 3.3.4. Phương pháp lập bản đồ quy hoạch môi trường 3.3.5. Phương pháp chuyên gia 3.3.6. Phương pháp phân tích chi phí - lợi ích 3.3.7. Phương pháp phân tích hệ thống	4		3	7	14	Độc TLC 2, chương 3
Chương 4. QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG THÀNH PHẦN VÀ KHU VỰC	4	6		10	20	
4.1. Quy hoạch môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh	1	2		3	6	Độc TLC 1, chương 4 Độc TLC 2, chương 4
4.2. Quy hoạch môi trường sử dụng đất và môi trường	1	1		2	2	
4.3. Quy hoạch sử bảo vệ môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	1	1		2	2	
4.4. Quy hoạch bảo vệ môi trường các vùng sinh thái đặc thù	1	2		3	6	
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	28	6	11	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường
Tiếng Anh: Inspection and compensation for environmental damages
- Mã học phần: MTQM2528
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên và môi trường.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 60 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 16 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các kiến thức cơ bản về thanh tra và thanh tra kiểm tra bảo vệ môi trường; Phân tích được hành lang pháp lý cho hoạt động thanh tra: Văn bản pháp quy về môi trường, văn bản pháp quy về hoạt động thanh tra, văn bản pháp quy về xử phạt vi phạm hành chính; Mô tả được trình tự tiến hành một cuộc thanh tra bảo vệ môi trường; Mô tả được trình tự xử phạt vi phạm hành chính về môi trường; Ứng dụng được phương pháp tính toán ảnh hưởng hoặc thiệt hại về tài nguyên và môi trường của các nguồn ô nhiễm, sự cố môi trường, kỹ năng giải quyết tranh chấp và đền bù thiệt hại về môi trường.

- *Về kỹ năng:* Áp dụng kiến thức thanh tra thiết lập được biên bản công bố quyết định thanh tra, biên bản thanh tra bảo vệ môi trường, biên bản kết thúc thanh tra của một cuộc thanh tra bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, trong lĩnh vực quản lý tài nguyên nước. Lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính; tính toán ảnh hưởng hoặc thiệt hại về tài nguyên và môi trường của các nguồn ô nhiễm, sự cố môi trường, kỹ năng giải quyết tranh chấp và đền bù thiệt hại về môi trường.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ của một cuộc thanh kiểm tra; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: giới thiệu các kiến thức cơ bản về thanh tra và thanh tra bảo vệ môi trường, quy trình tiến hành thanh tra, các kỹ năng lập biên bản thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính, giải quyết tranh chấp về môi trường và đền bù thiệt hại của các sự cố, vấn đề tài nguyên môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. Luật và các văn bản dưới luật của Luật thanh tra gồm (Luật thanh tra số 56/2010/QH12 của Quốc hội thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2010; Nghị định 86/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 của Quốc hội ngày 22 tháng 09 năm 2011; Thông tư số 05/2014/TT-TTCT quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra)

2. Luật và các văn bản dưới luật về Bảo vệ môi trường gồm (Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 của Quốc hội thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2015; Nghị định 19/2015/NĐ-CP quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13).
3. Nghị định về xử phạt hành chính như: (Nghị định 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Nghị định 33/2017/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.
4. Luật Khiếu nại số: 02/2011/QH13 của Quốc hội thông qua ngày 11/11/2011

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. ThS Vũ Thị Mai (2011) Giáo trình Thanh tra Bảo vệ môi trường, trường đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
2. Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 của Quốc hội thông qua ngày 23/06/2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2015
3. Nghị định 19/2015/NĐ-CP quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều luật bảo vệ môi trường 2015
4. Pháp lệnh Cảnh sát môi trường số 10/2014/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp /Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☒	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☒	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Trường hợp nghỉ phải được sự đồng ý theo quy định.
- Sinh viên sẽ làm việc nhóm, thảo luận và hoàn thành 01 bài báo cáo theo yêu cầu, hình thức trình bày dạng Powerpoint, báo cáo trước lớp
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THANH TRA VÀ THANH TRA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	6			6	12	
1.1. Khái quát chung về thanh tra, kiểm tra 1.1.1. Khái niệm thanh tra, kiểm tra 1.1.2. Mục đích, phạm vi hoạt động thanh tra, kiểm tra 1.1.3. Nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra 1.1.4. Hình thức thanh tra 1.1.5. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan thanh tra Nhà nước	3			3	6	Đọc TLC (1) trang 1-32; Đọc TLC (2) trang 1-20;
1.2. Khái quát chung về thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường 1.2.1. Khái niệm và một số thuật ngữ liên quan đến thanh, kiểm tra môi trường 1.2.2. Mục đích, phạm vi, đối tượng thanh tra kiểm tra bảo vệ môi trường 1.2.3. Tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn của thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường	3			3	6	Đọc TLC (3) trang 1-42; Đọc TLC (4) trang 1-20; Đọc TLC (5) trang 11
Chương 2. QUY TRÌNH TIẾN HÀNH THANH TRA MÔI TRƯỜNG VÀ KỸ NĂNG LẬP BIÊN BẢN	12		1	13	26	
2.1. Chuẩn bị thanh tra	3			3	6	Đọc TLC (3) trang 1-75 TL (8) trang 7-54
2.2. Tiến hành thanh tra cơ sở	3			3	6	
2.3. Kết thúc thanh tra	3			3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Kỹ năng lập biên bản thanh tra, kiểm tra và kết luận thanh tra, kiểm tra 2.2.1. <i>Biên bản thanh tra, kiểm tra</i> 2.2.2. <i>Kết luận thanh tra, kiểm tra</i>	3			3	6	Đọc TLC (3) trang 38-40, trang 73-76
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	6		9	15	30	
3.1. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	2			2	4	Đọc TLC (8) trang 1-75
3.2. Thẩm quyền, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính	2			2	4	
3.3. Hình thức xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	2			2	4	
3.4. Nghiên cứu một số trường hợp điển hình (Chương II+ Chương III)			9	9	18	
Chương 4. TRANH CHẤP VÀ ĐỀN BÙ THIẾT HẠI MÔI TRƯỜNG	5		6	11	22	
4. 1. Các dạng tranh chấp về môi trường	1			1	2	Đọc TLC (7) trang 1-75
4.2. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường	1		2	3	6	
4.3. Cơ sở xác định thiệt hại môi trường	1			1	2	
4.4. Biện pháp khắc phục gây ô nhiễm nghiêm trọng	1			2	4	
4.5. Tính toán đền bù thiệt hại môi trường	1		3	4	16	
Kiểm tra chương 3,4			1			
Cộng	29		16	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Bảo tồn đa dạng sinh học
Tiếng Anh: Biodiversity Conservation
- Mã học phần: MTQT2610
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đa dạng sinh học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết
 - Kiểm tra: 2 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày được các khái niệm về bảo tồn đa dạng sinh học; các phương thức bảo tồn đa dạng sinh học; các công cụ quản lý bảo tồn đa dạng sinh học; Phân tích được nội dung của cơ sở khoa học bảo tồn, các nguyên tắc bảo tồn;
- *Về kỹ năng*: Phân tích và đề xuất được mô hình bảo tồn đa dạng sinh học cho một vùng sinh thái hoặc nhóm loài sinh vật.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Thấy rõ vai trò, ý nghĩa của bảo tồn đa dạng sinh học đối với con người. Tự ý thức được thái độ và hành vi đúng đắn đối với việc bảo vệ, đối xử với các loài sinh vật. Chủ động dẫn dắt mọi người và có trách nhiệm cao trong các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về bảo tồn đa dạng sinh học: Khái niệm về bảo tồn đa dạng sinh học; Các cơ sở của bảo tồn đa dạng sinh học; Nguyên tắc cơ bản của bảo tồn đa dạng sinh học;
- Các phương thức bảo tồn đa dạng sinh học: Bảo tồn tại chỗ; Bảo tồn chuyển chỗ); Phân tích một số mô hình bảo tồn đa dạng sinh học; Tổ chức quản lý bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn; các hoạt động phối hợp hỗ trợ cộng đồng trong bảo tồn đa dạng sinh học;
- Quản lý bảo tồn đa dạng sinh học: Một số văn bản pháp lý về bảo tồn đa dạng sinh học đang được áp dụng.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Cao Thị Lý, Trần Mạnh Đạt (2002), *Bài giảng Bảo tồn đa dạng sinh học*, Chương trình Hỗ trợ Lâm nghiệp xã hội.
2. Nguyễn Mộng (2011), *Bài giảng Bảo tồn đa dạng sinh học*, Đại học Khoa học, Đại học Huế.
4. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2008), *Luật đa dạng sinh học*.
5. Thủ tướng chính phủ (2013), *Phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. CITES (1973), *Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*. Washington DC, www.CITES.org

2. Navjot S. Sodhi, Paul R. Ehrlich (2010), *Conservation Biology for All*. Oxford University Press.
3. United Nations (1992), *Công ước Đa dạng sinh học (CBD)*.
4. Thư ký công ước Ramsar (1971), *Công ước về bảo tồn các vùng đất ngập nước có ý nghĩa quốc tế (Công ước Ramsar)*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☒	☐	☒	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học tập trên lớp: thảo luận và nghe giảng
- Học nhóm; Tự học, tự đọc, tra cứu tài liệu ở nhà theo nội dung học tập mà giáo viên yêu cầu,
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	6		1	7	14	

1.1. Khái niệm bảo tồn đa dạng sinh học	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1, tr 22
1.2. Vai trò, nhiệm vụ của bảo tồn đa dạng sinh học	1,5		0,5	2	4	Đọc TLC 1, tr 23
1.3. Các cơ sở của bảo tồn đa dạng sinh học <i>1.3.1. Cơ sở pháp lý liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học</i> <i>1.3.2. Các thỏa thuận quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học</i>	2		0,5	2,5	5	Đọc TLC 1, tr 23-29
1.4. Các nguyên tắc cơ bản của bảo tồn đa dạng sinh học	2			2	4	Đọc TLC 1, tr 23
Chương 2. CÁC PHƯƠNG THỨC BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	13		5	18	36	
2.1. Xây dựng kế hoạch bảo tồn <i>2.1.1. Xác định Qui mô bảo tồn</i> <i>2.1.2. Xác định Sinh kế cộng đồng</i> <i>2.1.3. Phân tích những cơ hội và thách thức</i> <i>2.1.4. Lựa chọn các phương án bảo tồn ưu tiên</i> <i>2.1.5. Xây dựng các hoạt động</i> <i>2.1.6. Quan trắc, đánh giá và quản lý hiệu quả</i> <i>2.1.7 Tài chính cho bảo tồn</i>	5 1 2 2		2	7 2 4 4	14 4 8 8	Đọc TLC 3, tr 199-220
2.2. Bảo tồn quần thể và loài <i>2.2.1. Bảo tồn tại chỗ (In-situ)</i> <i>2.2.1. Bảo tồn chuyển chỗ (Ex-situ)</i>	3		1	4	8	Đọc TLC 1 (tr , 26-33)
2.3. Bảo tồn quần xã <i>2.3.1. Các khu bảo tồn</i> <i>2.3.2. Thiết lập các ưu tiên cho việc bảo vệ</i> <i>2.3.3. Thiết kế các khu bảo tồn</i> <i>2.3.4. Bảo tồn dựa vào cộng đồng</i> <i>2.3.5. Quản lý các khu bảo tồn</i> <i>2.3.6. Bảo tồn bên ngoài các khu bảo tồn</i> <i>2.3.7. Sinh thái học phục hồi (Restoration Ecology)</i>	5 2 2 1		2	7 2 4 1	14 4 8 2	Đọc TLC 2, chương 3
2.4. Bảo tồn nguồn gen	2		2	4	8	Đọc TL ĐT 2, chương 4
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. QUẢN LÝ VÀ ĐỊNH HƯỚNG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC Ở VIỆT NAM	13		5	18	36	

3.1. Luật pháp Việt Nam liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học 3.1.1. Các văn bản pháp luật và dưới luật đã ban hành 3.1.2. Các công ước liên quan đã ký kết thực hiện	2			2	4	Đọc TLC 1, tr 66-72
3.2. Hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học 3.2.1 Bảo tồn tại chỗ (In-situ conservation) 3.2.2 Bảo tồn chuyển chỗ (Ex-situ conservation)	2		1	3	8	Đọc TLC 1
3.3. Tổ chức quản lý đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn 3.3.1. Sự hình thành các khu bảo tồn 3.3.2. Tính hiệu quả của các khu bảo tồn 3.3.3. Lập các ưu tiên cho khu bảo tồn đa dạng sinh học 3.3.4. Thiết kế các khu bảo tồn 3.3.5. Quản lý các khu bảo tồn	3		1	4	8	Đọc TLC 1, tr 66-72
3.4. Các hoạt động phối hợp, hỗ trợ cộng đồng trong bảo tồn đa dạng sinh học 3.4.1. Giáo dục đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo tồn đa dạng sinh học 3.4.2. Khuyến khích phát triển lợi ích kinh tế và phối hợp với cộng đồng địa phương trong hoạt động bảo tồn	2		1	3	6	Đọc TLC 1, trang 70-76
3.5. Các tổ chức, cơ quan tham gia công tác bảo tồn đa dạng sinh học 3.5.1. Các cơ quan quản lý nhà nước 3.5.2. Các tổ chức phi chính phủ	2		1	3	6	Đọc TLC 4, chương 7
3.6. Định hướng trong hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học 3.6.1. Kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học của Việt Nam (Chiến lược bảo tồn đa dạng sinh học) 3.6.2. Chính sách bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam	2		1	3	6	Đọc TLC 5
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	32		13	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Dịch vụ hệ sinh thái
▪ Tiếng Anh: **Ecosystem Services**
- Mã học phần: MTQT2618
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý môi trường, Kinh tế tài nguyên và môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 32 tiết
 - Bài tập: tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết
 - Kiểm tra: 1 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* xác định được các chức năng dịch vụ của một hệ sinh thái; phân tích được các bước thực hiện chi trả dịch vụ hệ sinh thái như: Thị trường cacbon rừng, Thị trường dịch vụ đa dạng sinh học, Thị trường dịch vụ rừng đầu nguồn, Thị trường cảnh quan bao gồm các đối tượng chi trả, đối tượng được chi trả, phương pháp tính toán mức chi trả, đề xuất cơ chế chi trả, hình thức quản lý và sử dụng kinh phí dịch vụ từ hệ sinh thái.

- *Về kỹ năng:* Sinh viên có khả năng lập luận, tư duy, phân tích khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết của vấn đề về lĩnh vực đánh giá các dịch vụ hệ sinh thái. Có khả năng thống kê, xử lý số liệu về chi trả dịch vụ hệ sinh thái dựa trên các văn bản quản lý nhà nước.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Biết rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu, làm việc khoa học và sáng tạo trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần dịch vụ hệ sinh thái gồm những nội dung cơ bản về cơ sở xác định dịch vụ hệ sinh thái, nguyên tắc xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái thông qua thị trường dịch vụ như: Thị trường cacbon rừng, Thị trường dịch vụ đa dạng sinh học, Thị trường dịch vụ rừng đầu nguồn, Thị trường cảnh quan.

Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên các nội dung về các phương pháp xác định, tính toán, định giá dịch vụ hệ sinh thái. Các bước tiếp cận để chi trả dịch vụ hệ sinh thái. Đồng thời, giới thiệu và phân tích một số nghiên cứu điển hình trong việc chi trả dịch vụ hệ sinh thái (Chi trả dịch vụ nước, Chi trả dịch vụ môi trường hấp thụ cacbon, Chi trả dịch vụ du lịch sinh thái, ...).

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Song (2013) Kinh tế tài nguyên rừng, Đại học Nông nghiệp.
2. Nguyễn Ngọc Thanh (2016) Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Hồng Tính (2017), Định lượng cacbon trong rừng ngập mặn trồng vùng ven biển miền Bắc Việt Nam (Sánh chuyên khảo), Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Phạm Thu Thủy (2013) *Chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Việt Nam: Từ chính sách đến thực tiễn*, CIFOR.
2. Hoàng Minh Hà, Nguyễn Hoàng Quân (2011) *Các bài giảng về bộ công cụ hỗ trợ quản lý tài nguyên thiên nhiên và chi trả DVMT ở Việt Nam*- TULVIET, ICRAF Việt Nam, Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Hồng Tính (2017), Định lượng cacbon trong rừng ngập mặn trồng vùng ven biển miền Bắc Việt Nam (Sánh chuyên khảo), Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ.
4. The Katoomba group, (2008), *Payments for Ecosystem Services Getting Started: A Primer*
5. Vũ Tấn Phương (2009) *Nghiên cứu định giá rừng ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.
6. Wunder, S. (2008) *Chi trả dịch vụ môi trường và vấn đề nghèo đói: các khái niệm và bằng chứng ban đầu*. Tạp chí môi trường và phát triển kinh tế.
7. Fores, (2014), *Developing Payment for Ecosystem Services*
8. Nghị định 99/2010/NĐ-CP, nghị định về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng
9. Thông tư 80/2011/TT- BNNPTNT ngày 23/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.
10. Thông tư 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC, thông tư liên tịch hướng dẫn cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
--------------	----------	-------------------	---------------------	----------------

☒	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học tập trên lớp: thảo luận và nghe giảng
- Học nhóm; Tự học, tự đọc, tra cứu tài liệu ở nhà theo nội dung học tập mà giáo viên yêu cầu
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỊCH VỤ HỆ SINH THÁI	7,0			7,0	14,0	Đọc TLC1,T LDT3;
1.1. Các khái niệm	1,0					
1.2. Đặc điểm dịch vụ hệ sinh thái	1,0					
1.3. Nhu cầu định giá dịch vụ hệ sinh thái	1,0					
1.4. Cơ chế thị trường dịch vụ hệ sinh thái	1,0					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.5. Thị trường dịch vụ hệ sinh thái 1.5.1. Thị trường cacbon rừng 1.5.2. Thị trường dịch vụ đa dạng sinh học 1.5.3. Thị trường dịch vụ rừng đầu nguồn 1.5.4. Thị trường cảnh quan	3,0					
Chương 2. PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ HỆ SINH THÁI	13,0	0,0	1,0	14,0	28,0	Đọc TLC3,T LDT3
2.1. Tiếp cận định giá hệ sinh thái	1,0					
2.2. Định giá dịch vụ môi trường quản lý rừng đầu nguồn	3,0					
2.3. Định giá dịch vụ môi trường lưu giữ cacbon và hấp thụ CO ₂ rừng	3,0					
2.4. Định giá dịch vụ cảnh quan	3,0					
2.5. Định giá dịch vụ bảo tồn đa dạng sinh học	3,0					
Kiểm tra			1,0			
Chương 3. CÁC BƯỚC TIẾP CẬN ĐỂ THỰC HIỆN CHI TRẢ DỊCH VỤ HỆ SINH THÁI	8,0			8,0	16,0	Đọc TLDT1, 8
3.1. Xác định hệ sinh thái triển vọng	1					
3.2. Đánh giá thể chế chính sách và kỹ thuật	2					
3.3. Xác định cấu trúc thỏa thuận	2					
3.4. Thực hiện hiệp định chi trả dịch vụ hệ sinh thái	3					
Chương 4. CÁC NGHIÊN CỨU ĐIỂM CHO MỘT SỐ LOẠI DỊCH VỤ HỆ SINH THÁI	4,0	12,0		16,0	52,0	Đọc TLC 1, và TLĐT
4.1. Chi trả dịch vụ nước	1,0	3,0				
4.2. Chi trả dịch vụ môi trường hấp thụ cacbon	1,0	3,0				
4.3. Chi trả dịch vụ du lịch sinh thái	1,0	3,0				
4.4. Chi trả dịch vụ bảo tồn đa dạng sinh học	1,0	3,0				
Cộng	32,0	12,0	1,0	45,0	90,0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Đánh giá rủi ro sinh thái
 - Tiếng Anh: **Ecological Risk Assessment**
- Mã học phần: MTQT2613
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh thái học, Đa dạng sinh học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

- *Về kiến thức:* Sinh viên trình bày và phân tích được các kiến thức cơ bản về nội dung của môn học, có kiến thức tổng quát về Đánh giá rủi ro sinh thái: sinh viên nắm được các khái niệm chung về đánh giá rủi ro sinh thái, trình tự thủ tục các bước trong đánh giá rủi ro sinh thái cũng như các phương pháp xác định rủi ro sinh thái. Hiểu được trình tự các bước trong đánh giá rủi ro thông qua đánh giá tác động của các tác nhân gây hại và chất độc khác. Từ đó, có thể đề xuất tránh các rủi ro đến sức khỏe con người và hệ sinh thái

- *Về kỹ năng*: Có khả năng xác định được mục tiêu cốt lõi của vấn đề cần giải quyết trong thực tiễn về lĩnh vực đánh giá rủi ro sinh thái. Rèn khả năng lập luận, tư duy, phân tích, khái quát hóa vấn đề. Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có khả năng tự chủ về chuyên môn và có sáng kiến trong quá trình thực hiện đánh giá rủi ro sinh thái. Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về Đánh giá rủi ro sinh thái, vai trò của Đánh giá rủi ro sinh thái trong đời sống kinh tế xã hội: giới thiệu về các trình tự thủ tục xác định vấn đề, các bước trong thủ tục đánh giá, các phương pháp điều tra Đánh giá rủi ro sinh thái, cũng như các phương thức triển khai, phân tích; Giới thiệu một số kết quả nghiên cứu và các ứng dụng tại Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính(TLC)

1. Lê Thị Hồng Trân (2008), *Đánh giá rủi ro sức khỏe và đánh giá rủi ro sinh thái sinh thái*, NXB KH&KT, 2008.
2. Nguyễn Thị Kim Thái (2012) . *Sinh thái học và bảo vệ môi trường*, NXB Xây dựng, 2012.
3. UA. EPA (1998), *Guidelines for Ecological Risk Assessment*, Washington, DC. <https://www.epa.gov/risk/guidelines-ecological-risk-assessment>, EPA/630/R-95/002F April 1998, Published on May 14, 1998, Federal Register 63(93):26846-26924.

4.2. Tài liệu đọc thêm(TLĐT):

1. Trung tâm Bảo tồn Sinh vật biển và phát triển Cộng đồng –CMD(2013), Kỷ yếu Hội thảo Nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu vùng ven biển áp dụng thí điểm đánh giá rủi ro sinh thái (ERA) và tiếp cận dự trữ sinh quyển.
2. Trung tâm Bảo tồn Sinh vật biển và phát triển Cộng đồng –CMD(2014), Một số nghiên cứu điển hình về đánh giá rủi ro sinh thái ở Việt Nam.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học tập trên lớp: Nghe giảng, hoạt động nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Học tập ở nhà: Đọc tài liệu, ôn bài và thảo luận nhóm.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ RỦI RO SINH THÁI	4			4	8	
1.1. Khái niệm về đánh giá rủi ro sinh thái	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, , 3
1.2. Sự cần thiết của đánh giá rủi ro sinh thái	1			1	2	Đọc TLC 1 (Chương 5), 2, 3
1.3. Đối tượng tham gia đánh giá rủi ro sinh thái	0,5			0,5	1	Đọc TLC 2
1.4. Quá trình đánh giá rủi ro sinh thái	1,0			1,0	2	
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả đánh giá rủi ro sinh thái	0,5			0,5	1	Đọc TLC 1 (Chương 5)
Chương 2. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ RỦI RO SINH THÁI	15		4	19	38	
2.1. Lập kế hoạch đánh giá rủi ro	3			3	6	Đọc TLC 1 (Chương 5), 3
2.1.1. Cơ sở lập kế hoạch						
- Mục tiêu quản lý						
- Phương án quản lý						
- Trọng tâm và phạm vi đánh giá						
- Nguồn lực sẵn có						
2.1.2. Kế hoạch đánh giá rủi ro						
- Vai trò của người quản lý rủi ro, đánh giá rủi ro, và các bên liên quan trong kế hoạch						
- Khung kế hoạch: Tiêu chí đánh giá, công cụ đánh giá, thời gian, phương						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
pháp đánh giá, đối tượng liên quan, kinh phí,.						
2.2. Đánh giá rủi ro (Tìm kiếm dữ liệu, phân tích, đánh giá,.)						
2.2.1. Xác định vấn đề đánh giá - Tích hợp thông tin hiện có - Qui điểm đánh giá - Mô hình khái niệm - Kế hoạch phân tích	2		1	3	6	Đọc TLC 1,
2.2.2. Phân tích, đánh giá rủi ro (sự phơi nhiễm và ảnh hưởng) a. Đặc trưng phơi nhiễm: - Đo lường, lượng hoá mức độ phơi nhiễm - Phân tích phơi nhiễm - Hồ sơ phơi nhiễm b. Đặc trưng tác động sinh thái - Đo lường, lượng hoá các đặc tính của hệ sinh thái và các thụ thể - Đo lường, lượng hoá tác động - Phân tích phản ứng sinh thái - Hồ sơ tác nhân - phản ứng	4		1	5	10	Đọc TLC 1,3
2.2.3. Xác định đặc trưng rủi ro a. Ước lượng rủi ro - Kết quả của nghiên cứu quan sát hiện trường - Danh mục và xếp hạng - Phơi nhiễm của điểm đơn lẻ và hiệu ứng so sánh - So sánh kết hợp toàn bộ mối quan hệ đáp ứng - các căng thẳng - So sánh kết hợp biến thiên trong phơi nhiễm và hiệu quả - Áp dụng mô hình xử lý b. Mô tả rủi ro - Các bằng chứng - Xác định tác động không phù hợp cho sinh thái c. Các giả thuyết trong quá trình đánh giá rủi ro	3		1	4	8	Đọc TLC 1,2 Đọc TLC 1 (chương 5).3

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Lập báo cáo đánh giá rủi ro	2			2	4	Đọc TLC 1 (Chương 5), 3
2.4. Quản lý rủi ro và cung cấp kết quả cho các bên liên quan ra quyết định	1			1	2	Đọc TLC 1, 2
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐÁNH GIÁ RỦI RO SINH THÁI ĐIỂN HÌNH	4		3	7	14	
3.1. Đánh giá rủi ro sinh thái đối với thuốc trừ sâu	1		1	2	4	Đọc TLC 1, (Chương 6)
3.2. Đánh giá rủi ro sinh thái đối với nước thải bệnh viện	1		1	2	4	Đọc TLC 1, (Chương 7),3
3.3. Một số nghiên cứu điển hình khác về đánh giá rủi ro sinh thái ở Việt Nam.	2			2	4	TLĐT 1,2
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	23		7	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỒ ÁN MÔN HỌC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Đồ án quản lý các vùng sinh thái đặc thù
 - Tiếng Anh: **Practice on management of specific ecoregions**
- Mã học phần: MTQT2619
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh thái học, Đa dạng sinh học, Quản lý các vùng sinh thái đặc thù
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 20 ngày
- Thời gian tự học: 40 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Phân tích được các nội dung, công việc thực hiện trong quản lý các vùng sinh thái đặc thù.
- *Về kỹ năng:* Lập đề cương báo cáo đánh giá hoạt động quản lý các vùng sinh thái; vận dụng hiệu quả các phương pháp tiếp cận quản lý bền vững các vùng sinh thái đặc

thù; lập báo cáo đánh giá hiện trạng và đề xuất được mô hình quản lý cho một vùng sinh thái cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Có năng lực đưa ra được kết luận có cần thiết phải thực hiện quản lý, đảm bảo duy trì ổn định và phát triển các giá trị dịch vụ sinh thái của các vùng sinh thái. Có năng lực phân biệt về những tác động tích cực và tiêu cực tới các vùng sinh thái

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Sinh viên dựa trên các tài liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hiện trạng sử dụng, quản lý một vùng sinh thái và các văn bản pháp luật liên quan để thực hiện:

- Xây dựng đề cương và dự toán kinh phí để thực hiện một bản Báo cáo đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả, bền vững một vùng sinh thái.
- Đánh giá những mặt tích cực, tồn tại, nguyên nhân tồn tại trong công tác quản lý vùng sinh thái.
- Đề xuất mô hình quản lý hoặc các giải pháp quản lý hiệu quả, bền vững vùng sinh thái.
- Tổng hợp báo cáo đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả, bền vững một vùng sinh thái.

4. Tài liệu học tập

1. Hệ thống văn bản pháp lý nhà nước về quản lý môi trường và đa dạng sinh học đang có hiệu lực (Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư, hướng dẫn)
2. Các báo cáo về các mô hình quản lý các vùng sinh thái (đất ngập nước, lưu vực sông, đới bờ...) tại một khu vực cụ thể.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp / Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên, đảm bảo tiến độ và nội dung

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Nội dung đồ án (cấu trúc, phương pháp thực hiện, kết quả đạt được): 50%
- Báo cáo đồ án (trình bày đồ án, trả lời câu hỏi): 50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (ngày)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Khái quát hóa kiến thức lý thuyết, phân chia nhóm sinh viên Phổ biến yêu cầu về việc thực hiện đồ án Hướng dẫn cách thực hiện	1	2	Tham dự đầy đủ, đúng giờ, nhóm sinh viên vắng mặt không được giao đồ án
Hướng dẫn cách thức đề xuất và lựa chọn dự án	1	2	Tìm tài liệu, chọn loại hình dự án (tránh trùng lặp các nhóm)
Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện	1	2	Xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ các thành viên
Duyệt kế hoạch và giải đáp thắc mắc các nhóm	1	2	Chuẩn bị các câu hỏi liên quan trong quá trình thực hiện
Thực hiện đồ án với 3 nội dung: - Xây dựng đề cương và dự toán kinh phí - Lựa chọn phương pháp nghiên cứu; thu thập, phân tích thông tin, số liệu - Lập báo cáo	1	2	Hoàn thành đồ án theo kế hoạch xây dựng
Hướng dẫn thực hiện và giải đáp thắc mắc	1	2	Tìm hiểu nội dung thực hiện và đặt các câu hỏi, tình huống liên quan
Thực hiện đồ án theo kế hoạch	12	24	Hoàn thành đồ án theo kế hoạch xây dựng
Báo cáo kết quả	2	4	Trình bày kết quả thực hiện và trả lời câu hỏi
Cộng	20	40	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỒ ÁN MÔN HỌC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Đồ án đánh giá tác động đa dạng sinh học
Tiếng Anh: Practice on Biodiversity Impact Assessment
- Mã học phần: MTQT2620
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh thái học, Đa dạng sinh học, Đánh giá tác động môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 20 ngày
- Thời gian tự học: 40 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được các khái niệm liên quan đến đánh giá tác động đa dạng sinh học; Trình bày và phân tích được quy trình đánh giá tác động đa dạng sinh học.
- *Về kỹ năng:* Vận dụng kiến thức liên quan để lập đề cương báo cáo đánh giá tác động đa dạng sinh học; Áp dụng được các phương pháp để xác định và đánh giá những tác động của các dự án phát triển kinh tế xã hội đối với đa dạng sinh học; Lập được báo cáo đánh giá tác động đa dạng sinh học chi tiết.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Nhận thức được mức độ nghiêm trọng của những tác động đến đa dạng sinh học, nhận thấy sự cần thiết và có trách nhiệm phải bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học. Chủ động dẫn dắt và lan tỏa đến mọi người có ý thức bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Sinh viên dựa trên báo cáo kinh tế kỹ thuật của các dự án phát triển kinh tế xã hội, các văn bản pháp luật liên quan để thực hiện:

- Xây dựng đề cương và dự toán kinh phí để thực hiện một bản Báo cáo đánh giá tác động đa dạng sinh học cụ thể (cơ sở pháp lý, kế hoạch điều tra khảo sát môi trường cơ sở, khung phân tích logic, kế hoạch thực hiện và dự toán kinh phí)
- Sử dụng các phương pháp có độ tin cậy đánh giá tác động của dự án đến đa dạng sinh học.
- Lập báo cáo đánh giá tác động đa dạng sinh học.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- 3) Cục Bảo tồn đa dạng sinh học, 2015. Hướng dẫn đánh giá tác động đa dạng sinh học. Nhà xuất bản Tài nguyên môi trường và bản đồ Việt Nam.
- 4) Hệ thống văn bản pháp lý nhà nước về môi trường và đa dạng sinh học đang có hiệu lực (Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư, hướng dẫn)
- 5) Trần Văn Ý (2006), *Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển*, NXB Thống kê.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

- 1) Giáo trình Đánh giá tác động môi trường (hệ đại học), 2014, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
- 2) IUCN Red List, tháng 10 năm 2018, International news release.
- 3) Nghị định 32/2006/NĐ-CP quản lý thực vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm
- 4) Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Luật đa dạng sinh học*, NXB Hồng Đức.
- 5) Thông tư 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/09/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học
- 6) Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam, 2007. Sách đỏ Việt Nam. Phần 1 - Động vật; Phần 2- Thực vật. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp /Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên, đảm bảo tiến độ và nội dung

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Nội dung đồ án (cấu trúc, phương pháp thực hiện, kết quả đạt được): 50%
- Báo cáo đồ án (trình bày đồ án, trả lời câu hỏi): 50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (ngày)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Khái quát hóa kiến thức lý thuyết, phân chia nhóm sinh viên Phổ biến yêu cầu về việc thực hiện đồ án Hướng dẫn cách thực hiện	1	2	Tham dự đầy đủ, đúng giờ, nhóm sinh viên vắng mặt không được giao đồ án
Hướng dẫn cách thức thực hiện và lựa chọn loại hình dự án	1	2	Tìm tài liệu, chọn loại hình dự án (tránh trùng lặp các nhóm)
Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện	1	2	Xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ các thành viên
Duyệt kế hoạch và giải đáp thắc mắc các nhóm	1	2	Chuẩn bị các câu hỏi liên quan trong quá trình thực hiện
Thực hiện đồ án với 3 nội dung: - Xây dựng đề cương và dự toán kinh phí để thực hiện một bản báo cáo đánh giá tác động đa dạng sinh học, cụ thể (cơ sở pháp lý, kế hoạch điều tra khảo sát cơ sở, khung	1	2	Hoàn thành đồ án theo kế hoạch xây dựng

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (ngày)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
phân tích logic, kế hoạch thực hiện và dự toán kinh phí). - Sử dụng các phương pháp có độ tin cậy đánh giá tác động của dự án đến đa dạng sinh học (hệ sinh thái, loài sinh vật, gen). - Lập báo cáo đánh giá tác động đa dạng sinh học.			
Hướng dẫn thực hiện và giải đáp thắc mắc sau khi hướng dẫn nội dung	1	2	Tìm hiểu nội dung thực hiện và đặt các câu hỏi, tình huống liên quan
Thực hiện đồ án theo kế hoạch	12	24	Hoàn thành đồ án theo kế hoạch xây dựng (thực hiện tại hiện trường dự án)
Báo cáo kết quả	2	4	Trình bày kết quả thực hiện và trả lời câu hỏi
Cộng	20	40	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỒ ÁN MÔN HỌC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Đồ án truyền thông về tài nguyên và môi trường
Tiếng Anh: Project of Natural Resources and Environmental Communication
- Mã học phần: **MTQT2621**
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Truyền thông về tài nguyên và môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 15
- Thời gian tự học: 30 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: sinh viên sử dụng kiến thức đã học trong học phần Truyền thông về tài nguyên và môi trường để xây dựng và thực hiện được một chương trình truyền thông về tài nguyên và môi trường cụ thể.
- *Về kỹ năng*: sinh viên có khả năng xác định vấn đề truyền thông, làm việc với cộng đồng và tổ chức được một chương trình truyền thông có sự tham gia của cộng đồng.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Có năng lực đưa ra được kết luận có cần thiết phải thực hiện một chương trình truyền thông có sự tham gia của cộng đồng hay không. Có năng lực đánh giá và cải tiến cách thức tổ chức chương trình truyền thông.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Sinh viên xây dựng 1 chương trình truyền thông, góp phần nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên sinh vật.

Sinh viên biết cách xác định vấn đề truyền thông dựa vào hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật tại địa phương. Từ vấn đề môi trường và tài nguyên sinh vật cộng đồng quan tâm, xây dựng chương trình truyền thông để giúp các nhà quản lý giải quyết những vấn đề mà cộng đồng đang quan tâm.

Sinh viên biết tổ chức thực hiện một chương trình truyền thông

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Đình Hoà (2000), *Truyền thông môi trường trong “Quản lý nhà nước về Khoa học công nghệ và môi trường”*, Trường Nghiệp vụ Quản lý Bộ KHCN, NXB Khoa học kỹ thuật.
2. Trung tâm Đào tạo và truyền thông môi trường (2012), *Sổ tay hướng dẫn truyền thông môi trường*, Tổng cục Môi trường.
3. Nguyễn Ngọc Dung (2008), *Quản lý Tài nguyên và Môi trường*, NXB Xây Dựng

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Đình Hoà, *Sổ tay hướng dẫn truyền thông môi trường*, Sở Khoa học công nghệ tỉnh Hải Dương, 2002.
2. Tài liệu tập huấn “Phương pháp và kỹ năng TOT, truyền thông cho cán bộ hạt nhân” thuộc Dự án: Nâng cao nhận thức về môi trường và năng lực tuyên truyền cho cán bộ ngành tài nguyên và môi trường các tỉnh miền bắc, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2014.

3. Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về Hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 52/2005/QH11 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

5. Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

6. Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 6 tháng 1 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường

7. Quyết định số 784/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn, mức chi thanh toán công tác phí và hội nghị phí sử dụng ngân sách nhà nước trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nhận đồ án
- Thu thập tài liệu, thực hiện đồ án theo đúng hướng dẫn, yêu cầu và tiến độ
- Bảo vệ đồ án
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: tham gia đầy đủ các buổi trên lớp.

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Nội dung đồ án (cấu trúc, phương pháp thực hiện, kết quả đạt được): 50%
- Báo cáo đồ án (trình bày đồ án, trả lời câu hỏi): 50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Tiến độ	Nội dung	Yêu cầu đối với sinh viên
Ngày 1	Giảng viên giao đề bài đồ án cho sinh viên GV hướng dẫn sinh viên (SV) cách thực hiện đồ án (xây dựng phiếu điều tra xã hội học, điều tra thu thập số liệu, tài liệu, phân tích số liệu, xác định vấn đề truyền thông)	SV trao đổi, làm rõ mục đích, yêu cầu của đồ án (nếu cần thiết)
Ngày 2	GV hướng dẫn sinh viên xây dựng phiếu điều tra xã hội học Xác định đối tượng điều tra	SV xây dựng 01 mẫu phiếu điều tra xã hội học cho đối tượng cần điều tra
Ngày 3, 4, 5	GV hướng dẫn sinh viên khảo sát, điều tra, thu thập tài liệu tại 1 địa phương cụ thể. Điều tra xã hội học tại địa phương với số lượng phiếu tối thiểu là 30 phiếu	SV thu thập, phân tích tài liệu liên quan Tiến hành điều tra xã hội học và thu thập thông tin
Ngày 6, 7	GV kiểm tra tài liệu, thông tin và các phiếu điều tra xã hội học	SV báo cáo kết quả điều tra, khảo sát, thu thập tài liệu và các phiếu điều tra
Ngày 8, 9	GV hướng dẫn sinh viên xử lý số liệu điều tra.	SV xử lý số liệu điều tra
Ngày 10	GV hướng dẫn sinh viên xây dựng 1 chương trình truyền thông	Sinh viên xây dựng chương trình theo sự hướng dẫn của giáo viên
Ngày 11, 12	GV hướng dẫn sinh viên cách lập dự toán cho chương trình truyền thông	SV đọc các thông tư liên quan đến lập dự toán cho chương trình truyền thông và lập dự toán
Ngày 13	GV xem xét, kiểm tra, giúp sinh viên hoàn thành báo đồ án	SV thực hiện đồ án theo quy định
Ngày 14	GV xem xét, kiểm tra, giúp sinh viên hoàn thành báo đồ án	SV thực hiện đồ án theo quy định
Ngày 15	GV chấm đồ án của sinh viên	SV trình bày đồ án trước lớp
Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Lê Thị Trinh		ThS. Nguyễn Khắc Thành

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Phát triển tài nguyên sinh vật
Tiếng Anh: Development of biological resources
- Mã học phần: MTQT2622
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh thái học, Đa dạng sinh học
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 12 tiết
 - Kiểm tra, báo cáo: 03 tiết
- Thời gian tự học: 90 tiết

- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Phân tích được các khái niệm về tài nguyên sinh vật, sử dụng hợp lý, phát triển bền vững tài nguyên sinh vật; xác định được các nguồn tài nguyên sinh học (tài nguyên động vật, tài nguyên thực vật, tài nguyên vi sinh vật); phân tích được vai trò và giá trị sử dụng của các nguồn tài nguyên sinh vật ở Việt Nam; hiểu được cách tiếp cận trọng việc phát triển sử dụng tài nguyên sinh vật.
- *Về kỹ năng*: Vận dụng kiến thức cơ bản về sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật để tiếp thu các học phần liên quan tiếp sau như: Bảo tồn đa dạng sinh học,... Xây dựng và đề xuất các mô hình khai thác, sử dụng và phát triển nguồn tài nguyên sinh vật.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Nhận thức được vai trò, ý nghĩa của tài nguyên sinh vật; nhận thấy sự cần thiết phải phát triển và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên sinh vật. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong công tác bảo tồn và phát triển tài nguyên sinh vật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về tài nguyên sinh vật: Các khái niệm tài nguyên sinh vật; các giá trị của tài nguyên sinh vật; phân loại tài nguyên sinh vật;
- Tài nguyên sinh vật ở Việt Nam: Phân bố và đặc điểm các nguồn tài nguyên sinh vật ở Việt Nam;
- Sử dụng và phát triển nguồn tài nguyên sinh vật: Nguyên tắc chung; Phương pháp tiếp cận trong việc sử dụng và phát triển nguồn tài nguyên sinh vật; Các mô hình phát triển và sử dụng nguồn tài nguyên sinh vật.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Đỗ Tất Lợi, 2004. Những Cây Thuốc Và Vị Thuốc Việt Nam. Nhà xuất bản Y học
2. Nghị định 32/2006/NĐ-CP quản lý thực vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm
3. Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam, 2007. Sách đỏ Việt Nam. Phần 1 - Động vật; Phần 2- Thực vật. Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ.
4. Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), Luật đa dạng sinh học, NXB Hồng Đức.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Bộ Tài nguyên và môi trường (2011), Báo cáo quốc gia về đa dạng sinh học.

2. Thông tư 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/09/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn mẫu đơn đăng ký, giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

3. Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora (2017). “The CITES Appendices”

4. IUCN Red List, tháng 10 năm 2018, International news release.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☒	☐	☒	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học tập trên lớp: thảo luận và nghe giảng
- Học nhóm; Tự học, tự đọc, tra cứu tài liệu theo nội dung mà giáo viên yêu cầu,
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1 Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT	5		5	10	20	TLC 1; 2; 3 TLĐT 1;2
1.1. Một số khái niệm cơ bản? 1.1.1. Tài nguyên sinh vật 1.1.2. Phát triển bền vững tài nguyên sinh vật 1.1.3. Sử dụng hợp lý tài nguyên sinh vật	2		1	3	6	
1.2.Giá trị của tài nguyên sinh vật 1.2.1. Những giá trị kinh tế trực tiếp 1.2.2. Những giá trị kinh tế gián tiếp	1		2	3	6	
1.3.Phân loại tài nguyên sinh vật 1.3.1. Phân loại theo hệ thống sinh vật 1.3.2. Phân loại theo môi trường sống 1.3.3. Phân loại theo giá trị sử dụng	2		1	3	6	
Kiểm tra chương 1			1	1	2	
Chương 2. TÀI NGUYÊN SINH VẬT Ở VIỆT NAM	15		5	20	40	TLC 1; 2; 4 TLĐT 1; 2
2.1.Tài nguyên thực vật 2.1.1. Danh mục tài nguyên thực vật 2.1.2. Đặc điểm và giá trị của các loài thực vật	5		1,5	6,5	13	
2.2. Tài nguyên động vật 2.2.1. Danh mục tài nguyên động vật 2.2.2. Đặc điểm và giá trị của các loài động vật	5		1,5	6,5	13	
2.3. Tài nguyên nấm lớn và vi sinh vật 2.3.1. Danh mục tài nguyên nấm lớn và vi sinh vật 2.3.2. Đặc điểm và giá trị của các loài nấm lớn và vi sinh vật	5		1	6	12	
Kiểm tra chương 2			1	1	2	
Chương 3. PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN SINH VẬT	10		5	15	30	TLC 2; 3 TLĐT 2
3.1. Nguyên tắc chung	1,0		0,5	1,5	3,0	
3.2. Phương pháp tiếp cận	1,0		0,5	1,5	3,0	
3.3. Các bước phát triển tài nguyên sinh vật	2,5		1,0	3,5	7,0	
3.4. Các văn bản pháp lý liên quan đến phát triển tài nguyên sinh vật	2,5		1,0	3,5	7,0	
3.5. Tham quan một số mô hình phát triển tài nguyên sinh vật	3,0		1,0	4,0	8,0	Tổ chức hoạt động ngoài trường

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Báo cáo kết quả tham quan			1,0	1,0	2,0	
Cộng	30		15	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Quản lý an toàn sinh học
Tiếng Anh: Biosafety management
- Mã học phần: MTQT2623
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 28 giờ
 - Hoạt động theo nhóm :
 - Thực hành, bài tập : 2 giờ
- Tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Hiểu được các khái niệm, các kiến thức cơ bản và các quy định liên quan đến an toàn sinh học. Nắm bắt và trình bày được hiện trạng và tình hình quản lý sinh vật biến đổi, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi ở Việt Nam
- *Về kỹ năng:* Áp dụng được các kiến thức vào trong các hoạt động quản lý và đánh giá an toàn sinh học với sinh vật biến đổi gen.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng

cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn về quản lý an toàn sinh học qui mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Nội dung gồm 4 chương:

Chương 1: Đại cương về an toàn sinh học

Chương 2: Các quy định về an toàn sinh học

Chương 3: An toàn sinh học trong hoạt động nghiên cứu khảo nghiệm

Chương 4: Quản lý an toàn sinh học ở Việt Nam

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ tài nguyên và Môi trường (2004) An toàn sinh học: Đánh giá rủi ro và quản lý sinh vật biến đổi gen
2. Lê Gia Hy (2007) An toàn sinh học. Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật Hà Nội
3. Nghị định số: 69/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm của sinh vật biến đổi gen

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. James C. 2006. Global status of commercialized biotech/GM crops 2006 ISAAA, Ithaca, NY.
2. Nguyễn Văn Mùi (2008). An toàn sinh học. Nhà xuất bản giáo dục
3. Luật số: 20/2008/QH12, Đa dạng sinh học. Hà Nội, 2008.
4. Trần Hồng Hà (2007). Các câu hỏi thường gặp về an toàn sinh học đối với các sinh vật biến đổi gen, Hà Nội 2007.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☒	☒

Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học tập trên lớp: nghe giảng, hoạt động nhóm dưới sự hướng dẫn của giảng viên
- Học tập ở nhà: Đọc tài liệu, ôn bài và thảo luận nhóm.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%**Bao gồm:** 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ AN TOÀN SINH HỌC	7			7	12	
1.1. Khái niệm về ATSH	0.5			1	2	Đọc TL 2
1.2. Tính cấp thiết của an toàn sinh học	0.5			1	2	Đọc TL 2
1.3 Nguyên lý an toàn sinh học	0.5					Đọc TL 2
1.4 Nguyên tắc phân loại tác nhân sinh học	0.5					Đọc TL 2
1.5 Sinh vật biến đổi gen	0.5					Đọc TL 2
1.6 Sinh vật biến đổi gen và an toàn sinh học	0.5					Đọc TL 2,3
1.7 Đánh giá rủi ro an toàn sinh học	2			1	2	Đọc TL 1
1.8 Quản lý rủi ro an toàn sinh học	2					Đọc TL 1
CHƯƠNG 2. QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN SINH HỌC	7			7	14	
2.1. Nghị định thư Cartagena về ATSH	2,5			2,5	5	
2.2. Nghị định thư bổ sung Nagoya- Kualumpur về trách nhiệm pháp lý và bồi thường.	2			2	4	

2.3. Khung pháp lý về ATSH ở Việt Nam	2,5			2,5	5	
Kiểm tra chương 1,2			1	1	2	
CHƯƠNG 3. AN TOÀN SINH HỌC TRONG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, KHẢO NGHIỆM	6			6	12	
3.1. Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	2			2	4	Đọc TL 2
3.2. Khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen	2			2	4	
3.3. Giấy chứng nhận an toàn sinh học	2			2	4	
CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ AN TOÀN SINH HỌC Ở VIỆT NAM	8			8	16	Đọc TL3
4.1. Sinh vật biến đổi gen và an toàn thực phẩm	1,5			1,5	3	
4.2. Sinh vật biến đổi gen sử dụng làm thức ăn chăn nuôi	1,5			1,5	3	
4.3. Sinh vật biến đổi gen sử dụng để phóng thích	1,5			1,5	3	
4.4. Quản lý nhập khẩu, xuất khẩu sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	1,5			1,5	3	
4.5. Lưu giữ, đóng gói, vận chuyển sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	1			1	2	
4.6. Thông tin về sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen	1			1	2	
Kiểm tra chương 3,4			1	1	2	
Cộng	28		2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỒ ÁN MÔN HỌC

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: **Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề**

Tiếng Anh: **Practice on Environmental management for urban, industrial zones and craft villages**

- Mã học phần: MTQM2617

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động trên lớp: 20 ngày

- Thời gian tự học: 40 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Xác định được vấn đề môi trường cần ưu tiên giải quyết cho một đô thị, khu công nghiệp, làng nghề cụ thể, trình bày được hiện trạng vấn đề, luận giải được nguyên nhân của vấn đề và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề đó.

- *Về kỹ năng:* Ứng dụng các nhóm công cụ trong quản lý môi trường để giải quyết vấn đề môi trường ưu tiên cho các khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề cụ thể. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý về các khu vực cần ưu tiên giải quyết ở Việt Nam như: Đô thị, Khu công nghiệp, làng nghề; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý các thành phần môi trường ở Đô thị, Khu công nghiệp, làng nghề (nguyên nhân, hiện trạng và giải pháp); Có năng lực đánh giá và cải tiến các quy trình, các giải pháp quản lý cho các đô thị, khu công nghiệp và làng nghề cụ thể.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên dựa trên báo cáo hiện trạng môi trường của các khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, hệ thống cơ sở pháp lý liên quan tới 3 khu vực để thực hiện 2 bài tập lớn:

- Xác định vấn đề ưu tiên cần giải quyết cho 3 khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề cụ thể.
- Sử dụng 4 nhóm công cụ trong quản lý môi trường để giải quyết vấn đề ưu tiên cho 3 khu vực (yêu cầu các nhóm giải pháp phải có tính khả thi về mặt khoa học kỹ thuật, về kinh tế và phù hợp điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của địa phương).

4. Tài liệu tham khảo

4.1. Tài liệu chính

1. Báo cáo môi trường Quốc gia các năm
2. Hệ thống văn bản pháp luật liên quan (Nghị định 42/2009/NĐ-CP, thông tư 31/2016/TT- BTNMT, thông tư 35/2015/TT-BTNMT).

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. Vũ Văn Doanh, Lê Đắc Trường (2011) *Giáo trình Quản lý môi trường vùng*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

5. Cách thức triển khai thực hiện đề án phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp /Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☒	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☒	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập ☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên, đảm bảo tiến độ và nội dung

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Nội dung đồ án (cấu trúc, phương pháp thực hiện, kết quả đạt được): 50%
- Báo cáo đồ án (trình bày đồ án, trả lời câu hỏi): 50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)
Khái quát hóa kiến thức lý thuyết, phân chia nhóm sinh viên Phổ biến yêu cầu về việc thực hiện đồ án Hướng dẫn cách thực hiện	1	2	Tham dự đầy đủ, đúng giờ, nhóm sinh viên vắng mặt không được giao đồ án
Hướng dẫn cách thức thực hiện và lựa chọn khu vực	1	2	Tìm tài liệu, chọn loại hình dự án (tránh trùng lặp các nhóm)
Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện	1	2	Xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ các thành viên
Duyệt kế hoạch và giải đáp thắc mắc các nhóm	2	4	Chuẩn bị các câu hỏi liên quan trong quá trình thực hiện
Thực hiện đồ án với 2 nội dung: - Xác định vấn đề ưu tiên cần giải quyết cho 3 khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề cụ thể. - Sử dụng 4 nhóm công cụ trong quản lý môi trường để giải quyết vấn đề ưu tiên cho 3 khu vực (yêu cầu các nhóm giải pháp phải có tính khả thi về mặt khoa học kỹ thuật, về kinh tế và phù hợp điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của địa phương).	2	4	Hoàn thành đồ án theo kế hoạch xây dựng, xác định vấn đề ưu tiên cần giải quyết bằng phiếu điều tra hoặc tham vấn ý kiến tại thực tế
Thực hiện đồ án theo kế hoạch Thăm quan một khu vực đô thị hoặc khu công nghiệp hoặc làng nghề để hoàn thành các thủ tục hành chính liên quan tới bảo vệ môi trường cho một doanh nghiệp, khu công nghiệp cụ thể	12	24	Hoàn thành đồ án theo kế hoạch xây dựng Xây dựng các hồ sơ môi trường cho doanh nghiệp, khu công nghiệp
Báo cáo kết quả	1	2	Trình bày kết quả thực hiện và trả lời câu hỏi
Cộng	20	40	

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Tài nguyên khoáng sản Việt Nam
Tiếng Anh: Mineral Resources of Vietnam
- Mã học phần: ĐCQT2551
- Số tín chỉ: 02 TC
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở địa lý tài nguyên và môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 26 tiết
 - Bài tập: 0 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 02 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Tài nguyên Khoáng sản, Khoa Địa chất

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- **Về kiến thức:** Sinh viên thu nhận được kiến thức tổng quan về các loại hình khoáng sản của nước ta, sự phân chia thành các nhóm khoáng sản khác nhau, vị trí phân bố, mức độ nghiên cứu, hiện trạng khai thác, ý nghĩa của từng loại khoáng sản cụ thể đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự phát triển ngành khai khoáng trong tương lai.

- **Về kỹ năng:** Tổng hợp thông tin dưới dạng bảng, biểu, số hóa, phương pháp tra cứu về một loại hình khoáng sản với nội dung: Tên, sự hình thành, hiện trạng nghiên cứu, xu thế sử dụng...; kỹ năng sử dụng phần mềm để lập các sơ đồ, bản đồ điểm, khoanh vùng khoáng sản, mỏ khoáng sản; kỹ năng tìm kiếm, đọc tài liệu, tự học và nêu các vấn đề cần tìm hiểu thêm trên lớp; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có năng lực nghiên cứu, điều tra, phát hiện và bảo vệ tài nguyên khoáng sản; Có khả năng tự giải quyết được các nhiệm vụ được giao, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, học tập, tích lũy kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có năng lực lập kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể trong công tác và tiếp tục học ở các bậc cao hơn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm có 04 chương như sau:

Chương 1: Khoáng sản năng lượng.

Chương 2: Khoáng sản kim loại.

Chương 3: Khoáng sản không kim loại, vật liệu xây dựng.

Chương 4: Đá ngọc.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Nguyễn Khắc Vinh, Đặng Quốc Lịch, Nguyễn Văn Huỳnh, 2015. Khoáng sản. NXB Tri thức.

[2]. Trần Văn Trị, Vũ Khúc và nnk, 2009. Địa chất và tài nguyên Việt Nam. NXB KHTN và CN.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

[1]. Nguyễn Văn Chữ, 1998. Địa chất khoáng sản. NXB Giao thông vận tải.

[2]. Luật khoáng sản số 60/2010/QH12. Lưu tại Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Phương pháp giảng dạy được tổ chức dưới các hình thức chủ yếu như:

Thuyết trình ☒	Động não ☒	Từng cặp /Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☒	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học:

- Yêu cầu đọc tài liệu đã ghi rõ trong đề cương môn học trước khi đến lớp; yêu cầu về giáo trình, vở, sổ viết, ghi chép nội dung giảng viên yêu cầu ghi hoặc sinh viên tự ghi nhận sao cho hiểu và nhớ nội dung bài giảng.
- Về hình thức đánh giá: gồm kiểm tra đột xuất bằng viết, trả lời câu hỏi; tiểu luận; thuyết trình và kiểm tra cuối kỳ.
- Về tài liệu học thêm: Giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên tới thư viện nhà trường để tham khảo, mua hoặc theo chỉ dẫn của thư viện để có đủ tài liệu học tập.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%;

- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%, hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Vấn đáp ☐ Thực hành ☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Khoáng sản năng lượng	7,0			7,0	21,0	
1.1. Dầu mỏ 1.1.1. Khái niệm về dầu mỏ 1.1.2. Nguồn gốc hình thành dầu mỏ 1.1.3. Lịch sử 1.1.4. Trữ lượng và sản lượng khai thác dầu mỏ trên thế giới 1.1.5. Dầu khí ở Việt Nam	1,0				3,0	- Đọc TLC [1] chương 1 - Đọc TLC [2] phần IV, chương 2
1.2. Khí thiên nhiên 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Lịch sử	1,0				3,0	- Đọc TLC [1] chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.2.3. Trữ lượng và sản lượng khai thác khí thiên nhiên trên thế giới						- Đọc TLC [2] phần IV, chương 2
1.3. Dầu đá phiến 1.3.1. Khái niệm 1.3.2. Tiềm năng đá dầu ở Việt Nam	1,0				3,0	- Đọc TLC [1] chương 1 - Đọc TLC [2] phần IV, chương 2
1.4. Than khoáng 1.4.1. Than khoáng, sự hình thành than và các loại than 1.4.2. Than khoáng trên thế giới 1.4.3. Xu thế sử dụng than trên thế giới 1.4.4. Than khoáng ở Việt Nam	1,0				3,0	- Đọc TLC [1] chương 1 - Đọc TLC [2] phần IV, chương 2
1.5. Urani 1.5.1. Các khoáng vật đặc trưng của U 1.5.2. Urani trong đời sống xã hội 1.5.3. Lịch sử phát hiện Urani 1.5.4. Quặng Urani ở Việt Nam	1,0				3,0	- Đọc TLC [1] chương 1 - Đọc TLC [2] phần IV, chương 2
1.6. Địa nhiệt 1.6.1. Khái niệm 1.6.2. Tình hình khai thác địa nhiệt trên thế giới 1.6.3. Nguồn địa nhiệt của Việt Nam	1,0				3,0	- Đọc TLC [1] chương 1 - Đọc TLC [2] phần IV, chương 2
1.7. Băng cháy 1.7.1. Khái niệm 1.7.2. Tiềm năng băng cháy ở Việt Nam	1,0				3,0	- Đọc TLC [1] chương 1 - Đọc TLC [2] phần IV, chương 2
Chương 2. Khoáng sản kim loại	8,0		2,0	10,0	30,0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Sắt và hợp kim sắt: 2.1.1. Các kiểu khoáng vật đặc trưng 2.1.2. Nguồn gốc và tiềm năng đối với các khoáng sản: Sắt, Mangan, Chrome, Titan	2,5				7,5	- Đọc TLC [1] chương 2 - Đọc TLC [2] phần IV, chương 1 - Đọc TLC [3], chương 2,3
2.2. Kim loại cơ bản 2.2.1. Các kiểu khoáng vật đặc trưng 2.2.2. Nguồn gốc và tiềm năng đối với: Đồng, Chì - kẽm, Nickel - Cobalt, Nhôm, Thiếc, Bismut, Wolfram, Molybden, Antimon - Thủy ngân	2,5				7,5	- Đọc TLC [1] chương 2 - Đọc TLC [2] phần IV, chương 1 Độc TLC [3], chương 2,3
2.3. Kim loại quý, hiếm và đất hiếm 2.3.1. Các kiểu khoáng vật đặc trưng 2.3.2. Nguồn gốc và tiềm năng đối với: Vàng, Platin, Niobi - Tantal, Berili - Lithi, Đất hiếm	2,0				6,0	- Đọc TLC [1] chương 2 - Đọc TLC [2] phần IV, chương 1
Thực tế Nghiên cứu tại phòng thí nghiệm của khoa hoặc tham quan, thực địa			1,0		3,0	
Kiểm tra			1,0		3,0	
Chương 3. Khoáng sản không kim loại và vật liệu xây dựng	9,0			9,0	27,0	
3.1. Khoáng chất công nghiệp 3.1.1. Tính chất và công dụng 3.1.2. Nguồn gốc và tiềm năng đối với từng loại khoáng sản...	2,0			2,0	6,0	- Đọc TLC [1] chương 3 - Đọc TLC [2] phần IV, chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2. Vật liệu xây dựng 3.2.1. Tính chất và công dụng 3.2.2. Nguồn gốc và tiềm năng đối với từng loại khoáng sản...	2,5			2,5	7,5	- Đọc TLC [1] chương 3 - Đọc TLC [2] phần IV, chương 1
3.3. Định hướng chiến lược phát triển khoáng sản 2020 - tầm nhìn 2030	2,5			2,5	7,5	- Đọc TLC [2] phần IV - Đọc TLDT [3]Quyết định số: 2427/QĐ-TTg; phê duyệt chiến lược khoáng sản đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030.
3.4. Pháp luật khoáng sản và quản lý tài nguyên khoáng sản	2,0			2,0	6,0	- Đọc TLC [2] phần IV - Đọc TLDT[2] Luật khoáng sản số 60/2010/QH12
Chương 4. Đá Ngoc	2,0		1,0	3,0	9,0	
4.1. Khái niệm 4.2. Phân loại và đặc tính 4.3. Tiềm năng	2,0			2,0	6,0	- Đọc TLC [1] chương 4 - Đọc TLC [2] phần IV, chương 1; Đọc TLC [3], chương 4.
Kiểm tra			1,0	1,0	3,0	
Cộng	26,0		4,0	30,0	9,0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

Tiếng Anh: Assessment on the compliance with environmental protection laws and regulations

- Mã học phần: MTQM2618
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý môi trường, Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường, Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 14 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 14 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các kiến thức cơ bản về: Tổng quan cơ sở pháp lý quy định về bảo vệ môi trường cho các nhóm đối tượng sản xuất kinh doanh dịch vụ gồm (luật, nghị định, thông tư, quyết định, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

về môi trường); áp dụng quy trình đánh giá sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường cho các nhóm đối tượng; nghiên cứu điển hình cho một doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng*: Xác định được các cơ sở pháp lý liên quan tới các nhóm đối tượng sản xuất kinh doanh, xây dựng được quy trình đánh giá sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và áp dụng cho một doanh nghiệp cụ thể.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý các hồ sơ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có khả năng đưa ra được kết luận về mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam của các cơ sở sản xuất kinh doanh (tuân thủ hoàn toàn, một phần hoặc chưa tuân thủ); Có năng lực đánh giá và cải tiến các quy trình, các giải pháp đánh giá mức độ tuân thủ các quy định pháp luật của cơ sở sản xuất kinh doanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cơ sở pháp lý quy định về bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp (luật, nghị định, thông tư, quyết định, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường); quy trình đánh giá sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường; nghiên cứu điển hình cho một doanh nghiệp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Luật môi trường (2016), NXB Công an nhân dân
2. Nguyễn Đức Khiển (2010), *Quản lý chất thải nguy hại*, NXB Xây dựng
3. Phạm Ngọc Đăng (2011), *Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp*, NXB Xây dựng

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Hệ thống cơ sở pháp lý quy định về bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp (luật, nghị định, thông tư, quyết định, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường)
2. Biểu mẫu quy trình xây dựng các thủ tục hành chính liên quan tới bảo vệ môi trường.
3. Hồ sơ của các loại hình doanh nghiệp
4. Vũ Văn Doanh, Lê Đắc Trường (2011), *Giáo trình Quản lý môi trường vùng*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Phương pháp giảng dạy được tổ chức dưới các hình thức chủ yếu như:

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
--------------	----------	--------------------	---------------------	----------------

☒	☒	☐	☒	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập
☐	☐	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp. Trường hợp nghỉ phải được sự đồng ý theo quy định.

- Sinh viên sẽ làm việc nhóm, thảo luận và hoàn thành 01 bài báo cáo theo yêu cầu, hình thức trình bày dạng Powerpoint, báo cáo trước lớp

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. HỆ THỐNG CƠ SỞ PHÁP LÝ QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP	4		2	6	12	
1.1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và các quy định về bảo vệ môi trường	1		2	3	6	Đọc TLĐT 1
1.2.Hệ thống văn bản Luật	1			1	2	Đọc TLC 1: Luật, thông tư, nghị định quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ
1.3. Hệ thống văn bản dưới luật	1			1	2	
1.4. Hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)		
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng			
Chương 2. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ SỰ TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	8		8	16	32		
2.1. Các bước chính	1		1	2	4		
2.2. Trình tự đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp lý về môi trường 2.2.1. Đánh giá tác động môi trường 2.2.2. Khai thác nước mặt, nước ngầm 2.2.3. Xả thải kê khai và nộp phí nước thải 2.2.4. Quản lý chất thải 2.2.5. Lập báo cáo và giám sát môi trường định kỳ 2.2.6. Một số quy định khác	7		6	13	26	Đọc TLC 2, các biểu mẫu hồ sơ về quy trình thủ tục hành chính liên quan tới bảo vệ môi trường tại các cổng thông tin của sở tài nguyên và môi trường của các địa phương	
Kiểm tra chương 1 + 2			1	1	2		
Chương 3. ÁP DỤNG XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN CÁC THỦ TỤC KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI MỘT DOANH NGHIỆP	2	6		8	16		
3.1. Lựa chọn doanh nghiệp và xây dựng kế hoạch	2			2	4		Đọc TLC 3, các hồ sơ của doanh nghiệp
3.2. Đánh giá sự tuân thủ các thủ liên quan tới doanh nghiệp		2		2	4		
3.3. Xây dựng và hoàn thiện thủ tục cho doanh nghiệp		4		4	8		
Cộng	14	6	10	30	60		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐỒ ÁN MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Đồ án quy hoạch môi trường
Tiếng Anh: Practice on Environmental Planning
- Mã học phần: MTQM2619
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quy hoạch môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động trên lớp: 3 tuần (20 ngày)
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Lập được báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường cho một khu vực hoặc một thành phần môi trường cụ thể
- *Về kỹ năng:* Lập đề cương báo cáo, xây dựng và thực hiện kế hoạch lập báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường, thực hành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực phân tích, dự báo phát triển vùng quy hoạch môi trường. Có tâm huyết với ngành và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Xây dựng đề cương chi tiết, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện tiến hành lập báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường
- Vận dụng kỹ năng, phương pháp lập quy hoạch để hoàn thành báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường

4. Tài liệu tham khảo

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phùng Chí Sỹ, Nguyễn Thế Tiến (2014), *Quy hoạch môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Đặng Trung Thuận (2007), *Quy hoạch môi trường*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội
 2. Nghị định Số: 18/2015/NĐ-CP (2015), *Về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường*.
3. Vũ Quyết Thắng (2008), *Quy hoạch môi trường*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☒	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập
☐	☒	☐	☒	☒

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Thực hiện theo yêu cầu, hướng dẫn của giảng viên, đảm bảo tiến độ và nội dung

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Nội dung đồ án (cấu trúc, phương pháp thực hiện, kết quả đạt được): 50%
- Báo cáo đồ án (trình bày đồ án, trả lời câu hỏi): 50%

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Thời gian thực tập (ngày)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)

Giới thiệu mục đích, yêu cầu, chia nhóm thực hiện. Hướng dẫn chi tiết nội dung đồ án liên quan đến từng nhóm sinh viên	1	2	Tham dự đầy đủ, đúng giờ, nhóm sinh viên vắng mặt không được giao đồ án. Tìm tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của nhóm mình
Hướng dẫn xây dựng đề cương và kế hoạch thực hiện	1	2	Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch
Duyệt kế hoạch và giải đáp thắc mắc các nhóm	2	4	Trình bày kế hoạch và chỉnh sửa theo góp ý
Thực hiện đồ án theo kế hoạch	7	15	Hoàn thành đồ án theo kế hoạch, giải đáp thắc mắc qua email của giảng viên hướng dẫn
Giải đáp thắc mắc trên lớp	1	2	Sinh viên chuẩn bị sẵn nội dung cần trao đổi với giáo viên hướng dẫn và các nhóm sinh viên khác
Sinh viên cùng giảng viên đi thực tế đến Cơ quan có chức năng thực hiện/phê duyệt quy hoạch môi trường và lập bản đồ quy hoạch môi trường	1	1	Sinh viên chuẩn bị sẵn câu hỏi có liên quan đến đồ án, ghi chép cẩn thận các kiến thức mới
Hoàn thiện báo cáo	5	10	Sinh viên hoàn thiện báo cáo
Trình bày báo cáo	2	4	Trình bày kết quả thực hiện và trả lời câu hỏi
Cộng	20	40	

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Hệ thống quản lý chất lượng môi trường
Tiếng Anh: Environmental Quality Management System
- Mã học phần: MTQM2620
- Số tín chỉ: 03
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường, Quản lý môi trường, SX sạch hơn & phòng ngừa ô nhiễm
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 28 tiết
 - Bài tập, thảo luận: 15 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý môi trường; Phân tích được các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001, Ứng dụng được cách thức thiết lập và thực hiện hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.
- *Về kỹ năng:* Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học giúp doanh nghiệp tiến hành thực hiện công tác quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc xây dựng hệ thống quản lý môi trường cho tổ chức. Có trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc, nhiệm vụ được giao

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: 3 nội dung chính:

- Các khái niệm về hệ thống quản lý chất lượng môi trường và giới thiệu về ISO 14000:2015
- Các yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015
- Xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

4. Tài liệu học tập

4.1 Tài liệu học tập chính

1. TCVN ISO 14001:2015, Hệ thống quản lý môi trường - Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng
2. TCVN ISO 14004: 2017 (ISO 14004:2016), Hệ thống quản lý môi trường – Hướng dẫn chung về các nguyên tắc hệ thống và kỹ thuật hỗ trợ.
3. TCVN ISO 14050: 2015, Quản lý môi trường – Từ vựng.

4.2. Tài liệu đọc thêm

4. Hoàng Thị Huệ, 2011, Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001, Giáo trình nội bộ, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
5. Lê Huy Bá, 2006, Hệ quản trị Môi trường ISO 14001 lý thuyết và thực hành, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
6. Christopher Sheldon & Mark Yoxom, 2006, Environmental Management System, a Step-By-Step Guide to Implementation and Maintenance, Publisher: Earthscan, Third Edition.
7. Hengky K. Salim et al, 2017, Global trends in environmental management system and ISO14001 research, Journal of Cleaner Production 170 (2018) 645-653.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☒	Từng cặp /Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☒	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học trên lớp đầy đủ
- Tham gia làm bài tập và thảo luận
- Tìm hiểu các thông tin liên quan đến bài học trong thư viện, trên mạng internet
- Kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 1:GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BỘ TIÊU CHUẨN ISO 14000 VÀ TIÊU CHUẨN ISO 14001	4			4	8	Đọc tài liệu 1
1.1 Tổ chức tiêu chuẩn hóa thế giới ISO	0,5			0,5		
1.2 Bộ tiêu chuẩn ISO 14000	0,5			0,5		
1.3 Tiêu chuẩn ISO 14001	1			1		
1.4 Những lợi ích và trở ngại khi xây dựng EMS đạt ISO 14001	1			1		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
1.5 Tình hình xây dựng và áp dụng EMS theo ISO 14001 tại Việt Nam và xu hướng trong thời gian tới	1			1		Đọc tài liệu 1, 2
CHƯƠNG 2: CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN ISO 14001:2015	15	2	5	22	44	
2.1 Các thuật ngữ và định nghĩa	1,5			1,5		
2.2 Phạm vi áp dụng	0,5			0,5		
2.3 Bối cảnh của tổ chức	2	0,5	0,5	3		
2.4 Sự lãnh đạo	2	0,5	0,5	3		
2.5 Hoạch định	3	1	1,5	5,5		
2.6 Hỗ trợ	2		0,5	2,5		
2.7 Vận hành	2			2		
2.8 Đánh giá hoạt động	1			1		
2.9 Cải tiến	1			1		
Kiểm tra			2	2		
CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG THEO TIÊU CHUẨN ISO 14001:2015	9	8		19	38	Đọc tài liệu 1
3.1 Quy trình xây dựng hệ thống QLMT	3,5			3,5		
3.1.1. Chuẩn bị triển khai	1			1		
3.1.2. Xây dựng hệ thống quản lý môi trường	1			1		
3.1.3. Áp dụng hệ thống vào đánh giá	1			1		
3.1.4. Đánh giá cấp chứng nhận	0,5			0,5		
3.2 Thực hành xây dựng hệ thống QLMT theo ISO 14001:2015	3,5	5	2	10,5		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
3.2.1. Bối cảnh của tổ chức	0,5	0,5	0,5			
3.2.2. Sự lãnh đạo	0,5	0,5	0,5			
3.2.3. Hoạch định	0,5	2	1			
3.2.4. Hỗ trợ	0,5	0,5				
3.2.5. Vận hành	0,5	0,5				
3.2.6. Đánh giá hoạt động	0,5	0,5				
3.2.7. Cải tiến	0,5	0,5				
3.3 Phương pháp biên soạn tài liệu hệ thống quản lý môi trường	2	3		5		
Tổng cộng	28	10	7	45	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Kiểm toán môi trường
 - Tiếng Anh: **Environmental Audit**
- Mã học phần: MTQM2621
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết
 - Bài tập: 07 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên trình bày được khái niệm về kiểm toán môi trường, kiểm toán chất thải; phân tích, ứng dụng được kiểm toán môi trường; hiểu quy trình kiểm toán chất thải, vận dụng quy trình lý thuyết xây dựng quy trình kiểm toán môi trường cho một đối tượng sản xuất cụ thể.

- *Về kỹ năng:* Hiểu rõ các phương pháp dùng trong thực hiện kiểm toán môi trường nói chung và kiểm toán chất thải nói riêng, có thể thực hiện được một báo cáo kiểm toán môi trường cho một trường hợp điển hình đồng thời đưa ra được những giải pháp giảm thiểu chất thải cũng như quy trình quản lý môi trường tốt hơn.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực tự làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc kiểm toán môi trường cho tổ chức. Có trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc, nhiệm vụ được giao.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về kiểm toán môi trường: khái niệm, vai trò của kiểm toán, mối quan hệ giữa kiểm toán môi trường với công cụ khác, quy trình kiểm toán; phương pháp kiểm toán môi trường, kiểm toán chất thải, kiểm toán năng lượng; nghiên cứu điển hình một số trường hợp.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Phạm Thị Việt Anh (2006), *Kiểm toán Môi trường*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Trịnh Thị Thanh, Nguyễn Thị Hà (2003), *Kiểm toán chất thải công nghiệp*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Intosai and Eurosai (2009), *Environmental Auditing Guidelines, Joint seminar on raising awareness of ISSAIs. 28-29 October 2009 in Warsaw, Poland.*
2. Ministry of Environment and Energy (2008), *A Guide to Waste Audits and Waste Reduction Work Plans for Industrial, Commercial and Institutional Sectors.*

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☒	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☒	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học trên lớp đầy đủ
- Tham gia làm bài tập và thảo luận
- Tìm hiểu các thông tin liên quan đến bài học trong thư viện, trên mạng internet
- Kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
	Lên lớp (Tiết)			Tự học (Giờ)		
	LT	BT	TL, KT			Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG	5	1	2	8	16	
1.1. Sự ra đời và phát triển của kiểm toán môi trường	0,5			0,5	1	
1.2. Bản chất, mục tiêu, đối tượng của kiểm toán môi trường	0,5			0,5	1	
1.3. Ý nghĩa, chức năng của kiểm toán môi trường	0,5			0,5	1	
1.4. Các yếu tố cần thiết của một cuộc kiểm toán môi trường	0,5			0,5	1	
1.5. Nội dung của kiểm toán môi trường	0,5	0,5	0,5	1,5	3	
1.6. Các loại hình kiểm toán và các dạng kiểm toán môi trường	0,5	0,5	0,5	1,5	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.7. Mối quan hệ giữa kiểm toán môi trường và các công cụ quản lý môi trường khác	0,5		1	1,5	3	Đọc TLC 1, chương 1,2
1.8. Các cơ sở pháp lý cho kiểm toán môi trường	0,5			0,5	1	
1.9. Cơ sở khoa học- kĩ thuật của kiểm toán môi trường	0,5			0,5	1	
1.10. Cơ sở thực tiễn áp dụng kiểm toán môi trường trên thế giới và Việt Nam	0,5			0,5	1	
Chương 2. QUY TRÌNH THỰC HIỆN KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG	3	3	3	9	18	
2.1. Các hoạt động trước kiểm toán (giai đoạn chuẩn bị)	1	1	1	3	6	Đọc TLC 1, chương 4 Đọc TLC 4, chương 4
2.2. Hoạt động kiểm toán tại cơ sở	1	1	1	3	6	
2.3. Hoạt động sau kiểm toán	1	1		2	4	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. QUY TRÌNH THỰC HIỆN KIỂM TOÁN CHẤT THẢI	7	3	3	13	26	
3.1. Những yêu cầu đối với một cuộc kiểm toán chất thải	0,5			0,5	1	Đọc TLC 3 chương 3 Đọc TLC5 chương 3
3.2. Quy mô của một cuộc kiểm toán chất thải	0,5			0,5	1	
3.3. Các bước kiểm toán chất thải	3	2	2	8	16	
3.4. Các phương pháp thực hiện kiểm toán chất thải	3	1		4	8	
Kiểm tra 1 tiết			1	1	2	
Cộng	15	7	8	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm
Tiếng Anh: Cleaner Production and Pollution Prevention
- Mã học phần: MTCN2627
- Số tín chỉ: 2
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 17 tiết
 - Bài tập: 01 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết
 - Kiểm tra: 01 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Công nghệ Môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Trình bày đúng những khái niệm về sản xuất sạch hơn, phân tích được các kỹ thuật sản xuất sạch hơn.

- *Về kỹ năng*: Nhận diện được các giải pháp sản xuất sạch hơn có khả năng áp dụng cho các ngành công nghiệp khác nhau.

Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, đọc – hiểu tài liệu tiếng anh chuyên ngành và kỹ năng tính toán kinh tế môi trường.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực tự làm việc độc lập, làm việc nhóm. Có trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc, nhiệm vụ được giao. Hình thành tác phong công nghiệp, rèn kỹ năng tự đọc tự học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Giới thiệu khái niệm về sản xuất sạch hơn.

Phương pháp luận đánh giá sản xuất sạch hơn bao gồm: cân bằng vật chất và cân bằng năng lượng.

Các kỹ năng áp dụng sxsh cho các quá trình sản xuất công nghiệp và sử dụng nguyên, nhiên liệu hiệu quả và giảm chất thải đưa ra môi trường.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

1. *Giáo trình Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm*, 2014. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

1. PTS Đặng Xuân Toàn, ThS. Trần Ứng Long, *Hướng dẫn kiểm toán giảm thiểu chất thải công nghiệp, tài liệu viết cho dự án của chương trình phát triển Liên Hợp Quốc ở Việt Nam*, Dự án 95/018

2. Tài liệu hướng dẫn sản xuất sạch hơn trong các nhà máy bột và giấy, 2008. Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam, Viện Khoa học và công nghệ môi trường, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

3. Tài liệu hướng dẫn sản xuất sạch hơn ngành Sản xuất Bia, 2009. Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam, Viện Khoa học và công nghệ môi trường, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

4. Tài liệu hướng dẫn sản xuất sạch hơn ngành Công nghiệp sản xuất phân bón NPK, 2010. Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam, Viện Khoa học và công nghệ môi trường, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

5. Tài liệu hướng dẫn sản xuất sạch hơn ngành Luyện thép, 2009. Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam, Viện Khoa học và công nghệ môi trường, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

6. Tài liệu hướng dẫn sản xuất sạch hơn ngành Dệt nhuộm, 2008. Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam, Viện Khoa học và công nghệ môi trường, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

7. Tài liệu hướng dẫn sản xuất sạch hơn ngành Dệt nhuộm, Trung tâm Sản xuất sạch Việt Nam, Viện Khoa học và công nghệ môi trường, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

8. Trang web của Trung tâm sản xuất sạch hơn, Viện Công nghệ môi trường: www://vnep.org

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp / Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☒	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☒	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên chuẩn bị bài học ở nhà theo hướng dẫn của giảng viên.

- Tại lớp, giảng viên cùng sinh viên trao đổi các vấn đề đã chuẩn bị ở nhà.
- Vận dụng các kiến thức để làm các dạng bài tập cơ bản tương ứng với từng nội dung chính của môn học, thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Thảo luận nhóm ☒	Bài tập lớn ☐	Thực hành ☐	Khác ☐
--	---	---	---	---------------------------------------	----------------------------------

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Vấn đáp ☐	Thực hành ☐
--	---	-------------------------------------	---------------------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	
	Lên lớp (Tiết)	

	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng	Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ SẢN XUẤT SẠCH HƠN	10		9	19	38	
1.1. Định nghĩa và sự ra đời của SXSH	1			1	2	Đọc chương 1 tài liệu chính [1],
1.2. Các lợi ích của SXSH						
1.3. Các kỹ thuật của sản xuất sạch hơn 1.3.1. Tuần hoàn, tái sử dụng tại chỗ 1.3.2. Cải tiến sản phẩm 1.3.3. Giám nguồn thái 1.3.4. Đánh giá vòng đời sản phẩm	4		4	8	16	Đọc chương 2 tài liệu chính [1],
1.3.5 Ví dụ điển hình về việc áp dụng các kỹ thuật sản xuất sạch trong một số ngành công nghiệp tinh bột sắn 1.3.6. Hiện trạng áp dụng sản xuất sạch hơn tại Việt Nam	5		5	10	20	Đọc tài liệu đọc thêm [2,3,4,5,6,7]
Chương 2. PHƯƠNG PHÁP LUẬN SẢN XUẤT SẠCH HƠN	7	1	3	11	22	
2.1. Khởi động	1		1	3	6	
2.2. Phân tích các bước công nghệ	1					
2.3. Đưa ra các cơ hội sản xuất sạch hơn	1		1	3	6	
2.4 Phân tích tính khả thi của các giải pháp sản xuất sạch hơn	1					
2.5. Thực hiện các giải pháp sản xuất sạch hơn	1		1	3	6	
2.6. Duy trì các biện pháp sản xuất sạch hơn	1					
2.7. Bài tập về cân bằng vật chất và năng lượng	1	1		2	2	
Tổng	17	1	12	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Tăng trưởng xanh
Tiếng Anh: **Green growth**
- Mã học phần: MTQM2622
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 16 tiết
 - Bài tập: 03 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 11 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức*: Sinh viên trình bày các kiến thức chung về tăng trưởng xanh, phân tích được vai trò tăng trưởng xanh trong phát triển bền vững kinh tế xã hội, áp dụng các chiến lược tăng trưởng xanh ở Việt Nam và khu vực, mục tiêu và giải pháp thực hiện tăng trưởng xanh ở Việt Nam và một số bài học kinh nghiệm tăng trưởng xanh của một số nước trên thế giới.

- *Về kỹ năng*: Phân biệt được tăng trưởng xanh với các khái niệm liên quan như kinh tế xanh, tiêu dùng xanh, nhãn xanh môi trường, xác định được vị trí của tăng trưởng xanh trong mục tiêu phát triển vững.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về tăng trưởng xanh và cách thức thực hiện, áp dụng tăng trưởng xanh; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường về tích hợp tăng trưởng xanh cùng với phát triển bền vững. Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong áp dụng tăng trưởng xanh trong thực tiễn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan chung về tăng trưởng xanh; tăng trưởng xanh Việt Nam và kinh nghiệm và bài học quốc tế về tăng trưởng xanh.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Ngân hàng phát triển Châu Á (2013), Thúc đẩy chuyển đổi tăng trưởng xanh tại Châu Á - Thái Bình Dương, Philippin.

2. Liên hợp quốc và Ngân hàng phát triển Châu Á (2012), *Tăng trưởng Xanh, tài nguyên và ứng phó: Bền vững Môi trường ở châu Á và Thái Bình Dương*, Thái Lan.

3. Stacy Feldman (2011), *Tăng trưởng Xanh, chính sách quốc gia của Hàn Quốc, Đạt được chú ý toàn cầu*, Hàn Quốc.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Gareth Dale, Manu V. Mathai, Jose A. Puppim de Oliveira, *Green Growth: Ideology, Political Economy and the Alternatives*, Zed Book Lmt, London.

2. Yvo De Boer, Johannes Meler, Sam Bickersteth (2014), *Green Growth in practice*, Global Green Growth Institute.

3. Trần Quang Phú (2016), *Xây dựng tiêu chí đánh giá tăng trưởng kinh tế xanh cho Việt Nam*, Tạp chí tài chính.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☐	☒

Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☒	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự đầy đủ các tiết học trên lớp.
- Chuẩn bị tài liệu, bài tập ở nhà, tự học.
- Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm.
- Tham gia kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

- Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH	5			5	10	
1.1. Các khái niệm liên quan	1			1	2	Đọc TLC 1,3
1.2. Khái quát lịch sử phát triển tăng trưởng xanh	1			1	2	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
1.3. Vai trò của tăng trưởng xanh trong phát triển bền vững kinh tế xã hội	2			2	4	
1.4. Cơ hội và thách thức khi áp dụng tăng trưởng xanh	1			1	2	
Chương 2. TĂNG TRƯỞNG XANH Ở VIỆT NAM	8		6	14	28	
2.1. Thực trạng tăng trưởng xanh ở Việt Nam	1			1	2	Đọc TLC 2 Thảo luận
2.2. Các quy định pháp luật liên quan đến tăng trưởng xanh ở Việt Nam	1		1	2	4	
2.2. Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam 2.2.1. Quan điểm, mục tiêu chiến lược 2.2.2. Nhiệm vụ chiến lược 2.2.3. Giải pháp và tổ chức thực hiện tăng trưởng xanh	3		3	6	12	
2.3. Kế hoạch hành động thực hiện tăng trưởng xanh ở Việt Nam	3		2	5	10	
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 3. KINH NGHIỆM VÀ BÀI HỌC QUỐC TẾ VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH	3	3	3	9	18	
3.1. Tăng trưởng xanh ở Mỹ	1	1	1	3	6	Làm bài tập trên lớp và thảo luận
3.2. Tăng trưởng xanh ở một số nước OECD	1	1	1	3	6	
3.3. Tăng trưởng xanh ở Châu Á - Thái Bình Dương	1	1	1	3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
Kiểm tra			1	1	2	
Cộng	16	3	11	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - Tiếng Việt:** Quản lý Tài nguyên khoáng sản
 - **Tiếng Anh: Mineral Resources Management**
- Mã học phần: ĐCQT2651
- Số tín chỉ: 02 TC
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tài nguyên khoáng sản Việt Nam.
 - Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết
 - Thực hành, thực tế: 02 tiết
 - Thảo luận: 02 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
 - Tự nghiên cứu: 60 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách môn học: Khoa Địa chất - Bộ môn Quản lý Tài nguyên Khoáng sản

2. Mục tiêu của môn học

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

(Sửa thành gạch đầu dòng) 2.1. Về kiến thức: Sinh viên thu nhận được kiến thức tổng quan về các loại hình khoáng sản của Việt Nam, sự phân chia thành các nhóm khoáng sản khác nhau, ý nghĩa sử dụng của các nhóm khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự phát triển ngành khai khoáng trong tương lai.

2.2. Về kỹ năng: Tổng hợp thông tin dưới dạng bảng, biểu, số hóa, phương pháp tra cứu về một loại hình khoáng sản với nội dung: Tên, xu thế sử dụng.; kỹ năng sử dụng phần mềm để lập các sơ đồ, bản đồ điểm khoáng sản, mỏ khoáng sản.; kỹ năng tìm kiếm,

đọc tài liệu, tự học và nêu các vấn đề cần tìm hiểu thêm trên lớp; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng trong lĩnh vực quản lý tài nguyên khoáng sản; Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm có 4 chương như sau:

Chương 1: Các khái niệm về khoáng sản, phân loại khoáng sản.

Chương 2: Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản.

Chương 3: Các giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên.

Chương 4: Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

[1] Nguyễn Văn Chữ, 1997. *Địa chất khoáng sản*. NXB Giao thông vận tải, Hà Nội.

[2] Nguyễn Khắc Vinh, nnk, 2015. *Khoáng sản*. Nhà xuất bản Tri thức.

[3] Nguyễn Thị Thục Anh, 2014. *Hướng dẫn viết báo cáo địa chất*. Lưu trữ thư viện Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

[1] Luật Khoáng sản năm 2010, Quốc hội XII.

[2] Quyết định số: 2427/QĐ-TTg; Quyết định phê duyệt chiến lược khoáng sản đến năm 2020 tầm nhìn đến 2030.

[3] Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản thay thế cho Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

[4] Bùi Cách Tuyến, 2014. *Một số vấn đề Hòa giải tranh chấp môi trường*. Nhà xuất bản Tư pháp Hà Nội.

[5] Hồ Sỹ Giao, Bùi Xuân Nam, Mai Thê Toàn. *Bảo vệ môi trường trong khai thác mỏ lộ thiên*. NXB Từ điển Bách Khoa.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☒	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác của giảng viên

Chính sách đối với môn học: Tạo mọi sự thuận lợi cần thiết để phục vụ công tác giảng dạy và học tập trên lớp. Chia các nhóm học tập để truyền tải nội dung và yêu cầu chuẩn bị bài, tài liệu, thông tin giữa giảng viên tới nhóm, từ nhóm tới từng thành viên; trong quá trình học tập, giảng viên sẽ có chính sách khen thưởng và kỷ luật tuân thủ theo quy chế. Lựa chọn các sinh viên có năng lực, có trách nhiệm và có ý thức tự giác để ưu tiên nghiên cứu khoa học, gửi về các cơ sở tiếp nhận thực tập, tiếp nhận tuyển dụng sau này.

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học:

Yêu cầu đọc tài liệu đã ghi rõ trong đề cương môn học trước khi đến lớp; yêu cầu về giáo trình, vở, sổ viết, ghi chép nội dung giảng viên yêu cầu ghi hoặc sinh viên tự ghi nhận sao cho hiểu và nhớ nội dung bài giảng.

Về hình thức đánh giá: gồm kiểm tra đột xuất bằng viết, trả lời câu hỏi; tiểu luận; thuyết trình và kiểm tra cuối kỳ.

Về tài liệu học thêm: Giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên tới thư viện nhà trường để tham khảo, mua hoặc theo chỉ dẫn của thư viện để có đủ tài liệu học tập.

Phương tiện và đạo cụ giảng dạy: nhà trường trang bị đủ thiết bị như đèn, projector, phích cắm điện, vệ sinh phòng học, không gian thoáng, không ồn ào do tác động bên ngoài.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Kiểm tra - đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Kiểm tra - đánh giá cuối kỳ: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tổng cộng	TNC	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1: Các khái niệm về khoáng sản, phân loại khoáng sản	7,0			7,0	14,0	1. Đọc TLC [1] chương 1

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tổng cộng	TNC	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.3. Các dạng văn bản pháp luật về khoáng sản	2,5			2,5	5,0	
2.3.1. Luật Khoáng sản	0,5			0,5	1,0	
2.3.2. Hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Khoáng sản	2,0			2,0	4,0	
Thực hành			1,0	1,0	2,0	Bảo tàng địa chất Việt Nam
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	
Thảo luận và phát hiện những nội dung cần bổ sung cho sinh viên			2,0	2,0	4,0	
Chương 3. Các giải pháp nghiên cứu, đánh giá và sử dụng hợp lý tài nguyên	9,0			9,0	18,0	
3.1. Điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản	1,5			1,5	3,0	1. Đọc TLC [3]chương 4 2. Đọc TLC [4] chương 1,2,3
3.2. Nghiên cứu thị trường khoáng sản	1,5			1,5	3,0	
3.3. Thăm dò khoáng sản	1,5			1,5	3,0	
3.4. Quản lý và giám sát hoạt động thăm dò	1,5			1,5	3,0	
3.5. Chế biến khoáng sản	1,5			1,5	3,0	
3.6. Quản lý và giám sát hoạt động chế biến khoáng sản	1,5			1,5	3,0	
Chương 4. Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản	4,0		2,0	6,0	12,0	1. Đọc TLC [3] chương 5 2. Đọc TLĐT [4]
4.1. Bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò	1,0			1,0	2,0	
4.2. Bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác	1,0			1,0	2,0	
4.3. Bảo vệ môi trường trong hoạt động chế biến khoáng sản	1,0			1,0	2,0	
4.4. Công tác giám sát môi trường	1,0			1,0	2,0	
Ôn tập và Kiểm tra			2,0	2,0	4,0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					YC sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp			Tổng cộng	TNC	
	LT	BT	TL, KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Cộng	24,0		6,0	30,0	60,0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHHN, ngày tháng năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Cấp phép trong hoạt động khoáng sản

Tiếng Anh: Issuance of Licenses in Mineral Activities

- Mã học phần: ĐCQT2652

- Số tín chỉ: 2 TC

- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
☐		☐		☒		
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	
☐	☐	☐	☐	☐	☒	☐

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tài nguyên khoáng sản Việt Nam, Quản lý tài nguyên khoáng sản.

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

▪ Nghe giảng lý thuyết: 24 tiết

▪ Thảo luận, hoạt động nhóm: 04 tiết

▪ Kiểm tra: 02 tiết

- Thời gian tự học: 60 giờ

- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Tài nguyên Khoáng sản, Khoa Địa chất.

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Về kiến thức: Sinh viên thu nhận được các thông tin văn bản pháp luật cơ bản được cập nhật gần đây nhất, các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản của Việt nam, các quy định chi tiết thi hành một số điều luật khoáng sản liên quan đến các thủ tục cấp phép trong các hoạt động khoáng sản bao gồm cấp phép thăm dò và cấp phép khai thác khoáng sản và thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư, quy trình xin chấp thuận về môi trường đối với các hoạt động khoáng sản và các giấy phép cần quan tâm, phê duyệt khác liên quan đến dự án khai thác khoáng sản.

Cập nhật các thông tin mới nhất về các nguyên tắc cấp giấy phép và hoạt động khai thác khoáng sản và những đổi mới trong hoạt động cấp giấy phép khai thác khoáng

sản, quy trình đấu giá quyền khai thác khoáng sản, quy định về phương pháp tính và mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường...

2.2. Về kỹ năng: Sinh viên được trang bị các kỹ năng để tiến hành làm các thủ tục cấp phép trong hoạt động khoáng sản nói chung và cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác liên quan đến các dự án khoáng sản nói riêng; kỹ năng tìm kiếm, đọc tài liệu, tự học và nêu các vấn đề cần tìm hiểu thêm trên lớp; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tốt trong lĩnh vực cấp phép trong hoạt động khoáng sản; Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm có 4 chương như sau:

Chương 1: Các vấn đề chung

Chương 2: Hướng dẫn thủ tục trong cấp phép thăm dò khoáng sản

Chương 3: Hướng dẫn thủ tục trong cấp phép khai thác khoáng sản

Chương 4. Các quy trình xin chấp thuận khác liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Lưu Đức Hải, 2004. *Tài nguyên khoáng sản*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Nguyễn Thị Thục Anh, 2014. Giáo trình "*Hướng dẫn viết báo cáo địa chất*". lưu trữ thư viện Đại học TNMT.

[3]. Luật số 60/2010/QH12 của Quốc hội: Luật khoáng sản

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

[1]. Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số Điều của Luật Khoáng sản ngày 29/11/2016.

[2]. Thông tư 45/2016/TT-BTNMT quy định đề án thăm dò khoáng sản; án đóng cửa mỏ khoáng sản; và các mẫu đơn, bản vẽ, giấy phép trong hoạt động khoáng sản ngày 26/12/2016

[3]. Nghị định số: 60/2016/NĐ-CP, *Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, ngày 01 tháng 7 năm 2016.*

[4]. Trần Văn Trị, 2009. *Địa chất và Tài nguyên Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.

[5]. Nghị định số: 22/2012/NĐ-CP, *Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.*

[6]. Nghị định số: 203/2013/NĐ-CP, *Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.*

[7]. Thông tư 129/2011/TT-BTC, *Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản.*

[8]. Luật Bảo vệ và Phát Triển Rừng, được Quốc Hội thông qua ngày 3 tháng 12 năm 2004.

[9]. Nghị định 23/2006/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 3 tháng 3 năm 2006 hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Bảo Vệ và Phát Triển Rừng.

[10]. Luật số: 45/2013/QH13: Luật đất đai

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp / Chia sẻ ☒	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☒	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Chính sách đối với môn học: Tạo mọi sự thuận lợi cần thiết để phục vụ công tác giảng dạy và học tập trên lớp. Chia các nhóm học tập để truyền tải nội dung và yêu cầu chuẩn bị bài, tài liệu, thông tin giữa giảng viên tới nhóm, từ nhóm tới từng thành viên; trong quá trình học tập, giảng viên sẽ có chính sách khen thưởng và kỷ luật tuân thủ theo quy chế. Lựa chọn các sinh viên có năng lực, có trách nhiệm và có ý thức tự giác để ưu tiên nghiên cứu khoa học, gửi về các cơ sở tiếp nhận thực tập, tiếp nhận tuyển dụng sau này.

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với học phần:

Yêu cầu đọc tài liệu đã ghi rõ trong đề cương môn học trước khi đến lớp; yêu cầu về giáo trình, vở, sổ viết, ghi chép nội dung giảng viên yêu cầu ghi hoặc sinh viên tự ghi nhận sao cho hiểu và nhớ nội dung bài giảng.

Về hình thức đánh giá: Gồm kiểm tra đột xuất bằng viết, trả lời câu hỏi; tiểu luận; thuyết trình và kiểm tra cuối kỳ.

Về tài liệu học thêm: Giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên tới thư viện nhà trường để tham khảo, mua hoặc theo chỉ dẫn của thư viện để có đủ tài liệu học tập.

Phương tiện và đạo cụ giảng dạy: Nhà trường trang bị đủ thiết bị như đèn, projector, phích cắm điện, vệ sinh phòng học, không gian thoáng, không ồn ào do tác động bên ngoài.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Thảo luận nhóm ☒	Bài tập lớn ☐	Thực hành ☐	Khác ☐
--	---	---	---	---------------------------------------	----------------------------------

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Vấn đáp ☐	Thực hành ☐
--	---	-------------------------------------	---------------------------------------

9. Nội dung chi tiết học phần và phân bổ thời gian.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. tổng quan chung	5,0			5,0	10,0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. hướng dẫn thủ tục trong cấp phép thăm dò khoáng sản	7,0		2,0	9,0	18,0	Đọc TLC [1] Đọc TLC [2] Đọc TLC [3] trang 14 - 21
2.1. Các quy định chung	1,5			1,5	3,0	Đọc TLĐT [1] trang 19 - 27
2.1.1. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản	0,5			0,5		Đọc TLĐT [2]
2.1.2. Diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	0,5			0,5		
2.1.3. Đề án thăm dò khoáng sản	0,5			0,5		
2.2. Các thủ tục cấp phép thăm dò	4,5			4,5	9,0	Đọc TLĐT [1] trang 43 - 47
2.2.1. Nguyên tắc và điều kiện cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	1,0			1,0		
2.2.2. Giấy phép thăm dò khoáng sản	1,0			1,0		
2.2.3. Các quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản	0,5			0,5		
2.2.4. Các trình tự, thủ tục cấp phép thăm dò	1,0			1,0		
2.2.5. Thủ tục thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản	1,0			1,0		
2.3. Các vấn đề và các mẫu văn bản liên quan	1,0			1,0	2,0	Đọc TLC [3] Đọc TLĐT [1]
Thảo luận			1,0	1,0	2,0	
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 3. hướng dẫn thủ tục trong cấp phép khai thác khoáng sản	7,0		1,0	8,0	16,0	Đọc TLC [3] trang 21 - 30 Đọc TLĐT [1] trang 27 - 43
3.1. Các quy định chung	1,5			4,5	9,0	Đọc TLC [1] Đọc TLC [2] Đọc TLC [3] trang 21 - 30 Đọc TLĐT [1] trang 27 - 43 Đọc TLĐT [2] Đọc TLĐT [1] trang 47 - 56 Đọc TLĐT [5]
3.1.1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản	1,0			3,0		
3.1.2. Diện tích khu vực khai thác khoáng sản	0,5			1,5		
3.2. Các thủ tục cấp phép khai thác	3,5			3,5	7,0	
3.2.1. Nguyên tắc và điều kiện cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	1,0			1,0		
3.2.2. Giấy phép khai thác khoáng sản	1,0			1,0		
3.2.3. Các quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.	0,5			0,5		
3.2.4. Các trình tự, thủ tục cấp phép khai thác	1,0			1,0		
3.3. Khai thác tận thu khoáng sản	1,0			1,0	2,0	
3.4. Các vấn đề và các mẫu văn bản liên quan	1,0			1,0	2,0	
Thảo luận			1,0	1,0	2,0	
Chương 4. Các quy trình xin chấp thuận khác liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản	5,0		3,0	8,0	16,0	Đọc TLC [3] trang 17 - 21 Đọc TLC [3] trang 23 - 30
4.1. Quy trình xin chấp thuận về môi trường	2,0			2,0	4,0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
4.1.1. Tổng quan chung	1,0			1,0		Độc TLĐT [6] Độc TLĐT [7] Độc TLĐT [1] trang 56 - 58 Độc TLĐT [8] Độc TLĐT [9] Độc TLĐT [10]
4.1.2. Quy trình xin chấp thuận về môi trường	1,0			1,0		
4.2. Chuyển đổi mục đích sử dụng đối với đất rừng trong khu vực hoạt động khoáng sản	1,0			1,0		
4.3. Quy trình xin chấp thuận của chủ đất trong khu vực hoạt động khoáng sản	1,0			1,0	2,0	
4.4. Các quy trình xin chấp thuận khác	1,0			1,0	2,0	
Thảo luận			2,0	2,0	4,0	
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	
Cộng	24,0		6,0	30,0	60,0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Quản lý và Phát triển Di sản Địa chất

Tiếng Anh: Management and Development of Geological Heritage

- Mã học phần: ĐCQT2653
- Số tín chỉ: 2TC
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Địa lý tài nguyên và môi trường
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 21 tiết
 - Bài tập: 01 tiết
 - Thảo luận, hoạt động nhóm: 06 tiết
 - Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý tài nguyên và khoáng sản, Khoa Địa chất

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:*

+ Hiểu được những kiến thức cơ bản về di sản Thiên nhiên, Di sản Địa chất, Công viên Địa chất, Di tích địa chất, Di chỉ Địa chất, Khu bảo tồn Địa chất.

+ Hiểu được các tiêu chí xác định, phân loại các loại hình di sản địa chất chủ yếu tại Việt Nam.

+ Hiểu được vai trò của Di sản địa chất trong nghiên cứu khoa học, giáo dục và phát triển kinh tế khu vực.

+ Hiểu được ý nghĩa của việc bảo tồn di sản địa chất trong sự phát triển của xã hội.

+ Hiểu được những nguyên tắc cơ bản trong bảo tồn.

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về các biện pháp quản lý - bảo tồn, và khai thác các loại hình Di sản .

- *Về kỹ năng:*

+ Phân loại, được các loại hình Di sản Địa chất hiện nay ở Việt Nam theo các tiêu chí: Địa Chất, Địa Mạo.

+ Xếp hạng, đánh giá sơ bộ tiềm năng của các loại hình Di sản địa Chất đối với nghiên cứu khoa học, giáo dục và phát triển kinh tế.

+ Xây dựng khái quát được các biện pháp bảo tồn và khai thác bền vững các loại hình Di sản Địa chất.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tốt trong lĩnh vực cấp phép trong hoạt động khoáng sản; Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Quản lý và phát triển di sản địa chất là môn học nghiên cứu về các phương pháp xếp loại, đánh giá các loại hình di sản địa chất , đồng thời nghiên cứu các biện pháp khai thác và bảo tồn nhằm mục đích phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế các giá trị của di sản.

Học phần gồm có 4 chương, giới thiệu các kiến thức cơ bản về di sản, các phương pháp phân loại, xếp hạng di sản, các nguyên tắc trong bảo tồn, các yếu tố ảnh hưởng tới sự bền vững của di sản, các biện pháp bảo tồn và khai thác hiệu quả di sản địa chất. Đồng thời, học phần cũng giới thiệu các di sản địa chất tiêu biểu đã được xếp hạng, phân loại trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- [1]. Trần Tân Văn, 2010. *Báo cáo tổng hợp kết quả khoa học công nghệ đề tài Điều tra nghiên cứu các Di sản Địa chất và đề xuất xây dựng công viên địa chất ở Miền Bắc Việt Nam*. Viện Khoa học Địa chất và Khoáng Sản.
- [2]. Trần Văn Trị, Vũ Khúc, 2009. *Địa Chất và Tài nguyên Việt Nam*, Nhà Xuất Bản khoa học, tự nhiên và Công nghệ.
- [3]. UNESCO, 1992. *Công ước Liên Hiệp quốc về bảo vệ Di sản và thiên nhiên thế giới*, Cục Di sản, Bộ văn hóa, thể thao và du lịch.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

- [1]. Tổng cục Du lịch, 2012. *Di sản Thế giới ở Việt Nam*, NXB Thanh Niên
- [3]. Quốc Hội, 2011. *Luật khoáng sản năm 2011*, Nhà xuất bản Tư pháp
- [4]. Chính phủ, 2014. *Quyết định Phê duyệt đề án bảo tồn di sản địa chất, phát triển và quản lý mạng lưới công viên địa chất tại Việt nam*.
- [5]. La Thế Phúc, 2011. *Nghiên cứu di sản Địa Chất và xây dựng Công viên Địa chất ở Việt Nam*.
- [6]. La Thế Phúc, 2013. *Di sản Địa Chất khu vực Sapa và những giải pháp bảo tồn, phát triển bền vững*.
- [7]. Trần Đức Thanh, 2011. *Kỳ Quan Địa Chất Vịnh Hạ Long*, Tạp Chí các Khoa học về Trái Đất.
- [8]. Trần Đức Thanh, 2011. *Phương Pháp Luận Đánh giá tài nguyên vị thế và kỳ quan sinh thái, địa chất vùng biển, ven bờ và biển đảo Việt Nam*, Nhà Xuất bản Khoa Học tự nhiên và Công nghệ. Tr136-143.
- [9]. Nguyễn Quang Mỹ, 2006. *Việt Nam, di sản thế giới - Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
- [10]. Nguyễn Quang Mỹ, Howard Limbert và nnk, 2001. *Kỳ quan hang động Việt Nam*, Trung tâm Bản đồ và tranh ảnh giáo dục, Hà Nội.
- [11]. Trần Đức Thanh, 1998. *Lịch sử địa chất vịnh Hạ Long*, Nxb Thế giới, Quảng Ninh.
- [12]. GS.TS Trần Nghi, 2003. *Di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Quảng Bình, Việt Nam*, Cục ĐC và KS VN, Hà Nội.
- [13]. Trần Văn Trị, Lê Đức An, Lại Huy Anh, Trần Đức Thanh, Tony Waltham, 2003. *Di sản thế giới Vịnh Hạ Long: Những giá trị nổi bật về địa chất*, Tổng cục Địa chất, A/277 : 6-20. Hà Nội.
- [14]. Trịnh Dánh, 2004. *Báo cáo “Nghiên cứu các khu bảo tồn địa chất ở Việt Nam”*, Lưu trữ Địa chất, Hà Nội.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của môn học

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp / Chia sẻ ☒	Học dựa trên vấn đề ☐	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☐	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☐	Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; chuẩn bị bài trước khi lên lớp, kiểm tra đột xuất các bài đọc bắt buộc, trau dồi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận, môn học; các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, kỹ thuật tìm kiếm thông tin (thư viện và trên internet)...

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Thảo luận nhóm ☒	Bài tập lớn ☐	Thực hành ☐	Khác ☐
--	---	---	---	---------------------------------------	----------------------------------

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Vấn đáp ☐	Thực hành ☐
--	---	-------------------------------------	---------------------------------------

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Giới thiệu chung về môn học	4,0		1,0	5,0	10,0	Đọc TLC 1, trang 1-30
1.1. Giới thiệu chung về môn học	1,0			1,0	2,0	
1.1.1. Đối tượng nghiên cứu	0,5			1,0		
1.1.2. Phương Pháp nghiên Cứu	0,5					

1.2. Khái quát về Di sản Địa chất trên thế giới và Việt Nam	1,0		1,0	2,0	4,0	Độc TLC 1, trang 42-43.
1.2.1. Di sản Địa chất trên thế giới	0,5			1,0		Độc TLĐT 8.
1.2.2. Di sản Địa chất tại Việt Nam	0,5					Độc TLC 2, trang 548-558.
1.3. Khái niệm Di sản Địa chất	2,0			2,0		Độc TLC 1, trang 48-49.
1.3.1. khái niệm về di sản Địa chất	1,0			2,0	4,0	Độc TLC 2, trang 548.
1.3.2. Mối liên hệ giữa Di sản Địa Chất và các loại hình di sản khác	1,0					
Chương 2. Điều tra, đánh giá tài nguyên di sản địa chất	13,0	1,0	3,0	17,0	34,0	
2.1. Đặc điểm của các tài nguyên di sản Địa chất	1,0			1,0	2,0	Độc TLC 1, trang 50-51.
2.1.1. Tính tương đồng	0,5					Độc TLĐT 11,
2.1.2. Tính đặc trưng	0,5					trang 139.
2.2. Điều tra Tài nguyên Di sản Địa Chất	3,0	1,0	1,0	5,0	10,0	
2.2.1. Các loại hình điều tra	0,5					Độc TLC 1, trang 64-68.
2.2.2. Nội dung điều tra	0,5					
2.2.3. Nguyên tắc điều tra	0,5	1,0	1,0	5,0		
2.2.4. Trình tự điều tra	0,5					
2.2.5. Phương pháp điều tra	1,0					
2.3. Hệ thống phân loại di sản Địa chất	3,0		1,0	4,0	8,0	
2.3.1. Phân loại các kiểu di sản địa chất theo GILGES	1,0					Độc TLC 1, trang 68-78; 367-369.
2.3.2. Phân loại theo tiêu chí Địa mạo	1,0		1,0	4,0		
2.3.3. Một số di sản địa chất Việt Nam đã phân loại	1,0					
2.4. Hệ thống các giá trị của di sản địa chất	2,0			2,0	4,0	
2.4.1. Hệ thống các giá trị của di sản Địa chất.	1,0			2,0		Độc TLC 1, trang 68-78.
2.4.2. Công năng của di sản địa chất	1,0					
2.5. Đánh giá di sản Địa chất	4,0		1,0	5,0	10,0	
2.5.1. Mục đích và ý nghĩa của việc đánh giá di sản	0,5		1,0	5,0		Độc TLC 1, trang 68-78.

2.5.2. Nguyên tắc đánh giá	0,5					Độc TLC 1, trang 324-351
2.5.3. Nội dung Đánh giá	1,0					
2.5.4. Phương Pháp Đánh giá	1,0					
2.5.5. Các Mô hình Đánh giá	1,0					
Kiểm tra						
Chương 3. Quản lý và phát triển di sản Địa Chất	4,0	1,0	3,0	8,0	16,0	Độc TLC 1, trang 169-181.
3.1. Những nhân tố đe dọa tới sự phát triển và bảo tồn di sản	1,0		1,0	2,0	4,0	
3.1.1. Khai thác du lịch quá tải	0,5		1,0	2,0		
3.1.2. Khai thác khoáng sản	0,5					
3.2. Xây dựng chiến lược quản lý bảo tồn di sản	1,0	1,0	1,0	3,0	6,0	
3.2.1. Điều tra đánh giá các loại hình di sản	0,2	1,0	1,0	3,0		
3.2.2. Xây dựng hệ thống thông tin địa lý GIS phục vụ quản lý di sản	0,2					
3.2.3. Xây dựng các khu bảo tồn, công viên địa chất	0,2					
3.2.4. Hoàn thiện các quy định phát luật về bảo vệ di sản địa chất	0,2					
3.2.5. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng	0,2					
3.3. Xây dựng định hướng khai thác phát triển bền vững di sản địa chất	2,0		1,0	3,0	6,0	
3.3.1. Tham gia hệ thống di sản địa chất toàn cầu	1,0		2,0			
3.3.2. Xây dựng hướng du lịch địa chất.	0,5					
3.3.3. Xây dựng truyền thông quảng bá di sản địa chất kết hợp văn hóa địa phương.	0,5					
Kiểm tra			1,0	1,0		
Cộng	21,0	2,0	7,0	30,0	60,0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Địa chất - Tài nguyên khoáng sản biển

Tiếng Anh: **Marine Geology - Mineral Resources**

- Mã học phần: ĐCQT2654
- Số tín chỉ : 2 TC
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tài nguyên khoáng sản Việt Nam
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết: 18 tiết

- Bài tập: 0 tiết
- Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết
- Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ
- Khoa/Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Tài nguyên Khoáng sản, Khoa Địa chất.

2. Mục tiêu của học phần

Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc, thành phần vật chất và lịch sử phát triển của các thành tạo địa chất trên biển và đại dương và các tài nguyên và khoáng sản biển.

Cung cấp những kiến thức về các khái niệm cơ bản, nguồn gốc hình thành, lịch sử phát triển, quy luật phân bố và các đặc điểm đặc trưng của các loại hình tài nguyên khoáng sản biển quan trọng trong khu vực biển Việt Nam phục vụ việc điều tra, thăm dò, tìm kiếm, khai thác khoáng sản.

Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu, luận giải quá trình hình thành của các loại hình tài nguyên khoáng sản Biển trong mối liên quan với các quá trình địa chất ở Biển và đại dương phục vụ việc điều tra, thăm dò, tìm kiếm, khai thác khoáng sản. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, thực hành thí nghiệm và làm việc theo nhóm của sinh viên

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tốt trong lĩnh vực địa chất – tài nguyên khoáng sản biển; Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 2 mảng nội dung chính về địa chất Biển và Tài nguyên khoáng sản Biển.

Địa chất biển là một khoa học nghiên cứu cấu trúc, thành phần vật chất và lịch sử phát triển của các thành tạo địa chất trên biển và đại dương, đồng thời nghiên cứu các tài nguyên và khoáng sản biển vì mục tiêu khoa học, lợi ích kinh tế và quốc phòng của mỗi quốc gia có chủ quyền về biển, giới thiệu các kiến thức cơ bản về địa hình, cấu trúc và lịch sử phát triển của biển và đại dương, các bối cảnh kiến tạo hình thành các bồn trầm tích, các hoạt động địa chất, hoạt động magma, biến chất ở biển và đại dương.

Tài nguyên khoáng sản Biển là học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản về nguồn gốc hình thành, lịch sử phát triển, quy luật phân bố và các đặc điểm đặc trưng của các loại hình tài nguyên khoáng sản chiến lược ở khu vực biển Việt Nam, đồng thời quản lý hoạch định chiến lược kinh tế Biển cũng như quản lý tìm kiếm thăm dò, khai

thác khoáng sản rắn đáy biển Việt Nam. Nhằm giúp người học có cái nhìn tổng quan về các loại hình tài nguyên khoáng sản biển trên thế giới và ở Việt Nam cũng như giới thiệu với người học các loại hình khoáng sản đặc trưng bao gồm: dầu khí, sa khoáng, khoáng sản rắn, băng cháy.

Học phần sẽ bao gồm có 9 chương:

Chương 1. Tổng quan về địa chất biển và tài nguyên khoáng sản biển

Chương 2: Đối tượng, nhiệm vụ và lịch sử, phương pháp nghiên cứu trong địa chất Biển

Chương 3. Địa hình, kiến trúc, cấu trúc và lịch sử phát triển của biển và đại dương

Chương 4. Bồn trầm tích và các bối cảnh kiến tạo liên quan

Chương 5. Hoạt động địa chất ở biển và đại dương

Chương 6. Khoáng sản biển dầu khí

Chương 7. Băng cháy

Chương 8. Sa khoáng

Chương 9. Khoáng sản rắn đáy biển Đông

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Lưu Đức Hải, Chu Văn Ngợi, 2004. Tài nguyên khoáng sản. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2]. Trần Nghi, 2005. Địa chất biển. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3]. Trần Nghi, 2010. Trầm tích luận trong địa chất biển và dầu khí. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

[4]. Nguyễn Biều, 2013. Tài nguyên sa khoáng Biển Việt Nam. Trung tâm đào tạo và truyền thông Biển, Hải đảo.

[6]. Nguyễn Hiệp, 2007. Địa chất và tài nguyên dầu khí Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật.

[7]. Trần Văn Trị, 2009 Địa chất và Tài nguyên Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.

[8]. Kennett, 1982. Marine Geology and Geophysics, J.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập của học phần

Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như:

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☒	☐	☒

Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Chính sách đối với môn học: Tạo mọi sự thuận lợi cần thiết để phục vụ công tác giảng dạy và học tập trên lớp. Chia các nhóm học tập để truyền tải nội dung và yêu cầu chuẩn bị bài, tài liệu, thông tin giữa giảng viên tới nhóm, từ nhóm tới từng thành viên; trong quá trình học tập, giảng viên sẽ có chính sách khen thưởng và kỷ luật tuân thủ theo quy chế. Lựa chọn các sinh viên có năng lực, có trách nhiệm và có ý thức tự giác để ưu tiên nghiên cứu khoa học, gửi về các cơ sở tiếp nhận thực tập, tiếp nhận tuyển dụng sau này.

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với học phần:

Yêu cầu đọc tài liệu đã ghi rõ trong đề cương môn học trước khi đến lớp; yêu cầu về giáo trình, vở, sổ viết, ghi chép nội dung giảng viên yêu cầu ghi hoặc sinh viên tự ghi nhận sao cho hiểu và nhớ nội dung bài giảng.

Về hình thức đánh giá: gồm kiểm tra đột xuất bằng viết, trả lời câu hỏi; tiểu luận; thuyết trình và kiểm tra cuối kỳ.

Về tài liệu học thêm: Giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên tới thư viện nhà trường để tham khảo, mua hoặc theo chỉ dẫn của thư viện để có đủ tài liệu học tập.

Phương tiện và đạo cụ giảng dạy: nhà trường trang bị đủ thiết bị như đèn, projector, phích cắm điện, vệ sinh phòng học, không gian thoáng, không ồn ào do tác động bên ngoài.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. Tổng quan về địa chất biển và tài nguyên khoáng sản biển	2,0			2,0	4,0	Đọc TL (1)
1.1. Tổng quan chung	1,0			1,0	2,0	Đọc TL (4) trang 01-14 Đọc TL (2) trang 33 - 48 trang 105 -118 trang 232-262
1.2. Mối quan hệ giữa địa chất và tài nguyên khoáng sản Biển	0,5			0,5	1,0	
1.3. Các loại hình tài nguyên khoáng sản Biển	0,5			0,5	1,0	
Chương 2. Đối tượng, nhiệm vụ và lịch sử, phương pháp nghiên cứu trong địa chất Biển	6,0			6,0	10	Đọc TL (2) tr. 01-7 Đọc TL (2) tr. 8-32
2.1. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu	1,0			1,0	2,0	Đọc TL (2) tr. 01-7
2.2. Lịch sử nghiên cứu						Đọc TL (2) tr. 01-7
2.3. Mối quan hệ giữa Địa chất biển với các môn khoa học khác						Đọc TL (2) tr. 01-7
2.4. Các thiết bị và các phương pháp nghiên cứu	2,5			2,5	5,0	Đọc TL (2) tr. 8-32
2.4.1. Phương pháp trắc địa	0,5			0,5		
2.4.2. Các phương pháp đo sâu nghiên cứu địa hình đáy biển	0,5			0,5		
2.4.3. Các phương pháp nghiên cứu địa chất	0,5			0,5		
2.4.4. Các phương pháp địa vật lý	0,5			0,5		
2.4.5. Phương pháp nghiên cứu trầm tích biển	0,5			0,5		
Chương 3. Địa hình, kiến trúc, cấu trúc và lịch sử phát triển của biển và đại dương	3,0		1,0	5,0	10,0	Đọc TL (2) trang 33-48 Đọc TL (5)
3.1. Địa hình	0,5				1,0	Đọc TL (5)
3.2. Kiến trúc hình thái toàn cầu đáy đại dương thế giới	1,0				2,0	
3.3. Đặc điểm địa mạo đáy Biển Đông Việt Nam và kế cận	0,5				1,0	
3.4. Vỏ kiểu lục địa và kiểu đại dương	0,5				1,0	Đọc TL (2) tr. 49-67
3.5. Kiến tạo các mảng thạch quyển	0,5			0,5	1,0	Đọc TL (5)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Thảo luận			1,0	1,0	2,0	
Chương 4. Bồn trầm tích và các bối cảnh kiến tạo liên quan	3,0			3,0	6,0	Đọc TL (2) tr. 68-104
4.1. Khái quát chung	1,0				2,0	Đọc TL (5)
4.2. Kiến tạo mảng và quá trình trầm tích	1,0				2,0	
4.3. Đặc điểm thạch học định lượng trong mối quan hệ với bối cảnh kiến tạo	1,0				2,0	
Chương 5. Hoạt động địa chất ở biển và đại dương	3,0		1,0	4,0	8,0	Đọc TL (2) tr. 105-166
5.1. Định nghĩa	0,5				1,0	
5.2. Địa hình, cấu tạo địa chất, nguồn gốc thêm lục địa	0,5				1,0	
5.3. Đặc điểm trầm tích và quy luật phân bố trầm tích đáy biển, trầm tích đáy biển thêm lục địa Việt Nam và kế cận	1,0				2,0	
5.4. Cấu trúc đại dương liên quan đến hoạt động magma và biến chất	1,0				2,0	Đọc TL (2) trang 167-193
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	
Chương 6. Khoáng sản biển dầu khí	3,5			3,5	7,0	Đọc TL (1)
6.1. Dầu mỏ	1,5			1,5	3,0	Đọc TL (3) tr. 201-226
6.1.1. Khái niệm	0,5			0,5		
6.1.2. Nguồn gốc hình thành và lịch sử nghiên cứu	0,5			0,5		
6.1.3. Các tính chất đặc trưng	0,5			0,5	3,0	Đọc TL (2) tr. 243-262
6.2. Khí thiên nhiên	1,5			1,5		
6.2.1. Khái niệm	0,5			0,5		
6.2.2. Nguồn gốc hình thành và lịch sử nghiên cứu	1,0			1,0		Đọc TL (2) tr. 7-16
6.3. Dầu khí ở Việt Nam và trên thế giới	0,5			0,5	3,0	
Chương 7. Băng cháy	1,5			1,5	3,0	Đọc TL (4) tr. 159-171
7.1. Khái niệm						
7.2. Nguồn gốc hình thành và lịch sử nghiên cứu	0,5			0,5	1,0	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
7.3. Tiềm năng băng cháy ở Việt Nam	1,0			1,0	2,0	Đọc TL (2) tr. 41-43
Chương 8. Sa khoáng	3,0			3,0	6,0	Đọc TL (4) tr. 15-54
8.1. Khái quát chung về sa khoáng	1,5			1,5	3,0	
8.1.1.Quá trình hình thành và phát triển sa khoáng	0,5			0,5		
8.1.2. Quy luật thành tạo sa khoáng biển	0,5			0,5		
8.1.3. Các phương pháp nghiên cứu khoáng vật sa khoáng	0,5			0,5		
8.2. Quy luật thành tạo sa khoáng biển Đông Việt Nam	0,5			0,5	1,0	Đọc TL (4) tr. 55-91 Đọc TL (2) tr. 232-241
8.2.1. Điều kiện tích tụ và bảo tồn sa khoáng	0,5			0,5		
8.2.2. Luận giải nguồn cung cấp sa khoáng						
8.3. Tài nguyên sa khoáng biển Việt Nam	1,0			1,0	2,0	Đọc TL (4) tr. 92-147
8.3.1. Lịch sử phát triển sa khoáng Việt Nam						
8.3.2. Sa khoáng ven biển và biên độ sâu 0-100m nước	1,0			1,0		Đọc TL (4) tr. 92-147
8.3.3. Phương hướng điều tra và đánh giá sa khoáng ven biển Việt Nam						
Chương 9. Khoáng sản rắn đáy biển Đông	2,0		1,0	3,0	6,0	Đọc TL (4) tr. 148-171
9.1. Vật liệu xây dựng	0,5			0,5	1,0	
9.2. Kết hạch sắt - mangan và bùn kim loại	1,5			1,5	3,0	Đọc TL (2) tr. 232-241
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	
Cộng	27,0		3,0	30,0	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Tai biến địa chất**
 - + Tiếng Anh: **Geological Hazards**
- Mã học phần: ĐCQT2655
- Số tín chỉ: 02 TC
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở địa lý tài nguyên và môi trường.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
 - + Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 01 tiết
 - + Thảo luận, KT: 02 tiết
 - + Tự học: 60 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách môn học: Địa chất/Địa chất khai thác mỏ, Khoa Địa chất.

2. Mục tiêu của môn học

Kiến thức: Sinh viên sau khi kết thúc khóa học có thể nắm được những khái niệm cơ bản về tai biến địa chất, phân loại tai biến theo các nguồn gốc khác nhau; ảnh hưởng của các tai biến địa chất đến môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, các dạng tài nguyên.

Sinh viên có thể hiểu được cơ chế hình thành, hậu quả, thiệt hại do các loại hình tai biến gây ra; nắm được một số hệ thống cảnh báo sớm, kỹ năng ứng phó với một số loại hình tai biến.

Kỹ năng:

- Có khả năng đọc, phân tích tài liệu khoa học (bài báo, nghiên cứu khoa học về tai biến);
- Vận dụng kiến thức về tai biến để luận giải nguồn gốc, cơ chế phát sinh, hậu quả có thể phát sinh khi tai biến xảy ra;

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực tai biến địa chất; Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tóm tắt nội dung môn học

- Cung cấp và trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về địa động lực (nội sinh, ngoại sinh và nhân sinh), khái niệm tai biến địa chất, đặc điểm, nguyên nhân phát sinh một số tai biến điển hình và biện pháp phòng tránh.

- Trang bị cho sinh viên hệ phương pháp nghiên cứu tai biến, ứng phó với tai biến và giảm thiểu tai biến

4. Tài liệu học tập**4.1. Tài liệu chính (TLC)**

- [1]. Chu Văn Ngợi, 2012. *Tai biến địa môi trường*, Trường ĐH TNMT HN,
- [2]. Chu Văn Ngợi, 2014. *Tai biến thiên nhiên*, Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội.
- [3]. Roy E. Hunt, P.E., P.G. 2007. *Geologic Hazards A Field Guide for Geotechnical Engineers*, CRC Press Taylor & Francis Group

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

- [1]. Plumer, Charles C., 2013. *Physical Geology*. Mc Graw Hill.
- [2]. Yeats Robert S, 1997, *The Geology of Earthquakes*. Mc Graw Hill.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☒	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học: Sinh viên được đánh giá thông qua mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị bài trước khi lên lớp. Trao đổi kỹ năng tự học, trao đổi thảo luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết môn học và phân bổ thời gian

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
1	2	3	4	5	6	7
Chương 1. Đại cương về tai biến địa chất	3,0			3,0	6,0	- Đọc TLC [1], chương 1
1.1. Định nghĩa tai biến địa chất	1,0			1,0	2,0	
1.2. Phân loại tai biến địa chất						
1.3. Nguyên tắc lập bản đồ tai biến địa chất	1,0			1,0	2,0	
1.4. Hệ phương pháp nghiên cứu và đánh giá tai biến.	1,0			1,0	2,0	
Chương 2. Tai biến động đất	5,0			5,0	10,0	- Đọc TLC [1], chương 3 - Đọc TLC[2], [3], chương 3 - Đọc TLĐT [1], chương 16
2.1. Định nghĩa động đất	1,0			1,0	2,0	
2.2. Sóng địa chấn						
2.3. Phương pháp đo rung động mặt đất	1,0			1,0	2,0	
2.4. Xác định vị trí động đất, độ lớn của động đất						
2.5. Thiệt hại do tai biến động đất	1,0			1,0	2,0	
2.6. Các trận động đất lịch sử trên thế giới						
2.7. Dự báo tai biến động đất	1,0			1,0	2,0	
2.8. Giảm thiểu thiệt hại do tai biến động đất						
2.9. Các trận động đất lịch sử trên thế giới	1,0			1,0	2,0	
2.10. Dự báo tai biến động đất						
2.11. Giảm thiểu thiệt hại do tai biến động đất						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
1	2	3	4	5	6	7
Chương 3. Tai biến sóng thần	3,0	1,0		4,0	8,0	Đọc TLC [1], [2]
3.1. Định nghĩa tai biến sóng thần	1,0			1,0	2,0	
3.2. Nguyên nhân phát sinh sóng thần						
3.3. Hậu quả do tai biến sóng thần	1,0	1,0		2,0	4,0	
3.4. Một số trận sóng thần lớn trong lịch sử thế giới						
3.5. Cảnh báo sóng thần	1,0			1,0	2,0	
Chương 4. Tai biến núi lửa	5,0			5,0	10,0	
4.1. Tai biến núi lửa	1,0			1,0	2,0	- Đọc TLC [1], chương 4 - Đọc TLĐT [1], chương 4
4.2. Các loại hình hoạt động núi lửa						
4.2. Sản phẩm của hoạt động núi lửa	1,0			1,0	2,0	
4.3. Phân bố vành đai núi lửa hoạt động trên thế giới	1,0			1,0	2,0	
4.4. Thiệt hại do tai biến núi lửa	1,0			1,0	2,0	
4.5. Lợi ích từ hoạt động núi lửa và núi lửa	1,0			1,0	2,0	
Chương 5. Tai biến trượt lở đất	4,0		1,0	5,0	10,0	
5.1. Định nghĩa trượt lở đất	1,0			1,0	2,0	- Đọc TLC [1], chương 5, - Đọc TLC [3], chương 1
5.2. Loại hình và cơ chế trượt lở						
5.3. Phân loại trượt lở đất	1,0			1,0	2,0	
5.4. Các kiểu trượt						
5.5. Nguyên nhân phát sinh trượt lở đất	1,0			1,0	2,0	
5.6. Giảm thiểu thiệt hại do tai biến trượt lở đất						
5.7. Một số trận trượt lở đất trong lịch sử Thế giới và Việt Nam	1,0			1,0	2,0	
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	
Chương 6. Tai biến sụt lún mặt đất	3,0			3,0	6,0	Đọc TLC [3], chương 2
6.1. Định nghĩa tai biến sụt lún	1,0			1,0	2,0	
6.2. Cơ chế phát sinh						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học môn học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
	Lên lớp (tiết)			Tổng cộng	Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT			
1	2	3	4	5	6	7
6.3. Nguyên nhân chính gây ra tai biến sụt lún đất	1,0			1,0	2,0	- Đọc TLĐT [1], chương 10
6.4. Một số ví dụ về tai biến sụt lún	1,0			1,0	2,0	
6.5. Giảm thiểu tai biến sụt lún						
Chương 7. Tai biến lũ lụt - lũ quét - lũ bùn đá	4,0		1,0	5,0	10,0	
7.1. Định nghĩa tai biến lũ lụt, lũ quét và lũ bùn đá	1,0			1,0	2,0	
7.2. Nguyên nhân và cơ chế hình thành						
7.3. Điểm giống và khác nhau giữa tai biến lũ quét và lũ bùn đá	1,0			1,0	2,0	
7.4. Thiệt hại do tai biến lũ lụt - lũ quét và lũ bùn đá gây ra	1,0			1,0	2,0	
7.5. Các giải pháp giảm thiểu tai biến lũ lụt - lũ quét và lũ bùn đá	1,0			1,0	2,0	
Kiểm tra			1,0	1,0	2,0	
Cộng	27,0	1,0	2,0	30,0	60,0	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Quản lý tổng hợp vùng bờ biển

Tiếng Anh: Integrated Coastal Management

- Mã học phần: KBQB2651

- Số tín chỉ: 02 TC

- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Địa lý tài nguyên và môi trường, Cơ sở môi trường

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

+ Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết

+ Bài tập và thảo luận: 08 tiết

+ Kiểm tra: 02 tiết

+ Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý biển, Khoa Khoa học biển và hải đảo

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đới bờ, vùng bờ và thuộc tính của chúng, vùng bờ quản lý; tầm quan trọng của vùng bờ, các vấn đề kinh tế-xã hội ở vùng bờ và thể chế-chính sách quản lý hiện hành. Trên cơ sở đó xác định nhu cầu quản lý tổng hợp vùng bờ biển (QLTHVB). Các nguyên tắc và chu trình QLTHVB, nội dung và sản phẩm đầu ra của QLTHVB. Cách thức tiến hành xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB cụ thể, các công cụ thường áp dụng trong QLTHVB. Giới thiệu các bài học kinh nghiệm QLTHVB trên thế giới và thực trạng hoạt động QLTHVB ở Việt Nam.

- **Về kỹ năng:** Cung cấp kỹ năng liên quan tới việc áp dụng các công cụ trong quá trình thực hiện QLTHVB; các phương pháp và kỹ năng trong xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB; kỹ năng phân vùng chức năng vùng bờ biển,...

- **Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

+ Chương 1: Giới thiệu chung về các khái niệm cơ bản liên quan: đường bờ biển, đới bờ biển, vùng bờ biển, các thuộc tính cơ bản của đới bờ và vùng bờ, khái niệm vùng bờ quản lý và ranh giới QLTHVB; Bản chất các hệ thống tài nguyên vùng bờ, cách tiếp cận hệ thống trong quản lý vùng bờ; phát triển bền vững và phát triển bền vững vùng bờ. Trong chương này còn đề cập đến nhu cầu quản lý và QLTHVB. Phân tích tầm quan trọng của vùng bờ, các thách thức và bối cảnh kinh tế-xã hội, thể chế-chính sách quản lý vùng bờ và xác định các vấn đề bức xúc/ưu tiên quản lý của vùng bờ.

+ Chương 2: Lập kế hoạch QLTHVB đề cập đến bản chất sử dụng đa ngành và bối cảnh quản lý; các nguyên tắc trong lập kế hoạch QLTHVB; phân biệt khái niệm quản lý theo ngành và QLTHVB; các mục tiêu và nguyên tắc chỉ dẫn QLTHVB; Lập kế hoạch QLTHVB.

+ Chương 3: Các công cụ hỗ trợ QLTHVB bao gồm công cụ quản lý thông tin, công cụ phân tích đánh giá tiến độ và công cụ quy hoạch quản lý.

+ Chương 4: Tổng quan về QLTHVB ở Việt Nam, những tiềm năng thách thức và áp dụng QLTHVB ở Việt Nam. Phần cuối nêu lên một số ví dụ điển hình, những bài học về QLTHVB trên thế giới.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Chua Thia-Eng (2006). *The Dynamics of Integrated Coastal Management: Practical Applications in the Sustainable Coastal Development in East Asia*. GEF/UNDP/IMO PEMSEA.

2. Tổng cục Biển và Hải đảo (2012). *Tiếp cận và thực hiện Quản lý tổng hợp vùng bờ*.

3. Đại học Nha Trang (2011). *Quản lý tổng hợp vùng ven biển (Giáo trình)*.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Nguyễn Bá Quý (2002). *Quản lý tổng hợp vùng bờ*. Đại học Thủy Lợi - Đại học Delft.

2. Lê Đức Tổ (2005). *Quản lý biển*. NXB Quốc gia Hà Nội..

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☒	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đến lớp đầy đủ, nghiêm túc tham gia tất cả các hoạt động trong buổi học
- Hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
- Chủ động tìm hiểu tham khảo thêm tài liệu, xây dựng phát biểu trong giờ học
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Tiết)	
	LT	BT, TL	KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. NHU CẦU QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ	5	2	0	7	21	Đọc TLC 1, chương 1; Đọc TLC 2, chương 1.
1.1. Các đặc điểm của vùng bờ 1.1.1. Một số khái niệm liên quan 1.1.2. Các quá trình tự nhiên vùng bờ	1			1	3	
1.2. Tài nguyên vùng bờ 1.2.1. Sinh vật 1.2.2. Phi sinh vật 1.2.3. Nhân văn	1	1		2	6	
1.3. Tầm quan trọng về kinh tế và môi trường của vùng bờ 1.3.1. Cảng biển - giao thông 1.3.2. Khai thác khoáng sản và dầu mỏ 1.3.3. Du lịch và giải trí 1.3.4. Thủy sản 1.3.5. Các ngành khác	1			1	3	
1.4. Các vấn đề vùng bờ 1.4.1. Ô nhiễm 1.4.2. Suy giảm tài nguyên và mất dần hệ sinh thái 1.4.3. Thiên tai và sự cố 1.4.4. Biến đổi khí hậu và nước biển dâng 1.4.5. Bùng nổ dân số và đô thị hóa 1.4.6. Mâu thuẫn trong sử dụng tài nguyên và môi trường vùng bờ	1	1		2	6	
1.5. Các cách tiếp cận quản lý vùng bờ 1.5.1 Quản lý từ trên xuống 1.5.2. Quản lý từ dưới lên 1.5.3. Quản lý dựa vào cộng đồng 1.5.4. Quản lý dựa vào hệ sinh thái 1.5.5. Đồng quản lý	1			1	3	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Tiết)	
	LT	BT, TL	KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 2. LẬP KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ	5	2	1	8	24	Đọc TLC 1, chương 3; Đọc TLC 2, chương 2.
2.1. Phát triển bền vững 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Quá trình hình thành 2.1.3. Nguyên tắc PTBV	1			1	3	
2.2. Khái niệm và lịch sử phát triển QLTBVB 2.2.1. Các định nghĩa 2.2.2. Lịch sử phát triển 2.2.3. Phân định ranh giới QLTHVB	1			1	3	
2.3. Một số nguyên tắc trong lập kế hoạch QLTHVB	1			1	3	
2.4. Các mục tiêu của QLTHVB	1			1	3	
2.5. Lập kế hoạch QLTHVB 2.5.1. Chu trình 4 bước Delft 2.5.2. Chu trình 6 bước PEMSEA	1	2		3	9	
Kiểm tra chương 1 & 2			1	1	3	
Chương 3. CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ QLTHVB	5	2	0	7	21	Đọc TLC 1, chương 6; Đọc TLC 3, chương 3.
3.1. Công cụ phân tích thông tin 3.1.1. Hồ sơ vùng bờ 3.1.2. Đánh giá nhanh môi trường vùng bờ (RACE) 3.1.3. Đánh giá rủi ro môi trường 3.1.4. Phương pháp đánh giá năng lực chịu tải 3.1.5. Hệ thống thông tin tổng hợp (IIMS) 3.1.6. Chương trình quan trắc môi trường tổng hợp 3.1.7. Đánh giá tác động môi trường (EIA)	2	1		3	9	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Tiết)	
	LT	BT, TL	KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.2 Công cụ quản lý 3.2.1. Chiến lược vùng bờ 3.1.2. Quy hoạch sử dụng biển 3.1.3. Kế hoạch truyền thông/giáo dục 3.1.4. Lượng giá kinh tế 3.1.5. Hợp tác công tư trong đầu tư môi trường 3.1.6. Cơ cấu tổ chức thực hiện 3.1.7. Cơ chế tài chính bền vững	3	1		4	12	
Chương 4. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ TỔNG HỢP VÙNG BỜ VIỆT NAM	5	2	1	8	24	Đọc TLC 2, chương 3. Đọc TLC 3, chương 4
4.1. Hiện trạng quản lý vùng bờ tại Việt Nam	1			1	3	
4.2. Nhu cầu quản lý tổng hợp vùng bờ tại Việt Nam	1			1	3	
4.3. Các nguyên tắc cơ bản về quản lý tổng hợp vùng bờ ở Việt Nam	1			1	3	
4.4. Tổ chức thực hiện QLTHVB tại Việt Nam	1	1		2	6	
4.5. Một số dự án điển hình QLTHVB trên thế giới 4.5.1. Hà Lan 4.5.2. Hạ Môn, Trung Quốc 4.5.3. Philippines	1	1		2	6	
Kiểm tra chương 3 & 4			1	1	3	
Cộng	20	08	02	30	90	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Quản lý tổng hợp tài nguyên nước lưu vực sông

Tiếng Anh: Integrated Water River Basin Management

- Mã học phần: TNNM2651

- Số tín chỉ: 03 TC

- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☒	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Địa lý tài nguyên và môi trường

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 29 tiết

Bài tập: 13 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 0

Kiểm tra: 03 tiết

Thời gian tự học: 90 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài nguyên nước mặt, Khoa Tài nguyên nước

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

Về kiến thức: Sinh viên tổng hợp được các kiến thức cơ bản về lưu vực sông, quản lý lưu vực sông đặc biệt là quản lý tài nguyên nước, các giải pháp để quản lý tổng hợp lưu vực sông.

Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng được các kiến thức, sự hiểu biết về lưu vực và quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông, áp dụng các chủ chương, chính sách và các giải pháp quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Khái niệm cơ bản về quản lý tổng hợp lưu vực sông.
- Quản lý tài nguyên nước lưu vực sông.
- Các giải pháp về quản lý tài nguyên nước.
- Pháp luật chính sách trong quản lý lưu vực sông.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Nguyễn Văn Thắng và Phạm Thị Ngọc Lan (2010) *Giáo trình Quản lý tổng hợp lưu vực sông*. NXB Nông nghiệp.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. *Quản lý sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước trên lưu vực sông Mã*, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, năm 2008.

2. Nghị định 120/2008/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ về quản lý lưu vực sông

3. Trần Thanh Xuân(2012), *Tài nguyên nước các lưu vực sông chính ở Việt Nam*, NXB Nông nghiệp.

4. Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.

5. Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 số 55/2014/QH13.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☒	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☐	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghe giảng và hướng dẫn bài tập.
- Đọc trước tài liệu trước khi lên lớp,
- Hiểu và tích cực thảo luận để nắm vững lý thuyết sau đó làm bài tập.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
MỞ ĐẦU	1			1		
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ SÔNG VÀ TÀI NGUYÊN LƯU VỰC SÔNG	7	3		10		Đọc TLC [1]. Tr 13 – 58
1.1. Khái niệm về sông và lưu vực sông	1			1		
1.2. Các tài nguyên trên lưu vực sông	1					
1.3. Thành phần, chức năng của sông và lưu vực sông	1	1		1		
1.4. Các đặc trưng cơ bản lưu vực sông	1			1		
1.4. Vai trò của vòng tuần hoàn nước	1			1		
1.5. Các đối tượng khai thác tài nguyên lưu vực sông	1			1		
1.6. Khái niệm phát triển bền vững	1			1		
Bài tập		2		2		
CHƯƠNG 2. QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN NƯỚC LƯU VỰC SÔNG	10	5	1	16		Đọc TLC [2]. Tr 20 – 47
2.1. Khái niệm quản lý tổng hợp tài nguyên lưu vực sông	1			1		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.2. Lịch sử phát triển quản lý tổng hợp lưu vực	1			1		
2.1. Nguyên tắc quản lý lưu vực sông	1			1		TLĐT [2]
2.2. Nội dung quản lý quản lý tài nguyên nước trên lưu vực sông	1			1		TLĐT [2]
2.4 Phòng tránh giảm nhẹ thiên tai	1			1		
2.5. Bảo vệ môi trường nước lưu vực sông	1	1		2		
2.6 Sử dụng hiệu quả và bảo vệ nguồn nước	1	1		2		
2.7. Quản lý tổng hợp tài nguyên nước dựa vào cộng đồng	1			1		
2.6. Mô hình quản lý lưu vực sông	2			2		Đọc TLC [1]. Tr 137 – 168
2.6.1. Trên thế giới	1			1		
2.6.2. Tại Việt Nam	1			1		
Bài tập thảo luận		3		3		
Kiểm tra chương 1 + 2			1	1		
CHƯƠNG 3. CƠ CHẾ VÀ CHÍNH SÁCH TRONG QUẢN LÝ TỔNG HỢP TÀI NGUYÊN NƯỚC LƯU VỰC SÔNG	9	3		12		
3.1 Hệ thống các văn bản ban hành	3	0	0	3		Đọc TLC [1]. Tr 113 – 135
3.1.1. Luật môi trường	1			2		Đọc TLĐT [5]
3.1.2. Luật tài nguyên nước	1			1		Đọc TLĐT [4]
3.1.3 Các nghị định thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước	1			1		Đọc TLC [1]. Tr 146 – 160
3.2. Các văn bản liên quan đến chất lượng nước lưu vực sông	1					
3.3. Vai trò các cơ quan trong quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên lưu vực sông	3			1		
3.3.1. Cấp trung ương	1					
3.3.2. Cấp địa phương	1					
3.3.3 Vai trò các bộ liên quan	1					
3.4. Cơ chế phối hợp trong quản lý lưu vực sông	1			1		
3.5. Vai trò của cộng đồng trong quản lý tài nguyên lưu vực sông	1			1		
3.5. Bài tập thảo luận		3		3		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CHƯƠNG 4 ỨNG DỤNG THỰC TIỄN TRONG QUẢN LÝ TỔNG HỢP LƯU VỰC SÔNG	3	2	2	7		Đọc TLC [1]
4.1. Quản lý tài nguyên nước lưu vực sông Mã	1			1		
4.2 Quản lý tài nguyên nước lưu vực sông Nhuệ Đáy	1			1		
4.2 Quản lý tài nguyên nước lưu vực sông Vu Gia Thu Bồn	1			1		
Bài tập thảo luận		2		2		
Kiểm tra chương 3+4			2	2		
Cộng	29	13	3	45		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Thực tập tốt nghiệp**
 - + Tiếng Anh: **Graduation practice**
- Mã học phần: MTQM2723
- Số tín chỉ: 04
- Đối tượng học: Hệ đại học, Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hoàn thành tất cả các môn học trong chương trình đào tạo trừ học phần Thực tập tốt nghiệp, Đồ án tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế đồ án tốt nghiệp.
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động thực tập: 8 tuần (40 ngày)
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Môi trường (Tất cả các bộ môn trong khoa)

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức:

+ Sinh viên củng cố được các kiến thức lý thuyết về các lĩnh vực: Hệ thống văn bản pháp luật và chính sách về quản lý tài nguyên và môi trường trong công tác tổ chức quản lý ở các cấp quản lý từ TW đến địa phương về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; ứng dụng các công cụ quản lý môi trường tại các khu vực cụ thể (Khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, các vùng sinh thái đặc thù) hay quản lý các thành phần môi trường cụ thể như: đất, nước, không khí...; điều tra, quy hoạch, bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý, xây dựng khu bảo tồn và vườn quốc gia

+ Sinh viên làm quen với các công việc thực tế liên quan đến các kiến thức đã được đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực, ngành đào tạo và các hướng chuyên sâu.

- *Về kỹ năng:*

+ Sinh viên rèn luyện được các kỹ năng chuyên môn cần thiết: tìm, đọc tài liệu, nghiên cứu khoa học, làm việc thực tế.

+ Sinh viên rèn luyện được khả năng lập luận, tư duy, phân tích, khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong thực tiễn về các lĩnh vực chuyên ngành đã được đào tạo tại cơ sở thực tập

+ Sinh viên củng cố và rèn luyện các kỹ năng đã học về chuyên môn: Áp dụng hệ thống cơ sở pháp luật và chính sách nhà nước về tài nguyên và môi trường trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường từ Trung ương tới địa phương như: Xây dựng chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường cho một khu vực, cơ quan, doanh nghiệp; sử dụng các công cụ quản lý môi trường nhằm giám sát, kiểm soát và quản lý môi trường hiệu quả; Tư vấn hoặc trực tiếp thực hiện được các thủ tục hành chính liên quan tới bảo vệ môi trường mà doanh nghiệp phải tuân thủ theo các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường như: xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường, các loại giấy phép môi trường,; lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra đánh giá, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo các tiêu chuẩn ISO 14000, áp dụng sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm; Quản lý, khai thác và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên sinh vật bằng công cụ quản lý tài nguyên và môi trường; có khả năng quy hoạch, quản lý tổng hợp các nguồn tài nguyên thiên nhiên: đất ngập nước, rừng, và đa dạng sinh học; Ứng dụng mô hình hóa môi trường, công nghệ thông tin trong quản lý tài nguyên và môi trường như: Phân tích đánh giá diễn biến chất lượng môi trường, quy hoạch, phân vùng quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường theo hướng bền vững.

+ Sinh viên thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, sử dụng các phần mềm tin học liên quan đến chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) để đọc, hiểu các tài liệu chuyên môn

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tuân thủ các quy định làm việc trong các cơ sở thực tập có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành Pháp luật của Nhà nước;

có phẩm chất đạo đức tốt, năng động, tư duy sáng tạo, nhiệt tình và có trách nhiệm cao trong công việc. Thường xuyên học tập, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Xây dựng chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường, thanh tra, kiểm tra giám sát môi trường; Hoàn thành các hồ sơ, thủ tục môi trường, công tác an toàn sức khỏe và lao động, quản lý môi trường doanh nghiệp theo hệ thống tiêu chuẩn; Sử dụng các nhóm công cụ quản lý môi trường để xây dựng đề án bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường; phân tích, tổng hợp đánh giá thực trạng công tác quản lý đa dạng sinh học, đề xuất được giải pháp bảo tồn, phát triển bền vững tài nguyên đa dạng sinh học; điều tra, đánh giá đa dạng sinh học, quản lý đa dạng sinh học, giảm thiểu suy thoái đa dạng sinh học, quản lý bền vững các hệ sinh thái ở nước ta như HST rừng, HST biển, HST đất ngập nước; tổ chức các mô hình quản lý tài nguyên bền vững dựa vào cộng đồng,....

4. Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 1415/QĐ-TĐHHN ngày 03/06/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành Quy định việc quản lý, tổ chức thực tập tốt nghiệp.

2. Các thông báo, hướng dẫn của Khoa Môi trường

3. Các tài liệu tham khảo tùy theo đối tượng thực tập

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thực hiện theo quy trình hướng dẫn ở Điều 5, Quyết định số 1415/QĐ-TĐHHN ngày 3/6/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành Quy định việc quản lý, tổ chức thực tập tốt nghiệp

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Theo hướng dẫn ở điều 5 nêu trên và các văn bản hướng dẫn của khoa
- Tuân thủ hướng dẫn của cơ sở thực tập

Viết báo cáo và báo cáo kết quả thực tập

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

Thực hiện theo quy định mục 5.2.5, Quyết định số 1415/QĐ-TĐHHN ngày 3/6/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành Quy định việc quản lý, tổ chức thực tập tốt nghiệp...

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 01 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☐	☐	☐	☐	☐	☒

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành	Báo cáo thực tập
☐	☐	☐	☐	☒

9. Nội dung chi tiết học phần**9.1. Hướng dẫn thực tập tại trường: phổ biến kế hoạch, giải đáp thắc mắc (1 ngày)****9.2 Thực tập tại cơ sở (36 ngày, thời gian cụ thể từng nội dung theo phân công của cơ sở thực tập, thể hiện trên nhật ký thực tập nộp kèm theo báo cáo)****9.2.1. Làm quen và tìm hiểu cơ cấu tổ chức tại cơ quan thực tập**

9.2.2 Nội dung thực tập: Có thể lựa chọn cơ sở thực tập để thực hiện được các nội dung sau:

- Thực hiện các công việc quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tại các đơn vị quản lý nhà nước;
- Xây dựng và duy trì các hệ thống quản lý chất lượng môi trường; thực hiện công tác an toàn sức khỏe và lao động trong doanh nghiệp; hoàn thiện các hồ sơ thủ tục môi trường trong doanh nghiệp,. tại các doanh nghiệp, ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, bệnh viện
- Thực hiện công tác nghiên cứu, tư vấn về tài nguyên môi trường tại Viện nghiên cứu; Trung tâm tư vấn liên quan lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Ban quản lý vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; Các tổ chức phi chính phủ (NGOs) liên quan tới về sinh kế và môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học...
- Phân tích, đánh giá kết quả (số liệu) các nội dung thực hiện đạt được trong các bước và quá trình thực tập".

9.2.3. Địa điểm thực tập:

- Cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường các cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã)
- Doanh nghiệp, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, bệnh viện:
- Viện nghiên cứu; Trung tâm tư vấn liên quan lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Ban quản lý vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; Các tổ chức phi chính phủ (NGOs) liên quan tới về sinh kế và môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học...

9.2.4 Thu thập số liệu để làm đồ án tốt nghiệp**9.3 Viết báo cáo thực tập (4 ngày)**

Nội dung báo cáo thực tập bao gồm

- Giới thiệu về cơ sở thực tập: Chức năng nhiệm vụ; lĩnh vực hoạt động chính, tổ chức bộ máy của cơ sở thực tập (phân cấp quản lý, quy mô các bộ phận, cơ cấu hoạt động .);
- Các công việc tham gia trong quá trình thực tập (nêu cụ thể và rõ ràng các bước thực hiện cũng như phần công việc tham gia).
- Nhận xét, đánh giá: Báo cáo thực tập ghi đầy đủ nội dung thực tập từng ngày; Báo cáo thực tập phải có nhận xét và đánh giá của giáo viên hướng dẫn và cơ quan quản lý thực tập (có điểm đánh giá, chữ ký người có thẩm quyền và dấu xác nhận).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
Tiếng Việt: Khóa luận tốt nghiệp
Tiếng Anh: Thesis of Graduation
- Mã học phần: MTQM2824
- Số tín chỉ: 06
- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành □			
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học hết các môn trong chương trình đào tạo
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động trên lớp: 8 tuần (40 ngày)
- Bộ môn phụ trách học phần: Khoa Môi trường.

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Đây là khóa luận tốt nghiệp cuối khóa được thực hiện giúp sinh viên tìm hiểu sâu hơn về một trong những phần kiến thức chuyên ngành đã được học. Do vậy sinh viên cần thể hiện cần đạt được tất cả các mục tiêu kiến thức liên quan đến vấn đề nghiên cứu thể hiện trong chuẩn đầu ra của ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường.
- *Về kỹ năng:* Sinh viên rèn luyện kỹ năng tổng hợp kiến thức liên quan đến nội dung nghiên cứu của khóa luận (trình bày, hiểu, phân tích, lập kế hoạch tính toán, áp dụng, sáng tạo.); sinh viên rèn thực hiện được kỹ năng viết, cách trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có làm việc độc lập và nghiêm túc để thực hiện những ý tưởng riêng của mình dưới sự hướng dẫn của các giảng viên, cán bộ chuyên ngành trong và ngoài trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên chuẩn bị đề cương khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ đề cương khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng chuyên môn của tổ bộ môn hoặc khoa, thực hiện khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường, Khoa, Bộ môn chủ quản và giáo viên hướng dẫn.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thực hiện theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành quy định bảo vệ Đồ án tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy
2. Các thông báo, hướng dẫn của Khoa Môi trường
3. Các tài liệu tham khảo tùy theo đối tượng nghiên cứu của từng khóa luận

5. Cách thức triển khai thực hiện khóa luận

Thực hiện theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành quy định bảo vệ Đồ án tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nhận khóa luận và giáo viên hướng dẫn
- Lập đề cương chi tiết, bảo vệ đề cương chi tiết trước bộ môn
- Thu thập cơ sở dữ liệu, thực hiện đề tài, thường xuyên trao đổi, xin ý kiến của giáo viên hướng dẫn theo đúng tiến độ đăng ký
- Nộp báo cáo khóa luận đúng hạn
- Bảo vệ kết quả thực hiện khóa luận trước hội đồng

7. Thang điểm, tiêu chí đánh giá

Thang điểm: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành

Thực hiện theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành quy định bảo vệ Đồ án tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy

8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành quy định bảo vệ Đồ án tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy.

9. Nội dung chi tiết học phần

9.1 Các hướng chính của khóa luận

- Nghiên cứu và áp dụng một số công cụ quản lý môi trường

- Đánh giá tác động môi trường một thành phần môi trường điển hình cho một dự án cụ thể;
- Đánh giá việc tuân thủ/ thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp;
- Đánh giá tác động môi trường, sự cố, thiên tai, biến đổi khí hậu hoặc hoạt động của một doanh nghiệp, nhà máy, khu công nghiệp, bãi chôn lấp, làng nghề....;
- Đánh giá hiện trạng công tác quản lý CTRNH (chất thải thải điện tử, hóa chất BVTN, rác thải y tế, dầu thải...) ở địa phương và đề xuất giải pháp quản lý, xử lý thích hợp;
- Nghiên cứu khả năng áp dụng, xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2010 cho 1 doanh nghiệp cụ thể;
- Nghiên cứu, ứng dụng (mô hình hóa, GIS, viễn thám...) trong quản lý tài nguyên và môi trường;
- Đánh giá công tác quản lý môi trường tại một khu công nghiệp, khu vực nông thôn, làng nghề...
- Nghiên cứu và áp dụng một số công cụ quản lý tài nguyên thiên nhiên phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững
 - Điều tra, thống kê đa dạng sinh học;
 - Lập quy hoạch quản lý, bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên (đất ngập nước, rừng, và đa dạng sinh học) cho một khu vực cụ thể
 - Nghiên cứu giải pháp khai thác và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên sinh vật bằng công cụ quản lý tài nguyên và môi trường;
- Nghiên cứu cơ bản về các kiểm soát ô nhiễm môi trường và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên
 - Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của các độc chất đến sức khỏe con người
 - Nghiên cứu sơ sở khoa học của việc đề xuất biện pháp quản lý, xử lý ô nhiễm , suy thoái môi trường tại các khu công nghiệp, nông thôn, làng nghề, cơ sở sản xuất,...
 - Đánh giá hiện trạng hoạt động của một cơ sở sản xuất, đề xuất xây dựng Chương trình sản xuất sạch hơn cho cơ sở
 - Đánh giá chất lượng môi trường, lập báo cáo hiện trạng môi trường; báo cáo giám sát môi trường; báo cáo tình hình tác động môi trường; báo cáo tác động môi trường
 - Xây dựng bản đồ chuyên đề ô nhiễm các thông số trong các đối tượng môi trường;
 - Đánh giá ảnh hưởng của ÔNMT đến sức khỏe cộng đồng; Đánh giá độc tính của một số độc chất cơ bản trong môi trường;
 - Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội
 - Lượng giá kinh tế tài nguyên môi trường cho một đối tượng cụ thể
 - Nghiên cứu vi sinh vật chỉ thị chất lượng đất, nước không khí

- Nghiên cứu định lượng cacbon tích lũy của rừng nhằm giảm thiểu khí CO₂ góp phần ứng phó với BĐKH;

- Quản lý bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên...

- Xây dựng mô hình quản lý nguồn nước sạch tại các vùng nông thôn, miền núi

9.2 Yêu cầu về hình thức, cấu trúc khóa luận

● Hình thức, cấu trúc khóa luận

- Thực hiện theo Phụ lục 1, Quyết định số 3901/QĐ-TĐHHN ngày 3/12/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành Quy trình bảo vệ Đồ án, Khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên trình độ đại học.

- Số trang tối thiểu: 30 trang, tối đa 60 trang (bắt đầu từ phần mở đầu và không kể tài liệu tham khảo, phụ lục)

● Về nội dung phải thể hiện rõ 4 phần sau:

- Tổng quan về đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các nghiên cứu đã thực hiện về vấn đề chọn nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu: mô tả chi tiết phương pháp thực hiện khóa luận và quá trình thực nghiệm (nếu có)

- Kết quả và thảo luận: Các kết quả thu được trong quá trình thực hiện khóa luận và thảo luận

- Kết luận và kiến nghị: Kết luận ngắn gọn về kết quả thực hiện khóa luận và kiến nghị nếu có

9.3 Tiến trình thực hiện khóa luận

- Sinh viên đăng ký và nhận đề tài nghiên cứu, giáo viên hướng dẫn theo hướng dẫn của Khoa.

- Khoa duyệt danh sách đề tài và giáo viên hướng dẫn theo quy định của Nhà trường.

- Nhà trường ra quyết định phân công giáo viên hướng dẫn và tên đề tài cho sinh viên.

- Sinh viên viết đề cương khóa luận tốt nghiệp theo mẫu của khoa và bảo vệ trước bộ môn.

- Sinh viên thực hiện khóa luận theo đề cương, báo cáo tiến độ với giáo viên hướng dẫn và bộ môn, khoa theo tiến độ đăng ký và ghi chép vào Sổ nhật ký thực hiện khóa luận.

- Sinh viên viết khóa luận và bảo vệ.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Đánh giá vòng đời sản phẩm

Tiếng Anh: Life Cycle Assessment (LCA)

- Mã học phần: MTQM2829

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☒
☐		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Quản lý môi trường, Sản xuất sạch hơn, ISO 14000 và Kiểm toán môi trường

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết : 15,5 tiết

Bài tập : 12,5 tiết

Kiểm tra : 02 tiết

Thời gian tự học : 60 giờ

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý Môi trường, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về đánh giá vòng đời sản phẩm, Áp dụng được các kỹ thuật đánh giá vòng đời sản phẩm được vận dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm đưa ra các định mức phát thải trên sản phẩm hoặc qua từng công đoạn sản xuất. Từ đó giúp doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội sản xuất sạch hơn, xúc tiến cấp nhãn sinh thái cho doanh nghiệp.

- *Về kỹ năng*: Sinh viên áp dụng được công cụ đánh giá vòng đời sản phẩm và ứng dụng cho các trường hợp điển hình.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên có thể vận dụng hiệu quả và thành thạo các bước trong LCA cho các ngành sản xuất cụ thể, có khả năng làm việc độc lập và năng lực thực hành nghề nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu chung về LCA, Các công cụ dùng trong đánh giá vòng đời sản phẩm, Mối quan hệ giữa LCA với các hệ thống quản lý chất lượng môi trường khác, Ứng dụng LCA cho các trường hợp điển hình

4. Tài liệu học tập

1. Mary Ann Curran (2012), *Life Cycle Assessment Handbook*, Scrivener Publishing, LLC and John Wiley & Sons, Inc., 616 pages.
2. Mary Ann Curran (1996), *Environmental life cycle assessment*, Mc Graw-Hill, 436 pages.
3. Guido Sonnemann, Francesc Castells, Marta Schuhmache (2004), *Integrated life-cycle and risk assessment for industrial processes*, Lewis Publishers, 366 pages.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình ☒	Động não ☐	Từng cặp /Chia sẻ ☐	Học dựa trên vấn đề ☒	Hoạt động nhóm ☒
Đóng vai ☐	Học dựa vào dự án ☒	Mô phỏng ☐	Nghiên cứu tình huống ☒	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học trên lớp đầy đủ
- Tham gia làm bài tập và thảo luận
- Tìm hiểu các thông tin liên quan đến bài học trong thư viện, trên mạng internet
- Kiểm tra thường xuyên và thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒	Trắc nghiệm ☐	Thảo luận nhóm ☒	Bài tập lớn ☐	Thực hành ☐	Khác ☐
--	---	---	---	---------------------------------------	----------------------------------

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận



Trắc nghiệm



Vấn đáp



Thực hành



9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ VÒNG ĐỜI SẢN PHẨM	2,5	1,5		4	8	Đọc tài liệu 1, chương 1 Đọc tài liệu 2 chương 1
1.1. Các khái niệm cơ bản	0,5			0,5	1	
1.2. Lịch sử phát triển đánh giá vòng đời sản phẩm	0,5			0,5	1	
1.3. Lợi ích của việc thực hiện đánh giá vòng đời sản phẩm	0,5	0,5		1	2	
1.4. Các công cụ dùng trong đánh giá vòng đời sản phẩm	1	1		2	4	
Chương 2. CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ VÒNG ĐỜI SẢN PHẨM	3	2		5	10	Đọc tài liệu 1, chương 2 Đọc tài liệu 2 chương 2
2.1. Xác định mục tiêu và phạm vi đánh giá	0,5			0,5	1	
2.2. Phân tích kiểm kê	0,5			0,5	1	
2.3 Đánh giá tác động của vòng đời sản phẩm	1			1	2	
2.4 Diễn giải kết quả	1			1	2	
Bài tập chương 2		2		2	4	
Chương 3. MỐI QUAN HỆ GIỮA LCA VỚI CÔNG CỤ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG KHÁC	4	1		5	10	Đọc tài liệu 4, chương 1 Đọc tài liệu 5, chương 2

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.1. Mối quan hệ giữa LCA với sản xuất sạch hơn và cơ chế phát triển sạch	1			1	2	
3.2. Mối quan hệ giữa LCA và nhân sinh thái	1			1	2	
3.3. Mối quan hệ giữa LCA và kiểm toán môi trường	1	0,5		1,5	3	
3.4. Mối quan hệ giữa LCA và kinh tế môi trường	1	0,5		1,5	3	
Chương 4. ỨNG DỤNG LCA CHO MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH	6	8		14	28	Đọc tài liệu 3, chương 4
4.1. Ứng dụng cho công nghiệp sản xuất	2	3		5	10	
4.2. Ứng dụng cho nông nghiệp	2	2		4	8	
4.3. Ứng dụng trong tiêu dùng	2	3		5	10	
<i>Kiểm tra và tổng kết môn học</i>			2	2	4	
Tổng cộng	15,5	12,5	2	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Phân tích, đánh giá thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học

Tiếng Anh: Analysis and Assessment of Policy Implementation in Biodiversity Conservation

- Mã học phần: MTQT2824

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương ☐		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp ☐
		Kiến thức cơ sở ngành ☐		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Sinh thái học, Đa dạng sinh học, Bảo tồn đa dạng sinh học

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết

Nghe giảng lý thuyết: 19 tiết

Thảo luận, hoạt động nhóm: 10 tiết

Kiểm tra: 1 tiết

- Thời gian tự học: 60 tiết

- Bộ môn phụ trách học phần: Quản lý Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Môi trường

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- *Về kiến thức:* Trình bày và phân tích được các khái niệm chung phân tích, đánh giá việc thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học; Biết được trình tự thủ tục trong các bước phân tích, đánh giá thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học ở nước ta; Biết phân tích và đánh giá được vai trò của thực thi chính sách trong bảo tồn

đa dạng sinh học; Biết được tác động tích cực, tiêu cực của các chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam trên cơ sở đó đề xuất và kiến nghị được các giải pháp phục vụ cho quản lý đa dạng sinh học.

- *Về kỹ năng*: Vận dụng kiến thức cơ bản về phân tích, đánh giá việc thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học để hiểu và vận dụng kiến thức trong công tác quản lý bảo tồn đa dạng sinh học, tiếp thu các học phần liên quan như: Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học; Quản lý đa dạng sinh học; Dịch vụ hệ sinh thái, ...

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Có năng lực phân tích vai trò, ý nghĩa của môn học nhằm nâng cao nhận thức của con người về công tác quản lý đa dạng sinh học, và hiệu quả của thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

- Tổng quan về phân tích, đánh giá việc thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học: Khái niệm phân tích, đánh giá chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học; Trình tự, thủ tục trong phân tích đánh giá việc thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học; Các chỉ tiêu trong phân tích, đánh giá việc thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học;
- Các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học Đa dạng sinh học ở Việt Nam: Luật Đa dạng sinh học, Luật Lâm nghiệp, Luật Thủy sản; Các nghị định và thông tư của các bộ ngành liên quan đến công tác bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam;.
- Việc phân tích, đánh giá việc thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học nhằm rút ra những mặt tích cực, thành công và điểm hạn chế của việc thực thi các chính sách hiện tại trong bảo tồn đa dạng sinh học, để rút ra các đề xuất và kiến nghị sửa đổi chính sách cho phù hợp phục vụ cho công tác quản lý.

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Lê Mạnh Dũng (2010), Giáo trình Đa dạng sinh học, NXB Nông nghiệp.
2. Luật đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 13/11/2008, NXB Hồng Đức.
3. Bộ Tài nguyên và môi trường (2011), Báo cáo quốc gia về đa dạng sinh học.

4.2. Tài liệu đọc thêm (TLĐT)

1. Per Angelstam(2003). Two-dimensional Gap Analysis: A Tool for Efficient Conservation Planning and Biodiversity Policy Implementation
2. Udisha Ghosh(2015). Biodiversity Act, 2002: An Analysis.

3. Phạm Bình Quyền (2003), Đa dạng sinh học, ĐH Quốc gia Hà Nội.
4. Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ban hành ngày 15/11/2017
5. Luật thủy sản số 18/2017/QH14 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 2/11/2017.

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp /Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☐	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Học tập trên lớp: thảo luận và nghe giảng
- Học nhóm; Tự học, tự đọc, tra cứu tài liệu theo nội dung mà giáo viên yêu cầu,
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

- Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☒	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

- Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC THI CHÍNH SÁCH TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	6			6	12	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1.1. Một số khái niệm 1.1.1. Khái niệm chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học 1.1.2. Thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học 1.1.3. Phân tích, đánh giá chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học	1			1	2	Đọc TLC 1,2;TLĐT1
1.2. Đặc điểm, mục tiêu, biện pháp của chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học 1.2.1. Đặc điểm của Chính sách 1.2.2. Mục tiêu của Chính sách 1.2.3. Biện pháp của Chính sách	1			1	2	Đọc TLC 1, 2; TLĐT1
1.3. Chủ thể đối tượng của Chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học 1.3.1. Chủ thể của Chính sách gồm: Các các nhân tố chức tham gia vào quá trình Chính sách 1.3.2. Đối tượng của Chính sách 1.3.3. Vai trò của công cụ Chính sách	2			2	4	Đọc TLC 1, 2, 3; TLĐT1, 4, 5
1.4. Chu trình của Chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học	1			1	2	Đọc TLC 1, 2; TLĐT1
1. 5. Phân loại Chính sách trong bảo tồn ĐDSH (tiêu chí phân loại Chính sách : Chính sáchkinh tế, xã hội, văn hóa, ...) 1.5.1. Theo chủ thể ban hành(Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tỉnh, huyện...) 1.5.2. Theo tính chất ứng phó của chủ thể 1.5.3. Theo thời gian thực hiện ngắn hạn, trung hạn, dài hạn...	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3, TLĐT1, 4, 5
Chương 2. PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	5		2	7	14	Đọc TLC 1, 2;

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.1. Tầm quan trọng của phân tích Chính sách	0.5			0.5	1	Đọc TLC 1, 2, 3, TLĐT1, 3,4
2.2. Chức năng của phân tích Chính sách	0.5			0.5	1	
2.3. Các yêu cầu của phân tích Chính sách	1			1	2	
2.4. Quy trình phân tích Chính sách	1		1	1	2	
- Xây dựng kế hoạch phân tích						
- Tổ chức công tác phân tích						
- Kiểm tra quá trình phân tích						
- Đề xuất, thẩm định và lập báo cáo						
2.5. Các yếu tố ảnh hưởng kết quả phân tích	1		1	2	4	
- Yếu tố chính trị						
- Yếu tố kinh tế xã hội						
- Yếu tố năng lực và trình độ phân tích						
- Yếu tố quan hệ quốc tế						
2.6. Phân tích tính hệ thống của Chính sách	1			1	2	
- PT tính hệ thống của mục tiêu						
- PT tính hệ thống của biện pháp, thực thi, hiện thực...						
Chương 3. ĐÁNH GIÁ THỰC THI CHÍNH SÁCH TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	5		1	6	12	Đọc TLC 1, 2, ; TLĐT 2, 3
3.1. Khái niệm	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, ;
3.2. Vai trò của đánh giá Chính sách trong bảo tồn ĐDSH	1			1	2	Đọc TLC 1, 2;
- Khẳng định tính khả thi						
- Chỉ ra những hạn chế						
- Đo lường hiệu quả sử dụng nguồn lực						
- Cơ sở để hoạch định và tổ chức thực thi Chính sách						
3.3. Các yêu cầu của đối với việc đánh giá Chính sách trong bảo tồn ĐDSH	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, TLĐT 3,4, 5
- Toàn diện						
- Kịp thời						
- Khách quan						
- Tổng hợp						

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	BT	TL,KT	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
3.4. Quy trình đánh giá Chính sách trong bảo tồn ĐDSH - Xác định yêu cầu, nội dung, phương pháp đánh giá - Dự kiến chủ thể đánh giá - Tiến hành đánh giá - Sử dụng kết quả đánh giá	1		1	2	4	Đọc TLC 1, 2,3;
3.5. Tiêu chuẩn của một Chính sách trong bảo tồn ĐDSH tốt - Hướng tới mục tiêu phát triển chung - Tạo ra nguồn động lực mạnh - Phù hợp với tình hình thực tế - Có tính khả thi cao - Đảm bảo tính hợp lý - Mang lại hiệu quả cao cho đời sống xã hội	1			1	2	Đọc TLC 1, 2, 3
Kiểm tra			1	1	2	
Chương 4. CHÍNH SÁCH TRONG BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC Ở VIỆT NAM	3		7	10	20	
4.1.Giới thiệu các chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam(luật, nghị định, thông tư, quyết định liên quan...) 4.1.1. Luật Đa dạng sinh học 4.1.2. Luật Lâm nghiệp 4.1.3. Luật Thủy sản	1		2	4	8	Đọc TLC 2, 3,4; TLĐT 1, 2
4.2. Một số Nghị định và Thông tư, văn bản liên quan....	1			1	2	
4.3. Thực hành phân tích, đánh giá thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam	1		5	6	12	Đọc TLC 1, TLĐT 1, 2
Cộng	19		11	30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

Tiếng Việt: Lập các báo cáo trong hoạt động khoáng sản

Tiếng Anh: Reporting in Mineral Activities

- Mã học phần: ĐCQT2851

- Số tín chỉ: 02 TC

- Đối tượng học: Hệ đại học, hình thức vừa làm vừa học, ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ☒				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
		Kiến thức cơ sở ngành □		Kiến thức ngành ☒		
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở địa lý tài nguyên và môi trường

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30

Nghe giảng lý thuyết : 26

Bài tập : 02

Kiểm tra : 02

- Thời gian tự học : 60

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản lý tài nguyên khoáng sản, Khoa Địa chất

2. Mục tiêu của học phần

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

- **Về kiến thức:** Sinh viên thu nhận được các thông tin văn bản pháp luật cơ bản được cập nhật gần đây nhất liên quan đến công tác lập báo cáo địa chất các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và hoạt động thăm dò khoáng sản.

Cập nhật các thông tin mới nhất về hiện trạng công tác lập báo cáo địa chất liên quan đến hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản.

Tổng hợp các thể thức trình bày, nội dung chính và quy trình công tác lập báo cáo địa chất.

- **Về kỹ năng:** Sinh viên có thể lập báo cáo trên cơ sở kiến thức, kinh nghiệm thực tế của môn học sao cho hình thức và nội dung báo cáo thể hiện được kết quả tài liệu thực tế và luận giải khoa học, đề xuất tham mưu phát triển khoáng sản; kỹ năng tìm kiếm, đọc tài liệu, tự học và nêu các vấn đề cần tìm hiểu thêm trên lớp; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm:

Học phần gồm có 3 chương như sau:

Chương 1: Các vấn đề chung

Chương 2: Hướng dẫn lập báo cáo điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản

Chương 3: Hướng dẫn lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản

4. Tài liệu học tập

4.1. Tài liệu chính

[1]. Nguyễn Thị Thục Anh, 2016. Giáo trình hướng dẫn viết báo cáo địa chất, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà nội.

4.2. Tài liệu đọc thêm

[2]. Luật số 60/2010/QH12 của Quốc hội : Luật khoáng sản

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

Thuyết trình	Động não	Từng cặp / Chia sẻ	Học dựa trên vấn đề	Hoạt động nhóm
☒	☒	☐	☐	☒
Đóng vai	Học dựa vào dự án	Mô phỏng	Nghiên cứu tình huống	Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập
☐	☐	☐	☒	☐

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Chính sách đối với môn học: Tạo mọi sự thuận lợi cần thiết để phục vụ công tác giảng dạy và học tập trên lớp; Chia các nhóm học tập để truyền tải nội dung và yêu cầu chuẩn bị bài, tài liệu, thông tin giữa giảng viên tới nhóm, từ nhóm tới từng thành viên; Trong quá trình học tập, giảng viên sẽ có chính sách khen thưởng và kỷ luật tuân thủ theo quy chế; Lựa chọn các sinh viên có năng lực, có trách nhiệm và có ý thức tự giác để ưu tiên nghiên cứu khoa học, gửi về các cơ sở tiếp nhận thực tập, tiếp nhận tuyển dụng sau này.

Các yêu cầu và kỳ vọng đối với môn học:

Yêu cầu đọc tài liệu đã ghi rõ trong đề cương môn học trước khi đến lớp: Yêu cầu về giáo trình, vở, sổ viết, ghi chép nội dung giảng viên yêu cầu ghi hoặc sinh viên tự ghi nhận sao cho hiểu và nhớ nội dung bài giảng.

Về hình thức đánh giá: Gồm kiểm tra đột xuất bằng viết, trả lời câu hỏi, tiểu luận, thuyết trình và kiểm tra cuối kỳ.

Về tài liệu học thêm: Giảng viên sẽ hướng dẫn sinh viên tới thư viện nhà trường để tham khảo, mua hoặc theo chỉ dẫn của thư viện để có đủ tài liệu học tập.

Phương tiện và đạo cụ giảng dạy: Nhà trường trang bị đủ thiết bị như đèn, projector, phích cắm điện, vệ sinh phòng học, không gian thoáng, không ồn ào do tác động bên ngoài.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 70%.

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học phần

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

Hình thức đánh giá:

Tự luận	Trắc nghiệm	Thảo luận nhóm	Bài tập lớn	Thực hành	Khác
☒	☐	☐	☐	☐	☐

8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

Hình thức thi:

Tự luận	Trắc nghiệm	Vấn đáp	Thực hành
☒	☐	☐	☐

9. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1. Các vấn đề chung	3				3	6	

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.1. Hệ thống văn bản pháp luật về hoạt động khoáng sản. 1.2. Hiện trạng điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản. 1.3. Định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng. 1.4. Khái niệm và phân loại báo cáo địa chất. 1.5. Quy trình thực hiện các nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất và thăm dò khoáng sản. 1.6. Hình thức, quy cách báo cáo địa chất. 1.7. Quy trình lập báo cáo địa chất.							Đọc TL (1) trang 9 - 55
Chương 2. Hướng dẫn lập báo cáo điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản	14	1	1		16	32	
2.1. Quy định chung theo luật khoáng sản. 2.2. Quy định chung theo luật tài nguyên nước. 2.3. Vận dụng quy chuẩn quốc gia về lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền và các đảo nổi (QCVN49:2012/BTNMT). 2.4. Quy định về công tác đánh giá khoáng sản. 2.5. Quy định tạm thời nội dung chủ yếu của công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên và khoáng sản rạn đới biển nông ven bờ (0-30m nước). 2.6. Nội dung công tác điều tra - đánh giá tài nguyên nước dưới đất. 2.7. Nội dung báo cáo thuyết minh đo vẽ lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000.							Đọc TL (1) trang 55 - 119
Kiểm tra			1		1		
Chương 3. Hướng dẫn lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản	9	1	1		11	22	
3.1. Đề án thăm dò khoáng sản 3.2. Báo cáo kết quả thăm dò 3.3. Báo cáo kết quả thăm dò nước khoáng							Đọc TL (1)

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	BT	TL, KT	TH	Tổng cộng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.4. Báo cáo kết quả thăm dò nước dưới đất							trang 119 - 158
Kiểm tra			1				
Cộng	26	2	2		30	60	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành.